



NIỆM PHẬT PHÁP YẾU

Cư sĩ Dịch Viên Mao Lăng Vân cung kính sưu tập

Niệm Phật Pháp Yếu, trang 1

Phật Lịch 2546 -2002

NIỆM PHẬT PHÁP YẾU 念佛法要

Cư sĩ Dịch Viên Mao Lăng Vân
cung kính sưu tập
(惕園毛凌雲敬緝)

Chuyển ngữ:
Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
(theo bản in năm 2002 của Tịnh Tông Học Hội
Dallas, TX)

Lời Tựa

Con người có cùng một tâm, nhưng ai nấy ưa thích khác nhau. Do ưa thích khác nhau nên tạo nghiệp sai khác, nhưng đều bận rộn tạo nghiệp như nhau. Kẻ thích giết chóc, tà dâm, trộm cướp, dối trá thuần là ác nghiệp. Kẻ ham công danh, học thuật thì hoặc là tạo ác hay làm lành. Chỉ có kẻ ưa làm điều lành ham bố thí là thuần thiện nghiệp. Tùy lòng ưa thích, ai nấy niệm niệm bận rộn tạo tác chẳng ngại cho đến chết mới thôi, nhưng tâm với nghiệp vẫn chưa dứt.

Cổ đức nói: *“Muôn thứ đều bỏ hết, chỉ mỗi nghiệp theo thân”*. Theo nghiệp thọ báo: kẻ thiện sanh trong các đường lành trời, người, hết phước lại đọa xuống, khó được mà dễ mất; kẻ ác đọa trong các đường ác: ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục... trong thời gian lâu dài, chịu khổ nặng nề, dễ vào, khó ra. Luân hồi sáu nẻo chẳng lúc nào ngơi!

Đấy đều là vì nhất niệm bất giác, mê chơn đuổi theo vọng, phát khởi mê hoặc, tạo nghiệp chịu khổ vô cùng.

Nếu một niệm mà giác ngộ thì sẽ niệm Phật, tâm ấy tương hợp tâm Phật, chuyển nghiệp đoạn hoặc, phản vọng quy chơn, viên thành Phật đạo, chứ chẳng phải chỉ nhanh chóng sanh về Cực Lạc, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi mà thôi đâu! Nếu có ai đã hiểu được lý này mà chẳng chịu niệm Phật thì thật là không bao giờ có!

Có ba cách niệm Phật:

1. Một là chuyên niệm Tự Phật, tức là Thật Tướng Niệm Phật như trong các kinh dạy: Dùng trí Bát Nhã chiếu soi Uẩn, Nhập, Xứ, Giới, các pháp đều là không, chứng đắc tánh Chơn Như màu nhiệm mình sẵn có; cũng giống như phép Chỉ Quán của tông Thiên Thai, cách tham cứu hướng thượng của Thiền tông v.v... Đó là niệm đức Phật mình sẵn có nơi tự tánh vậy.

Chơn lý ấy quá sâu, thật chẳng dễ tu hành vì chỉ cậy vào Tự Lực, hoàn toàn không có Tha Lực giúp đỡ. Nếu chẳng phải là hạng túc căn thành thực thì chỉ giải ngộ không thôi đã cực khó, huống hồ là thực chứng nổi!

2. Hai là chuyên niệm Tha Phật. Cần phải có lòng tin sâu dày, tâm nguyện thiết tha thì mới cảm ứng đạo giao với Phật, mới được Phật tiếp dẫn vãng sanh Cực Lạc, một đời thành Phật.

Cách tu này lại gồm có ba phương pháp:

a. Một là Quán Tưởng Niệm Phật, tức là quán tưởng theo như Quán kinh đã dạy: hoặc là chuyên quán tướng bạch hào, hoặc chỉ

quán thân Phật cao một trượng sáu, hoặc quán Pháp Thân to lớn. Nhưng [xét ra] chúng sanh huệ cạn, quán cảnh vi tế mà tâm lại thô thấp nên quán pháp khó thành tựu.

b. Hai là Quán Tượng Niệm Phật, tức là quán hình tượng Phật, tâm thường hệ niệm. Nhưng chúng sanh chướng nặng nên hễ rời tượng ra thì sự hệ niệm liền bị gián đoạn.

c. Chỉ có mỗi cách thứ ba là Trì Danh Niệm Phật tức là nhất tâm chuyên niệm thánh hiệu của đức Phật A Di Đà, hạ thủ dễ dàng, thành công mau chóng. Chỉ cần thâm tóm sáu căn, tịnh niệm liên tục, niệm đến khi toàn bộ tâm là Phật, toàn thể Phật là tâm, ngoài tâm không có Phật, ngoài Phật chẳng có tâm, tâm lẫn Phật cùng hiển lộ mà cũng lại cùng mất cả thì diệu lý Thật Tướng sẽ hiển lộ toàn thể, y báo, chánh báo cõi Tây Phương sẽ phô bày trọn vẹn.

Đây chính là Trì Danh mà có thể thâm đạt Thật Tướng, chẳng cần phải tu Quán mà thấy thấu tốt cõi Tây Phương; hiện tại đã chứng được Niệm Phật tam muội, lúc lâm chung quyết định vãng sanh Thượng Phẩm.

Nếu căn cơ yếu kém, chưa thể làm được như vậy thì cứ dùng tín nguyện trì danh như con nhớ mẹ, niệm luôn luôn không gián đoạn cho đến lúc lâm chung thì quyết sẽ nhờ vào sức từ bi của Phật, được mang nghiệp đi vãng sanh.

Pháp Trì Danh này phổ độ khắp các căn cơ, lợi ích sâu rộng, thật ích lợi cho kẻ độn căn thời Mạt Pháp, phơi bày trọn vẹn bản hoài xuất thế của đức Như Lai. Vì thế, vạn người tu, vạn người vãng sanh.

3. Ba là kiêm niệm tự tha Phật, tức là Thiên Tịnh Song Tu. Nếu ai có đủ tín nguyện cầu sanh thì tham Thiên chính là hạnh Tịnh Độ, hễ có nghi thì tham Thiên, không nghi thì niệm Phật, tự châm chước cách hạ thủ công phu.

Nếu chuyên tham cứu câu “*người niệm Phật là ai?*” để mong mình tâm kiên tánh, chẳng màng đến tín nguyện cầu sanh thì đúng là có Thiên nhưng không Tịnh. Nếu như có chút tư tức hoặc nghiệp nào chưa đoạn sạch thì sẽ bị đi theo nghiệp, không cách nào thoát khỏi nổi! Vì thế, cách này chẳng bằng được với cách chuyên trì danh hiệu, thâm nhập một môn!

Tôi do thiện nghiệp xa xưa nào mà nay được mang thân người, tuy ham thích chuyện vô ích, tạo nghiệp vô lượng; nhưng trong mạng sống thừa cuối kiếp này lại được Phật quang chiếu đến, bạn lành đề huề. Đọc cuốn Long Thư Tịnh Độ Văn, tôi sanh ngay lòng

tín nguyện, buông bỏ sạch hết những điều mình vốn ưa thích, chỉ còn thích niệm Phật.

Sau khi đến được Đài Loan, tôi được đọc Đại Tạng, lại được xem nhiều kinh sách Tịnh Độ. Cứ hễ đọc đến đoạn nào liên quan đến phương pháp tu trì Niệm Phật thì liền ghi lấy, cóp nhặt của báu, ghi thêm lời nhận định. Dầu là lời lẽ chưa đạt nhưng lý chẳng ngoài những lời Phật dạy Tổ răn, tuyệt không một chữ nào phát xuất tự ý riêng mình để khỏi mắc lỗi hoại pháp, làm lạc mình. Tôi tập hợp những lời dạy ấy ghép thành bốn quyển, đặt tên là Niệm Phật Pháp Yếu.

Sách này vốn là để giúp mình tự tu, lấy lời dạy của cổ đức làm thầy hòng khích lệ mình tinh tấn để khỏi tu mù luyện đui, hưởng quả quanh quẩn. Nhân có lời yêu cầu đăng tải của báo Sư Tử Hống, tôi trộm nghĩ đây chính là lúc thuận tiện, nhưng vừa mới đăng tải được một nửa thì đã được các vị đại đức trong ngoài nước quá ưu ái quyển tiền hồi thúc ấn hành để sách được lưu truyền rộng khắp.

Phổ nguyện pháp giới chúng sanh những ai không có thời gian rảnh rỗi để tham học khắp các bậc minh sư hay thâm nhập kinh tạng sẽ nhờ cuốn sách này mà có được pháp yếu để làm chứng cứ, tuân theo lời dạy mà niệm Phật để cùng thoát khỏi khổ luân, đồng sanh Cực Lạc, đồng đoạn hoặc nghiệp, đồng chứng Bồ Đề.

Trung Hoa Dân Quốc năm thứ 55 (1966), cuối xuân Bính Ngọ, Bồ Tát giới ưu-bà-tắc Dịch Viên Mao Lăng Vân, nguyên quán tỉnh Hồ Bắc, kính ghi tại tịnh xá Tư Quy phụ cận thành phố Đài Bắc

NIỆM PHẬT PHÁP YẾU

Quyển Thứ Nhất

NIỆM PHẬT CHỈ NAM

Niệm Phật Pháp Yếu

Quyển thứ nhất

Niệm Phật Chỉ Nam

Kinh Đại Tập dạy: “Đời Mạt Pháp ực ực người tu hành, hiếm một ai đắc đạo, chỉ có ai nương theo pháp Niệm Phật mới được thoát khỏi sanh tử”.

Ngài Linh Phong bảo: “Trong hết thầy pháp môn Niệm Phật, tìm lấy pháp giản dị nhất, ổn thỏa, thích đáng nhất thì không có pháp nào bằng được pháp Tín Nguyện Chuyên Trì Danh Hiệu; chẳng nhọc công quán tưởng, chẳng cần phải tham cứu”.

Thế mà gần đây người niệm Phật thì nhiều, ít kẻ được vãng sanh; đều là do tín nguyện chẳng thiết, tạp tu chẳng chuyên, hoặc cầu phước báo trời, người nên vẫn cứ luân hồi như cũ!

Ở đây, tôi trích tuyển pháp ngữ của chư Tổ, chẳng chọn lấy những lời bàn luận cao xa về cách tham cứu, quán tưởng, chỉ chọn lấy những lời pháp yếu về cách Trì Danh để hành nhân thường dễ đọc đại lược hòng khích lệ mình tinh tấn; so với việc tham học thiện tri thức thì lại càng thiết thực hơn nữa.

1. Trích yếu lời phán định hai cách tạp tu và chuyên tu Tịnh nghiệp của đại sư Thiện Đạo đời Đường

Hỏi: Vì sao chẳng dạy tu quán mà chỉ dạy thẳng chuyên xưng niệm danh hiệu?

Đáp: Chúng sanh chương nặng, cảnh vi tế mà tâm thì thô phù, thần thức lao chao nên khó thành tựu pháp quán. Vì thế, đức Đại Thánh bi mẫn khuyên ngay nên chuyên xưng danh hiệu, chính là vì danh hiệu dễ xưng, dễ niệm liên tục liền vãng sanh.

Nếu có thể niệm niệm liên tục, lấy lúc hết mạng làm hạn thì mười người tu mười người được vãng sanh, trăm người tu trăm người được sanh. Vì sao vậy?

Do vì không có tạp duyên bên ngoài nên được chánh niệm, vì tương ứng với bốn nguyện của Phật, vì chẳng trái giáo pháp, vì thuận theo lời Phật.

Nếu bỏ chuyên niệm để tu tạp nghiệp thì trong trăm kẻ hiếm có một hai [người được vãng sanh], trong cả ngàn người hiếm được ba bốn.

Vì sao vậy? Vì tạp duyên loạn động, đánh mất chánh niệm; vì chẳng tương ứng với bốn nguyện của Phật; vì trái nghịch giáo pháp, vì chẳng thuận lời Phật; vì hệ niệm chẳng tương tục (tiếp nối); vì tâm chẳng liên tục nghĩ báo ân Phật; vì tuy tu hành mà thường tương ứng danh lợi; vì ưa gần tạp duyên gây chướng ngại chánh hạnh vãng sanh của mình lẫn người.

Xin hết thấy mọi người khéo tự suy nghĩ. Đi, đứng, nằm, ngồi đều phải chú tâm khắc kỷ¹, ngày đêm đừng quên. Trong niệm trước vừa mạng chung thì trong niệm sau liền sanh, vĩnh viễn hưởng pháp lạc vô vi cho đến khi thành Phật, há chẳng phải là vui sướng lắm ư?

Nhận định:

Ấn Quang đại sư nói:

“Hòa Thượng Thiện Đạo là hóa thân của Phật A Di Đà, ngài dạy về chuyên tu nghĩa là: thân nghiệp chuyên lễ (phàm nhiều Phật và trong hết thấy mọi nơi, thân chẳng phóng dật đều là thân nghiệp chuyên lễ cả); khẩu nghiệp chuyên xưng (hễ khi nào tụng kinh trì chú mà có thể chí tâm hồi hướng thì đều có thể gọi là chuyên xưng cả); ý nghiệp chuyên niệm thì vãng sanh Tây Phương, trong cả vạn trường hợp chẳng sót trường hợp nào!”

¹ Khắc Kỷ: Trích từ câu “khắc kỷ phục lễ” nghĩa là đánh đổ, dứt trừ những ham muốn xằng bậy của bản thân để khôi phục lễ nghĩa.

Tạp tu nghĩa là kiêm tu nhiều pháp môn và hồi hướng cầu vãng sanh. Do tâm chẳng thuần nhất nên khó có lợi ích. Đây là lời thành thật phát xuất từ miệng vàng, là khuôn phép ngàn xưa chẳng thay đổi được!”

Xin các hành nhân một dạ chuyên tu, lấy trọn đời làm hạn để cầu quyết được vãng sanh.

2. Trích yếu sách Vạn Thiện Đồng Quy của đại sư Vĩnh Minh Diên Thọ đời Tống

* Theo đoạn kinh giảng về chín phẩm vãng sanh trong Quán kinh thì sở dĩ có sự thăng - giáng, phẩm vị thượng, hạ là vì chẳng ngoài hai tâm sau đây:

a. Một là Định Tâm như tu Định, tập Quán.

b. Hai là Chuyên Tâm: Chỉ niệm danh hiệu, dùng các điều lành hỗ trợ, vun bồi; hồi hướng, phát nguyện nhưng phải trọn đời quy mạng, suốt đời chuyên tu.

Trong lúc nằm, ngồi, thường hướng về phương Tây. Trong lúc đi kinh hành, lễ kính và khi niệm Phật, phát nguyện phải khẩn thiết, siêng gắng, dốc trọn lòng thành, không có niệm gì khác, giống như lúc sắp bị xử chém, hoặc đang trong vòng tù tội, hoặc đang bị oán tặc truy đuổi, hoặc đang bị nước, lửa bức bách, nhất tâm cầu được cứu độ, nguyện thoát nỗi khổ, mau chứng vô sanh, rộng độ hàm thức, thiệu long Tam Bảo, thề báo tứ ân. Chí thành như thế ắt sẽ chẳng luống công!

Nếu như lời nói chẳng tương xứng việc làm, tín lực hời hợt, chẳng có tâm luôn giữ cho niệm niệm tiếp nối, ý nhiều phen gián đoạn; lại toan cậy vào sự tu tập lười biếng thế ấy mà mong lúc lâm chung được vãng sanh thì chỉ e rằng sẽ bị nghiệp chướng ngăn trở, khó gặp được

thiện hữu, bị gió, lửa bức bách², chẳng giữ nổi chánh niệm!

Vì sao thế? Lúc hiện tại là nhân, lúc lâm chung là quả. Nhân có chắc thật thì quả mới chẳng hư dối. Nếu muốn được lâm chung mười niệm thành tựu thì phải dự bị sẵn phương tiện, tom góp công đức để hồi hướng về lúc đó; niệm niệm chẳng thiếu sót thì lúc ấy mới không luống uổng vậy!

* Hoặc có kẻ hỏi: Công đức của việc đi kinh hành niệm Phật và ngồi niệm Phật như thế nào?

Đáp: Ví như cặng buồm đi ngược nước dù là cũng có thể đến nơi được, nhưng so với việc thuận nước cặng buồm thì biết ngay khó - dễ. Ngồi niệm Phật một tiếng đã tiêu trừ được tội lỗi trong cả tám mươi ức kiếp thì công đức đi kinh hành niệm Phật còn biết đến đâu? Vì thế có bài kệ rằng:

*Kinh hành năm trăm vòng
Niệm Phật một ngàn tiếng
Thường tu hành như thế
Tự thành Phật Tây phương*

Nếu lễ bái thì khuất phục được vô minh, thâm nhập bến Giác, mạng chung vắng sanh, mau chứng Niết Bàn.

*** Thiên Tịnh Tứ Liệu Giải**

*Có Thiên, không Tịnh Độ
Mười người, chín chân chừ*

² Gió lửa bức bách: Khi lâm chung tứ đại chia lìa, gió và lửa (tức hơi thở và hơi ấm trong thân thể) bị diệt trước, người sắp mất đau đớn, khó thể chuyên tâm được nếu không tu tập Tịnh nghiệp từ trước.

*Nếu ám cảnh hiện tiền.
Chớp mắt đi theo nó.*

*Không Thiên, có Tịnh Độ
Vạn người tu, vạn đở
Chỉ được thấy Di Đà
Lo chi chẳng khai ngộ.*

*Có Thiên, có Tịnh Độ
Khác nào hồ thêm sùng
Đời này làm thầy người
Đời sau thành Phật, Tổ.*

*Không Thiên, không Tịnh Độ
Giường sắt và cột đồng
Muôn kiếp với ngàn đời
Trọn không ai nương dựa*

Nhận định:

Ân Quang đại sư nói:

“Có Thiên là tận lực tham cứu, niệm bất tình mắt, thấy tốt cùng về mặt sẵn có trước khi được cha mẹ sanh ra, minh tâm kiến tánh.

Có Tịnh Độ là chơn thật phát Bồ Đề tâm, sanh lòng tin, phát nguyện, trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây phương.

Nếu như tham Thiên chưa ngộ hoặc ngộ chẳng triệt để thì đều chẳng được gọi là ‘có Thiên’.

Nếu niệm Phật mà thiên chấp duy tâm, chẳng có tín nguyện, hoặc có tín nguyện nhưng chẳng chơn thành, thiết tha, chỉ hờ hững, lững lờ, hành qua loa cho có; hoặc hành tuy tinh tấn nhưng tâm mê đắm trần cảnh, hoặc cầu đời sau sẽ sanh trong nhà phú quý, hưởng vui ngũ dục; hoặc cầu sanh lên trời để hưởng vui phước trời; hoặc cầu

đời sau xuất gia làm Tăng nghe một ngộ cả ngàn, đắc đại Tổng Trì, hoằng dương pháp đạo, phổ lợi chúng sanh thì đều chẳng đáng gọi là ‘có Tịnh Độ’ vậy!

Còn bảo kẻ ‘không Thiên, không Tịnh’ là nói đến kẻ vùi đầu tạo nghiệp, chẳng tu thiện pháp thì thật là làm lẫn lộn!

Pháp môn vô lượng nhưng chỉ có Thiên và Tịnh là thích ứng với các căn cơ nhất. Kẻ nào chưa triệt ngộ mà lại chẳng cầu vãng sanh, cứ loay hoay tu đủ các pháp môn khác thì chẳng những đã không thể giữ cho Định và Huệ được cân bằng hòng đoạn hoặc, chứng chơn; mà lại còn chẳng nương theo Phật lực để đối nghiệp vãng sanh! Đem công đức tu trì trọn đời mong cảm lấy phước báo trời - người, cậy phước làm ác, sẽ đọa địa ngục; muốn có lại thân người thì thật là khó nhất trong những sự khó vậy! Câu “*trọn không ai nương dựa*” vẫn chỉ là lời nói còn nhẹ lắm do bị hạn cuộc trong âm vận bài kệ đó thôi! Đại sư (Tổ Vĩnh Minh) sợ đời chẳng hiểu nên đặc biệt viết bài liệu giản này để chỉ dạy đời tương lai’.

Xin các hành nhân chuyên tâm trì danh, cầu sanh Tây Phương thì mới chẳng uổng phí.

3. Trích yếu sách Vãng Sanh Tịnh Độ Quyết Nghi Hạnh Nguyện Nhị Môn của Từ Vân Sám Chủ Tuân Thức đại sư đời Tống

* Phàm là kẻ bận việc công hay làm chuyện tư, bận rộn công việc, tuy làm việc mà trong tâm vẫn thường chẳng quên Phật, luôn nhớ Tịnh Độ. Giống như người đời có chuyện quan trọng phải bận tâm, tuy tính toán, nói năng, nằm, ngồi, làm đủ các sự, nhưng chẳng ngại chi việc thầm nhớ, chuyện bận tâm trên vẫn còn y nguyên! Phải nên có tâm niệm Phật như thế! Nếu lỡ quên mất thì

phải nhiều lần gom tâm lại, lâu ngày sẽ thành tánh, luôn nghĩ nhớ tùy ý.

Kinh Lăng Nghiêm dạy: *“Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật thì hiện tiền, tương lai nhất định thấy Phật, cách Phật chẳng xa; chẳng nhọc phương tiện, tâm tự khai ngộ”*. Ràng buộc tâm như thế thì sẽ luôn ngăn ngừa các ác một cách tùy ý. Giả sử muốn làm ác thì do nhớ đến Phật nên ác chẳng thể thành. Dù cho có lúc ngã theo điều ác mà làm ác thì tâm cũng luôn rụt rè, giống như thân có mùi thơm sẽ tự nhiên xa lìa chỗ hôi thối.

Hơn nữa, nếu biết tâm vừa mới khế khởi ác niệm thì liền nhớ đến Phật. Do Phật lực nên ác niệm tự dứt như kẻ gặp nạn cầu đến cường viện sẽ được thoát khỏi. Lại như lúc thấy người khác chịu khổ thì do tâm niệm Phật sẽ xót thương kẻ ấy, mong kẻ ấy thoát khổ.

Nên phải xét xử án tù thì do niệm Phật nên sanh lòng thương xót, tuy vẫn tuân phép vua, nhưng nên thâm nguyện rằng: *“Tôi tuân hành vương pháp chứ chẳng phải bốn tâm muốn thế. Nguyện khi tôi sanh về Tịnh Độ sẽ cứu vớt người!”*

Khi trải qua hết thấy hoàn cảnh dù thiện hay ác thì do tâm nhớ Phật nên đều tâm niệm phát nguyện. Vì thế, đại nguyện vương của đức Phổ Hiền: *“Làm hết thấy ác đều chẳng thành tựu; nếu làm thiện nghiệp thấy đều hòa hợp”* phát xuất chính từ ý nghĩa này. Trong tâm luôn niệm Phật liên tục như thế thì có thể thành tựu hết thấy công đức nhân duyên Tịnh Độ.

Nhận định:

Môn Hệ Duyên này có lợi ích rất lớn, giữ sao cho trong tâm luôn hệ niệm chẳng quên đức Phật; trong hết thấy hoàn cảnh thiện ác đều nguyện và khi làm các việc

đều mật trì danh hiệu Phật chẳng sót thì có thể nói là chẳng hề lìa Đạo trong khoảnh khắc nào.

4. Trích yếu sách Tam Thời Hệ Niệm Phật Sự của đại sư Phổ Chiếu Trung Phong Minh Bổn đời Tống

* Giáo nghĩa của Tịnh Độ là ngưỡng thừa bốn mươi tám nguyện lực đại từ đại bi sâu nặng của đức A Di Đà Phật nhiếp thủ mười phương chúng sanh. Hễ ai có đủ tín tâm thì đều được vãng sanh.

a. Tín là tin có Tây Phương Tịnh Độ, tin có việc đức A Di Đà Phật nhiếp thủ chúng sanh, tin bọn chúng sanh chúng ta có phần vãng sanh. Tuy nói là A Di Đà Phật nhiếp thủ chúng sanh nhưng cần phải tin rằng đây chỉ là tùy tâm tự hiện, cảm ứng đạo giao, xét đến rốt ráo chẳng phải là có tự bên ngoài. Tin được như thế thì gọi Chơn Tín. Tín mà không hạnh thì chẳng thành Tín.

b. Hạnh là như kinh Lăng Nghiêm dạy: *“Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối”*. Kinh A Di Đà dạy: *“Nghe nói đức A Di Đà Phật liền chấp trì danh hiệu trong một ngày, hoặc hai ngày cho đến bảy ngày, nhất tâm bất loạn”*. Hành như thế gọi là Chánh Hạnh. Hạnh mà thiếu Nguyện thì Hạnh chẳng thành.

c. Nguyện phải tương ứng mỗi nguyện trong bốn mươi tám nguyện của đức A Di Đà. Đây là Đại Nguyện. Ba thứ: Tín, Hạnh, Nguyện như ba chân của cái đỉnh, thiếu một thứ chẳng được. Nên biết rằng: Một niệm hiện tiền vốn tự viên thường. Tín - Hạnh - Nguyện nguyên vốn là tánh đức vốn tự sẵn có như thế, nay chỉ là bổn tánh hiển hiện quang minh mà thôi.

* Ngay trong lúc vọng tâm tạp loạn nếu có thể khởi lên một niệm như đối trước đấng Từ Tôn, nắm vững sáu chữ hồng danh, mỗi câu niệm ra thấu vào tai thì cái tạp

loạn ấy sẽ tự nhiên tịch tĩnh theo câu niệm. Từ một niệm ấy cho đến mười niệm, thậm chí niệm niệm chẳng rời đôi; đây chính là điều kinh gọi là “*tịnh niệm tiếp nối*”.

Người niệm Phật tín tâm cần phải khẩn thiết, chánh nhân lẫm lẫm, đặt nặng nỗi buồn sanh tử luân chuyển, nhằm chán sâu xa nỗi đau trần lao vắn vít để khởi lên một tiếng niệm Phật. Ngay khi đó không còn nghĩ gì khác, thẳng đến khi nhất tâm bất loạn, Năng lẫn Sở cùng mất thì chẳng cần phải nhắc lại lời nói đề cập đến con đường về nhà nữa, chẳng cần phải mất công nhai nhải chuyện đi trên con đường tắt. Pháp môn này đáng bảo là cách thức tu hành thần diệu, là đường chánh siêu việt phương tiện vậy.

Nhận định:

Câu: “Ngay trong lúc vọng tâm tạp loạn nếu có thể khởi lên một niệm niệm Phật; mỗi câu niệm thốt ra thấu vào tai thì cái tạp loạn ấy sẽ tự nhiên tịch tĩnh theo câu niệm” chính là yếu quyết để trừ vọng niệm, nguyện các hành nhân hãy thiết thực hành trì. Dùng Tín để nhập đạo, lấy Nguyện để dẫn đường, chẳng thể khuyết một thứ nào.

5. Trích yếu sách Liên Tông Bảo Giám của Hồ Khê Tôn Giả Ưu Đàm Phổ Độ đại sư đời Nguyên

* [Trong các pháp đề] nhiếp tâm niệm Phật muốn được mau thành tam muội, đối trị hôn trầm, tán loạn thì pháp Sở Tức (đếm hơi thở) là quan trọng nhất. Hễ lúc nào muốn tịnh tọa thì trước hết phải tưởng thân mình ở trong

Viên Quang³ [của Phật], lặng nhìn chót mũi, theo dõi hơi thở ra vào. Mỗi hơi thở thầm niệm một tiếng A Di Đà Phật. Phương tiện điều hòa hơi thở chẳng nhanh, chẳng chậm; tâm và hơi thở nương theo nhau.

Đi, đứng, nằm, ngồi đều có thể thực hành theo cách nương theo hơi thở ra vào chẳng để gián đoạn. Luôn tự miên mật hành trì cho đến lúc thâm nhập Thiền Định, cả hơi thở lẫn câu niệm cùng mất thì thân tâm này giống như hư không. Lâu ngày thuần thực tâm nhãn khai thông, tam muội đột nhiên hiện tiền. Đấy chính là “duy tâm Tịnh Độ”.

* Luận Bảo Vương chép: *“Tu trì Nhất Tướng Niệm Phật tam muội là ngay trong lúc đi, đứng, nằm, ngồi, luôn hệ niệm chẳng quên. Dù có ngủ nghỉ, khi thức dậy là liền hệ niệm tiếp”*, chẳng để các nghiệp khác gây gián đoạn, chẳng để tham, sân, si cách ngăn. Hễ phạm liền sám hối ngay chẳng để quá một niệm, chẳng nghĩ gì khác, chẳng để cách ngày, cách quãng thời gian. Niệm niệm thường chẳng rời Phật; niệm niệm thanh tịnh viên minh, chính là đặc Nhất Tướng tam muội.

* Bồ Tát tại gia thờ Phật giữ giới, suốt ngày lo liệu gia duyên chưa thể nhất tâm tu hành thì sáng dậy nên đốt hương, lễ bái Tam Bảo, tùy ý niệm Phật. Mỗi lúc hoàng hôn cũng lễ niệm như thế; lấy đó làm thường khóa. Nếu như ngày nào bỏ sót thì ngày hôm sau nên đối trước Phật bày tỏ sám hối. Pháp môn này cốt yếu chẳng gây trở ngại đến công việc mình: chẳng trở ngại kẻ sĩ đọc sách luyện văn, chẳng trở ngại nhà nông cấy cày, chẳng ngại kẻ làm thợ làm lụng, chẳng trở ngại thương gia bán buôn.

³ Viên Quang: Khấp thân đức Phật tỏa ra quang minh. Quang minh ấy gọi là Viên Quang để phân biệt với Hào Quang là quang minh tỏa ra từ tướng Bạch Hào giữa hai chân mày.

Ngoài việc sáng lễ, chiều lạy, trong mười hai thời nên dành chút công phu niệm trăm câu, ngàn câu danh hiệu Phật, lấy chí thành làm công lao để cầu sanh Tịnh Độ.

* Phàm là người tu Tịnh Độ thì rõ ràng là phải chống chọi sanh tử, chứ chẳng phải nói xuông rồi thôi. Hãy nghĩ tới vô thường nhanh chóng, thời gian chẳng đợi ai, phải hoàn thành sự nghiệp cho xong. Nếu đã tin tưởng được rồi thì từ ngày nay trở đi phải phát đại dũng mãnh, tinh tấn, chẳng cần biết là hiểu hay chẳng hiểu, kiến tánh hay chưa kiến tánh, chỉ chấp trì một câu Nam Mô A Di Đà Phật giống hệt như dựa vào một tòa núi Tu Di, dầu lay lắc cũng chẳng động.

Chuyên tâm, nhất ý để hoặc là tham niệm, hoặc quán niệm, hoặc ức niệm, hoặc thập niệm, hoặc thâm niệm, chuyên niệm, hệ niệm, lễ niệm. Niệm ở đâu chú tâm vào đó, thường nhớ thường niệm. Sáng cũng niệm, tối cũng niệm. Đi cũng niệm, ngồi cũng niệm. Tâm niệm chẳng để luống qua, niệm Phật chẳng lìa tâm. Ngày ngày giờ giờ chẳng muốn buông bỏ, miên miên mật mật như gà ấp trứng luôn giữ cho hơi ấm được liên tục. Đây chính là *“tịnh niệm tiếp nối”*.

Lại còn vận dụng trí để quán chiếu biết Tịnh Độ chính là tự tâm. Đây chính là công phu tấn tu của bậc thượng trí. Giữ được Định, làm chủ được hành động, đạt được chỗ nương dựa ôn hòa, thích đáng như thế thì dù có gặp cảnh giới khổ, vui, thuận, nghịch xảy ra cũng chỉ niệm A Di Đà Phật, không hề có một niệm sanh tâm biến đổi, tâm thối đọa, tâm tạp tưởng. Cho đến hết đời, trọn không có niệm nào khác thì sẽ quyết định sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Nếu có thể dụng công như thế thì vô minh, nghiệp chướng sanh tử trong bao kiếp sẽ tự nhiên tiêu sạch, trần lao tạp lậu tự nhiên hết sạch, được gặp Phật Di Đà, chẳng

là bốn niệm; công thành, hạnh mãn. Nguyên lực hỗ trợ nhau, khi lâm chung quyết sẽ sanh trong Thượng Phẩm.

* Nếu người niệm Phật còn chưa sạch trần cấu, khi ác niệm nổi lên thì nên tự kiểm điểm. Nếu như mình có tâm keo tham, tâm sân hận, tâm si ái, tâm ganh ghét, tâm khinh dối, tâm hợm mình, tâm kiêu căng, tâm đua vạy, tâm tà kiến, tâm khinh mạn, tâm năng sở⁴, và khi gặp phải hết thảy hoàn cảnh thuận - nghịch liền thuận theo nhiệm cấu phát sanh hết thảy các tâm bất thiện; nếu khi các tâm như vậy phát khởi thì nên mau lớn tiếng niệm Phật, gom ý niệm về chỗ đúng đắn, đừng để cho tâm ác tiếp nối. Niệm miết cho đến khi ác niệm hết sạch, vĩnh viễn không còn sanh lại nữa.

Thường phải nên thủ hộ tất cả tâm thâm tín, tâm chí thành, tâm phát nguyện hồi hướng, tâm từ bi, tâm khiêm hạ, tâm bình đẳng, tâm phương tiện, tâm nhẫn nhục, tâm trì giới, tâm hỷ xả, tâm thiền định, tâm tinh tấn, tâm Bồ Đề và hết thảy thiện tâm. Lại nên xa lìa những điều trái với phạm hạnh, thực hành những luật nghi dứt ác, đừng nuôi dưỡng gà, chó, lợn, dê; những việc như săn bắn, đánh cá đều chẳng nên làm. Nên học đòi theo Phật, nên lấy việc bỏ ác làm lành để răn xét mình!

* Bậc tin chơn thật tu hành chỉ cốt nhớ được một câu A Di Đà Phật này trong mỗi ý niệm, đừng để cho quên mất, niệm niệm thường hiện tiền, niệm niệm chẳng lìa tâm. Vô sự cũng niệm như thế, hữu sự cũng niệm như thế.

⁴ Tâm Năng Sở: Năng là chủ quan, Sở là khách quan. Chẳng hạn như khi ta nhìn một bông hoa thì tâm ta nhận biết bông hoa ấy, tâm ấy gọi là Năng Kiến Tâm (tâm thấy được), bông hoa ấy gọi là Sở Kiến vật (vật được thấy). Như vậy tâm Năng Sở chính là tâm phân biệt ta người, chủ quan và khách quan, có đối đãi, nhị nguyên.

An vui cũng niệm như thế, bịnh khổ cũng niệm như thế. Sống cũng niệm như thế, chết cũng niệm như thế. Một niệm phân minh bất muội như thế thì cần gì phải hỏi người khác đường lối tu hành để được vãng sanh nữa?

Nhận định:

Đối với thường khóa sớm tối, người tại gia niệm Phật nhất định chẳng thể bỏ sót. Nếu như có lúc bỏ sót thì sao chẳng ngủ trễ, dậy sớm? Đừng vin vào đó để gián đoạn thường khóa. Chỉ khi nào bận rộn suốt tối hôm trước thì sáng hôm sau mới đối trước Phật bày tỏ, sám hối, niệm bù. Thường nhật nên dùng thời gian rảnh rang để niệm Phật, niệm càng nhiều càng hay, cũng chẳng hạn định trong trăm câu, ngàn câu. Lâu ngày thuần thục thì tam muội sẽ dễ hiện tiền.

6. Trích yếu sách Tịnh Độ Hoặc Vấn của đại sư Duy Tắc Thiên Như đời Nguyên

* Người sanh trong đời có được mấy chốc? [Đời người như] lửa xẹt từ đá, như ánh chớp nháng lên, chớp mắt đã hết. Giành ngay lúc chưa bệnh, chưa già đây, độc trọn tinh thần, vứt bỏ sự đời; cứ mỗi một ngày trôi qua là một ngày niệm danh hiệu Phật, được một thời công phu, tu một thời Tịnh nghiệp. Do đây, lúc mạng lâm chung, dù là chết nhẹ nhàng hay chết đau khổ thì những cái ta vương vấn đã được giải quyết xong, tiền trình của ta đã ổn thỏa, thích đáng rồi!

* Người bị ràng buộc trong lưới đời nếu đau đáu nghĩ đến vô thường, dụng tâm chơn thành, thiết tha thì chẳng luận là khổ, vui, thuận, nghịch, tịnh, ồn, rảnh, bận, mặc lòng công chuyện hoàn tất hay chưa, dù tiếp tân, đãi

khách, vạn duyên rời bờ, đầu phải ứng phó mọi mặt mà việc đời và việc niệm Phật vẫn chẳng trở ngại gì nhau cả!

Nếu ai bận khá nhiều việc đời, sức dù có hơi kém thì cũng vẫn nên tìm lấy thời gian rảnh rang giữa lúc bận rộn, tìm lúc yên tịnh giữa chốn huyên náo để mỗi ngày niệm ba vạn câu, hoặc một vạn câu, hoặc ba ngàn câu, một ngàn câu. Lấy đó làm nhật khóa nhất định, chẳng bỏ sông ngày nào! Lại ngay cả khi bận rộn hết sức không có lúc nào rảnh rang thì mỗi ngày vào lúc sáng sớm nên hành pháp Thập Niệm. Lâu ngày tích tụ thành công lao cũng chẳng luống uổng. Ngoài lúc niệm Phật ra thì hoặc là niệm kinh, lễ Phật, hoặc sám hối phát nguyện, làm đủ các thứ kết duyên tạo phước, tùy sức bố thí, tu các việc lành để hỗ trợ thêm. Với bất cứ điều lành may mắn nào đều phải hồi hướng Tây Phương.

Dụng công như thế chẳng những sẽ quyết định vãng sanh mà còn khiến cho phẩm vị được thêm cao nữa!

* Chuyên trì danh hiệu hoặc còn lễ bái, sám hối thêm thì rất hợp với thuyết Chuyên Tu Vô Gian của ngài Thiện Đạo. Chuyên Tu Vô Gian là thân phải chuyên lễ A Di Đà Phật, chẳng lễ xen lẫn các vị khác; miệng chuyên niệm A Di Đà Phật chẳng niệm các thánh hiệu khác, chẳng tụng các kinh khác; ý phải chuyên tưởng A Di Đà Phật, chẳng tưởng vị nào khác. Nếu tham, sân, si xen tạp thì cứ hề phạm liền sám, chẳng để cách ngày, cách đêm hay cách giờ; thường giữ cho thanh tịnh thì cũng gọi là Vô Gian.

* Pháp Hệ Niệm là chẳng cần biết đến là đang đi, đứng, hay nằm, ngồi, chẳng cần phải niệm ra tiếng tốn hơi; chỉ cốt chí thành, thâm tưởng thâm niệm, niệm niệm liên tục, tâm không gián đoạn. Tôi dám hứa là nhục nhãn của hành nhân trong hiện đời sẽ thấy Phật, hoặc thấy

quang minh, hoặc được Phật xoa đánh v.v... chứ chẳng cần phải đến lúc lâm chung!

Đây là một pháp môn đường tắt, giản dị nhất, thiết yếu nhất, cực kỳ linh nghiệm.

Nhận định:

Mẹ của Đại Sư tuổi gần bảy mươi; ngài sợ niệm Phật ra tiếng tốn hơi nên ngầm sai em là ngài Hành Viễn khuyên mẹ tu pháp môn Hệ Niệm. Nếu có thể niệm Phật ra tiếng thì sẽ dễ xưng danh hơn, dễ giữ được niệm niệm liên tục. Vì thế, sách Tịnh Độ Hoặc Vấn quy kết về việc chuyên trì danh hiệu.

7. Trích yếu sách Tịnh Độ Pháp Ngữ của đại sư U Khê Truyền Đăng Vô Tận đời Minh

* Dương Thứ Công nói: “*Ái chẳng nặng chẳng sanh Sa Bà; niệm chẳng nhất, chẳng sanh Tịnh Độ*”.

Nếu đối với Sa Bà mà có một Ái chẳng nhẹ thì lúc lâm chung sẽ bị cái Ái đó lôi kéo nên chẳng được vãng sanh; thế thì có nên lăm ái hay không?

Nếu đối với Cực Lạc có một niệm chẳng chuyên nhất thì lúc lâm chung sẽ bị cái niệm ấy xoay chuyển, chẳng được vãng sanh; vậy thì có nên có lăm niệm hay không?

Do vì Ái có nặng, nhẹ, dày, mỏng: chánh báo, y báo bày đầy trước mắt nên chẳng thể lãng quên nôi cha mẹ, vợ con, đồ đệ, bạn bè, công danh, phú quý, văn chương, thi phú, đạo thuật, kỹ nghệ, y phục, thức ăn, nhà cửa, ruộng vườn, rừng, suối, đồng hoa, trân bảo, ngoạn vật... Hễ còn một vật chẳng quên nôi thì là Ái; còn có một niệm chẳng thể bỏ đi thì là Ái. Hễ còn giữ một niệm Ái trong lòng thì niệm chẳng thể chuyên nhất; còn một niệm chẳng quy nhất thì chẳng được vãng sanh.

Nếu hỏi: Có cách nào làm nhẹ ái chăng?

Xin thưa: Làm nhẹ ái không gì hơn là nhất niệm.

Có cách nào để nhất niệm không?

Xin thưa: Để đạt nhất niệm, không có gì bằng làm nhẹ ái.

Bởi vì niệm bất nhất là do tâm tán loạn, duyên khác [xen vào] khiến tâm tán loạn như thế. Duyên khác làm tán tâm là do rong ruổi theo cảnh nên trở thành như thế. Sa Bà có một cảnh thì chúng sanh có một tâm. Chúng sanh có một tâm thì Sa Bà có một cảnh.

Duyên chất chứa chao động bên trong, hướng ra ngoài loạn động, tâm - cảnh theo đuổi nhau, ái nhiều như trần sa. Vì thế muốn nhẹ ái thì không gì bằng phải ngăn lấp cảnh! Các cảnh đều không, vạn duyên đều tịch thì nhất niệm tự thành. Nếu nhất niệm thành thì ái duyên đều tận!

Có cách nào ngăn lấp các cảnh không?

Xin thưa: Ngăn lấp các cảnh nào phải đâu là trừ sạch vạn hữu, cũng chẳng phải là nhắm tịt mắt chẳng nhìn, mà chính là hiểu rõ cảnh là hư giả; thể hội cái gốc để thấy cái ngọn là không. Vạn pháp vốn tự chẳng có. “Có” là do tình thức phát khởi nên hề tình thức còn thì vật còn, tình không vạn vật không. Vạn pháp không nhưng bốn tánh hiện; bốn tánh hiện nhưng tình niệm dứt; tự nhiên như thế chẳng cần phải miễn cưỡng!

Kinh Lăng Nghiêm dạy: *“Kiến và kiến duyên đều là tướng được tướng giống như hoa đóm trên hư không vốn chẳng có gì. Kiến và duyên ấy vốn là diệu tịnh minh thể của Bồ Đề thì làm sao lại có đúng hay sai trong đó được?”*

Vì vậy, muốn ngăn lấp cảnh thì không gì bằng hiểu rõ vật là hư huyền. Hiểu mọi vật là hư huyền thì tình thức tự nhiên tuyệt. Hề tình tuyệt thì ái chẳng sanh, duy tâm hiện nên ý niệm chuyên nhất sẽ thành. Bởi thế, kinh Viên Giác

dạy: “*Biết huyền liền là, chẳng dùng phương tiện. Là huyền chính là giác, cũng chẳng theo thứ tự nào cả!*”

Một bỏ, một giữ, chẳng thể thay đổi, công hiệu mau chóng phù hợp khít khao như dùi đánh xuống, trống liền vang tiếng; kẻ học đạo phải nên tận tâm thực hành cách tu tập này!

* Đạo lý Nhất Niệm gồm ba điều là Tín, Nguyện, Hạnh.

a. Chẳng nghi là Tín, nếu có nghi thì tâm chẳng chuyên nhất. Vì thế, cầu sanh Cực Lạc phải lấy Tín làm đầu. Cần phải đọc khắp các kinh điển Đại Thừa, rộng học các lời dạy của chư Tổ. Hễ sách nào chỉ dạy pháp Tịnh Độ thì đều phải tìm đọc hết cả để giải ngộ rằng Cực Lạc vốn là Tịnh Độ duy tâm của ta đó thôi, chứ chẳng phải cõi nào khác; hiểu rõ Di Đà vốn là vị chơn Phật nơi bôn tánh của ta, chứ chẳng phải là đức Phật nào khác. Có hai điều quan trọng nhất:

- Giải ngộ Diệu Hữu trọn khắp cả, đầy đủ tất cả; lấy đó làm gốc cho việc ưa Tịnh.

- Giải ngộ Chơn Không rời lìa một cách viên mãn, giải thoát một cách viên mãn hầu lấy đó làm cơ sở để lìa Uế.

Tín giải đã đầy đủ thì hãy nên niệm Phật tu hành.

b. Về Hạnh, có hai điều: một là Chánh Hạnh, hai là Trợ Hạnh.

b.1. Chánh Hạnh lại gồm hai thứ: một là Xưng Danh, hai là Quán Tưởng.

Xưng Danh là như kinh Tiểu Bản Di Đà dạy bảy ngày trì danh, nhất tâm bất loạn. Có Sự Nhất Tâm và Lý Nhất Tâm. Miệng xưng danh hiệu Phật, chú tâm nơi duyên, tiếng niệm tiếp nối, tâm tâm chẳng loạn. Nếu như tâm

duyên theo ngoại cảnh thì nhiếp tâm trở lại. Cách này đòi hỏi phải sanh tâm quyết định, đoạn trừ ý niệm nghĩ đến những chuyện sẽ xảy ra sau này, vứt bỏ thế sự, buông bỏ tâm duyên theo cảnh khiến cho niệm tâm dần dần tăng trưởng từ chốc lát đến lâu ngày, từ nhiều đến ít, một ngày, hai ngày cho đến bảy ngày cốt sao thành tựu được nhất tâm bất loạn mới thôi. Đó là Sự Nhất Tâm.

Nếu đạt được như vậy thì thành tựu Tịnh nhân sanh về Cực Lạc; lúc lâm chung tất nhiên giữ được chánh niệm, thân không bệnh khổ, chẳng bị sự ác trời buộc, biết trước giờ chết, thân tâm hoan hỷ, qua đời một cách tốt lành: ngồi tịch hay đứng mát, diện kiến đức Di Đà phóng quang tiếp dẫn, chắc chắn sanh về Tịnh Độ!

Lý Nhất Tâm cũng chẳng khác gì, chỉ là ngay trong Sự Nhất Tâm: trong mỗi mỗi niệm hiểu thấu suốt tâm niệm Phật và đức Phật được niệm suốt ba đời đều bình đẳng, mười phương chứa đựng lẫn nhau, chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng phải Tự, chẳng phải Tha, không đến, không đi, chẳng sanh, chẳng diệt.

Cái tâm nhất niệm hiện tiền chính là cảnh Tịnh Độ trong vị lai. Niệm mà không niệm, không niệm nhưng niệm, vô sanh mà sanh, sanh nhưng vô sanh. Ở ngay trong cái chẳng thể niệm ấy lại sót sáng niệm, ngay trong cái vô sanh ấy lại sót sáng cầu sanh. Đây là ngay trong Sự Nhất Tâm hiểu rõ Lý Nhất Tâm.

Nếu như trong bốn oai nghi chẳng hề gián đoạn việc tu Tịnh Độ thì vãng sanh Tịnh Độ là chuyện tất nhiên!

b.2. Trợ Hạnh cũng gồm hai thứ:

- Một là hạnh thế gian như hiếu dưỡng cha mẹ, làm điều nhân từ thế gian, từ tâm chẳng giết, trọn đủ các giới luật, làm hết thấy việc lợi ích. Nếu có thể hồi hướng những việc ấy về Tây Phương thì không việc gì lại chẳng phải là hạnh trợ đạo.

- Hai là hạnh xuất thế như Lục Độ, vạn hạnh, các thứ công đức, đọc tụng kinh Đại Thừa, tu các sám pháp; cũng cần phải dùng tâm hồi hướng để trợ tu thì không gì chẳng phải là hạnh Tịnh Độ.

Lại còn một thứ Trợ Hạnh vi diệu nữa: Đối với mỗi thứ cảnh duyên phải trải qua, lúc nào cũng dụng tâm.

Chẳng hạn như khi thấy quyền thuộc thì nên tưởng họ là pháp quyền ở Tây phương, dùng pháp môn Tịnh Độ để khai ngộ, chỉ bảo khiến cho họ mong nhẹ ái kiến để được nhất tâm nhằm làm cho họ vĩnh viễn trở thành vô sanh quyền thuộc trong tương lai.

Nếu lúc sanh ý tưởng ân ái thì hãy nghĩ quyền thuộc Tịnh Độ chẳng có tình ái; để được sanh về Tịnh Độ thì nên xa lìa tình ái đó.

Nếu như khi sanh tâm sân hận thì hãy nghĩ đến quyền thuộc Tịnh Độ chẳng hề có xúc não. Để được sanh về Tịnh Độ thì nên xa lìa sự sân hận đó.

Nếu lúc chịu khổ thì nên nghĩ đến cõi Tịnh Độ chẳng có các nỗi khổ, chỉ hưởng những điều vui.

Nếu khi hưởng các điều vui hãy nghĩ đến niềm vui trong Tịnh Độ không thể tính biết nổi.

Hễ gặp cảnh duyên đều dùng ý ấy để suy xét kỹ càng thì trong mọi nơi, mọi lúc, không có gì chẳng phải là hạnh Tịnh Độ!

c. Nguyên có thông, biệt, rộng, hẹp, trọn khắp hay hạn cuộc.

Thông là như những bài phát nguyện hồi hướng của các vị cổ đức đã soạn ra.

Biệt là ai nấy tùy theo ý mình [mà phát nguyện].

Rộng là Tứ Hoảng Nguyên: thượng cầu hạ hóa.

Hẹp là nói đến khả năng, quyết chí vãng sanh.

Hạn cuộc là khóa tụng có giờ giấc nhất định, phát nguyện cùng đại chúng.

Trọn khắp là lúc nào cũng phát nguyện, chỗ nào cũng bày tỏ tâm nguyện.

Nguyện chỉ cốt phù hợp Tứ Hoàng Nguyện, đừng móng tâm vọng lập. Xét chung các thứ nguyện đã phát thì biệt nguyện thù thắng hơn thông nguyện vì sợ khi đọc thông nguyện chỉ thuận miệng đọc theo lời văn của người khác; còn biệt nguyện thì tự mình nêu bày tấm lòng. Nếu như tuy đọc những bài phát nguyện chung nhưng quyết chí thì Thông lại trở thành Biệt. Còn nếu đọc lời văn phát nguyện của riêng mình mà tâm lan man thì Biệt lại trở thành Thông.

Nguyện rộng tốt hơn nguyện hẹp vì nguyện rộng thì phát đại tâm nên đạt quả thù thắng, phát nguyện hẹp thì bị nguyện nông cạn nên đạt quả kém hơn. Phát nguyện trọn khắp lại tốt hơn phát nguyện hạn cuộc vì phát nguyện hạn cuộc hay bị gián đoạn, phát nguyện trọn khắp thì niệm niệm viên thành.

Có thể dùng ba pháp như vậy để cầu sanh Tịnh Độ, mau được thân cận Phật Di Đà, hết thấy các pháp môn Tịnh Độ không có pháp nào ra ngoài được ba điều này.

Nhận định:

Đạo lý mỏng nhẹ ái và nhất niệm vừa dạy hoàn toàn nằm trong ba pháp Tín, Hạnh, Nguyện, thật là tinh diệu, thỏa đáng. Nhưng Chánh Hạnh chỉ là chuyên trì danh, chứ chẳng cần phải quán tưởng. Trong hết thấy thiện hạnh thế gian và xuất thế gian, hễ khi nào ta hồi hướng về Tây phương thì khi đó nó là Trợ Hạnh. Đây chính là vạn thiện đồng quy, phước huệ song tu vậy.

8. Trích yếu sách Tử Bách Lão Nhân Tập của đại sư Tử Bách Đạt Quán đời Minh

* Sư hỏi vị tăng Hải Châu: “Niệm Phật có thường gián đoạn chăng?”

Tăng đáp: “Hễ nhắm mắt ngủ liền quên mất”.

Sư nghiêm mặt, quở:

- Nếu nhắm mắt liền quên thì niệm Phật như vậy dù có niệm một vạn năm cũng vô ích! Từ nay trở đi, ông cần phải trong lúc ngủ cũng niệm Phật chẳng gián đoạn thì mới có phần thoát khổ nổi! Nếu trong giấc ngủ chẳng niệm Phật được, quên mất đi thì khi mở mắt ra liền buồn khóc, nhồm dậy ngay, đến ngay trước đức Phật dập đầu đến chảy cả máu, hoặc niệm ngàn tiếng, vạn tiếng, dốc cạn hết sức chính mình mới thôi. Làm như thế chừng hai ba chục lần thì tự nhiên trong khi ngủ mê mết, niệm Phật cũng chẳng bị gián đoạn.

Người đời niệm Phật hoặc là hai, ba chục năm hoặc suốt đời niệm Phật mà đến lúc lâm chung lại thành vô dụng là do lúc ngủ nghỉ chẳng hề có ý niệm nhớ đến Phật.

Người sống như đang tỉnh, người chết như mộng; bởi vậy, người nào trong mộng vẫn niệm Phật thì lúc lâm chung tự nhiên chẳng loạn vậy!

* Muốn khám nghiệm một cách chính xác xem mình niệm Phật có chơn thật hay không thì chỉ cần quan sát lúc mình hoan hỷ và phiền não thì biết rõ ràng ngay là tâm mình chơn thật hay giả dối.

Đại để, người chơn tâm niệm Phật dù là lúc hoan hỷ hay phiền não thì tất nhiên vẫn niệm niệm chẳng gián đoạn vì phiền não chẳng lay động người đó nổi, hoan hỷ cũng chẳng lay động người đó được. Phiền não lẫn hoan hỷ đều đã chẳng lay động nổi người đó thì trong cảnh sanh tử sẽ tự nhiên chẳng hoảng sợ. Nay người niệm Phật

vừa mới gặp phải chút vui mừng, giận hờn đã vút A Di Đà Phật ra sau ót thì sao mà niệm Phật được linh nghiệm cơ chứ? Nếu làm theo cách niệm Phật của tôi, thật sự có thể chẳng quên mất câu A Di Đà Phật trong lúc yêu ghét, thế mà chẳng được lợi ích gì trong cuộc sống hằng ngày cũng như khi lâm chung chẳng được vãng sanh thì cái lưỡi của tôi ắt sẽ bị gãy nát vậy!

Nhận định:

Pháp này rất diệu, muốn khám nghiệm tâm niệm Phật là chơn thật hay giả dối chỉ cần xét trong lúc hoan hỷ hay phiền não. Nếu như trong giấc ngủ, việc niệm Phật bị gián đoạn thì hãy nên dừng mãnh tinh tấn làm theo cách này thì hiện tại sẽ được lợi lạc, lâm chung tự được vãng sanh.

9. Trích yếu sách Vân Thê Pháp Vựng của đại sư Liên Trì Châu Hoằng đời Minh

* Tâm vốn vô niệm, hễ có niệm khởi lên là sai; nhưng chúng sanh từ vô thủy đến nay quen thói vọng tưởng khó lòng thay đổi ngay được. Nay dạy họ niệm Phật chính là dùng độc trị độc, dùng quân dẹp quân. Một pháp Niệm Phật lại có nhiều môn. Nay pháp Trì Danh đây là đường tắt nhất trong các đường tắt. Bởi vì đức Phật có vô lượng đức nên bốn chữ danh hiệu đã bao gồm trọn cả.

A Di Đà chính là toàn thể nhất tâm, tâm bao gồm mọi đức: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, Bỏ Giác, Thi Giác, Chơn Như, Phật Tánh, Bồ Đề, Niết Bàn. Trăm ngàn vạn danh hiệu đều được chứa đựng bất tận trong một danh hiệu này.

Chúng sanh học Phật cũng có vô lượng hành pháp, nhưng một pháp Trì Danh đây đã bao gồm trọn tất cả vì Trì Danh chính là trì một tâm đây. Tâm đã gồm trăm hạnh, Tứ Đế, Lục Độ cho đến tám vạn bốn ngàn hằng hà

sa vi trần hết thảy pháp môn, bao gồm hết cả không còn sót gì!

* Có nhiều cách trì danh:

- 1) Một là Minh Trì, nghĩa là xưng niệm ra tiếng.
- 2) Hai là Mặc Trì, nghĩa là niệm thầm không ra tiếng.
- 3) Ba là Bán Minh Bán Mặc Trì, nghĩa là chỉ khẽ động môi lưỡi để niệm. Cách này được những người tụng chú gọi là Kim Cang Trì.

Lại còn có cách niệm ghi số hoặc niệm chẳng ghi số, tùy ý dùng cách nào cũng được!

Cách trì niệm nào cũng chia ra làm Sự và Lý: Ưc niệm chẳng gián đoạn thì gọi là Sự Trì; thể cứu đến cùng tốt chẳng hề gián đoạn thì gọi là Lý Trì.

“Ưc niệm” là nghe nói đến danh hiệu Phật thì luôn nhớ tới, luôn nghĩ tới, tâm duyên theo từng chữ rõ ràng; câu trước, câu sau liên tiếp chẳng gián đoạn. Đi, đứng, nằm, ngồi chỉ có mỗi một niệm này, không có niệm thứ hai; chẳng bị tạp loạn bởi các niệm tham, sân, si phiền não đúng như kinh Thành Cụ Quang Minh Định Ý dạy: *“Nhất tâm nơi vắng vẻ, tịch mịch; nhất tâm giữa các phiền não; cho đến giữa những cảnh khen, chê, lợi, tổn, thiện, ác v.v... đều nhất tâm”*.

Do mặt Sự đã đạt, nhưng chưa thấu triệt mặt Lý, chỉ đạt được Tín lực, chưa thấy Đạo nên gọi là Sự Nhất Tâm. “Thể cứu” là nghe danh hiệu Phật thì không những chỉ ức niệm mà còn trở lại quán sát ngay cái niệm ấy, suy lường, thẩm định tìm tòi đến tận cùng cội rễ. Thể cứu đến cùng tốt thì đột nhiên sẽ khế hợp bốn tâm. Trong đây lại gồm có hai loại:

a. Một là “như - trí bất nhị”:

- Ngoài cái tâm năng niệm chẳng hề có đức Phật để mình niệm. Đây là ngoài Trí chẳng có Như.

- Ngoài đức Phật được niệm chẳng hề có cái tâm năng niệm để niệm Phật. Đó là ngoài Như không có Trí nên chỉ có nhất tâm.

b. Hai là Tịch Chiếu Nan Tư:

Nếu bảo là Có thì bản thể của cái tâm năng niệm tự nó là Không, trọn chẳng thể có được đức Phật được niệm.

Nếu bảo là Không thì cái tâm năng niệm vắng vặc chẳng mờ昧, đức Phật được niệm đành rành phân minh.

Nếu bảo là “chẳng có chẳng không” thì cả hữu niệm lẫn vô niệm đều mất.

Nếu bảo là “chẳng phải có chẳng phải không” thì hữu niệm lẫn vô niệm cùng tồn tại.

“Chẳng phải có” là thường tịch; chẳng phải không là thường chiếu. “Chẳng có chẳng không” và “chẳng phải có chẳng phải không” là chẳng tịch, chẳng chiếu nhưng vừa chiếu, vừa tịch. Không cách gì để diễn tả, suy lường được, chẳng thể gọi tên được nên chỉ có Nhất Tâm. Đó chính là Năng lẫn Sở đều tiêu, kiến giải Hữu lẫn Vô cùng mất. Thể vốn sẵn thanh tịnh thì còn có pháp gì tạp loạn được nó. Do vì thấy một cách đúng đắn như thế nên gọi là Lý Nhất Tâm.

Nhưng, Sự nương theo Lý mà khởi, Lý được tỏ bày bởi Sự; Sự và Lý hỗ trợ nhau, chẳng thể phé bỏ một bên nào. Dầu chấp Sự nhưng niệm đến mức liên tục thì vẫn chẳng mất phần dự vào các phẩm vị; còn nếu chấp Lý nhưng tâm chưa minh thật sự thì sẽ biến thành cái họa lạc vào Không kiến.

* Niệm Phật to tiếng dễ mất sức, niệm thầm dễ bị hôn trầm. Chỉ cốt niệm miên miên mật mật, tiếng niệm động nơi răng, môi, tức là Kim Cang trì. Nhưng lại chẳng nên chấp chặt. Nếu biết mình đã mệt thì niệm thầm cũng chẳng trở ngại gì. Nếu biết mình hôn trầm thì chẳng ngại

gì niệm lớn tiếng. Hiện tại, người niệm Phật chỉ là liên tay khua mõ, miệng ong óng gào theo cho nên chẳng được lợi ích gì. Cần phải niệm sao cho từng câu thoát ra khỏi miệng vọng vào tai, từng tiếng đánh thức tự tâm ví như người đang ngủ mê mết, có ai gọi lớn tên lên thì kẻ đó sẽ thức giấc. Bởi vậy, điều quan trọng nhất trong việc niệm Phật là nhiếp tâm.

* Tạp niệm là bệnh, Niệm Phật là thuốc. Niệm Phật chính là để trị tạp niệm, nếu chẳng trị nổi tạp niệm là do niệm Phật chẳng tha thiết. Lúc tạp niệm khởi lên liền dốc sức ra công; mỗi chữ, mỗi câu tinh nhất chẳng xen tạp thì tạp niệm tự dứt.

* Trong mỗi niệm luôn niệm Phật không có tạp niệm thì gọi là Nhất Tâm. Nhất tâm niệm Phật mà còn nhất tâm tu các pháp môn khác thì là Nhị Tâm! Không tạp niệm mới chỉ là Sự Nhất Tâm, thế mà nay ta còn làm chưa được hướng hồ là Lý Nhất Tâm? Vì vậy, niệm Phật phải giữ chí đừng để nhị tâm, đừng vì lẽ tam muội khó thành bèn vội đổi sang tu các hạnh khác!

* Kẻ mới học sanh sau vừa mới lấy câu niệm Phật đặt nơi tâm thì vọng tưởng, suy nghĩ nổi lên toại bởi, đè lấp cả cái giác bèn cho rằng công phu niệm Phật chẳng thể nhiếp tâm nổi. Chẳng hề biết rằng mình làm sao đoạn ngay nổi nguyên do sanh tử từ vô lượng kiếp đến nay cho được? Ngay trong lúc vạn niệm vẫn vũ chính là lúc để ra sức công phu, [mặc cho] định tâm, tán tâm nhoang nhoáng. Lâu ngày công phu thuần thực, tự nhiên vọng niệm chẳng khởi. Các ông coi những vọng niệm mình nhận biết được đó là nặng, cho nên bèn lơ là câu niệm Phật này. Còn như lúc chẳng niệm Phật, vọng niệm bỗng bột toại bởi chẳng

ngưng nghỉ trong một sát na nào hết thì các ông làm sao biết được?

* Cổ nhân dạy thân cận minh sư, cầu thiện tri thức, nhưng thật ra thiện tri thức chẳng thể dùng miệng truyền tâm, trao pháp môn bí mật được, họ chỉ giúp người khác gỡ niêm cõi trói. Đấy chính là “bí mật”!

Nay chỉ tám chữ “*chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn*” chính là pháp môn bí mật để gỡ niêm cõi trói, là đường lớn thênh thênh để thoát sanh tử. Sáng niệm, chiều niệm, đi niệm, ngồi niệm, niệm niệm liên tục tự thành tam-muội, chứ đừng có cầu cái gì khác nữa!

* Tâm vốn chẳng sanh, do duyên hợp mà sanh. Tâm vốn chẳng chết, do duyên tan lìa nên chết. Tựa hồ có sanh tử, nhưng vốn chẳng đến đi. Lãn hội được điều này thì sanh thuận, tử an, thường tịch, thường chiếu. Nếu như chưa làm được như thế thì hãy nên buông bỏ toàn thân, khẳng khăng trì một câu A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ. Giả sử các duyên chưa hết, thọ mạng chưa dứt thì càng phải nên niệm Phật, sẽ có lợi ích lớn. Cổ đức bảo: “*Pháp môn Niệm Phật là thuật trường sanh của đấng Kim Tiên*⁵”.

* Sanh tử chẳng lìa nhất niệm, thậm chí vạn hạnh dù thế gian hay xuất thế gian đều chẳng lìa khỏi một niệm. Nay dùng cái niệm ấy để niệm Phật thì sẽ thiết tha, gần gũi, tinh chuyên, chơn thật xiết bao? Nếu truy xét chỗ bắt nguồn của cái niệm ấy thì nó chính là tự tánh Di Đà,

⁵ Kim Tiên: Kim Tiên: một danh từ người Trung Hoa dùng để gọi Phật. Vì Phật thân sắc vàng ròng (từ kim thân) nên họ Phật là Kim Tiên. Một danh xưng khác cũng thường dùng để chỉ Phật là Hoàng Diện Công (ông mặt vàng).

chính là ý sang Tây của Tổ Sư. Dù cho chẳng ngộ được, cứ nương theo nguyên lực vãng sanh Cực Lạc, cắt ngang sanh tử, chẳng thọ luân hồi thì rốt cục sẽ đại ngộ!

Xin hãy buông bỏ vạn duyên, trong mười hai thời, niệm niệm khăng khăng thì đây chính là điều tôi rất mong mỏi.

* Bảy mươi tuổi từ xưa đã hiếm, sống trăm năm có được mấy người! Nay trong lúc tuổi xế chiều đây chính là lúc buông bỏ hoài bão, thấy rõ thế gian hết như một trường hý kịch, chẳng hề chơn thật. Chỉ còn một câu A Di Đà Phật để đắp đổi tháng ngày, chỉ lấy Tây Phương Cực Lạc thế giới làm quê nhà mình: nay ta niệm Phật, mai sau sanh về Tây phương. Còn gì hay hơn, hãy nên vui mừng lớn lao, đừng sanh phiền não!

Giả sử gặp phải chuyện chẳng như ý hãy liền xoay chuyển ý niệm, gấp rút đề cao câu niệm Phật này, hồi quang phản chiếu: ta là người sống trong thế giới của Phật A Di Đà lẽ nào còn thấy biết như người trong thế gian mà nóng giận, vui vẻ; chỉ nhất tâm niệm Phật. Đây chính là pháp môn đại an lạc, đại giải thoát của những người trí huệ.

* Nguyên do của bệnh tật phần nhiều là do sát sanh; bởi thế, ta nên thiên trọng phóng sanh. Bên ngoài càng thêm sám, trong tâm tự hồi, công đức rất nhiều. Xin hãy để tâm trống trải, quét sạch hết thảy các duyên. Trong cái tâm rỗng rang đó chỉ niệm một câu A Di Đà Phật.

Nói niệm Phật đó thì bất tất phải nhếch mép, động lưỡi; chỉ lặng lẽ dùng tâm nhãn phản chiếu từng chữ phân minh, từng câu tiếp nối từ sáng đến tối, từ tối đến sáng, tâm tâm chẳng hề gián đoạn. Nếu có đau khổ thì cứ nhẫn nại, nhất tâm nghĩ đến câu niệm. Kinh dạy: “*Chỉ tâm niệm Phật một tiếng diệt được trọng tội trong tám mươi*

ức kiếp sanh tử”; bởi thế, công đức niệm Phật rất lớn lao vậy.

* Kẻ học Phật chẳng cần phải trang nghiêm hình dáng, chỉ quý tu hành chơn thật: Hàng tại gia cư sĩ chẳng cần phải áo sòng, khăn đạo. Người còn để tóc có thể mặc thường phục niệm Phật, chẳng nhất thiết phải gõ mõ, đánh trống. Người thích yên tịnh có thể tự lặng lẽ niệm Phật, chẳng nhất thiết phải quây quần lập hội. Người ngại việc cứ tự đóng cửa niệm Phật, chẳng cần phải vào chùa nghe kinh. Người biết chữ có thể tự tuân theo giáo pháp niệm Phật. Ngàn dặm thiêu hương chẳng bằng ngời yên trong nhà niệm Phật. Cung phụng thầy tà chẳng bằng hiếu thuận mẹ cha niệm Phật. Giao du rộng rãi với bè bạn ma chẳng bằng một thân thanh tịnh niệm Phật. Gởi tiền kho kiếp sau chẳng bằng hiện đời làm phước niệm Phật. Van vái, cầu đảo chẳng bằng hồi lỗi sửa mình niệm Phật. Tu học theo kinh sách ngoại đạo chẳng bằng một chữ không biết nhưng niệm Phật. Vô tri bàn xằng lẽ Thiên chẳng bằng ròng chắc, già dặn trì giới, niệm Phật. Mong cầu yêu mỹ linh ứng chẳng bằng chánh tín nhân quả niệm Phật.

Nói tóm lại, đoạn chánh tâm lòng, diệt ác thì người niệm Phật như thế gọi là thiện nhân. Nhiếp tâm trừ bỏ tán loạn thì người niệm Phật như thế gọi là hiền nhân. Ngộ tâm đoạn hoặc thì người niệm Phật như thế gọi là thánh nhân.

* Khuyên người cực nhàn hạ hãy niệm Phật: cưới gả đã xong, con cháu đã yên bề gia thất, an nhàn vô sự; đây đúng là lúc nên tận tâm, tận lực mỗi ngày niệm mấy ngàn câu cho đến cả vạn câu.

Khuyên người lúc bận lúc rảnh hãy niệm Phật: xong việc một nửa hay chưa xong, dù bận hay rảnh, tuy chưa cực nhàn, vẫn có thể lúc bận thì lo lắng công việc, lúc

rảnh bèn niệm Phật. Mỗi ngày niệm mấy trăm câu, cho đến mấy ngàn câu.

Khuyên người bận rộn cùng cực hãy niệm Phật: siêng lo việc nước, bôn ba gia nghiệp, dẫu chẳng có lúc thanh thoi, nhưng cần phải dành lấy dịp rảnh rang trong khi bận rộn để niệm Phật. Mỗi ngày sáng sớm hành Thập Niệm cho đến niệm mấy trăm câu trong cả ngày.

* Pháp môn Niệm Phật bất luận nam, nữ, Tăng, tục, quý, hèn, hiền, ngu, không có một ai là chẳng niệm Phật được!

Nếu là người phú quý, của cải dư dả thì đúng là phải niệm Phật.

Nếu là kẻ bần cùng, nhà hẹp, của ít thì càng phải nên niệm Phật.

Nếu là người có con cháu, việc cúng bái tổ tiên đã có chỗ nhờ cậy thì rất nên niệm Phật.

Nếu là người không con, trợ trợ một thân tự do thì càng phải nên niệm Phật.

Nếu ai có con hiếu thuận, yên hưởng con cái phụng dưỡng thì rất nên niệm Phật.

Nếu ai có con ngỗ nghịch, chẳng sanh lòng yêu thương thì thật đúng là phải niệm Phật.

Nếu ai vô bệnh, thân thể khỏe mạnh thì càng phải nên niệm Phật.

Nếu ai có bệnh, rất gần cơn vô thường thì càng phải nên niệm Phật.

Nếu ai già cả, tháng ngày chẳng còn mấy thì càng phải nên niệm Phật.

Nếu ai tuổi trẻ tinh thần sáng suốt thì thật là rất tốt để niệm Phật.

Nếu ai an nhàn, tâm không bị sự gì khuấy động thì thật đúng là nên niệm Phật.

Nếu là người bận rộn, được đôi lúc nhàn rỗi giữa khi bận rộn thì càng phải nên niệm Phật.

Nếu là người xuất gia, tiêu dao ngoài cõi đời thì càng phải nên niệm Phật.

Nếu là kẻ tại gia biết cõi đời đúng là nhà lửa thì càng phải nên niệm Phật.

Nếu ai thông minh, thông hiểu Tịnh Độ thì rất nên niệm Phật.

Nếu là kẻ ngu si, thô lỗ, không làm gì khác nổi thì thật đúng là nên niệm Phật.

Nếu ai trì luật mà Luật lại do Phật chế ra; vì thế, rất nên niệm Phật.

Nếu ai đọc kinh thì kinh là do Phật dạy, càng phải nên niệm Phật.

Nếu ai tham thiền, do Thiền là tâm Phật nên càng phải nên niệm Phật.

Nếu ai ngộ đạo thì ngộ cần phải được Phật chứng cho nên càng phải niệm Phật.

Khuyên khắp mọi người hãy cấp bách niệm Phật. Chín phẩm vãng sanh, hoa nở thấy Phật, gặp Phật nghe Pháp, rót ráo thành Phật mới biết rằng tâm vốn dĩ là Phật.

* Chỉ cần niệm Phật, tôn xưng đã thành quy kính. Sáu chữ, bốn chữ thật chẳng sai khác gì. Có điều là do pháp truyền lâu ngày hóa tệ, biến thành lê thê: khoa chiêng, thúc trống, như xướng, như ca, thồn thúc, rên siết như gào, như quát; thiên nhĩ nghe thấy chẳng buồn bã hay sao? Nhưng dù là xưng danh một cách hoan hỷ hay nóng nảy cũng vẫn gieo trồng nhân lành, quả báo tương lai chẳng thể nghĩ bàn. Kẻ phàm tình mê muội chứ người trí thì biết rõ!

Nhận định:

Người biết chữ có thể tự tuân theo giáo pháp niệm Phật, chẳng luận là sự trì hay lý trì, chỉ cốt chuyên chí bất nhị, niệm niệm tiếp nối thì sẽ tự thành tam muội, chẳng cần phải cầu được khẩu truyền, tâm truyền; nhưng chẳng được chấp lý phế sự, chiêu cảm cái họa đọa lạc!

10. Trích yếu Mộng Du Tập của đại sư Hám Sơn Đức Thanh đời Minh

* Phật dạy pháp tu hành thoát sanh tử có nhiều môn phương tiện, chỉ có pháp Niệm Phật Cầu Sanh Tịnh Độ là thiết yếu, nhanh tắt nhất.

Kinh dạy: *“Muốn tịnh cõi Phật thì nên tịnh tự tâm”* nên nay tu hành Tịnh nghiệp phải lấy tâm trong sạch làm gốc. Muốn tịnh cái tâm mình thì điều trước tiên là giới căn phải thanh tịnh vì ba điều ác nơi thân, bốn điều ác nơi miệng, ba điều ác nơi ý chính là mười nghiệp ác tạo thành khổ nhân của tam đồ.

Điểm cốt yếu của trì giới là trước hết phải tam nghiệp thanh tịnh thì tự tâm thanh tịnh. Thân chẳng giết, trộm, dâm thì thân nghiệp sẽ thanh tịnh. Miệng chẳng nói dối, nói thêu dệt, nói đôi chiều, ác khẩu thì khẩu nghiệp sẽ thanh tịnh. Ý chẳng tham, sân, si thì ý nghiệp sẽ thanh tịnh. Dứt vĩnh viễn mười điều ác như thế thì tam nghiệp trong suốt như băng. Đây là yếu quyết để tịnh tâm. Trong cái tâm thanh tịnh ấy, nhằm chán nỗi khổ Sa Bà, phát nguyện vãng sanh An Dưỡng, lập chánh hạnh Niệm Phật.

Điều cốt yếu của Niệm Phật là tâm thiết tha: trước hết phải đoạn ngoại duyên, chỉ vâng giữ nhất niệm, lấy một câu A Di Đà Phật làm mạng sống, niệm niệm chẳng quên, tâm tâm chẳng đoạn. Trong mười hai thời, đi, đứng, nằm, ngồi, cầm muống, co tay, gập, xoay, cúi, ngửa, động, tịnh, rảnh, bận, trong hết thấy lúc chẳng ngu, chẳng muội, không có các duyên khác. Dụng tâm như vậy lâu ngày thuần thục; thậm chí trong mộng cũng chẳng quên mất.

Ngủ hay thức giống hệt nhau thì công phu miên mật đúc thành một khối. Đây là lúc đã đắc lực vậy.

Nếu niệm đến mức nhất tâm bất loạn thì khi mạng chung, cảnh giới Tịnh Độ hiện tiền, tự nhiên chẳng bị sanh tử giam cầm nên cảm được Phật A Di Đà phóng quang tiếp dẫn. Đây chính là cách hiệu nghiệm để nhất định được vãng sanh.

* Tu Huệ bằng quán tâm; tu phước nơi vạn hạnh. Quán tâm lấy niệm Phật làm quan trọng nhất, vạn hạnh lấy hạnh cúng dường làm đầu. Hai điều ấy bao gồm hết thảy.

Trong hết thảy những việc làm hằng ngày của chúng ta, khởi tâm động niệm đều là vọng tưởng, là gốc sanh tử; cho nên chiêu lấy quả khổ. Nay đem cái tâm vọng tưởng chuyển thành tâm niệm Phật thì mỗi niệm trở thành cái nhân Tịnh Độ, tạo thành quả vui. Nếu niệm Phật tâm tâm chẳng dứt thì vọng tưởng tiêu diệt, tâm quang phát lộ, trí huệ hiện tiền, trở thành Pháp Thân của Phật.

Sở dĩ chúng sanh bản cùng không phước huệ là do đời đời, kiếp kiếp chưa từng một niệm cúng dường Tam Bảo để cầu phước huệ, chỉ lăm lăm vì cái thân sanh tử khổ sở, niệm niệm mong cầu sự vui ngũ dục để vun bồi cõi khổ. Nay đem cái tâm tham cầu cho mỗi một mình ta chuyển thành tâm cúng dường Tam Bảo, đem cái thân mạng hữu hạn nương theo sức mạnh của tâm cúng dường mười phương thì dù chỉ cúng một nén hương, một cành hoa, một hạt gạo, một cọng rau, phước ấy cũng vô tận! Vì vậy, cảm được Phật quả, Hoa Tạng trang nghiêm tạo thành cảnh thọ dụng của chính thân mình trong tương lai. Bỏ qua những điều này thì không hạnh mầu nhiệm nào khác để thành Phật nữa cả!

* Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ là muốn rớt ráo đại sự sanh tử. Nếu chẳng biết cội gốc sanh tử thì biết hướng về đâu để giải quyết trọn vẹn cho được? Cổ nhân nói:

Nghiệp chẳng nặng chẳng sanh Sa Bà;

Ái chẳng đoạn chẳng sanh Tịnh Độ.

Thì biết là Ái chính là cội rễ của sanh tử. Từ khi có sanh tử đến nay, đời đời kiếp kiếp xả thân, thọ thân đều là trôi lăn theo ái dục.

Nay niệm Phật thì trong từng niệm phải đoạn ái căn ấy; tức là trong những cảnh duyên tiếp xúc hiện hữu hằng ngày, người tại gia niệm Phật mắt nhìn thấy con cái, cháu chắt, gia duyên, tài sản, không gì là chẳng yêu mến; không một niệm nào, không một sự gì chẳng phải là kế sách để tăng trưởng sanh tử.

Ngay trong lúc niệm Phật nếu trong tâm chưa từng có một niệm buông bỏ được ái căn thì như vậy chỉ càng niệm Phật, ái chỉ càng thêm lớn. Nếu như có lúc khởi tâm quyen luyến con cái thì hãy hồi quang xem xét một câu niệm Phật có thật sự địch nổi ái niệm ấy hay không? Có thật sự đoạn nổi ái đó hay không? Nếu chẳng thể thật sự đoạn nổi ái ấy thì làm sao rớt ráo thoát khỏi sanh tử được nổi?

Do ái duyên quen thói đã từ nhiều đời, còn niệm Phật thì chỉ mới phát tâm nên còn sơ sài. Lại do niệm Phật chẳng chơn thật, thiết tha nên chẳng đủ sức. Nếu chẳng thể không chế nổi ái cảnh hiện tiền thì lúc lâm chung sẽ chỉ thấy sanh tử ái căn hiện tiền, trọn chẳng thể làm chủ cảnh duyên được nổi! Vì thế khuyên người niệm Phật:

Điều quan trọng nhất là tâm sanh tử tha thiết. Muốn thiết tha đoạn cái tâm sanh tử tha thiết, trong mỗi niệm phải đoạn dần gốc sanh tử thì mỗi niệm đều là lúc liễu sanh tử. Nghĩa là: Những việc trước mắt đều là chuyện sanh tử, trước mắt thấu rõ sanh tử là không.

Niệm niệm chơn thành, thiết tha như thế; [giống như] từng nhát dao cắt xuống đều tuôn máu. Nếu [tu tập như thế mà] chẳng được thoát khỏi sanh tử thì chư Phật đều mắc tội vọng ngữ hết!

* Học đạo chẳng có tài khéo chi khác, chỉ cốt biến cái sống thành cái chín, biến cái chín thành cái sống; lâu ngày thuần thục đúc thành một khối: niệm niệm Di Đà, khắc khắc Cực Lạc. Kẻ học đạo hiểu biết thiên cận chỉ biết tham cầu lẽ huyền diệu, chẳng biết hướng ngay đến chỗ căn bản để dốc cả tánh mạng ra hạ thủ công phu. Gặp phải cảnh vinh, nhục, họa hoạn, sanh tử liền thấy chân tay cuống quýt. Đấy chẳng những là đã dối người mà còn là tự lừa mình nữa! Cội gốc của sanh tử chính là các thứ vọng tưởng hằng ngày của chúng ta: ta - người, ghét, yêu, tham, sân, si v.v... Các nghiệp phiền não nếu còn mảy may chưa dứt thì sẽ trở thành cội gốc sanh tử.

Nếu ai muốn tham thiền đốn ngộ giải thoát sanh tử thì xin hãy tự xét sức mình có thể thật sự trong một niệm đoạn ngay được phiền não trong bao kiếp như cắt đứt mớ tơ rối hay không? Nếu chẳng đoạn nổi phiền não thì dù có đốn ngộ cũng trở thành ma nghiệp, há có nên xem thường ư!

Xét ra, chư Tổ đốn ngộ đều là do đã tích lũy công hạnh, tu hành dần dần trong nhiều đời nên mới đốn ngộ một chốc. Nói dễ chứ thật rất khó, chứ nào có phải là một dạ công phu trong vòng hai, ba mươi năm là sẽ có thể ngay trong phiền não nhất niệm đốn ngộ được đâu! Cần phải biết rõ căn khí của mình như thế nào.

Còn như một môn niệm Phật thì người đời chẳng biết chỗ nhiệm mầu của nó, coi là thiên cận, chứ thật ra môn niệm Phật bước nào cũng đạp lên Thật Địa! Vì sao vậy? Do vì bọn ta từ lúc có cuộc sống đến nay, niệm niệm vin nín vọng tưởng, tạo nghiệp sanh tử, chưa hề một niệm hồi

quang phản chiếu tự tâm, chưa hề có một niệm chịu đoạn phiền não. Nay nếu thật có thể chuyển cái tâm vọng tưởng thành tâm niệm Phật thì niệm niệm đoạn trừ phiền não. Nếu niệm niệm đoạn được phiền não thì niệm niệm thoát sanh tử. Nếu thật sự có thể nhất niệm niệm Phật chẳng thay đổi, nhất tâm bất loạn thì so ra còn hơn là tham thiền vì tham Thiền còn có thể bị đọa lạc.

Nói chung, chỉ cốt ở chỗ nhất niệm chân thành, thiết tha mà thôi!

Nhưng tham Thiền thì nhất định phải diệt sạch cái tâm thế gian, chẳng dung một niệm vọng tưởng. Còn niệm Phật là dùng tịnh tưởng để hoán chuyển nhiễm tướng, dùng tướng trừ tướng. Căn khí của bọn chúng ta có thể thực hành pháp thay đổi này dễ dàng!

* Tu Tịnh Độ bất tất cầu minh tâm ngộ tánh, chỉ chuyên lấy Niệm Phật làm Chánh Hạnh. Lại lấy bố thí, trai Tăng, công đức tu các phước để giúp trang nghiêm cõi Phật.

Trong tâm niệm Phật, tuy phải phát nguyện vãng sanh, nhưng nếu biết đoạn cái gốc sanh tử trước thì mới có công năng mau chóng. Gốc sanh tử chính là lòng tham đắm các thứ thọ dụng trong thế gian, sắc đẹp, tiếng dâm, vị ngon sướng miệng, hết thảy đều là gốc khổ; cũng như hết thảy các tâm sân nộ, phần hận, chấp trước, si ái.

Đối với hết thảy pháp tà giáo do bọn thầy ma tà ngoại đạo rao truyền đều phải tận tình mưa ra hết, chỉ dốc lòng tin một môn niệm Phật. Mỗi ngày tụng kinh A Di Đà hai lượt, niệm Phật mấy ngàn câu; hoặc chẳng kể đến số, chỉ tâm tâm chẳng quên Phật hiệu.

Phật là Giác. Nếu niệm niệm chẳng quên Phật thì niệm niệm minh giác. Nếu tâm quên Phật thì là bất giác. Nếu niệm đến mức trong mộng vẫn niệm Phật thì chính là thường giác bất muội. Nếu hiện tại tâm này bất muội thì

lúc lâm chung tâm này bất muội, tức là những cảnh lâm lạc của tâm này sẽ bị rơi rớt mất.

Nay việc nước đa đoan vạn mối quyết định chẳng thể tham thiền, chỉ có niệm Phật là tốt nhất, chẳng nệ nhân, bần, động, tịnh, ở hết thầy chỗ nào cũng niệm được. Chỉ là nhất tâm chẳng quên chứ không có cách hay khéo nào khác cả!

* Tham Thiền cần phải lia tưởng; niệm Phật lại chuyên tưởng. Vì chúng sanh trầm luân trong vọng tưởng đã lâu nên lia vọng tưởng thật khó. Nếu có thể biến đổi nhiễm tưởng thành tịnh tưởng thì đó là dùng độc trị độc, là cách thay đổi mà thôi. Vì thế, tham cứu khó ngộ, niệm Phật dễ thành. Nếu tâm thật sự khẩn thiết vì lẽ sanh tử, dùng cái tâm tham cứu niệm Phật thì còn lo chi trong một đời chẳng giải thoát nỗi sanh tử nữa?

* Niệm Phật chính là tham thiền, nào phải là hai pháp. Nghĩa là:

Trong lúc niệm Phật, trước hết, tưởng hết thầy phiền não, vọng tưởng, tham, sân, si, ái, các thứ ý niệm tạp loạn trong lòng mình đều buông bỏ hết, buông bỏ đến mức không còn gì để buông bỏ nữa. Chỉ đề khởi mỗi một mình câu A Di Đà Phật văng vặc phân minh chẳng đoạn trong tâm giống như sợi chỉ xuyên suốt qua từng hạt châu. Lại giống như mũi tên khi cắm ngập [vào đích] chẳng hở trống mảy may nào!

Đốc sức vào định như thế, trong hết thầy nơi chẳng bị cảnh duyên lôi kéo, đánh mất. Đối với mọi sự động tịnh hằng ngày chẳng bị tạp loạn, ngũ thức đều giống hết như nhau. Niệm cho đến lúc lâm chung, nhất tâm bất loạn thì chính là lúc siêu sanh Tịnh Độ vậy.

* Trong pháp môn này:

- Thứ nhất là chí phải quyết định.
 - Thứ hai là phải buông xuống được.
 - Thứ ba là thuận theo duyên, tùy duyên mới an mạng được.
 - Thứ tư là phải thật sự nhẫn nại thì mới chẳng bị làm lạc.
 - Thứ năm là phải khấn thiết chán khổ. Tâm khấn thiết chán khổ thì dục niệm mới tự trừ, chẳng bị lui sụt.
- Đây chính là năm bí quyết để giữ vững mỗi một mình nhất niệm.

* Cách thức tu hành cũng có thứ tự giống như thời khóa công phu của chư Tăng vậy; nhưng chẳng cần phải rập theo khuôn sáo: Lấy niệm Phật làm chính; mỗi ngày sáng dậy lễ Phật liên tục một cuốn kinh Di Đà, lần chuỗi niệm danh hiệu Phật ba hoặc năm ngàn tiếng, hoặc một vạn tiếng. Niệm xong đối trước Phật hồi hướng, phát nguyện vãng sanh cõi kia. Đó là khóa tụng buổi sáng; buổi chiều cũng giống như vậy.

Hàng ngày lấy đó làm định khóa, nhất định chẳng để sót. Dùng pháp này dạy người trong nhà để cùng tu hành đúng pháp rất hay. Đó là Thường Hạnh.

Nếu đề lo cho đại sự sau cùng thì càng phải ra sức công phu khấn thiết: Mỗi ngày trừ hai thời công khóa ra, trong mười hai thời, chỉ giữ một câu A Di Đà Phật ngang ngực, niệm niệm chẳng quên, tâm tâm bất muội. Chẳng nghĩ ngợi gì đến hết thấy việc đời, chỉ lấy một câu Phật hiệu làm mạng sống của chính mình, cắn chặt nơi hàm răng quyết chẳng buông bỏ.

Thậm chí, trong lúc ăn uống, đứng lên, ngồi xuống, đi, đứng, nằm, ngồi, một câu Phật hiệu này luôn luôn hiện tiền. Dù gặp phải hoàn cảnh thuận, nghịch, vui, giận, phiền não, hay lúc tâm bất an, vẫn đem câu Phật hiệu ra ứng phó thì ngay khi ấy phiền não sẽ tự tiêu diệt.

Do phiền não trong mỗi niệm chính là gốc khổ sanh tử nên nay dùng niệm Phật để tiêu diệt phiền não thì đó chính là Phật độ chúng sanh thoát khỏi chốn khổ! Nếu niệm Phật tiêu được phiền não thì sẽ giải thoát sanh tử, chứ còn pháp nào khác đâu!

Nếu niệm Phật đến mức làm chủ được phiền não thì sẽ làm chủ được mộng寐. Nếu đã làm chủ được mộng寐 thì sẽ tự chủ được trong khi bệnh khổ. Nếu đã tự chủ được trong khi bệnh khổ thì lúc lâm chung sẽ phân minh rành rẽ biết mình được sanh về đâu.

Làm được việc này chẳng khó, chỉ cốt một dạ khẩn thiết vì sanh tử, nương tựa một cách quyết định duy nhất vào câu Phật hiệu, không còn mong mỏi, nghĩ đến gì khác! Lâu ngày thuần thực, tự nhiên được đại an lạc tự tại, được đại hoan hỷ thọ dụng, ngũ dục thế gian không thể nào sánh được.

Ngoài cách này thì không còn cách nào ngắn gọn, thẳng tắt hơn được nữa!

Nhận định:

Muốn rớt ráo sanh tử, tâm cần phải khẩn thiết lo sanh tử mà trước hết là cần phải đoạn trừ cội ái của sanh tử. Nhưng ái là thói quen của nhiều đời nên chẳng dễ đoạn; người nhập môn hạ thủ công phu cần phải biến chỗ sống thành chỗ chín, biến chỗ chín thành chỗ sống⁶. Lâu ngày thuần thực thì niệm cực, tình không, ái căn tự đoạn. Các cội gốc sanh tử khác như các thứ vọng tưởng hằng ngày,

⁶ Theo cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, ‘biến chỗ sống thành chỗ chín, biến chỗ chín thành chỗ sống’ nghĩa là: biến cái tâm niệm Phật thô phù, hời hợt thành tâm niệm Phật chắc thật, thuần thực; biến cái tâm tham đắm cảnh duyên, tham, sân, si, tập khí sâu nặng thành mỏng nhẹ.

các phiền não nghiệp như: ta, người, đúng, sai, tham, sân, si, mạn v.v... chẳng mong đoạn trừ mà tự nhiên đoạn trừ!

11. Trích yếu sách Linh Phong Tông Luận của đại sư Ngẫu Ích Trí Húc đời Thanh

* Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ là một môn bao hàm trọn vẹn trăm ngàn pháp môn, chứ chẳng phải là đề cao một môn, phớt bỏ trăm môn khác. Nhưng cần phải thâm nhập một môn, lấy Niệm Phật làm Chánh Hạnh, còn hết thảy các môn Giới, Định, Huệ khác là Trợ Hạnh.

Thực hành cả Chánh lẫn Trợ giống như thuyền đã đi thuận gió, còn kéo căng giây lèo, chóng đến được bờ.

Pháp Niệm Phật tuy nhiều, nhưng Trì Danh là giản tiện nhất. Pháp Trì Danh cũng nhiều, nhưng pháp Trì Danh Nhớ Số là ổn đáng. Người thực hành chơn thật, thuần thực nào có mong làm khác kẻ ngu phu, ngu phụ đâu?

* Để thoát khỏi nhà lửa tam giới có hai đường dọc và ngang:

a. Dùng tự lực để đoạn hoặc, vượt khỏi sanh tử thì gọi là vượt tam giới theo chiều dọc (thụ xuất tam giới), khó tu, kết quả chậm chạp.

b. Nuông Phật lực tiếp dẫn sanh về Tây phương thì gọi là vượt khỏi tam giới theo chiều ngang (hoành xuất tam giới); dễ hành, kết quả nhanh chóng.

Tổ Huệ Viễn nói: *“Có công hiệu cao, dễ tán tu thì niệm Phật làm đầu”*. Kinh dạy: *“Đời mạt úc úc người người tu hành, hiếm có một ai thành đạo. Chỉ có ai tu theo pháp Niệm Phật mới có thể được độ thoát”* như giọng thuyền vượt biển, chẳng mất công sức.

Ai có thể dốc lòng tin tưởng vào đường tắt Tây Phương, chí thành phát nguyện, nhất tâm niệm Phật cầu

vãng sanh thì thật đúng là bậc đại trượng phu. Còn nếu như lòng tin chẳng chơn thật, nguyện chẳng khẩn thiết, hành chẳng tận sức, dầu Phật đã sắp sẵn thuyền đại từ nhưng chúng sanh chẳng chịu xuống thuyền thì Phật còn biết làm thế nào được nữa?

* Muốn mau thoát nỗi khổ luân hồi thì không có chi bằng pháp Trì Danh Niệm Phật cầu sanh thế giới Cực Lạc. Muốn quyết định sanh về thế giới Cực Lạc thì lại không có chi bằng lấy Tín để dẫn đường, dùng Nguyện để thúc đẩy.

Tin quả quyết, nguyện khẩn thiết thì dù tán tâm niệm Phật cũng chắc chắn được vãng sanh. Tin chẳng chơn thật, nguyện chẳng mạnh mẽ thì dù có nhất tâm bất loạn cũng chẳng được vãng sanh!

a. Thế nào là Tín?

- Một là tin vào nguyện lực của Phật A Di Đà.
- Hai là tin lời dạy của Phật Thích Ca Văn.
- Ba là tin lời khen ngợi của sáu phương chư Phật.

Nếu chẳng tin nổi những điều ấy thì thật chẳng còn cách nào cứu nổi. Vì thế, trước hết phải sanh lòng tin sâu xa, chớ khởi nghi hoặc.

b. Thế nào là Nguyện?

Trong mọi lúc đều nhằm chán nỗi khổ sanh tử cõi Sa Bà, hoan hỷ ngưỡng mộ niềm vui Bồ Đề chốn Cực Lạc. Hễ làm việc gì hoặc thiện hoặc ác; nếu thiện thì hồi hướng cầu vãng sanh, còn ác thì sám nguyện cầu vãng sanh, không còn chí nào khác. Đây gọi là Nguyện.

c. Tín Nguyện cùng đủ rồi thì lấy niệm Phật làm Chánh Hạnh, lấy cải ác tu thiện làm Trợ Hạnh. Tùy theo công sức cạn hay sâu sẽ chia thành chín phẩm, bốn cõi

Tịnh Độ, chẳng sai sót mảy may! Chỉ nên tự mình suy xét lấy, chẳng cần phải hỏi người khác nữa! Nghĩa là:

Tin sâu, nguyện thiết niệm Phật mà lúc niệm Phật tâm hay tán loạn thì sẽ đạt hạ phẩm hạ sanh.

Tán loạn giảm thiểu thì là hạ phẩm trung sanh.

Không còn tán loạn sẽ là hạ phẩm thượng sanh.

Niệm đến mức Sự Nhất Tâm Bất Loạn, chẳng khởi tham, sân, si thì thuộc về ba phẩm trung sanh.

Niệm đến mức Sự Nhất Tâm Bất Loạn, trong ba thứ kiến hoặc, tư hoặc và trần sa hoặc, tùy ý đoạn trước một thứ và cũng đoạn trừ được vô minh thì sẽ sanh trong ba phẩm thượng sanh.

Vì vậy, tín nguyện trì danh niệm Phật sẽ thuộc trong chín phẩm là điều đích xác chẳng sai!

Thêm nữa, tín nguyện trì danh: tiêu trừ nghiệp chướng, mang theo hoặc chướng đi vãng sanh chính là Phạm Thánh Đồng Cư Tịnh Độ.

Đoạn sạch kiến hoặc và tư hoặc mà vãng sanh thì chính là Phương Tiện Hữu Dư Tịnh Độ.

Phá nát một phần vô minh mà vãng sanh thì chính là Thất Báo Trang Nghiêm Tịnh Độ.

Trì đến mức rốt ráo, đoạn sạch vô minh rồi vãng sanh thì chính là Thường Tịch Quang Tịnh Độ.

Vì thế, Trì Danh có thể đạt đến bốn cõi Tịnh Độ cũng là chuyện đích xác chẳng sai lầm!

Hỏi: Trì danh như thế nào để có thể đoạn được vô minh?

Đáp: Đối với danh hiệu của đức Phật được trì, chẳng cần biết là ngộ hay chưa, không gì chẳng phải là nhất cảnh tam đế. Cái tâm trì niệm chẳng cần biết là đã đạt hay chưa, không gì chẳng phải là nhất tâm tam quán⁷. Chỉ vì chúng sanh vọng tưởng chấp trước, tình kiên phân biệt

⁷ Nhất tâm tam quán: Tam Quán là Trung Quán, Giả Quán, và Không Quán.

nên mới chẳng thể khế hợp Viên Thường; họ nào biết Năng Trì (tâm trì niệm danh hiệu Phật) chính là Thi Giác, Sở Trì (đức Phật được ta trì niệm) chính Bôn Giác.

Nay cứ thẳng một bề trì niệm, ngoài việc trì niệm nào có đức Phật, ngoài đức Phật nào có trì niệm, Năng lẫn Sở bất nhị thì Thi Giác khế hợp Bôn Giác, gọi là Cứu Cảnh Giác.

* Pháp môn Niệm Phật chẳng có gì là kỳ đặc, chỉ quý ở chỗ tin tới nơi, giữ cho ổn, cứ thẳng một đường mà niệm, hoặc là ngày đêm niệm mười vạn tiếng, hoặc năm vạn, ba vạn, lấy con số nhất định chẳng khuyết làm chuẩn. Trong suốt một ngày, niệm ra tiếng đến tàn một cây hương, rồi niệm thầm đến tàn một cây hương. Cứ xoay vần không gián đoạn [như thế], lấy Nhất Tâm Bất Loạn làm hạn. Suốt cả đời này thể không biến cải. Nếu chẳng được vãng sanh thì tam thế chư Phật đều nói dối. Một khi đã được vãng sanh sẽ vĩnh viễn không bị thối chuyển, các thứ pháp môn đều được hiện tiền.

Kỵ nhất là hôm nay Trương Tam, ngày mai Lý Tứ, gặp người tu theo Giáo môn liền toan tầm chương trích cú. Gặp kẻ tu Thiên bèn nghĩ chuyện tư duy, tham cứu, vấn đáp. Gặp người trì Luật lại nghĩ chuyện đắp y, trì bát. Đấy chính là kẻ chẳng rõ đầu mối, chẳng tỏ lớp lang, chẳng hề biết rằng niệm A Di Đà Phật đến mức thuần thực thì giáo lý tối cực thuộc mười hai bộ của Tam Tạng đều nằm gọn trong ấy, một ngàn bảy trăm công án là cơ quan để hướng thượng cũng nằm gọn trong ấy, ba ngàn oai nghi, tám vạn tế hạnh, tam tụ luật nghi cũng nằm gọn trong ấy.

Có thể thật sự niệm Phật, chẳng khởi tham, sân, si nữa thì đó chính là Đại Trì Giới. Chẳng phân biệt ta-người, đúng-sai chính là Đại Nhẫn Nhục. Chẳng chút gián đoạn, lai tạp chính là Đại Tinh Tấn. Chẳng còn rong ruổi theo

vọng tưởng chính là Đại Thiên Định. Chẳng bị các thứ ngoắt ngoéo mê hoặc chính là Đại Trí Huệ.

Hãy thử tự kiểm điểm: Nếu thân, tâm, thế giới còn chưa buông xuống được, tham, sân, si còn tự phát khởi, thị-phi nhân-ngã còn ôm giữ; gián đoạn, xen tạp còn chưa trừ sạch, vọng tưởng rong ruổi còn chưa vĩnh viễn diệt hết, các thứ ngoắt ngoéo khác vẫn còn mê hoặc được ý chí thì chẳng phải là chơn thật niệm Phật.

Muốn đạt đến cảnh giới Nhất Tâm Bất Loạn thì biện pháp ban đầu là dùng râu chuối để ghi nhớ phân minh, khắc định thời khóa quyết định chẳng thiếu. Lâu ngày thuần thục chẳng niệm mà tự niệm thì sau đấy nhớ số cũng được, chẳng nhớ số cũng xong.

Nếu là kẻ sơ tâm mà lại thích bàn chuyện khán thoại đầu, muốn chẳng chấp tướng, muốn học viên dung tự tại thì toàn là kẻ tin chẳng sâu, hành chẳng tận sức, dẫu có giảng được mười hai phần kinh giáo, hiểu nổi một ngàn bảy trăm chuyện ngữ (công án Thiền) thì cũng đều là chuyện thuộc về sanh tử, lúc lâm chung cũng nhất định vô dụng mà thôi!

Nhận định:

Tổ đã minh thị: Tín Nguyện Trì Danh sẽ đạt đến cửu phẩm và bốn cõi Tịnh Độ. Nếu như Tín chẳng chơn thật, Nguyện chẳng mạnh mẽ thì dù Nhất Tâm Bất Loạn cũng chẳng được vãng sanh.

Lời dạy này thật là thiết yếu; hãy nên tín sâu, nguyện thiết để thẳng đường mà niệm. Niệm đến mức rốt ráo thì vô minh đoạn sạch sẽ vãng sanh về cõi Thường Tịch Quang.

12. Trích yếu sách Tịnh Độ Cảnh Ngữ của đại sư Triệt Lưu Hành Sách đời Thanh

* Niệm Phật cần phải có lòng tin chơn thật:

a. Một là tin rằng tâm, Phật, chúng sanh, cả ba thứ không sai biệt. Ta là Phật chưa thành, Phật Di Đà là vị Phật đã thành, giác tánh vô nhị. Ta tuy hôn mê, điên đảo, sai lầm nhưng giác tánh chẳng hề mất. Ta tuy luân chuyển bao kiếp nhưng giác tánh chưa hề động. Vì thế mới nói: *“Đừng khinh kẻ chưa ngộ, nhất niệm hồi quang sẽ cùng chứng đắc cái ta sẵn có”*.

b. Kế đến, cần phải tin rằng ta là Lý Tánh Phật, danh tự Phật; Di Đà là Cứu Cánh Phật, tánh tuy không hai, nhưng địa vị sai khác một trời, một vực!

Nếu chẳng chuyên niệm đức Phật kia để cầu sanh về cõi ngàì ắt sẽ bị lưu chuyển theo nghiệp, chịu khổ vô lượng. Nói cách khác: Pháp Thân lưu chuyển trong năm đường chẳng được gọi là Phật, mà gọi là chúng sanh!

c. Ba là cần phải tin rằng ta tuy chướng sâu nghiệp nặng, ở trong khổ thành đã lâu, nhưng là chúng sanh ở trong tâm của đức Di Đà; Di Đà tuy là vạn đức trang nghiêm ở xa ngoài mười vạn ức cõi nhưng vẫn là đức Phật trong tâm ta.

Tâm, tánh đã là vô nhị thì tự nhiên cảm ứng đạo giao, tâm khổ thiết của ta ắt cảm, tâm từ bi của Phật ắt ứng như nam châm hút sắt, chẳng còn ngờ chi.

Đầy đủ những lòng tin chơn thật như vậy thì dù một mảy thiện, một phước nhỏ như hạt bụi đều có thể đem hồi hướng về Tây Phương, trang nghiêm Tịnh Độ. Huống hồ là trì trai, giữ giới, phóng sanh, bố thí, đọc tụng Đại Thừa, cúng dường Tam Bảo, các thứ hạnh lành lại chẳng đủ để làm tư lương Tịnh Độ hay sao?

Chỉ vì tin chẳng chơn thật nên bị chìm trong hữu lậu. Vì thế, ngày nay tu hành chẳng có yếu thuật nào khác cả; chỉ cốt trong mười hai thời, thêm vào ba thứ lòng tin chơn

thật ấy thì chẳng cần phải thay đổi hết thấy điều gì mình đang tu tập cả.

* Nếu luôn luôn nghĩ lo việc Sa Bà, một ngày nóng mười ngày lạnh, tâm chẳng chuyên dốc, lúc gặp ngũ dục thì như keo như sơn, gặp phải nghịch cảnh bèn kết oán, ôm hận. Đến lúc mạng chung sẽ ngã theo chỗ mình coi nặng, vì Tịnh nhân nhỏ yếu nên khó thoát khỏi chón khổ. Đây chỉ là do chẳng thể bỏ xuống những cái mình xem nặng.

Ai này nên đau đầu nghĩ đến Sa Bà hiểm ác, sớm cầu xuất ly. Bò lê trong lục đạo, tiêu dao nơi chín phẩm, [hai đường] lợi - hại [khác xa nhau] một trời một vực. Hãy nên tu tập nỗ lực, mạnh mẽ tinh ngộ! Ất nên sanh lòng chán, ưa lớn lao, bỏ ướ lấy tịnh; tin rằng sự lấy bỏ này và sự chẳng lấy bỏ vốn chẳng khác gì nhau.

Đừng chuộng hư danh, đừng chấp Không Kiến, chớ để kẻ học Thiền có danh phận nhưng chỉ chứng đắc tam-muội nơi cửa miệng làm ta lầm loạn. Chớ cầu sự linh nghiệm ngay trong sớm tối, vọng cầu ngoài tâm có Phật đến đón khiến ma sự phát động. Luôn lấy Niệm Phật làm Chánh Hạnh, siêng tu các điều thiện làm Trợ Hạnh.

Lại còn quyết ý mài giũa tham, sân, si, khiến cho chỗ nặng biến thành chỗ nhẹ, chỗ sống chín dần, tịnh niệm nối tiếp, nguyện - hạnh hỗ trợ nhau thì tự nhiên trăm ngàn phân ổn thỏa, thích đáng vậy!

* Kính khuyên các bạn: Cần phải có đủ nguyện chơn thật, phát tâm ưa - chán, coi tam giới như lao ngục, coi nhà, vườn như gông cùm, coi thanh sắc như chất độc của loài chim Trầm, coi danh lợi như dây cương, ống khóa, coi mấy mươi năm thời vận cùng thông như giấc mộng đêm qua, coi một kỳ thọ báo trong cõi Sa Bà như ngựa trong quán trọ: vừa hết đêm đã rời đi. Chỉ lấy việc trở về

nhà làm trách nhiệm. Như ý cũng được, bất đắc ý cũng xong, chẳng bỏ lỡ tác bóng, nhất tâm niệm Phật.

Nếu thật sự có thể làm được như thế mà chẳng sanh về Tịnh Độ thì chư Phật đều thành nói dối. Xin hãy cùng gắng lên!

* Bảy ngày trì danh quý ở chỗ Nhất Tâm Bất Loạn, không gián đoạn, không xen tạp, chứ chẳng phải là niệm nhanh, niệm nhiều là hay!

Chỉ nên chẳng rề rà, chẳng gấp gáp, trì danh nghiêm mật khiến cho câu Phật hiệu phân minh vắng vặc trong tâm. Mặc áo, ăn cơm, đi, đứng, nằm, ngồi; một câu hồng danh miên mật chẳng đoạn giống như thở ra, hít vào. Chẳng được tán loạn, nhưng cũng chẳng để chìm mất. Trì danh như thế thì đáng gọi là đạt nhất tâm tinh tấn về mặt Sự!

* Hiện thời, Tịnh nghiệp học nhân suốt ngày niệm Phật, sám hối tội lỗi, phát nguyện mà Tây phương vẫn cách xa là do chưa thể giữ sao cho ngoài chuyện vãng sanh không còn nghĩ chuyện gì khác, chưa nhỏ được gốc ái, để dây tình còn lôi kéo vậy!

Nếu có thể coi chuyện ân ái cõi Sa Bà như nhai sáp; chẳng quản bận, rảnh, động, tịnh, khổ, sướng, buồn, vui, cứ dựa vào một câu Phật hiệu hết như dựa vào núi Tu Di thì hết thấy cảnh duyên chẳng lay động nổi.

Nếu lúc nào biết mình đang mệt mỏi, lười biếng hoặc là tập khí hiện tiền hãy nên mạnh mẽ phát khởi một niệm như tuốt thanh trường kiếm Ý Thiên khiến ma quân không chỗ ẩn trốn, cũng như hỏa lò rục lửa khiến cho vô tử tình thức tiêu tan không sót! Người ấy tuy đang ở trong chôn ngũ trược mà thân đã nghiệm nhiên ngồi trong cõi Liên Hoa, nào còn phải đợi đức Di Đà xò tay, đức Quán Âm khuyên mời mới tin là mình đã vãng sanh nữa!

Nhận định:

Trì danh chẳng cốt niệm nhanh, niệm nhiều là hay, nhưng chẳng nên [nại có đó đây] tà tà, lơ là. Cổ đức trì danh ngày đêm cả một vạn biến, há chẳng phải là niệm nhanh, niệm nhiều đó sao? Câu “*chớ cầu chóng có linh nghiệm, đừng vọng cầu ngoài tâm có Phật đến đón khiến ma sự phát động*” để dạy riêng người tu quán tưởng. Nếu gặp phải ma sự thì nên đề khởi chánh niệm, thâm trì Phật hiệu, vì tà chẳng thắng nổi chánh nên ma sự ắt tiêu diệt, chẳng cần lo sợ.

13. Trích yếu Pháp Ngữ của đại sư Phạm Thiên Tịnh Am Tư Tế đời Thanh

* [Trích từ] thư viết cho cư sĩ Mâu Tịnh Viễn:

“Cư sĩ dựng cầu xong có thể nói là không công nào lớn hơn, nhưng tâm cư sĩ ham làm lành không chán; vừa xong một việc lành này đã làm ngay việc lành khác, đã hay càng hay hơn! Còn việc lớn sanh tử thì như thế nào? Nếu chẳng coi việc lớn sanh tử là gấp, cứ cầm cúi làm lành thì sự lành dù to như núi Tu Di cũng đều là nghiệp duyên sanh tử cả, biết đến ngày nào xong? Thiện sự càng lắm, sanh tử càng rộng! Một niệm ái tâm bao kiếp trôi buộc, có đáng sợ chẳng?”

Cư sĩ tham cứu thấu đạt công án thế gian từ lâu, đã tu tập Tịnh nghiệp Tây Phương từ lâu, nhưng cái tâm sanh tử chẳng thiết, gia duyên chưa buông xuống được, tạ tuyệt nhân tình chưa nổi, tâm niệm Phật chẳng chuyên là vì sao vậy? Vì gốc lợi danh chưa đoạn chẳng? Vì ái niệm lôi kéo, ràng buộc chẳng?

Đối với hai điều ấy, ông nên để tâm suy xét kỹ. Nếu như chẳng thể chặt đứt hết thảy gia duyên, thế sự, tận lực vâng giữ sáu chữ hồng danh mà mong thoát khỏi Sa Bà, mong sanh về An Dưỡng thì khó lắm đây!

Chẳng sanh về An Dưỡng mà muốn thoát khỏi sanh tử; đã chẳng thoát khỏi sanh tử mà muốn khỏi bị đọa lạc thì xét ra càng khó hơn nữa! Ví dù một đời, hai đời chẳng đánh mất thân người, liệu có kham nổi mãi không?

Than ôi! Cư sĩ huệ tâm lạnh lợi, sáng suốt như thế, gia duyên sung túc như thế, con cháu hiền năng như thế, việc gì cũng vừa ý mà còn chẳng thể buông nổi vạn duyên, nhất tâm niệm Phật thì là trời phụ người hay người đã phụ trời vậy? Chẳng lấy việc niệm Phật làm gấp, chỉ lấy chút điều lành nhỏ trong đời làm gấp, chẳng lấy việc lớn sanh tử làm đầu, chỉ coi phước báo nhân thiên là trọng thì là hạng chẳng hiểu trước, sau vậy!

Tuy cư sĩ chẳng cầu phước nhưng thường làm phước, tuy muốn thoát sanh tử nhưng lại bị trở vào trong sanh tử đều là do ông chẳng biết rằng mình đã lơ là cõi kia, đặt nặng cõi này đến nỗi bánh xe đã xoay ngang mà vẫn cứ mong tiến lên được! Bây giờ, việc chính của cư sĩ là nên tạ tuyệt việc đời, nhất tâm niệm Phật, kèm thêm hai chữ “trì trai” mới thật là tận mỹ!

Nói chung, chẳng thể dùng tán thiện khơi khơi để đạt đến cõi Phật Tây Phương, chẳng thể cậy vào luôi biếng để thoát khỏi vạn kiếp sanh tử được! Vô thường nhanh chóng, ngày đêm tới ngay, há chẳng sớm lo liệu hay sao?

Nhận định:

Tạ tuyệt việc đời nhất tâm niệm Phật kèm thêm hai chữ “trì trai” chính là nhiệm vụ quan trọng nhất của hạng người già niệm Phật chúng ta vậy!

14. Trích yếu Ngũ Lục của đại sư Mộng Đông Triệt Ngộ đời Thanh

* Hết thấy pháp môn lấy minh tâm làm chính, hết thấy hạnh môn lấy tịnh tâm làm trọng.

Cách trọng yếu để minh tâm không gì bằng Niệm Phật. Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tại, tương lai nhất định thấy Phật. Chẳng nhọc phương tiện, tự được tâm khai. [Như vậy], niệm Phật chẳng phải là cách trọng yếu để minh tâm hay sao? Cách trọng yếu để tịnh tâm cũng không gì bằng Niệm Phật. Một niệm tương ứng một niệm Phật; niệm niệm ứng với niệm niệm Phật.

Thanh châu gieo vào nước đục, nước đục chẳng thể không trong. Phật hiệu gieo vào tâm loạn, tâm loạn chẳng thể không thành tâm Phật. Như vậy, Niệm Phật chẳng phải là cách trọng yếu để tịnh tâm hay sao? Một câu Phật hiệu gồm đủ những điểm cốt yếu của cả hai môn Ngộ và Tu. Đối với Ngộ thì tin ở trong ấy; đối với Tu thì chứng cũng ở trong ấy. Gồm đủ cả Tín, Giải, Tu, Chứng; những điểm cốt lõi của hết thấy các kinh Đại Thừa, Tiểu Thừa không gì là chẳng vét sạch. Một câu Di Đà chẳng phải là đạo chí yếu hay sao?

* Cái tâm trong một niệm hiện tiền của chúng ta là toàn chơn thành vọng, toàn vọng chính là chơn, trọn ngày bất biến, trọn ngày tùy duyên, chẳng nương theo duyên của Phật giới để nghĩ đến Phật giới thì lại nghĩ đến cửu giới. Chẳng nghĩ đến Tam Thừa sẽ nghĩ đến lục phàm. Chẳng nghĩ đến trời, người thì sẽ nghĩ đến tam đồ. Chẳng nghĩ đến quý, súc sẽ nghĩ đến địa ngục.

Hễ đã có tâm thì chẳng thể vô niệm. Tâm thể vô niệm chỉ có mình đức Phật chứng được; từ bậc Đăng Giác trở xuống thấy đều hữu niệm. Hễ khởi lên một niệm ắt sẽ lạc vào mười giới, mà chẳng có niệm nào ra ngoài mười giới

vì không có gì ngoài mười pháp giới cả. Mỗi một niệm khởi lên là một duyên để thọ sanh. Nếu thực sự biết lý ấy mà chẳng niệm Phật thì có đời nào có!

Nếu tâm này có thể tương ứng với đại từ, đại bi, bình đẳng, công đức của y báo, chánh báo và tương ứng với vạn đức hồng danh thì đó chính là niệm Phật pháp giới.

Nếu có thể tương ứng với Bồ Đề tâm, lục độ, vạn hạnh thì chính là niệm Bồ Tát pháp giới.

Nếu có thể tương ứng với tâm Vô Ngã và Thập Nhị Nhân Duyên thì là niệm Duyên Giác pháp giới.

Nếu có thể tương ứng với tâm Vô Ngã, quán sát Tứ Đế thì là niệm Thanh Văn pháp giới.

Nếu có thể tương ứng với Tứ Thiên, Bát Định và Thập Thiện thượng phẩm thì là niệm Thiên pháp giới.

Nếu tương ứng với Ngũ Giới thì là niệm Nhân pháp giới.

Nếu có thể tu các pháp: Giới, Thiện v.v... nhưng còn ôm lòng sân hận, kiêu mạn, thắng bại sẽ lạc vào Tu La pháp giới.

Nếu tâm nghĩ đến mười điều ác thuộc phẩm hạ một cách thông thả, nhẹ nhàng thì lạc vào Súc Sanh pháp giới.

Nếu tâm nghĩ đến mười điều ác bậc trung nửa do dự, nửa hăng hái thì đọa vào Nga Quỷ pháp giới.

Nếu tâm tương ứng với Thập Ác bậc thượng một cách mạnh mẽ, hùng hổ thì đọa vào Địa Ngục pháp giới.

Thập Ác là giết, trộm, dâm, nói dối, nói thêu dệt, nói đôi chiều, tham, sân, tà kiến. Trái nghịch với mười điều này là Thập Thiện.

Hãy nên tự ngẫm kiểm điểm những ý niệm phát khởi hằng ngày xem chúng tương ứng với pháp giới nào nhiều nhất, tương ứng với pháp giới nào mạnh mẽ nhất thì còn cần gì phải nhọc công hỏi người khác chỗ nào để ngày sau an thân lập mạng nữa!

* Một niệm hiện tiền của chúng ta duyên sanh vô tánh, vô tánh duyên sanh, nếu chẳng sanh Phật giới sẽ sanh trong cửu giới.

Nếu xét về duyên sanh vô tánh thì chúng sanh và Phật bình đẳng, là một, là không. Nếu xét về vô tánh duyên sanh thì mười giới sẽ hơn kém thật khác xa nhau!

Vua A Kỳ Đạt lúc lâm chung bị người hầu [chuyên giữ việc] đuổi ruồi dùng phát trần phát qua mặt, vì khởi lên một niệm sân hận nên bị đọa làm rắn độc.

Một người đàn bà vượt sông, xảy tay, đưa con rơi xuống nước; do cứu con nên cùng bị chìm. Vì bà từ tâm nên được sanh lên trời.

Chỉ do một niệm Từ hay Sân mà phân ra trời và súc sanh. Như vậy, há đâu chẳng dè dặt một niệm duyên sanh lúc lâm chung sao? Nếu như đem tâm này duyên niệm đức Phật Di Đà, cầu sanh Tịnh Độ thì lẽ đâu chẳng được thấy Phật vãng sanh? Nhưng nhất niệm ấy chẳng thể cầu may mà có được, cần phải dốc tấm lòng thành, giữ cho tinh thuần.

Vì vậy, chúng ta phải ngàn niệm, vạn niệm một câu A Di Đà này, niệm suốt ngày, suốt năm, không gì là chẳng vì để một niệm này được thuần thực mới thôi. Nếu quả thật đã đạt một niệm thuần thực thì lúc lâm chung sẽ chỉ có một niệm này, không còn niệm nào khác.

Trí Giả đại sư nói: “*Hễ lâm chung tâm tại định thì tâm ấy là tâm thọ sanh Tịnh Độ*”. Chỉ một niệm này, không niệm nào khác, há chẳng phải là tâm định hay sao? Nếu quả thật niệm được như thế mà chẳng thấy A Di Đà Phật thì sẽ thấy ai đây? Chẳng sanh Tịnh Độ sẽ sanh cõi nào đây? Chỉ sợ chúng ta chẳng tự tin nổi đấy thôi!

* Thật vì sanh tử, phát Bồ Đề tâm, dùng tín nguyện sâu để trì danh hiệu Phật. Mười sáu chữ ấy chính là một đại cương tông của pháp môn Niệm Phật.

Nếu chẳng phát khởi nổi tâm thật sự vì sanh tử thì hết thấy khai thị đều thành hý luận. Hết thấy sự khổ nặng nề trong thế gian không gì hơn được sanh tử. Không kết thúc được sanh tử thì sanh tử, tử sanh, sanh sanh, tử tử, ra khỏi bào thai này, vào trong bào thai khác, bỏ cái da này để lấy cái da khác, khổ chẳng kham nổi! Huống hồ, chưa ra khỏi luân hồi thì khó tránh khỏi đọa lạc: hễ một niệm sai lầm ắt lại vào trong nẻo ác. Tam đồ dễ vào, khó ra. Thời gian trong địa ngục dài lâu, khổ sở nặng nề.

Mỗi phen nghĩ đến, ngũ tạng như nung. Vì thế ta nay nên xót đau nghĩ đến sanh tử như làm tang cho cha mẹ, như cứu đầu cháy. Nhưng, ta có sanh tử, ta cầu xuất ly; hết thấy chúng sanh đều ở trong sanh tử, đều phải nên xuất ly. Bọn họ cùng ta vốn đồng một thể, đều là cha mẹ nhiều đời của ta, là chư Phật trong vị lai. Nếu chẳng nghĩ cách phổ độ họ, chỉ cầu tự lợi thì về lý đã khiếm khuyết mà tâm cũng chưa an.

Huống hồ, đại tâm chẳng phát thì ngoài chẳng thể cảm thông chư Phật, trong chẳng thể khế hợp bốn tánh, trên chẳng thể viên thành Phật đạo, dưới chẳng thể lợi khắp quần sanh thì ân ái từ vô thì làm sao giải thoát nổi, oan khiên từ vô thì làm sao cởi mở nổi? Tội nghiệp bao kiếp khó nổi sám trừ, thiện căn bao kiếp khó bề thành thực. Tu hành điều gì cũng gặp nhiều chướng duyên mà dù có thành được cái gì thì cũng biến thành thiên tiêu. Vì thế, cần phải phát đại Bồ Đề tâm tương xứng với tánh.

Đại tâm đã phát thì nên tu đại hạnh. Nhưng trong hết thấy các hạnh môn, tìm lấy cách thực hành giản dị nhất, dễ thành tựu nhất, ổn thỏa, thích đáng tột bậc nhất, viên đốn chí cực thì không có gì bằng dùng lòng tín nguyện sâu xa trì danh hiệu Phật vậy.

Tín vừa nói đó nghĩa là: lời nói phạm âm của đức Thích Ca Như Lai quyết không dối trá, tâm đại từ bi của đức Di Đà Thế Tôn quyết chẳng nguyện xuống. Hễ lấy

niệm Phật cầu sanh làm nhân ắt sẽ cảm quả gặp Phật vãng sanh giống như trồng dưa được dưa, gieo đậu được đậu; tiếng vang phải vọng theo tiếng, bóng phải nương theo hình. Nhân chẳng bỏ luống thì quả chẳng lỡ làng. Như vậy chẳng cần phải đợi hồi Phật mới có thể tự tin.

Huống hồ tâm tánh một niệm hiện tiền của chúng ta suốt ngày tùy duyên, suốt ngày bất biến, ngang thì trọn khắp, dọc thì tột cùng, đương thể vô ngoại, Tịnh Độ Di Đà đều ở trong ấy. Dùng cái tâm sẵn có Phật của mình để niệm đức Phật sẵn có trong tâm ta thì đức Phật sẵn có trong tâm ta lại chẳng tương ứng với cái tâm sẵn có Phật của ta hay sao? Vãng Sanh Truyện đã ghi đầy đủ những tướng lành lúc lâm chung, há nào lừa dối ta ư?

Tin như thế rồi, tự mong muốn, ưa thích thiết tha. Từ sự vui trong cõi ấy, ngoạn nhìn nổi khổ trong Sa Bà thì lòng chán nhàm càng sâu, như lìa hầm xí, như ra khỏi lao ngục. Từ nổi khổ Sa Bà, vọng trông niềm vui trong cõi kia, vui mừng, ưa thích càng thêm thiết tha như quay về cố hương, như rảo chân đến chỗ có của báu. Nói tóm lại là như khát nghĩ đến uống, như đói mong ăn, như bệnh khổ ước ao thuốc hay, như trẻ thơ mong nhớ mẹ, như tránh kẻ oan gia vác dao bức bách, như ngã vào nơi nước lửa mong gặp được kéo lên. Nếu quả thật có thể khẩn thiết như thế thì hết thấy cảnh duyên chẳng thể dẫn dắt, xoay chuyển được!

Sau đây, dùng cái tâm tín nguyện ấy chấp trì danh hiệu. Trì một tiếng là thành một hạt giống cho chín phẩm sen. Niệm một câu là chánh nhân để vãng sanh. Phải sao cho tâm tâm tiếp nối, niệm niệm chẳng sai, chỉ một mực chuyên cần, chẳng tạp, chẳng gián đoạn, càng lâu càng vững, càng trì càng thiết tha, lâu ngày tự thành một khối, nhập nhất tâm bất loạn.

Nếu thật sự như thế mà chẳng được vãng sanh thì Thích Ca Như Lai hóa ra nói dối, Di Đà Thế Tôn chỉ nguyện xuống; có lẽ nào như thế?

* Nơi ai đầu sanh tử của chúng ta chỉ có hai thứ lực:

a. Một là tâm tình lắm mối, thiên đọa chỗ nặng. Đó là tâm lực.

b. Hai là như người mắc nợ, kẻ nào mạnh hơn sẽ kéo đi trước. Đây là nghiệp lực.

Nghiệp lực rất lớn, nhưng tâm lực càng lớn hơn vì nghiệp không có tự tánh, hoàn toàn nương vào tâm. Tâm có thể tạo nghiệp, tâm có khả năng chuyển nghiệp. Vì thế, cái gì tâm đặt nặng, nghiệp lực nào mạnh nhất sẽ quyết định việc thác sanh.

Nếu tâm chú trọng tu Tịnh nghiệp thì Tịnh nghiệp sẽ mạnh. Tâm nặng, nghiệp mạnh thì chỉ có hướng thẳng về Tây Phương, ngày sau báo hết mạng tận, quyết định sẽ vãng sanh Tây Phương, chẳng sanh vào chỗ nào khác nữa. Giống như cây to, tường to, lúc bình thường đã ngã về phía Tây thì đến ngày nào nó đổ xuống quyết sẽ chẳng ngã sang chỗ nào khác!

Thế nào là tâm chú trọng? Chúng ta tu tập Tịnh nghiệp thì cốt sao tin cho sâu, nguyện cho thiết. Do tín nguyện thâm thiết nên hết thấy tà thuyết chẳng thể lay động, lằm loạn được; hết thấy cảnh duyên chẳng thể dẫn dắt, xoay chuyển được. Nếu ngay đang lúc tu Tịnh nghiệp, đại sư Đạt Ma chợt hiện ra trước mặt bảo:

- Người nên bỏ niệm Phật để thọ trì pháp Thiền Trục Chỉ Nhân Tâm Kiến Tánh Thành Phật.

Thì cũng nên hướng về Tổ làm lễ, thưa:

- Con đã thọ pháp môn Niệm Phật của đức Như Lai, phát nguyện thọ trì, trọn đời chẳng đổi, chẳng dám tự trái bản thể.

Dầu cho đức Thích Ca Như Lai chợt hiện thân dạy:

- Trước đây ta nói pháp môn Niệm Phật chỉ là phương tiện nhất thời, người hãy để pháp môn Niệm Phật lại, ta sẽ vì người giảng pháp môn thù thắng.

Thì cũng hướng về Phật, đập đầu lễ, bày tỏ:

- Con trước đã bảm thọ pháp môn Niệm Phật của Thế Tôn, phát nguyện hễ còn một hơi thở quyết chẳng đổi thay, chẳng dám tự trái nghịch bốn nguyện.

Dù Phật, Tổ hiện thân còn chẳng thay đổi niềm tin của mình, huống là những tà thuyết hư vọng của ma vương, ngoại đạo lại có thể lung lạc, làm loạn mình được ư? Tin như thế mới đáng gọi là sâu. Dầu cho bánh xe sắt nung đỏ xoay vần vũ trên đỉnh đầu, cũng chẳng vì nỗi khổ ấy mà thối thất ý nguyện vãng sanh. Dù cho ngũ dục thăng diệu của Luân Vương hiện tiền, cũng chẳng vì sự vui đó mà thối thất ý nguyện vãng sanh.

Thuận - nghịch tốt bậc như thế vẫn chẳng đổi ý nguyện huống là những hoàn cảnh thuận nghịch nhỏ nhặt của thế gian lại có thể lay chuyển nổi hay sao? Nguyện như thế mới đáng gọi là thiết tha!

Tin sâu, nguyện thiết mới gọi là tâm đặt nặng để tu Tịnh nghiệp thì Tịnh nghiệp ắt sẽ mạnh mẽ.

Do tâm đặt nặng nên dễ thuần; do nghiệp mạnh nên dễ chín. Khi Tịnh nghiệp Cực Lạc đã chín thì nhiễm duyên Sa Bà liền hết nên khi lâm chung dù có muốn cảnh giới luân hồi tái hiện trước mắt, Tịnh Độ Di Đà chẳng hiện diện thì cũng chẳng thể được!

Nhưng tín nguyện như thế cần phải gìn giữ cho thuần thì lúc lâm chung mới chẳng lạc vào ngõ rẽ.

* Biên cả Phật pháp, do Tín thì được vào. Trong pháp môn Tịnh Độ, Tín càng trọng yếu. Xưa kia, Vương Trọng Hồi hỏi Dương Vô Vi: “*Niệm Phật như thế nào để khỏi bị gián đoạn?*” Ông Dương đáp: “*Hễ một phen tin rồi thì chẳng còn nghi nữa!*”. Ông Vương vui vẻ ra đi. Lâu sau,

ông Dương mộng thấy ông Trọng Hồi đến cảm tạ: “*Nhân được ngài chỉ dạy, tôi được đại lợi ích, nay đã vắng sanh Tịnh Độ*”.

* Một là lấy thật vì sanh tử phát Bồ Đề tâm làm đường lối chung cho việc học đạo.

Hai là lấy tín nguyện sâu trì danh hiệu Phật làm Tịnh Độ chánh tông.

Ba là lấy nhiếp tâm chuyên chú mà niệm làm phương tiện để thực hành.

Bốn là lấy việc chiết phục phiền não hiện hành làm trách vụ trọng yếu để tu tâm.

Năm là lấy việc giữ vững tứ trọng giới pháp làm căn bản để nhập đạo.

Sáu là lấy các thứ khổ hạnh để làm trợ duyên tu đạo.

Bảy là lấy nhất tâm bất loạn làm chỗ quy túc của Tịnh hạnh.

Tám là lấy các thứ tướng lành để chứng nghiệm việc vắng sanh.

Tám điều này ai nấy đều nên hiểu biết tường tận. Người tu Tịnh nghiệp chẳng thể chẳng biết.

* Chấp trì danh hiệu là phải khư khư ôm giữ, giữ chắc trong tâm chẳng hề tạm quên, hễ hơi có một niệm gián đoạn hoặc xen tạp thì chẳng phải là chấp trì. Niệm niệm liên tục chẳng hở, chẳng tạp là chơn tinh tấn. Tinh tấn chẳng thôi mới dần dần chứng nhập Nhất Tâm Bất Loạn, viên thành tịnh nghiệp. Nếu đạt đến Nhất Tâm Bất Loạn mà vẫn tinh tấn chẳng ngơi thì sẽ thấy mình khai trí huệ, phát biện tài, đắc thần thông, thành Niệm Phật tam muội; cho đến các thứ tướng lành linh dị đều hiện tiền cả! Nhưng hành nhân chớ nên mang lòng cầu được chứng nghiệm, chỉ nên tận sức cho đạt tới Nhất Tâm Bất Loạn mà thôi!

* Lúc niệm Phật nên buông xuống vạn duyên, chỉ đề giữ một niệm như cứu đầu đang bị cháy, như làm ma chay cho bố mẹ, như gà ấp trứng, như rồng dưỡng châu, chẳng cầu điều chứng nghiệm nhỏ nhặt, chẳng cầu mau thành, chỉ nhất tâm thường nương theo niệm. Đây gọi là vô thượng thâm diệu Thiền. Như vậy thì căn, thân, thế giới đều ngậm biến chuyển theo tâm mình trong mỗi niệm, phàm tâm, nhục nhãn làm sao thấy biết được nổi!

Đến lúc báo hết, mạng tận, Di Đà và thánh chúng chợt hiện trước mặt, hoặc thấy mùi hương lạ, nhạc trời, các tướng thiêng lành; người đời mới cho là Tịnh nghiệp thành thực, nhưng có phải là Tịnh nghiệp đến lúc đó mới thành đâu?

* Niệm Phật nên sanh bốn tâm:

- Một là từ vô thi đến nay tạo nghiệp dướng ấy, nên sanh hổ thẹn.

- Hai là được nghe pháp môn này nên sanh tâm vui mừng.

- Ba là vô thi nghiệp chướng, pháp này khó bề gặp gỡ, nên sanh tâm đau xót.

- Bốn là Phật từ bi như thế nên sanh tâm cảm kích.

Có được một trong bốn tâm này thì Tịnh nghiệp mới có thể thành tựu.

Niệm Phật phải lâu bền, không được gián đoạn. Gián đoạn thì Tịnh nghiệp chẳng thành được nổi!

Hãy nên dũng mãnh, chẳng nên lười mỏi; lười mỏi thì Tịnh nghiệp cũng chẳng dễ thành. Nếu lâu dài mà chẳng dũng mãnh thì sẽ thối thất. Dũng mãnh mà chẳng lâu bền thì chẳng tiến triển nổi!

* Trong lúc niệm Phật chẳng tưởng đến gì khác. Chẳng tưởng đến điều gì khác chính là Chỉ. Trong lúc

niệm Phật nên rành rẽ phân minh; có thể rành rẽ phân minh thì chính là Quán. Trong một niệm đủ cả Chỉ lẫn Quán, không cần có Chỉ - Quán nào khác. Chỉ là nhân của Định; Định là quả của Chỉ. Quán là nhân của Huệ; Huệ là quả của Quán. Một niệm bất sanh, rành rẽ phân minh chính là Tịch mà Chiếu. Rành rẽ phân minh, một niệm chẳng sanh chính là Chiếu mà Tịch.

Có thể làm được như vậy thì Tịnh nghiệp ắt thành. Thành được như vậy thì là thượng phẩm. Từ một người cho đến trăm, ngàn, vạn, ức người tu như thế thì đều thành tựu như thế. Người niệm Phật chẳng nên lưu tâm hay sao?

Nhận định:

Đại Sư ngàn lời muôn lẽ chỉ nhằm dạy ta thật vì sanh tử, phát Bồ Đề tâm, dùng tín nguyện sâu trì danh hiệu Phật. Trong lúc niệm Phật nên buông xuống vạn duyên, chỉ giữ mỗi một niệm, chẳng cầu sự chứng nghiệm nhỏ nhặt, chẳng cầu chóng thành tựu, chỉ nhất tâm dựa vào niệm, niệm đến mức không còn tưởng gì khác thì đó là Chỉ. Niệm đến mức rành rẽ phân minh thì đó là Quán.

Trong một niệm đủ cả Chỉ lẫn Quán, Tịch, Chiếu không hai. Nếu làm được như vậy thì ắt sanh trong Thượng Phẩm. Xin từ đây mà vào, nhiếp tâm chuyên chú mà niệm, chẳng hở, chẳng tạp, tinh tấn chẳng ngơi.

15. Trích yếu các sách Tịnh Nghiệp Tri Tân và Niệm Phật Bách Vấn của đại sư Ngô Khai Khoát Nhiên đời Thanh

* Mở mắt niệm Phật, tâm dễ tán động nên có thể nhắm mắt niệm. Trong lúc niệm Phật, để tâm rỗng rang, đề khởi Phật hiệu, vừa niệm liền nghe, nghe rồi liền niệm,

liên miên chẳng tuyệt. Thực hành lâu ngày ắt sẽ có lúc tương ứng. Chỉ cốt từng chữ chắc thật phát xuất từ ý niệm; từng câu phát sanh từ nơi cầu sanh Tây Phương.

Lại có một pháp hệ niệm: Lúc không niệm Phật thì thường gợi ý niệm nơi thân Phật A Di Đà, tâm thường thanh tịnh, chẳng động, chẳng lay thì sẽ có công hiệu.

* Hỏi: Tọa niệm từ đâu đến?

Đáp: Thân người chỉ có một niệm, ý niệm niệm Phật là nó mà ý niệm [xen lẫn] tọa niệm cũng là nó, vì một niệm ấy chẳng thể hoàn toàn quy về niệm Phật, nên có chưa hoàn toàn thuộc về Phật

Hỏi: Làm thế nào để trừ được tọa niệm?

Đáp: Chẳng tiêu trừ được. Chỉ nên tự phán chán tịnh thân, đem một niệm ấy hoàn toàn hướng đến Phật thì tọa niệm tự mất.

Hỏi: Nhưng nếu tinh lực yếu mệt chẳng thể khiến cho tọa niệm mất được thì lại nên làm như thế nào?

Đáp: Đạo lực chưa đầy đủ nên hay có nhiều tán loạn, thân nhiếp lực căn dần dần quy về thanh tịnh. Lúc tọa niệm khởi, chẳng cần quan tâm đến chúng, ta chỉ biết đến niệm này, lại càng chăm chú nhìn vào tượng Phật, hoặc chú tâm nghĩ nhớ tượng Phật thì tọa niệm tự mất.

Nhưng lâu dần tọa niệm lại khởi, thậm chí vấn vương, quấy nhiễu chẳng cởi bỏ được thì bất tất phải nóng nảy, cứ lắng trong tâm tư khiến cho sáu chữ hồng danh: mỗi chữ theo ý niệm khởi lên thốt ra từ miệng, tai lắng nghe tiếng niệm rõ ràng, rồi lại từ trong tâm niệm lưu xuất. Tuần hoàn đan kín như thế chẳng để gián đoạn thì tọa niệm tự mất.

Nếu có kẻ độn căn chẳng làm được như thế thì sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật, cứ hồi niệm một tiếng liền nhớ chữ Nam, niệm hai chữ nhớ chữ Mô, rồi đến chữ A, chữ Di, chữ Đà, chữ Phật, rồi lại chữ Nam. Liên hoàn ghi

nhận chẳng dứt thì hết thấy tạp niệm không còn chỗ nào để phát khởi được!

Nhận định:

Nhắm mắt, trống lòng, niệm ra liền nghe, thân nhiếp sáu căn, dần dần quy về thanh tịnh thì tạp niệm liền mất. Nương theo thứ tự để ghi nhớ từng chữ cũng như phép “mùi niệm nhớ số” của Tổ Ấn Quang đều là những phép nhiếp tâm rất tuyệt, càng làm thử càng thấy hiệu nghiệm!

16. Trích yếu sách Bốn Mươi Tám Pháp Niệm Phật của đại sư Diệu Không đời Thanh

* Quán đã chẳng dễ thành, Giới cũng chẳng dễ giữ hoàn toàn; các phước chẳng thể mong đạt được trong một sớm một chiều. Diệu ngộ chẳng phải là điều kẻ độn căn đạt nổi. Đại nguyện kiên cố càng hãn hữu. Nếu lại chẳng biết nương vào việc thật thà, chất phác trì danh để ngoi đầu lên thì sẽ phải chìm đắm dài lâu trong biển khổ, mãi mãi chịu luân hồi, ngàn đức Phật từ bi cũng khó thể cứu độ.

Thật thà, chất phác trì danh là chẳng cầu danh lợi, cũng chẳng phô phang tài năng, ngoài bốn chữ A Di Đà Phật chẳng có thêm một mảy vọng tưởng nào nữa!

* Đã dùng tâm ý niệm Phật thì đối với hết thấy những sự tạp thiện, tạp ác, chẳng cần phải bận tâm đến nữa; tức là: đối với những việc bất đắc dĩ để ứng phó vạn duyên trong hằng ngày hãy làm xong liền buông bỏ, chẳng để chúng vương vấn chướng ngại tâm niệm của mình.

Đã dùng cái miệng này để niệm Phật thì chẳng để hết thấy những chuyện giết, trộm, dâm, dối bèn mắng nơi cửa miệng. Nếu trót bàn đến, liền nghĩ: người niệm Phật

chẳng nên như thế, mạnh mẽ niệm Phật mấy câu, dùng sự cảnh tỉnh ấy để tẩy rửa sạch sẽ. Đã dùng cái thân này để niệm Phật thì đi, đứng, nằm, ngồi phải thường giữ cho đoạn chánh. Thân nếu đoạn chánh thì tâm thanh tịnh.

Niệm Phật một tiếng, tay lần qua một hạt. Chỉ niệm bốn chữ, chớ xen lẫn sáu chữ vì niệm bốn chữ dễ thành một khối. Hoặc là niệm đến chữ A thì lần qua một hạt, hoặc niệm đến chữ Đà thì lần qua hạt khác. Hoạch định khuôn phép chớ để lằm loạn. Đây là cách mượn râu chuổi để thúc liễm cái tâm.

Nếu khi thân trí hôn trầm hoặc vọng tưởng bùng bùng nổi lên thì phải phẩn chấn tinh thần, lớn tiếng niệm Phật vài trăm câu để tự thay đổi hoàn cảnh.

Vả lại, nhĩ căn là lạnh lợi nhất, ngoại duyên dễ xâm nhập, tiếng cảm tâm động, tạp niệm toi bời. Chỉ có cách lớn tiếng niệm Phật mới có thể khiến cho nhĩ căn lay động tâm linh, tâm nghe tiếng chính mình, từng tiếng rõ ràng thì hết thấy sự đứng, việc sai tự nhiên mất đi.

Nếu tinh thần tán loạn hoặc lúc quá mệt nhọc thì chẳng cần niệm lớn tiếng, chỉ cần thâm liễm tâm trí, niệm khe khẽ, đợi khi hơi thở sung mãn trở lại, tinh thần hưng phấn mới lớn tiếng niệm Phật.

Nếu tâm và hơi thở chẳng phù hợp nhau, hoặc gặp chỗ không thuận tiện thì chỉ động môi lưỡi, dùng phép Kim Cang Trì, chẳng nệ nhiều, ít, cốt sao mỗi chữ từ trong tâm phát ra. Tâm nhớ đến rồi mới động lưỡi, lưỡi động rồi lại trở về tâm. Lưỡi đã phát ra tiếng, tai lại tự nghe. Đây là tâm niệm, tâm nghe vậy.

Tâm niệm tâm nghe là mắt chẳng nhìn bậy, mũi chẳng ngửi xằng, thân chẳng vọng động, vị chủ nhân ông được bốn chữ A Di Đà Phật mời xuất hiện ra.

Nếu hiềm pháp Kim Cang Trì còn thấy có dấu vết thì tự xưa có phương tiện cực khéo: chẳng cần động miệng thốt ra tiếng, chỉ cần buộc tâm vào một duyên, khế động

lưỡi cho chạm vào răng cửa, tâm và niệm ứng theo nhau, âm thanh rành rẽ, tiếng niệm chẳng thoát qua kẽ răng. Tánh nghe dung thông bên trong: Tâm in theo cuống lưỡi; cuống lưỡi lôi kéo niệm căn, từ nghe nhập lưu, xoay trở lại nghe nơi tự tánh.

Ba thứ ấy dung hội lẫn nhau, niệm niệm viên thông, lâu dần sẽ thành duy tâm thức quán.

* Nếu lắm hôn trầm thì nên vừa đi kinh hành vừa trì. Nếu lắm tán loạn thì ngồi ngay ngắn mà trì, hoặc là quỳ, hoặc đứng, thậm chí là tạm nằm cũng đều làm đủ mọi phương tiện, tùy theo sức trì danh để tự cứu. Cốt sao bốn chữ hồng danh chẳng chịu tạm quên trong một niệm. Đó chính là thuật trọng yếu để hàng phục tâm ma.

Chẳng luận là chỗ sạch hay chỗ dơ, rảnh rang hay bận rộn, cao hứng hay thất ý, chẳng cần biết là niệm được hay niệm chẳng được, chỉ thề rằng cái tâm niệm Phật này cho đến chết cũng chẳng dứt niệm ấy. Vì sao vậy? Nếu hễ một niệm niệm Phật dứt một cái thì hết thấy các tạp niệm: thiện, ác, vô ký lại phát sanh.

Dẫu cho lúc đang đại tiểu tiện, lúc đàn bà đang sanh nở vẫn chỉ biết đến cái niệm. Càng khổ càng niệm, càng đau càng niệm. Sáng cũng niệm, chiều cũng niệm, vô sự cũng niệm, hữu sự cũng niệm, chỗ tịnh cũng niệm, chỗ uế cũng niệm. Chẳng có một niệm nào chẳng phải là Phật thì dù có lúc gián đoạn việc niệm Phật khi phải đối phó việc hằng ngày thì cũng chỉ là gián đoạn việc niệm ra lời, chứ chẳng gián đoạn mạng mạch thật sự. Công phu đến mức như thế thì tâm dễ thành một phiến.

* Hai thời sáng tối, hoạch định thường khóa, từ nay đến chết chẳng tăng, chẳng giảm. Ngoài ra, trong mười hai thời, hễ có thể niệm được một câu liền niệm ngay một câu; có thể niệm được mười câu thì niệm ngay mười câu.

Chỉ cốt sao giữa trăm điều bận rộn, hễ rảnh được một khắc liền buông thân tâm xuống, trì tụng rành rẽ, cốt sao miên mật, liên tục, phấn chấn, thâm liễm thì mới chẳng lờ uổng tác bóng.

Nếu cứ niệm qua quít, chẳng thể chu toàn sự tu tập, luống uổng ngày tháng dần trôi, cô phụ tứ ân thì một mai vô thường chợt tới, biết ứng phó ra sao?

* Lúc đối tượng tượng thì coi tượng ấy là đức Phật thật, hãy nên mặt đối mặt, tâm tưởng niệm, thành kính. Thành kính tột bậc ắt sẽ linh cảm. Nếu lúc không có tượng Phật thì nên ngồi ngay ngắn, mặt hướng về phương Tây. Lúc khởi tâm động niệm thì nên nghĩ quang minh của đức A Di Đà Phật ngưng tụ trên đầu mình; từng chữ, từng câu chẳng để luống uổng thì cũng có thể tiêu diệt được hắc nghiệp.

* Phàm gặp hết thấy cảnh vui mừng, sung sướng xảy tới thì nên biết những điều vui ấy là hư huyền, chẳng thường hằng. Nhân lúc tốt đẹp ấy, hãy hồi quang niệm Phật, nương theo quang minh của Phật hòng thuận theo cảnh đó trừ khử ít nhiều ác niệm [để được] cát tường liên miên, tu hành như ý; thẳng đến khi lâm chung vắng sanh Cực Lạc, há chẳng phải là vui sướng lắm sao?

Phàm khi gặp hết thấy nghịch cảnh xảy tới thì đều coi chúng là những duyên mạnh mẽ mình phải đối diện, chẳng nên tái khởi ác niệm, chỉ thuận theo mà chịu đựng. Cái gì tránh được thì tránh, tiêu được cái gì thì tiêu, chỉ thuận theo nhân duyên, chớ quên niệm Phật. Được Phật quang gia hộ thì cảnh duyên sẽ xoay chuyển. Mỗi khi ác quả trong đời này hay đời trước thành tựu thì khổ báo ắt phải xảy đến. Vì vậy, khổ một phần chính là ác một phần; đừng phó mặc vận mạng rồi chẳng tu tập, chỉ nên then mình chẳng sớm tu hành.

Mỗi khi nghĩ đến điều ấy, lông trên thân dựng cả lên, ngũ tạng tựa hồ rách toạc, bi thương phần uất, đau đớn chẳng muốn sống nữa. Được như vậy thì mỗi chữ đều từ gan, tủy tuôn ra; vậy mới là niệm Phật chơn chánh.

* Hễ thấy kẻ khổ não thì trước hết phải an thân họ, rồi mới chỉ dạy, khai phát tâm họ, khuyên họ niệm Phật. Nói cách khác: cứu khổ một lúc thì bố thí là cần kíp nhất, nhưng để cứu nỗi khổ bao kiếp thì niệm Phật là trọng yếu nhất.

Hoặc nếu thấy người hay vật mắc nạn, sức mình chẳng cứu nổi thì nên gấp rút vì họ niệm Phật để an ủi hồn thức của họ.

Hoặc trong đêm thanh, tụng chú lớn tiếng để thí cho quỷ thần. Phàm năm nào có cuộc chiến lớn, hay dịch bệnh to thì suốt năm canh trì tụng danh hiệu Phật để tiêu tan oán thù, dịch lệ.

Hãy nghĩ rằng một tiếng niệm A Di Đà Phật của mình trên thì thấu tới trời Hữu Đảnh, dưới suốt tột phong luân; chúng sanh nhiều trong các cõi nước nhiều như số bụi trần đều được lợi ích. Sự bố thí ấy chẳng thể nghĩ bàn được!

* Tiếng niệm Phật đã thuần thục, trong Lục Trần chỉ có Thanh Trần [mạnh mẽ nhất], công dụng của sáu căn toàn nhờ vào tai. Thân cũng chẳng tự nhận biết nó xoay chuyển như thế nào, lưỡi cũng chẳng tự nhận biết nó chạm, đụng ra sao, ý cũng chẳng tự nhận biết nó phân biệt thế nào, mũi chẳng tự biết nó hô hấp ra sao, mắt cũng chẳng tự biết nó nhắm mở ra sao. Hai thứ viên thông của ngài Quán Âm và Thế Chí chỉ là một. Căn tức là Trần, Trần tức là Căn. Căn hợp với Trần là Thức. Mười tám giới hòa tan thành một giới. Lúc mới thì chưa điều hòa được, lâu ngày sẽ tự nhập.

Phàm khi niệm Phật thì chọn chỗ đất sạch rộng chừng bốn năm thước, đi kinh hành xoay theo chiều phải một vòng, sau đó mới từ từ cất tiếng niệm, dần dần niệm lớn hơn.

Niệm như thế hết ba vòng xong, tự biết tiếng phát xuất từ tâm mình thấu suốt tâm linh, xoay chuyển khắp hư không, bao trùm trọn vẹn mười phương, trọn khắp pháp giới. Đây là an trụ thân, tâm và thể giới trong câu niệm Phật. Đây là an trụ thân, tâm và thể giới trong câu niệm Phật để niệm Phật vậy. Đây là một cảnh thù thắng để diệt trừ những cấu nhơ trong tâm, hãy nên siêng tu tập.

Tiếng là tiếng của tâm (tâm thanh), ánh sáng cũng là ánh sáng của tâm (tâm quang). Chỗ tâm thanh vang vọng cũng chính là chỗ tâm quang chiếu thấu. An trụ trong tâm thanh niệm Phật chính là an trụ trong quang minh niệm Phật. Đây cũng là cảnh giới thù thắng có thể diệt được cấu nhơ trong tâm, hãy nên siêng tu tập.

Tâm thanh xoay chuyển, tâm quang chiếu rọi, tâm thể tự nhiên hiển lộ. Một phiến chơn tâm này như bức gương tròn lớn, suốt tỏ không gì che lấp. Mười phương, ba đời, ta, Phật, chúng sanh, đời trước, chốn khổ, cõi tịnh, đài sen đều là hình ảnh in bóng trong gương. Thanh ở trong quang, quang lại phát xuất từ gương. Đây là cảnh giới thù thắng nhất có thể vĩnh viễn diệt trừ được cấu nhơ trong tâm, càng phải nên lưu tâm tu tập.

* Chẳng tạp là Chi, Chi là cơ sở của Định vì tạp niệm dứt thì chánh niệm hiển hiện.

Tạp niệm có ba loại: một là thiện niệm, hai là ác niệm, ba là vô ký niệm (không thiện, không ác). Trừ sạch ba thứ ấy thì mới là chẳng tạp.

Tâm phải vắng lặng, có vắng lặng thì thiện niệm, ác niệm mới chẳng sanh. Tâm cần phải tỉnh thức, tỉnh thức thì vô ký niệm mới chẳng sanh.

Ngoài Phật không có niệm nên thường vắng lặng; trong niệm có Phật nên thường tỉnh thức.

Chẳng trụ là Quán. Quán là cốt lõi của Huệ. Một câu trước đã qua, một câu sau chưa tới, một câu hiện tại cũng chẳng trụ, phân minh rành rành nhưng bất khả đắc; tuy bất khả đắc nhưng phân minh rành rành.

Nếu khi niệm Phật chẳng hôn trầm, chẳng tán loạn thì Chỉ, Quán, Định, Huệ viên thành trong mỗi niệm.

Trì giới cấm của Phật để trị thân, trì danh hiệu Phật để trị tâm. Trì lâu ngày thì tâm thuần, trì lâu ngày thì tâm rộng không; tánh của niệm và tánh của giới chẳng có hai vậy. Khư khư trì giới chẳng để sơ xảy, khắng khít niệm Phật thì lúc lâm chung sẽ đánh nát Quỷ Môn Quan, trốn khỏi tam giới. Nếu trì giới đến mức sâu dày thì đem [công đức ấy] hồi hướng Tây Phương, ắt sanh Trung Phẩm. Nếu chưa làm được như vậy thì hãy siêng niệm Phật như cứu đầu cháy.

Phải biết rằng người niệm Phật thì tâm kẻ ấy chính là tâm từ của Phật, hành bi hạnh của Phật, phát nguyện rộng lớn tế độ chúng sanh, vì khắp hết thấy các cấu nhiễm oán triền mà sám hối, hết thấy công đức dù nhỏ nhất hay to lớn đều hồi hướng Tây Phương. Như vậy mới là chánh nhân của Niệm Phật vậy.

* Một việc vừa xong, một lời vừa dứt, còn chưa niệm Phật ngay mà bốn chữ danh hiệu Phật đã cuộn cuộn hiện ra thì đó là dấu hiệu tam muội dễ thành. Trì danh chẳng lười nhác, khoan khoái lại càng khoan khoái hơn. Lúc niệm Phật trì rành rẽ bốn chữ này, ý niệm chẳng chuyển. Bốn chữ bỗng nhiên tạm dừng, nhưng cũng chẳng có niệm nào nghĩ đến bốn chữ này, mà cũng chẳng có niệm nào rời khỏi bốn chữ này, cũng chẳng có niệm nào ra ngoài bốn chữ này. Như vậy, có thể nói là tạm đắc cảnh giới thù thắng, chứ chưa phải là chơn tâm rộng không.

Nhưng cứ chăm chỉ niệm Phật thì cảnh ấy sẽ càng hiện, tâm dần dần trống không. Nếu như một niệm tâm trống không rồi dần dần hôn trầm thì là vô huệ.

Phải biết là tâm càng trống không thì niệm càng nhạy, tâm càng không thì niệm càng tịnh; vì ta ở trong tâm Phật niệm đức Phật trong tâm của ta, không với chẳng không còn ở chỗ nào đây? Giống như mặt trời và mặt trăng xoay chiếu thế gian; diệu giác viên minh hết như thế ấy.

* Trong khi hoạn nạn mà phát tâm niệm Phật ắt sẽ có linh ứng lạ lùng. Tuy khắp nơi giặc giã, cả làng tạt dịch mà cầu Phật gia hộ cho thì một người niệm, một người an, trăm người niệm, trăm người an. Không phải là Phật có lòng riêng tư, lúc nào ngài cũng ở trong ánh sáng bình đẳng, vô tâm ứng hiện. Vì có sao? Vì động niệm ra tiếng thì cảm được quang minh của Phật chiếu trên đỉnh đầu mình, tự nhiên niệm niệm đầy đủ, niệm niệm bền chắc, niệm niệm dài lâu, được quang minh của Phật gia bị, thiện thần ủng hộ, tự có thể lìa nạn. Chớ nên thay đổi niệm.

* Lúc lâm chung nếu có thể niệm lớn thì niệm lớn tiếng, chỉ có thể niệm nhỏ tiếng thì niệm nhỏ tiếng. Hoặc nếu như niệm lớn, niệm nhỏ cũng đều chẳng nổi thì hãy đem bốn chữ [Phật hiệu] thâm nhớ trong lòng, chớ để quên mất. Người hầu hạ chung quanh nên luôn luôn dùng bốn chữ ấy để nhắc nhở, cảnh tỉnh. Phải biết là trăm kiếp, ngàn đời ta bị lạc lối toàn là do lúc ấy chẳng giữ được một niệm phân minh. Vì sao vậy? Luân hồi sáu nẻo đều là do một niệm làm chủ. Nếu một niệm chuyên chú nơi Phật thì dù thân xác tan hoại, thần thức vẫn chẳng tán loạn, liền nương theo một niệm mà vãng sanh Tịnh Độ vậy!

Than ôi! Chỉ cốt phải nhớ bốn chữ A Di Đà Phật đừng quên!

Nhận định:

Miệng niệm tai nghe, tâm niệm tâm nghe, thần thức niệm thần thức nghe chính là bí quyết niệm Phật gồm mười hai chữ của Đại Sư.

Xin hãy thực hành tai nghe từ miệng niệm sao cho rành rẽ phân minh, chẳng tán loạn, chẳng hôn trầm thì đó là cảnh giới bất loạn. Tạm đạt được mức chí tâm niệm và nghe thì là đã thâm nhiếp sáu căn. Còn nếu đạt đến mức thần thức niệm thần thức nghe thì chẳng phải là Tịch đến cùng tột, Chiếu đến cùng tột hay sao?

Chỉ niệm bốn chữ vì dễ thành một phiền; nhưng ở chỗ bản thủ và lúc đại tiểu tiện thì chỉ nên niệm thầm hoặc tâm niệm. Niệm ra tiếng là chẳng cung kính. Lúc đàn bà sanh nở nên niệm rõ ra tiếng vì niệm thầm thì do tâm lực ít nên cảm ứng cũng nhỏ, hoặc đến nỗi do nín hơi nên mắc bệnh vậy!

17. Trích yếu Ngũ Lục của đại sư Trác Tam Đế Nhân thời Dân Quốc⁸

* Trì danh niệm Phật thì cần phải tin chơn thành, nguyện thiết tha, hạnh thuần thực. Trước hết phải buông bỏ những tư tưởng hồ đồ, lộn xộn, hết thầy tạp niệm, chỉ giữ chánh niệm, đem bốn chữ Phật hiệu hệ niệm trong tâm.

Chẳng cần phải niệm lớn tiếng một lúc lâu, chỉ e tổn thương nguyên khí đến nỗi bị đau họng. Nếu lúc bị hôn

⁸ Dân Quốc là thời gian kể từ năm 1911 trở đi. Sau cách mạng Tân Hợi (1911), nhà Thanh bị lật đổ, chính quyền dân chủ được thành lập và đổi tên nước Đại Thanh thành Trung Hoa Dân Quốc. Năm 1911 được gọi là năm Dân Quốc thứ nhất. Hiện ở Đài Loan vẫn còn thông dụng cách tính niên đại theo năm Dân Quốc, chẳng hạn năm 2002 là năm Dân Quốc 91.

trầm, buồn ngủ thì nên niệm lớn tiếng để trừ hôn ám. Cũng chẳng nên niệm Phật nhỏ tiếng một thời gian dài, dễ bị tán loạn, hôn trầm, kéo lo nghĩ lại nổi lên. Nếu lúc các ý nghĩ khởi lên thì tự biết tâm chẳng quy nhất, nên gom tâm về chánh niệm, niệm làm thâm. Câu niệm từ miệng thoát ra, tai đón nghe lấy thì gọi là tai miệng truyền nhau, tự - tha chẳng cách trở.

Cách này dễ thực hành nhất, lại dễ thuần thục, lâu ngày thành Niệm Phật Tam Muội.

Nhận định:

Kinh Văn Thù Sở Thuyết Ma Ha Bát Nhã chép: “*Như người học bắn, tập lâu ngày thành khéo. Sau này tuy vô tâm mà bắn ra phát nào cũng trúng*”.

Xin hãy chỉ giữ chánh niệm, âm thầm mà niệm, lâu ngày thuần thục tự thành tam muội như tập bắn lâu ngày thành quen, dẫu vô tâm vẫn bắn trúng.

18. Trích yếu sách Văn Sao Chánh Tục Tam Biên đại sư Ấn Quang Thánh Lượng thời Dân Quốc

* Hữu tình phàm phu nghe nói pháp môn Tịnh Độ này thì hãy nên tin Sa Bà rất khổ, Tây Phương cực vui, phải tin rằng từ nhiều kiếp đến nay, ta nghiệp chướng sâu nặng, nếu chẳng nhờ vào Phật lực khó lòng xuất ly; phải tin hễ cầu vãng sanh thì đời này sẽ quyết định được vãng sanh, phải tin niệm Phật quyết định là được Phật từ bi nhiếp thọ.

Do tin như vậy, kiên định nhất tâm nguyện lìa Sa Bà như tù nhân muốn thoát khỏi lao ngục, không hề có tâm luyến tiếc. Nguyện sanh Tây Phương như lữ khách mong trở về cố hương, há có ý niệm chân chừ. Từ đây, tùy phận, tùy sức chí tâm trì niệm thánh hiệu A Di Đà Phật

chẳng luận là nói năng, im lặng, động, tịnh, đi, đứng, nằm, ngồi, đón khách, tiễn khách, mặc áo, ăn cơm, chăm chăm sao cho Phật chẳng rời tâm, tâm chẳng rời Phật.

* Nếu niệm Phật mà tâm khó quy nhất thì nên nhiếp tâm niệm khẩn thiết sẽ tự có thể quy nhất. Cách để nhiếp tâm không có gì hơn được chí thành, khẩn thiết; tâm chẳng chí thành thì không cách chi nhiếp nổi!

Nếu đã chí thành mà chưa thuần nhất thì nên thường lắng tai nghe, chẳng luận là niệm ra tiếng hay niệm thầm đều phải là niệm phát xuất từ tâm, tiếng phát xuất từ miệng, âm nhập vào tai; tâm và miệng niệm sao cho rành rẽ rõ ràng, tai nghe sao cho rành rẽ, rõ ràng. Nhiếp tâm như thế thì vọng niệm tự dứt.

Nếu như sóng vọng niệm vẫn còn trào dâng thì dùng cách mười niệm nhớ số, dốc toàn bộ tâm lực vào trong từng câu Phật hiệu, tuy vọng niệm có muốn khởi cũng chẳng có sức. Đây chính là diệu pháp rớt ráo để nhiếp tâm, càng làm thử càng thấy hiệu nghiệm.

Lúc niệm Phật thì từ một câu đến mười câu sao cho niệm được phân minh, ghi nhớ phân minh. Niệm mười câu xong lại từ một câu niệm đến mười câu, chẳng được niệm đến câu thứ mười hai hay mười ba. Niệm đến đâu, nhớ đến đấy; chẳng được dùng chuỗi để nhớ mà phải dụng tâm nhớ.

Nếu thấy niệm suốt mười câu là khó thì chia thành hai hơi: từ câu một đến câu năm và từ câu thứ sáu đến câu thứ mười.

Nếu vẫn chẳng đủ sức thì từ câu một niệm đến câu thứ ba, từ câu thứ tư niệm đến câu thứ sáu, từ câu thứ bảy niệm đến câu thứ mười, tức là ba hơi.

Niệm đến mức rõ ràng, ghi nhớ phân minh, nghe cho rõ ràng, vọng niệm không còn chỗ để bén chân thì nhất tâm bất loạn lâu ngày sẽ tự đạt được.

Nhưng lúc làm lụng nếu khó nhớ số thì cứ khăn thiết mà niệm xong. Làm xong việc, lại nhiếp tâm nhớ số thì cái tâm lông bông, lảng xãng sẽ tụ về chuyên chú nơi nhất cảnh Phật hiệu.

* Nhiếp tâm niệm Phật chắc chắn chẳng phải là chuyện dễ dàng, nhưng trong các pháp nhiếp tâm thì chỉ có mỗi cách xoay trở lại nghe tiếng niệm thật là bậc nhất.

* Pháp môn Bảo Vương nương theo hơi thở bao gồm cả Ngũ Đình Tâm Quán. Nếu có thể niệm Phật theo hơi thở thì là đã tu kèm cả hai pháp quán Sổ Tức và Niệm Phật. Nhiếp tâm niệm Phật thì nhiếp tâm dần dần đoạn tuyệt, lòng nóng giận ắt chẳng còn bùng bùng nữa. Một khi hôn trầm, tán loạn đã hết thì trí huệ hiển hiện, cũng phá được ngu si. Đấy lại là pháp môn “nhiếp trọn sáu căn” của đức Đại Thế Chí.

Nay người niệm Phật lợi là thì có lẽ chẳng nên áp dụng cách này, sợ vì chẳng kể số nên sẽ trở thành lười nhác.

Còn người đã cam tâm niệm Phật, nếu chẳng tuân theo pháp này thì tam muội khó thành. Nếu là bậc lợi căn thì trong một thất hay hai thất, quyết sẽ đắc Nhất Tâm; còn như kẻ tối tăm, chậm lụt, tâm tướng yếu kém, nông cạn thì phải tám năm, mười năm mới có thể chẳng loạn!

* Niệm Phật bằng cách truy đánh dễ mắc bệnh. Niệm lớn tiếng, nhỏ tiếng, kim cang trì hay niệm thầm tùy theo tinh thần của mình mà vận dụng cho phù hợp; chớ nên chấp chết vào một cách để đến nỗi bị bệnh ư?

Niệm theo hơi thở chẳng bằng lặng lẽ lắng nghe vì nếu chẳng khéo niệm theo hơi thở sẽ bị bệnh, lặng lẽ lắng nghe chẳng bị mắc bệnh.

* Cảnh tượng của tam muội chỉ có chứng rồi mới hiểu rõ nổi. Nếu bàn đến pháp ấy thì ngay trong lúc niệm Phật, ngay mỗi niệm xoay trở lại quán sát chuyên chú vào một cảnh, chẳng rong ruổi ra ngoài cảnh, niệm niệm soi thấu nguồn tâm; tâm tâm khế hợp Phật thể. Niệm trở lại cái niệm của chính mình, quán ngược lại cái quán của mình. Vừa niệm liền quán, vừa quán liền niệm; cốt sao toàn niệm là quán, ngoài niệm không quán, ngoài quán không niệm.

Tuy quán và niệm đã hòa hợp như nước với sữa nhưng chưa thấu đáo nguồn cội, cần phải hướng đến một niệm Nam Mô A Di Đà Phật bao lượt suy xét đến tột cùng, khắng khít gọn lọc, càng suy xét càng thiết tha, càng gọn lọc càng thân thiết, cho đến lúc tận lực công thuần, đột ngột ý niệm rơi mất, chứng nhập cảnh giới “vô niệm, vô bất niệm”.

Câu nói: *“Linh quang độc diệu, thoát khỏi căn trần, thể lộ chơn thường, chẳng nệ văn tự, tâm tánh vô nhiễm, vốn tự viên thành, chỉ là vọng niệm tức Như như Phật”* đã diễn tả cảnh giới ấy. Công phu đến bậc ấy thì chứng đắc pháp Niệm Phật, cảm ứng đạo giao, thật khéo ra sức. [Người ấy] hiện tại còn chưa ra khỏi Sa Bà nhưng đã thường ở sẵn trong Hải Hội. Lâm chung vượt ngay lên Thượng Phẩm, đón chứng Phật thừa.

* Niệm Phật thì đừng nên dùng pháp quán tâm mà hãy dùng pháp nhiếp tâm. Trong kinh Lăng Nghiêm, Bồ Tát Đại Thế Chí dạy: *“Nhiếp cả sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc tam ma địa; ấy là bậc nhất”*.

Lúc niệm Phật, cái niệm trong tâm (ý căn) cần phải rõ ràng, phân minh, câu niệm nơi miệng (thiệt căn) phải phân minh, rõ ràng; tai (nhĩ căn) phải nghe sao cho rõ ràng, phân minh. Ba căn: tai, miệng, lưỡi, căn nào cũng dốc hết vào câu Phật hiệu thì mắt chẳng thể lờm Đông,

nguyệt Tây, mũi chẳng thể ngửi các mùi hương khác, thân chẳng thể lười biếng, giải đãi. Đây là “nhiếp cả sáu căn”.

Nhiếp cả sáu căn thì dù chưa thể hoàn toàn hết vọng niệm nhưng so với kẻ chẳng nhiếp sáu căn thì tâm thanh tịnh hơn rất nhiều. Vì thế gọi là “tịnh niệm”. Nếu có thể giữ cho tịnh niệm thường liên tục, chẳng có lúc gián đoạn thì tâm sẽ tự có thể quy về một chỗ, cạn thì đắc Nhất Tâm, sâu thì đắc tam muội. Nếu thật có thể nhiếp cả sáu căn mà niệm thì nghiệp chướng quyết định tiêu trừ, căn lành tăng trưởng, chẳng cần phải quán tâm mà tâm tự thanh tịnh, minh bạch, đâu lại đến nỗi mắc phải căn bệnh tâm hỏa nóng nảy?

Quán tâm là cách tu quán căn bản của bên Giáo, chẳng thích hợp với căn cơ người niệm Phật. “Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối” mới là pháp thâm diệu thích hợp với hết thảy các căn cơ: thượng, trung, hạ, hoặc thánh hoặc phàm.

Cần phải biết là việc “nhiếp trọn” đó chuyên chú nơi cái nghe, tức là niệm thầm trong tâm cũng phải nghe vì trong tâm khởi niệm là đã có thanh tướng. Tự tại mình nghe tiếng của chính tâm mình, nhưng phải sao cho rành rẽ, rõ ràng, sao cho thật sự nghe được từng chữ, từng câu rõ ràng thì lục căn mới quy về một chỗ.

So với tu những các pháp quán khác thì cách tu này ổn thỏa, thích đáng nhất, ít tốn sức nhất nhưng lại khế lý, khế cơ nhất.

* Tuy niệm Phật quý ở chỗ tâm niệm, nhưng chẳng thể bỏ miệng tụng vì ba thứ: thân, khẩu, ý hỗ trợ nhau. Nếu tâm có thể ức niệm, nhưng thân chẳng lễ kính, miệng chẳng trì tụng thì cũng khó được lợi ích. Vì thế, kinh Đại Tập có dạy: “*Đại niệm thấy đại Phật, tiểu niệm thấy tiểu Phật*”. Cô đức bảo niệm Phật lớn tiếng thấy thân Phật lớn, niệm nhỏ tiếng thấy thân Phật nhỏ!

Phàm phu đầy dẫy triền phược tâm lăm hôn trầm, tán loạn, nếu chẳng nhờ vào sức lễ, tụng của thân, miệng mà muốn đắc Nhất Tâm thì không có cách nào được!

* Pháp môn Niệm Phật chú trọng Tín, Nguyện. Có Tín, Nguyện thì dù chưa được Nhất Tâm vẫn được vãng sanh. Dù đắc Nhất Tâm, nhưng thiếu Tín, Nguyện thì cũng chẳng được vãng sanh!

Người đời hay chú trọng vào Nhất Tâm, chẳng đặt nặng Tín, Nguyện. Đã bỏ mất điều trọng yếu, lúc sống lại chẳng đạt Nhất Tâm, sợ rằng bị trở ngại, chẳng được vãng sanh toàn là vì trái nghịch với điều kiện: tin chơn thành, nguyện thiết tha vậy. Do vậy, càng phải tăng thêm tín nguyện để đạt Nhất Tâm thì mới là suy nghĩ đúng lối.

Nếu vì chẳng đạt được Nhất Tâm nên thường cứ nghĩ mình chẳng thể vãng sanh thì sẽ thành ra ý nghĩ bại hoại. Chẳng thể chẳng biết điều này!

* Niệm Phật cốt yếu là để thoát sanh tử, mà đã vì sanh tử thì nên tự sanh tâm nhằm chán nỗi khổ sanh tử, tự sanh tâm ưa thích sự vui nơi Tây Phương. Có như thế thì hai pháp Tín và Nguyện thường được trọn vẹn.

Lại thêm chí thành, khẩn thiết như con nhớ mẹ thì ba pháp: Phật lực, Pháp lực, tự tâm tín nguyện công đức lực hiển hiện trọn vẹn như mặt trời rực rỡ trên không, dù có sương dày, băng đóng tầng tầng thì cũng chẳng bao lâu sẽ biến mất ngay!

* Muốn tâm chẳng tham sự việc bên ngoài chỉ chuyên niệm Phật, người chẳng chuyên muốn cho được chuyên, người chẳng thể niệm muốn cho niệm được, người chưa được nhất tâm muốn họ đắc nhất tâm v.v... cũng chẳng có cách nào áo diệu, lạ lùng, đặc biệt chi cả! Cứ lấy một chữ

Chết dán chặt lên trán, cho phủ xuống tận lông mày, tâm thường niệm rằng:

“Tôi tên là... từ vô thủy cho đến đời hiện tại này đã tạo ác nghiệp vô lượng, vô biên. Giả sử ác nghiệp mà có thể tướng thì mười phương hư không chẳng chứa đựng hết được. Đời trước có may mắn chi mà nay được thân người, lại được nghe Phật pháp. Nếu chẳng nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì khi một hơi thở không hít vào được nữa, quyết định sẽ phải thọ khổ nơi vực sôi, lò than, rừng gươm, núi đao nơi địa ngục. Dù thoát được địa ngục, lại đọa trong ngã quý, súc sanh. Dù được làm người thì ngu si tạo nghiệp nên lại đọa lạc, trải qua kiếp số nhiều như vi trần luân hồi sáu nẻo, dù muốn xuất ly vẫn chẳng thể được”.

Niệm được như thế, cầu được như trên thì ngay khi đó sẽ tu tập. Vì thế trong kinh nhắc đi, nhắc lại: “*Nghĩ khổ địa ngục, phát Bồ Đề tâm*”. Đây chính là điều khai thị tối thiết yếu của đấng Đại Giác Thế Tôn.

Lúc niệm Phật phải thường nghĩ đến lúc chết phải đọa địa ngục thì chẳng khẩn thiết cũng sẽ tự khẩn thiết, chẳng tương ứng cũng tự tương ứng. Dùng cái tâm sợ khổ để niệm Phật chính là pháp mâu bậc nhất để thoát khổ, đó cũng là pháp mâu tùy duyên tiêu nghiệp bậc nhất.

* Người niệm Phật chẳng được lạm tu cách tham cứu của nhà Thiền vì tham cứu hoàn toàn chẳng chú trọng đến tín, nguyện cầu sanh. Dù có niệm Phật cũng chỉ chú trọng khán câu “*người niệm Phật là ai?*” để câu khai ngộ mà thôi!

Nếu khai ngộ mà hoặc nghiệp đã hết sạch thì có thể liễu sanh thoát tử; còn nếu hoặc nghiệp chưa tận thì chẳng thể cậy vào tự lực để liễu sanh tử.

Lại vì không có tín nguyện nên chẳng thể nương vào Phật lực để liễu sanh tử. Cả tự lực lẫn Phật lực đều chẳng nhờ cậy được thì muốn thoát luân hồi có được hay chẳng?

* Người niệm Phật chẳng được bắt chước kẻ ngu làm các “Phật sự” như: đốt hình nhân thế mạng, gởi tiền kho [Âm Phủ] v.v... vì: hình nhân thế mạng chẳng phát xuất tự kinh Phật mà do người đời sau ngụy tạo; gởi tiền kho là nguyện sau khi chết làm quỷ, trữ sẵn làm của tiêu dùng trong Quỷ đạo. Đã có ý nguyện làm quỷ thì khó vãng sanh.

Nếu trót đã làm thế, hãy nên bẩm rõ với Phật: “Đệ tử tên là... cầu vãng sanh, trước đây đã gởi tiền kho để tiêu xài trong cõi âm. Nay xin chẵn tẻ hết cho cô hồn” thì mới chẳng chướng ngại việc vãng sanh.

* Người niệm Phật nên ăn chay trường. Nếu như chẳng ăn nổi thì nên giữ sáu ngày chay, hoặc mười ngày chay. Mồng tám, mười bốn, mười lăm, hăm ba, hăm chín, ba mươi là sáu ngày chay. Thêm vào đó ngày mùng một, mười tám, hăm bốn, hăm tám là thành mười ngày chay. Gặp tháng thiếu thì ăn lên ngày hôm trước.

Lại trong ba tháng chay là tháng Giêng, tháng Năm, tháng Chín nên ăn chay trường, tạo các công đức, giảm dần dần cho đến hoàn toàn vĩnh viễn đoạn ác thì mới hợp lý. Dầu còn ăn mặn nhưng nên mua thịt làm sẵn, kiêng hẳn sát sanh trong nhà.

* Niệm Phật cần nhất phải tận hết sức mình giữ đạo đức, ngăn tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, giữ tâm lòng lành, nói lời lành, làm việc tốt: việc gì mình làm được thì nhận biết đúng đắn mà làm; việc gì làm không nổi thì cũng nên phát thiện tâm hoặc khuyên người có khả năng hãy làm. Hoặc là thấy ai

làm được thì sanh lòng hoan hỷ, thốt lời khen ngợi thì cũng thuộc về công đức nơi tâm và miệng.

Nếu tự mình chẳng làm nổi, thấy người khác làm được lại sanh lòng đố kỵ thì thành ra tâm hạnh của kẻ tiểu nhân gian ác, quyết bị giảm phước, tổn thọ, chẳng có kết quả tốt. Hãy nên thống thiết dè chừng!

* Người niệm Phật cần phải hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp. Lại cần phải cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tôi tớ trung thành, đóc trọn phận mình. Chẳng cần biết là người khác đối xử với mình có hết lòng hay không, ta cứ luôn tận hết sức mình, tận sức tận tâm đối với gia đình và xã hội. Như vậy gọi là thiện nhân. Thiện nhân niệm Phật cầu sanh Tây Phương, nhất định khi lâm chung liền được vãng sanh vì tâm người ấy tương hợp tâm Phật nên cảm Phật từ tiếp dẫn.

Lại phải nên khuyên cha mẹ, anh em trai, chị em gái, thê thiếp, con cái, xóm giềng, bạn bè đều thường niệm Phật và Quán Thế Âm Bồ Tát (mỗi ngày niệm một vạn câu Phật, rồi niệm năm ngàn câu Quán Âm. Niệm nhiều ít cứ chiếu theo đó mà gia giảm). Đó là vì việc này có lợi ích rất lớn, nữ nào để người sanh ra ta cùng quyến thuộc, thân hữu của ta chẳng được hưởng lợi ích này hay sao?

Vả lại, khuyên người khác niệm Phật cầu sanh Tây Phương chính là thành tựu phàm phu thành Phật, công đức rất lớn. Dem công đức ấy hồi hướng vãng sanh ắt sẽ mãn nguyện. Hễ tụng kinh, trì chú, lễ bái, sám hối và cứu nạn, giúp nghèo, làm các thứ công đức thì đều nên hồi hướng vãng sanh Tây Phương, tuyệt đối chẳng được cầu hưởng phước báo đời sau trong đường trời, người. Hễ có tâm ấy thì chẳng có phần vãng sanh.

Nếu sanh tử chưa hết thì phước càng lớn nghiệp càng to, thêm một đời nữa khó tránh khỏi đọa trong ba ác đạo:

địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, muốn lại được thân người, lại gặp pháp môn Tịnh Độ hòng thoát sanh tử thật khó như lên trời vậy!

* Quán Thế Âm Bồ Tát thế nguyện sâu rộng, theo tiếng kêu mà cứu khổ. Nếu gặp phải các tai nạn: đao binh, nước lửa, đói kém, nạn châu chấu - sâu rầy, ôn dịch, hạn hán, lụt lội, giặc cướp, oan gia, ác thú, độc xà, ác quỷ, yêu quái, bệnh tật do oán nghiệp, tiểu nhân hãm hại v.v... mà nếu có thể sửa lỗi làm lành, sanh tâm lợi mình, lợi người, chí thành khẩn thiết niệm Quán Thế Âm, niệm niệm chẳng gián đoạn quyết sẽ được ngài từ bi che chở, chẳng có nguy hiểm, tai ách gì nữa!

Nhưng nếu vẫn giữ tâm bất thiện, dù có xưng niệm thì chẳng qua chỉ tạm gieo căn lành trong đời sau, chẳng được cảm ứng ngay trong hiện thời vì Phật, Bồ Tát đều thành tựu cho thiện niệm của con người, chứ tuyệt đối chẳng thành tựu cho người ác niệm. Nếu mơ tưởng niệm danh hiệu Phật, Bồ Tát để thành tựu ác sự cho mình thì nhất định chẳng được cảm ứng, chớ có sanh tâm điên đảo như thế!

* Chỉ nên chơn thật, thiết tha niệm Phật để tự nương vào từ lực của Phật thoát khỏi binh đao, nước, lửa là những thứ do túc nghiệp tạo thành, cũng như chuyển báo nặng địa ngục trở thành báo nhẹ trong đời này. Gặp phải những tai nạn ấy thì thường ngày đã có lòng tin chơn thật, nguyện thiết tha, quyết định sẽ được Phật tiếp dẫn trong lúc ấy.

* Trong lúc có kinh nguyệt, nữ nhân có thể giảm bớt lễ bái, còn thì cứ niệm Phật, tụng kinh đúng như thường lệ. Phải nên thường thay, giặt vải dơ. Nếu tay chạm phải

vải dơ thì nên rửa tay sạch, chớ dùng tay dơ lật kính, thấp hương.

Lúc sanh nở tuy trần truồng, bất tỉnh nhưng là vì không còn cách nào khác, chớ chẳng phải tự ý buông tuồng đến nỗi ấy; nếu có thể chí thành, khẩn thiết niệm Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát ra tiếng rõ ràng thì chẳng bị đau đớn, sanh khó cũng như bị băng huyết sau khi sanh, đứa con bị các chứng kinh phong v.v... Dầu cho khó sanh cùng cực, người đã sắp chết, bèn dạy sản phụ ấy cùng những người sẵn sóc chung quanh cùng cất tiếng niệm Quán Thế Âm Bồ Tát. Người nhà tuy ở phòng khác vẫn có thể niệm giúp, quyết định chẳng đến một khắc công phu liền được sanh nở bình an. Không những chỉ không có tội lỗi gì mà còn khiến cả mẹ lẫn con gieo đại thiện căn.

Nhưng không được niệm thầm trong tâm vì niệm thầm tâm lực nhỏ nhoi cho nên cảm ứng cũng nhỏ. Hơn nữa, lúc ấy cần phải dùng sức để rặn đứa bé ra, nếu niệm thầm thì rất có thể do vì nín hơi nên sẽ mắc bệnh.

* Một câu Phật hiệu miên miên mật mật thường luôn ức niệm. Hễ khi nào giận dữ, dâm dục, hiếu thắng, gắt gỏng v.v... vừa mới nhen nhúm thì hãy liền nghĩ rằng: “Ta là người niệm Phật, lẽ nào lại có phát khởi ý niệm này?” thì niệm vừa khởi lên liền dứt.

Tập lâu ngày thì hết thấy những ý niệm khiến nhọc lòng tồn xác đều không có cách chi phát khởi được; trọn ngày được công đức bất khả tư nghị của Phật gia trì thân tâm, tôi dám bảo đảm là chẳng cần đến mười ngày đã thấy hiệu nghiệm lớn.

Nếu chỉ tình cờ niệm một hai câu mà muốn thấy ngay kết quả thì là dối mình, lừa người, tuy có công đức nhưng muốn do đó mà lành bệnh thì quyết chẳng thể được!

* Niệm Phật ắt phải chí thành, nếu như có lúc trong tâm chợt sanh đau xót thì đó là dấu hiệu thiện căn phát hiện, nhưng chớ có nên thường như thế, nếu không ắt sẽ bị loài ma đau thương dựa. Hễ có chuyện gì thích ý chẳng được hoan hỷ quá mức, nếu không sẽ bị loài ma hoan hỷ dựa.

Lúc niệm Phật mắt nên nhìn xuống, tinh thần chẳng nên căng thẳng quá mức khiến cho tâm hỏa bốc lên, rất có thể sẽ bị các bệnh vật như đỉnh đầu nổi mụn nhọt, đau nhức v.v...

Nên giữ sao cho ở mức vừa phải, lúc niệm lớn tiếng chớ nên quá sức kéo mắc bệnh. Lần chuỗi niệm ngừa được tật lười biếng, nhưng lúc tịnh tọa chẳng được lần chuỗi, vì lần chuỗi thì ngón tay động nên tâm chẳng định, lâu ngày ắt sẽ bị bệnh.

Lúc nằm chỉ nên niệm thầm bốn chữ để tránh nhiều chữ khó niệm. Nếu niệm ra tiếng thì một là chẳng cung kính, hai là dễ bị tổn khí.

* Niệm Phật nhắm mắt dễ bị hôn trầm. Nếu chẳng khéo dụng tâm, hoặc có lúc gặp cảnh ma: Niệm Phật mà trên đầu thấy có vật xoa vỗ hoặc lôi kéo v.v... Đây là do lúc niệm Phật, sóng tâm tưởng hướng lên trên quá đến nỗi tâm hỏa bốc lên.

Nếu sụp mí mắt xuống, hướng tâm nghĩ xuống dưới thì tâm liền chìm xuống chẳng còn bông bênh nữa, tâm hỏa chẳng bốc lên, căn bệnh ấy liền bị tiêu diệt.

Chớ lầm tưởng đây là công phu chứng đắc, cũng đừng sợ là ma cảnh. Chỉ chí thành nhiếp tâm mà niệm và tưởng thân mình đang ngồi hoặc đứng trên hoa sen, nhất tâm tưởng nơi hoa sen mình đang ngồi thì tướng đó sẽ tự mau hết. Nếu chẳng dám tưởng mình đang đứng hay ngồi trên hoa sen vì sợ gặp phải ma sự thì chỉ tướng ngọn lửa tâm

hỏa nằm ở dưới bàn chân thì tâm hỏa sẽ chẳng thể sanh được nữa.

* Thấy Phật chẳng phải dễ dàng, trước khi đạt được Nhất Tâm, tuyệt đối chẳng được manh nha ý niệm thấy Phật. Đã đạt được Nhất Tâm thì tâm hợp với Đạo, tâm hợp với Phật, muốn thấy liền được thấy ngay, chẳng thấy cũng trọn chẳng trở ngại gì.

Nếu muốn gặp thấy Phật, tâm niệm rối bời, ý niệm muốn thấy Phật đóng cứng trong bụng dạ biến thành một căn bệnh lớn trong việc tu hành. Lâu ngày, oan gia nhiều kiếp thừa cơ nương theo tình ý vọng động ấy hiện thành thân Phật để báo oán xưa. Tâm mình không có chánh kiến, toàn thể đều thuộc về ma; một phen trông thấy liền sanh mừng rỡ. Bởi đó, ma nhập trong tim ruột, bị ma dựa phát cuồng, dẫu có đức Phật sống cũng chẳng biết làm cách nào được! Chỉ nên nhất tâm, cần gì phải so đo là thấy Phật hay không thấy Phật cơ chứ? Sau khi đạt Nhất Tâm, chẳng tự biết được lòng mình hay sao? Chẳng thấy Phật thì càng nên tăng tấn công phu; được thấy Phật thì càng nên lắng tâm chuyên tu thì trọn chẳng bị mắc lỗi làm lạc, lại chỉ có cái lợi tăng tấn thù thắng.

* Đóng cửa Phương Tiện, cự tuyệt các sự duyên không cấp bách thì rất có ích. Khi bế quan dụng công nên lấy việc chuyên chú, tinh thuần chẳng hai làm chính. Nếu tâm thật sự được chuyên nhất thì tự sẽ có sự cảm thông chẳng thể nghĩ bàn. Có cảm thông thì tâm càng lại càng tinh thuần, chuyên nhất. Nói cách khác: gương sáng đặt trên đài, gặp hình liền hiện bóng, tự các hình bóng ấy lãng xăng, ăn nhằm gì đến ta?

Lúc tâm chưa chuyên nhất, trọn chẳng nên dùng tâm tháo động, vọng tưởng để cầu cảm thông vì cái tâm cầu được cảm thông ấy lại là đại chương cho việc tu đạo. Hơn

nữa, vì tâm ấy tháo động, vọng tưởng mong ngóng hướng ra ngoài rất có thể khiến cho ma sự khởi lên phá hoại tịnh tâm.

* Gần đây, người tu hành hay bị ma dựa đều là do tâm tháo động, vọng tưởng cầu đạt cảnh giới thù thắng. Đừng nói là cảnh ma, dù thật sự là thắng cảnh đi nữa nhưng nếu cả một đời tâm cứ tham chấp, hoan hỷ thì sẽ bị tổn hại, chẳng được lợi ích, huống hồ cảnh ấy chưa chắc đã là thắng cảnh ư?

Nếu như người ấy có công năng hàm dưỡng, không có tâm tháo động, vọng niệm, thấy các cảnh giới cũng hết như chẳng thấy, chẳng sanh hoan hỷ, tham nhìn, hoảng sợ, kinh nghi thì đừng nói là thắng cảnh hiện đã có ích mà dù ma cảnh hiện cũng vẫn có ích. Vì sao vậy? Chẳng bị ma chuyển thì liền có thể tăng tấn hướng thượng vậy.

* Bóng đen chẳng phải là hình bóng của Phật, Bồ Tát, mà cũng chẳng phải hình bóng của oan gia đối đầu hiển hiện. Vì nếu Phật, Bồ Tát hiện ra thì sẽ thấy được mặt, mắt... rõ ràng; oan gia sẽ hiện tướng đáng sợ. Tướng bóng đen ấy chính là cô hồn có duyên với mình trong đời trước mong nhờ sức niệm Phật, tụng kinh được sanh vào đường lành.

Khi hồi hướng sau khóa tụng hãy nên chuyên vì họ hồi hướng để họ được tiêu trừ ác nghiệp, tăng trưởng thiện căn, vãng sanh Tây Phương khiến họ được lợi ích, chẳng uổng công họ đã một phen khổ sở hiện hình.

* Con người trong những đời trước có nghiệp nào là chẳng tạo. May được nghe Phật pháp thì hãy nên nhận chân tu trì, mới mong tiêu trừ túc nghiệp, siêu độ oan gia. Nếu [oan gia] khó bề tháo gỡ thì hãy nên phát Bồ Đề tâm

và thành tâm siêu độ thì không chi là chẳng giải oán kết được!

Niệm Phật mà nghẹn hơi thì chẳng phải là do thể chất yếu đuối mà chính là vì nghiệp chướng khiến ra như vậy, hãy nên khẩn thiết, chí thành niệm. Nếu như niệm chẳng ra thì trong tâm hãy nên thường tưởng nhớ; khi nào niệm được thì bèn dùng miệng niệm; khi nào niệm không được thì tâm nghĩ đến, tâm nhớ đến. Lâu ngày nghiệp ấy sẽ tiêu.

Từ đây về sau làm gì nên lưu tâm, phải ăn ở cho có hậu. Ăn ở có hậu thì được phước, bạc béo sẽ chẳng được phước. Nếu lại còn khắc nghiệt, hiểm độc, gian xảo hơn thì khác nào như đánh núi cao vót trơ trọi, mưa dầm cách nào cũng chẳng thấm thì cây cỏ làm sao sanh trưởng được!

Nhận định:

Đại Sư là vị Tổ đời thứ mười ba của Liên Tông, ngài minh thị: đừng dùng cách niệm Phật bằng quán tâm mà hãy dùng pháp niệm nhiếp tâm. Chỉ có xoay trở lại nghe là pháp nhiếp tâm tốt nhất. Một chữ, một câu chẳng để luống qua, lâu dần chẳng thôi thối, tự được Nhất Tâm. Tin sâu, nguyện thiết, tận lực mà hành.

19. Trích yếu Pháp Vượng của đại sư Từ Châu Phổ Hải thời Dân Quốc

* Phật có đại trí, biết cơ, biết căn. Chết lòng niệm Phật thì trong bảy ngày là không có ai chẳng đạt Nhất Tâm Bất Loạn. Chẳng chịu chết lòng niệm Phật thì chẳng thể thành tựu được. Tâm vốn hoạt bát, linh thông sao lại bảo là “chết?” Là vì đem cái tâm nghĩ tưởng nhân tình ân

ái, thị phi, danh lợi đòi lấy tâm niệm Phật. Cổ nhân từng bảo:

*“Đánh chết được vọng tưởng,
Cứu được Pháp Thân sống”.*

Ví như kẻ làm giặc, cái tâm làm giặc đã chết rồi, một dạ làm người đàng hoàng. Nếu tâm thật sự chết rồi thì còn ai niệm Phật? Mong muốn niệm đến mức Nhất Tâm Bất Loạn thì lại phải nhất tâm bất loạn mà niệm.

* Niệm Phật cần phải dụng công thiết thực, niệm đến mức không có năng niệm lẫn sở niệm, cũng không có thân, tâm, thế giới, niệm chính là vô niệm. Tạt niệm một phen khởi lên liền thành chướng ngại. Há có phải là sáng niệm dăm câu, tối niệm vài câu là có thể niệm được thành hay sao? Cái niệm để niệm Phật đó phải giống như chổi sắt quét sạch hết thảy tạp niệm.

Tạt niệm dầu nhiều nhưng chẳng ngoài: tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, sắc, thanh, hương, vị, xúc v.v... Dùng chổi sắt quét thô niệm xong rồi quét tế niệm. Dù chẳng thể quét sạch hết trong một lúc nhưng cũng giảm ít, lo quét sao cho hết thì mới thấy thái bình.

Cần phải tự mình xét nghiệm mình bạch coi mình niệm Phật mà đã có thể hay chưa thể quét sạch ân ái trói chằng, lôi kéo. Nếu quét chưa hết thì cần phải sanh lòng hổ thẹn lớn. Đây là nói: tin phải chơn thật, nguyện phải thiết tha, hạnh phải là thật hạnh thì mới đúng là dụng công chơn thật.

Nhận định:

Chữ “chết” trong câu “chết lòng niệm Phật” (từ tâm niệm Phật) tuyệt diệu nhất. Vọng tâm: tài, sắc, danh, ăn uống v.v... chưa chết thì làm sao đạt được nhất tâm bất loạn đây?

20. Trích yếu Pháp Vựng của đại sư Thao Quang Viên Anh thời Dân Quốc

* Một câu Phật danh trọn đủ các thần lực chẳng thể nghĩ bàn, trị được hết thảy tâm bệnh phiền não. Mỗi khi nghịch cảnh xảy tới, tâm sanh phiền não, hãy liền kinh hành niệm Phật, cứ bốn bước là một câu Phật hiệu, giáp vòng như thế. Niệm được mấy vòng thì sẽ dần dần thấy cõi lòng thanh lương, nhiệt não tự biến mất.

Có lúc lắm việc tâm bị khuấy động, đêm đã khuya vẫn chẳng ngủ được thì cũng nên chuyên xưng Phật hiệu, chừng khoảng chốc lát thân tâm an định sẽ ngủ được, không có các mộng tưởng.

Lúc đang chép kinh thì mỗi một nét bút là một câu Phật hiệu, tinh thần chẳng tán loạn, vọng niệm chẳng khởi, viết lâu cũng chẳng thấy khổ sở.

Nếu thật sự tin được một pháp Niệm Phật này, chuyên tâm xưng niệm chẳng hề gián đoạn, niệm đến mức tâm không, cảnh lặng thì phiền não không có cách nào phát sanh được!

* Kinh Lăng Nghiêm dạy: “*Nhiếp tâm là Giới*”, Niệm Phật chính là pháp để nhiếp tâm vì lấy chánh niệm của việc niệm Phật để ngưng dứt các vọng niệm vin nắm. Nếu như dùng cái tâm thường vin nắm các duyên sắc trần để chuyên niệm A Di Đà Phật, tịnh niệm tiếp nối thì sẽ tự chẳng bị sắc trần xoay chuyển, nhiếp quy về chánh niệm niệm Phật. Các duyên vin nắm theo thanh trần, hương trần v.v... đối với mỗi duyên đều giống như thế thì chẳng đến nỗi tự mình phá giới, làm ác!

Niệm Phật đến mức niệm nào cũng tương ứng với Phật thì lẽ đương nhiên các niệm chẳng khởi, liền có thể thanh tịnh ý nghiệp, tự nhiên đầy đủ các giới. Hai nghiệp

thân, khẩu cũng đều do ý nghiệp phát khởi. Ý nghiệp chẳng nghĩ đến giết, trộm, dâm, chẳng tưởng đến nói dối, nói thêu dệt, nói ác, nói đôi chiều thì thân nghiệp, khẩu nghiệp chẳng phạm giới. Vì thế Niệm Phật là pháp môn thanh tịnh các nghiệp; một câu danh hiệu Phật thanh tịnh cả ba nghiệp. Điều này chứng tỏ một cách rõ ràng rằng Niệm Phật có đủ cả Giới Học.

Nhận định:

Niệm Phật thanh tịnh được cả ba nghiệp, trị hết thầy tâm bịnh phiền não. Xin hãy nhiếp tâm chuyên niệm, niệm đến mức tâm không cảnh lặng; phiền não, nghiệp chướng sẽ tự nhiên tiêu trừ.

21. Trích yếu các sách Pháp Vượng và Niên Phở về đại sư Hư Vân Đức Thanh Cổ Nham thời Dân Quốc

* Hết thầy các pháp môn: Tham Thiền, Niệm Phật, Trì Chú v.v... đều để dạy chúng sanh phá trừ vọng niệm, hiển lộ bản tâm của chính mình. Phật pháp không có cao, thấp; nhưng căn cơ có lợi, độn. Trong các pháp môn ấy, pháp Niệm Phật thật là phương tiện ôn hòa, thích đáng nhất.

Tịnh tọa là phương pháp phương tiện dạy người xoay trở lại quán sát tự tánh, cốt yếu là hệ niệm một câu Phật hiệu (hoặc A Di Đà Phật, hoặc Quán Thế Âm Bồ Tát đều được). Tâm tâm khế hợp, niệm niệm tiếp nối, phát xuất từ nơi tâm, lọt vào tai chẳng để gián đoạn. Nếu thật có thể làm được như thế thì không còn có các tạp duyên khác xâm nhập được nữa.

Nếu có thể thực hành như vậy lâu ngày chẳng lui sụt, càng siêng, càng chuyên, càng trì càng thiết tha, chẳng phân biệt là đi, đứng, nằm, ngồi, thức, ngủ, động, tịnh,

rảnh, bận thì sẽ thẳng bước về nhà, vĩnh viễn sanh trong An Dưỡng. Vừa biết có chút cảnh để chứng minh chắc chắn là mình đã quán triệt liên sanh tâm động niệm, chấp trước vào đó thì chẳng thể tiến bộ nổi!

Nếu tịnh tọa đúng pháp sẽ có thể điều hòa cả tứ đại. Muốn được khỏe mạnh thì phải giữ cho tự nhiên: thân thể có bệnh hãy nên điều dưỡng thích đáng, chẳng miễn cưỡng chống chọi; dụng công tu hành chẳng câu nệ vào đi, đứng, nằm, ngồi. Mục đích của tịnh tọa tu hành phải là nhằm giải thoát sanh tử.

Ăn mặn, giết chóc, tổn hại sanh vật rất trái nghịch với tông chỉ từ bi khiến cho người ta trí tối tăm, tinh thần hôn ám, tăng trưởng tham, sân, dâm dục, tăng thêm vô biên sanh tử, thân sau nghiệp chất như núi, oan oán đòi nợ có ngày nào xong. Bình thủng chứa dầu, nhọc nhằn tinh thần. Kẻ trí hãy nên tự suy xét đó!

* Người mới phát tâm thấy Tham Thiền và Niệm Phật là hai chuyện, nhưng người tu tập lâu chỉ thấy chúng là một.

Tham Thiền đề khởi một câu thoại đầu, cắt ngang dòng sanh tử, là phát xuất từ tín tâm kiên định. Nếu chẳng nắm chắc câu thoại đầu thì dù có tham Thiền cũng chẳng thành. Nếu tín tâm kiên định, ôm chết một câu thoại đầu mà tham cho đến lúc chẳng còn biết trà là trà, chẳng biết cơm là cơm nữa, công phu đã thuần thực, căn, trần rơi rụng, đại dụng hiện tiền, giống hệt như tịnh cảnh hiện tiền của người niệm Phật đã đạt đến mức thuần thực. Đạt đến cảnh giới ấy, lý sự viên dung, tâm - Phật bất nhị, Phật như, chúng sanh như, nhất như, vô nhị như thì còn sai biệt ở đâu nữa?

Nhận định:

Đại Sư là bậc Thái Sơn, Bắc Đẩu đương đại của nhà Thiên, đã tự chứng công phu tham thiền đến chỗ thuần thực, đại dụng hiện tiền, chẳng khác gì tịnh cảnh hiện tiền của người niệm Phật thuần thực. Xin hãy liền ôm chết một câu Phật hiệu mà niệm, chẳng cần phải Thiền Tịnh Song Tu!

22. Trích yếu Di Trứ của đại sư Trí Quang Văn Giác thời Dân Quốc

* Lúc sống có ba điều quan trọng nhất:

a. Một là thuyết pháp ít, niệm Phật nhiều. Muốn làm việc gì thì nhanh chóng làm xong, việc gì cần giao phó thì gấp gấp giao phó. Đừng lưu luyến phú quý cõi nhân gian, đừng hâm mộ sự khoái lạc trên trời. Đặt nặng việc làm lành, khuyến hóa người khác khởi tín tâm, tùy phận tùy sức mà làm, chủ yếu là niệm Phật cầu sanh Tây Phương, thấy Phật, nghe Pháp.

b. Hai là lập chí quyết định, chẳng để người khác dùng miệng lưỡi lung lạc, chẳng để người khác xô dịch gót chân. Những việc tiếp đãi, thù tạc thói đời nên giảm bớt, chẳng cần phải phô diễn dằng dai. Tuổi già quang âm có hạn, chớ để luống qua nữa. Trong tâm có điều gì nghi ngờ hãy nên thưa hỏi minh bạch, chẳng nên hàm hồ tự mình lầm lạc.

c. Ba là luôn luôn tự hỏi chính mình: A Di Đà Phật có ở trong tâm chẳng? Tượng Phật có ở trước mắt chẳng? Đi, đứng, nằm, ngồi có đều niệm Phật chẳng? Dù nhàn hay bận đều chẳng quên hay không?

Phàm hết thấy những việc lành đã làm, các công đức như niệm kinh, niệm Phật, trì chú, lễ bái, tịnh tọa v.v... đều phát nguyện hồi hướng: hiện tại gia thuộc bình an, tương lai trang nghiêm Tịnh Độ; lại cầu lúc lâm chung

biết trước thời khắc, tâm chẳng điên đảo, được Phật tiếp dẫn.

Nhận định:

Cả một đời Đại sư hành theo kinh Hoa Nghiêm, ngài dạy ba việc trọng yếu lúc sanh tiền thật là tinh yếu, xác đáng. Xin hãy lập chí quyết định, đừng để người khác lung lạc, nói ít, niệm nhiều, rảnh bận chẳng quên, luôn luôn phấn tỉnh, việc gì cũng hồi hướng quyết sẽ được Phật tiếp dẫn.

23. Trích yếu sách Long Thư Tịnh Độ Văn của cư sĩ Hư Trung Vương Nhật Hư đời Tống

* Mạnh Tử nói: “Ai cũng có thể là Nghiêu, Thuấn”.
Tuân Tử nói: “Người tàn ác cũng có thể trở thành ông Vũ”.
Thường Bất Khinh Bồ Tát nói: “Tôi chẳng dám khinh các ngài, các ngài đều sẽ thành Phật” là vì ai cũng có thể là thánh hiền, cũng có thể thành Phật. Tây Phương Tịnh Độ chính là đường lối tắt trọng yếu, không ai chẳng tu được. Vì thế, khuyên khắp mọi người nên tu trì.

Kệ khuyên tu Tây Phương của Đại Từ Bồ Tát có câu:

*Khuyên được hai người tu,
Như chính mình tinh tấn
Khuyên được mười người khác
Phước đức đã vô lượng
Nếu khuyên trăm, ngàn người
Đáng gọi chơn Bồ Tát
Lại khuyên hơn vạn người
Chính là Phật Di Đà.*

Xem đó thì biết thuyết Tây Phương chẳng phải là cái tâm quảng đại muốn cho người người cùng biết đến đạo này để tích tụ vô lượng phước báo hay sao?

Phàm đối với thầy, bạn, những bậc có ân, tính xuống cả tôi tớ đều nên lấy việc báo cho họ biết về pháp Tịnh Độ để báo đáp. Phàm đối với hết thầy những ai dù biết hoặc không, hiểu hay chẳng hiểu, ta đều muốn dùng pháp này để giáo hóa khiến họ cùng sanh Tịnh Độ.

Hết thầy chim bay, thú chạy, thậm chí loài trùng bay, bò, cựa quậy, bất cứ loài nào có hình tướng thấy được, hễ ta trông thấy thì đều vì chúng niệm Phật vài tiếng, phát thiện nguyện rằng: “Nguyện các người hết kiếp sống này sẽ sanh vào thế giới Cực Lạc. Sau khi ta đắc đạo sẽ độ hết các người”.

Đối với những loài ta chẳng thấy được hình tướng của chúng thì cũng nên phát nguyện như vậy.

Như thế thì thiện niệm mới chín muồi, đều có duyên đối với hết thầy chúng sanh, ắt sanh trong Thượng Phẩm Thượng Sanh, mai sau hóa độ không ai chẳng vui thuận theo.

* Trai tăng cúng Phật, thắp hương, dâng hoa, treo phan, dựng tháp, niệm Phật, lễ sám là những cách để sùng phụng Tam Bảo, đem công đức ấy hồi hướng nguyện sanh Tây Phương cũng được. Hoặc là làm các thứ việc lành phương tiện lợi ích thế gian: Hoặc là hiếu dưỡng phụ mẫu, yêu mến bạn bè, con em, trong khuê môn hết sức làm lành, họ hàng hòa thuận, xóm giềng làng nước thân thiết, lấy lễ đãi nhau, làm ơn cho nhau.

Thờ vua thì dốc lòng son báo quốc, làm quan thì nhân từ lợi dân, khéo an quần chúng, chăm phục vụ cấp trên.

Hoặc dạy dỗ kẻ ngu mê, hoặc giúp người cô đơn, yêu đuối. Hoặc giúp kẻ mắc việc cấp bách, chu cấp người nghèo. Hoặc sửa cầu đào giếng, hoặc thí thuốc chia cơm, hoặc giảm việc phụng dưỡng chính mình để làm lợi người khác, hoặc bỏ tiền của giúp người.

Hoặc là tự tiết kiệm, giản ước, hoặc dạy người khác làm lành, hoặc khen thiện, ngăn ác. Tùy sức làm hết thấy việc lành. Dùng đó để hồi hướng nguyện sanh Tây Phương cũng được.

Hoặc làm hết thấy những việc lợi ích thế gian chẳng nệ là lớn, nhỏ, nhiều, ít.

Dù chỉ là thí một đồng hoặc một chén nước cho người, thậm chí với mây may điều lành đều khởi niệm rằng: “*Dùng thiện duyên này hồi hướng nguyện sanh Tây Phương*”, thường khiến cho nhất niệm chẳng đoạn, niệm niệm hướng về đó ắt sẽ sanh trong Thượng Phẩm.

* Tu Tịnh Độ nên thuận theo địa vị của mình mà làm lành để giúp công cho việc tấn tu:

a. Tăng phải nên sớm tu Tịnh Độ để thoát ngay ra khỏi luân hồi, gặp gỡ Phật A Di Đà thì mới là hoàn tất phận sự của người xuất gia. Hễ nhận lấy một đồng cúng thí của người khác, được cúng một bữa ăn đều phải nên vì người đó dạy cho pháp Tịnh Độ để báo đức. Dù kẻ ấy chẳng tin cũng khiến cho người ấy biết đến pháp này. Nghe quen tai dần, lâu ngày sẽ tự tin. Hãy nên thường giáo hóa người khác như thế thì hiện đời được người khác cung kính, thân sau ắt đạt Thượng Phẩm Thượng Sanh.

b. Kẻ sĩ phải nên chăm chỉ học hành, dốc lòng hiếu thuận, nghĩ xa đến đời ông tổ, ông sơ của mình nếu ai còn sống thì làm cho họ lưu tâm nơi đạo này.

c. Hàng quan lại phải tu phước, làm các phương tiện nhằm yêu người lợi vật. Dùng đầy để hồi hướng Tây Phương, thoát ngay ra khỏi luân hồi, thọ - lạc vô cùng.

d. Kẻ giàu nên tùy phận mà sống, giảm tiêu xài để giúp người, chẳng tiếc của làm lành, chẳng tham của làm ác, thường nghĩ phước thế gian có lúc hết. Nếu hồi hướng về Tây Phương thì sẽ vô tận.

e. Kẻ gặp lâm nổi truân chiên đừng oán trời trách người, nên siêng sám hối, thường niệm Phật cho tiêu túc chướng, tăng trưởng thiện duyên.

Nếu có thể lần lượt giáo hóa người khác như thế khiến cho họ lại khuyến hóa người khác thì hiện đời có thể tiêu tai, được phước, thân sau ắt sanh trong Trung Phẩm, Thượng Phẩm.

* Nông, thương đều nên tự nghĩ: Cày cấy sát hại sanh mạng loài vật, mua bán sao khỏi có lúc đối trá, hãy nên tránh chuyện ngoắt ngoéo, sám hối làm lành. Kẻ làm thợ đừng mong mồi quá đáng, nên làm việc tận tâm.

Ai nấy đều nên thường niệm Phật, nguyện thấy Phật đắc đạo rồi thì trước hết sẽ độ những kẻ mình trót đã sát hại từ khi sinh ra đến nay cũng như những chúng sanh mình từng giao thiệp. Kế đó, độ hết thầy kẻ oán, người thân và chúng sanh hữu duyên, vô duyên. Niệm niệm bất tuyệt như thế, niệm tự thuần thực, nhất định sanh về thế giới Cực Lạc.

Nếu ai nấy làm như thế để giáo hóa người khác, khiến cho họ lại khuyến hóa người khác thì hiện đời được phước, thân sau ắt sanh trong Trung Phẩm, Thượng Phẩm.

Kẻ chài lưới, săn bắn, đồ tể, đầu bếp và người mở tiệm ăn đều phải nên tự nghĩ: cá, tôm, cầm thú đều là tánh mạng mà mình sát hại, tội ấy vô lượng. Nếu có thể đổi nghề thì là tốt nhất. Còn nếu không đổi ngay được thì nên giảm bớt dần, chớ giết nhiều mạng những loài vật nhỏ và ôc, hén, lươn, ba ba v.v... là những con vật khó chết.

Thường niệm Phật sám hối, phát đại nguyện rằng: “Nguyện sau khi tôi thấy Phật đắc đạo, sẽ độ hết những kẻ bị tôi giết và bị tôi ăn thịt từ khi sanh ra đến nay khiến đều sanh Tịnh Độ”.

Niệm niệm bất tuyệt như thế, niệm tự thuần thực cũng sanh về thế giới Cực Lạc. Nếu giáo hóa người khác như vậy, khiến họ lại khuyến hóa người khác thì hiện thế sẽ tiêu tai diệt tội, thân sau cũng chẳng ở trong Hạ Phẩm Hạ Sanh.

* Kẻ trong chôn phong trần cũng nên tự tỉnh ngộ, đoạn trừ dâm nghiệp. Nếu chưa đoạn nổi thì thường niệm Phật, phát đại nguyện rằng:

“Nguyện ác nghiệp của con ngày một tiêu trừ, thiện nghiệp ngày một tăng trưởng, com áo tạm đủ, chóng thoát khỏi chôn này. Sau khi gặp Phật đắc đạo rồi sẽ độ cho hết thấy những người vì tôi mà làm chuyện dâm dục đều sanh Tịnh Độ”.

Kẻ tội ác bình khổ nên gấp sám hối, hồi tâm niệm Phật, thệ nguyện chẳng làm ác sát sanh nữa, chẳng còn lại nào hại hết thấy chúng sanh nữa. Nguyện đời này sớm hết bình khổ; sau khi gặp Phật đắc đạo sẽ độ cho hết chúng sanh bị mình sát hại trong đời trước, đời này và hết thấy kẻ oán, người thân đều sanh Tịnh Độ.

Niệm niệm bất tuyệt, niệm tự thuần thực quyết định sanh về thế giới Cực Lạc. Nếu giáo hóa người khác như vậy, khiến họ lại khuyến hóa người khác thì hiện thế sẽ tiêu tai diệt tội, bình khổ ắt lành. Phước báo vô cùng, thân sau ắt sanh về thế giới Cực Lạc.

Nhận định:

Tịnh nghiệp học nhân xin hãy sùng phụng Tam Bảo, hành đủ các điều thiện, phát khắp các đại nguyện, độ hết chúng sanh khiến cho thiện niệm thuần thực sẽ được Thượng Phẩm Thượng Sanh.

Nếu sanh sống bằng ác nghiệp chẳng thể đổi nghề ngay thì cũng nên tùy phận làm lành, sám hối, phát

nguyên, và lần lượt giáo hóa người khác khiến họ lại khuyến hóa người khác cùng sanh Tịnh Độ thì mới là chẳng phụ lời khuyên thống thiết, tấm lòng đăm đăm khuyến khắp mọi người tu trì của cụ cư sĩ này.

24. Trích yếu sách Tịnh Độ Thặng Ngôn của cư sĩ Tứ Lư Thứ Dân Trương Quang Vỹ đời Thanh

* Miệng tụng Phật danh, mắt nhìn tượng Phật, tai lại nghe tiếng chính mình, âm thanh từ lưỡi phát ra, Thiên vị vui sướng tấm lòng, mũi ngửi mùi hương. Niệm Phật như thế là xoay sáu căn trở về một, làm sao loạn được?

Nay ta niệm Phật, thực hành một phương tiện: tự xem tâm này như một cái bình báu sạch, danh hiệu Phật như hạt gạo. Từng chữ, từng câu như gạo bỏ vào bình, rơi xuống như ngọc xâu thành chuỗi. Gạo đã vô tận mà bình cũng chẳng đầy, chẳng quăng một hạt nào ra ngoài bình.

Đoái nghĩ cái bình này chẳng to đầy một tấc, bên trong chứa trọn tam thiên đại thiên thế giới, trăm ức vi trần số Phật, ba mươi sáu vạn ức, mười một vạn ức chín ngàn năm trăm vị Phật A Di Đà đồng danh đồng hiệu an trụ trong ấy. Ta cũng ở chung với các ngài tại một chỗ, vui chơi an ổn. Đây mới là chỗ để ta an tâm lập mạng vậy.

* Từ trước đến nay, ta chỉ niệm Phật hời hợt thoáng qua. Bây giờ thì cần nên biết là mỗi chữ đều phát xuất từ trong tâm, lại còn phải biết là mỗi chữ đều nhập vào trong tâm. Trong lúc niệm Phật, trước hết nên nhắm mắt, ngồi ngay ngắn ngưng thần định lực, chẳng được có một mảy tâm tạp loạn, tâm tranh cạnh, tâm hôn trầm, lưỡi biếng, mở miệng thốt ra tiếng sao cho tiếng từ tâm phát ra, tâm dựa vào miệng truyền. Thở điều hòa, tiếng nhịp nhàng, chẳng rề rà, chẳng gấp gáp, từng chữ phân minh, từng câu nối tiếp nhau.

Nếu tách ra thì từng chữ hết như một câu, nếu gộp lại thì trăm ngàn câu hết như một câu. Miên miên, mật mật từ một tiếng cho đến ngàn vạn tiếng, từ một khắc cho đến mười hai thời, chẳng gián đoạn, chẳng tiếp nối, chẳng khuyết, chẳng rì. Lâu dần thuần thực, hoa nở thấy Phật, đến lúc ấy tự chứng nghiệm.

Nhận định:

Những lời của cụ này đều là lời của bậc niệm Phật đã đạt mà có, thật là pháp niệm Phật rất hiệu nghiệm.

25. Trích yếu sách Khuyến Tu Tịnh Độ Thiết Yếu của cư sĩ Phục Trai Trần Hy Nguyễn đời Thanh

* Niệm Phật chánh yếu là phải rèn luyện ở chỗ ồn ào: Chẳng nệ là đi, đứng, nằm, ngồi, trong chốn hỗn tạp nếu giữ được nhất tâm bất loạn thì tiếng nhỏ sẽ thắng tiếng lớn, như thường nói: tâm tịnh thì cõi nước tịnh vậy.

Tuy suốt ngày bận rộn nhưng lẽ nào chẳng có một khắc nhàn hạ? Sao chẳng nhân giây phút uống trà, tâm đừng rong ruổi theo bên ngoài đề niệm Phật. Kẻ lao tâm có thể dùng cơ hội này để dưỡng tâm, kẻ lao lực cũng có thể nhờ đó để lại sức. Làm vậy chỉ có lợi chẳng tổn hại, có gì hơn được cách này nữa? Hãy nên gấp khởi tâm chơn thật, thiết tha, ra sức dũng mãnh, việc đời bỏ được việc gì liền bỏ ngay; nhân mạng chẳng thường còn, chớ có lưu luyện để rồi tự bị lầm lạc.

Dù có việc mình chẳng thể buông bỏ được, nhưng nào trở ngại mình niệm Phật; giống như lòng còn mang nặng chuyện khẩn thiết thì dù có phải lo liệu việc khác, tâm quên nổi chẳng?

Nếu có thể niệm Phật như thế thì sẽ tự chẳng có tạp niệm, cũng chẳng đến nỗi một ngày nóng mười ngày lạnh đâu!

* Dù đã có lòng chơn thật, thiết tha, nhưng do xưa kia tội nghiệp sâu nặng nên bị ma nhiều loạn. Nội ma là tâm có lúc tỉnh, lúc mê và hết thấy tham, sân, si, ái. Tâm này vừa mới lìa xong, tâm kia lại khởi lên. Ngoại ma là cảnh ngộ truân chiền, các thứ chướng duyên bức bách thân tâm chẳng được an ổn.

Hãy nên đối trước Phật phát nguyện, siêng cầu sám hối, phải buộc chặt ý niệm nơi tâm niệm Phật, chẳng để ma làm mình thối thất. Mặc kệ các thứ chướng duyên, một câu Phật hiệu trọn chẳng rời tâm. Sức ma tuy mạnh, nhưng cậy vào vạn đức hồng danh này để đối phó. Chẳng kể lợi - hại, sống - chết, chỉ biết niệm mà thôi, thề chẳng thối chuyển. Lâu dần ắt sẽ được Phật gầm gia hộ, chướng duyên tự tiêu, tịnh duyên thành thực. Phật chẳng phụ người, ắt sẽ mãn nguyện.

* Pháp niệm Phật quý ở chỗ đóng cửa tiềm tu, chẳng luận là ngồi xếp bằng hay kinh hành mà niệm, niệm thầm hay niệm ra tiếng, cốt sao một dạ dựa chắc vào câu Phật hiệu, từng chữ phân minh.

Vừa biết mình hồ đồ liền gấp đề khởi giác chiếu; hoặc là thấy mình vừa lạc vào vô ký hoặc rơi vào vọng tưởng, vừa biết là liền đề cao câu niệm, đem một câu Phật hiệu này xông ép ý căn, lấp mắt hai nẻo vọng niệm và hôn trầm. Đây là đường lối chánh để niệm Phật.

Chẳng nên niệm quá gấp vì gấp gấp thì khó niệm lâu được. Chẳng nên niệm quá thong thả, thong thả dễ tán loạn. Lại chẳng nên mong cầu nhập định, trọn chẳng tác ý. Nếu buông xuôi mà niệm theo miệng thì dễ bị rút vào cảnh giới hôn trầm nhẹ.

Niệm Phật chú trọng ở chỗ Nhất Tâm Bất Loạn, lúc sắp dứt mạng sẽ nhờ vào cái niệm ấy để chóng nhập vào thai sen. Đạt đến mức cùng cực của Nhất Tâm thì chẳng mong Thiên Định hiện tiền nó vẫn tự hiện. Như vậy, lúc công phu đã thuần thục và buông xuôi theo miệng mà niệm dễ bị hôn trầm nhẹ, rõ ràng chẳng giống nhau.

Thể cứu đến cùng tốt thì niệm chính là vô niệm, chẳng phương ngại gì đến vô niệm mà niệm. Nhất niệm này chính là Tam Đế: Không, Giả, Trung; chính là bốn Lý Sự Pháp Giới, chính là hai Quán: Duy Thức và Duy Tâm, chính là Thật Tướng, Vô Tướng, Niết Bàn, Diệu Tâm.

Đây chính là pháp niệm Lý Nhất Tâm của bậc thượng căn, nhưng pháp này cũng chẳng ra ngoài cách dựa chắc vào câu Phật hiệu, từng chữ phân minh mà niệm. Đó chính là khuôn phép của chánh hạnh Trì Danh vậy.

* Lại cần phải rộng tu các Trợ Hạnh:

a. Một là lễ kính Tam Bảo: Xem các hình tượng vẽ trên giấy, bằng gỗ khắc hết như đức Phật thật, sáng lễ chiều bái, chí thành chí kính, ra vào vái, xá. Dù cách trăm dặm, ngàn dặm vẫn coi như ở trước mắt. Một miếng ăn, một thức uống đều cúng dường lên Phật trước.

b. Hai là sám hối nghiệp chướng: Do vô lượng kiếp đến nay, ba nghiệp thân, khẩu, ý tạo tội đã sâu, thành ra các thứ chướng ngại cho nên gọi là nghiệp chướng. Sám hối thì chướng sẽ tiêu trừ, thân tâm thanh tịnh.

c. Ba là tránh ác, làm lành: Cứ hễ có tâm chẳng tốt khởi lên liền ra sức niệm Phật, nhất quyết dùng câu niệm đầy lui cái tâm bất hảo ấy.

d. Bốn là cắt bỏ tình ái: Người ta thường hay yêu mến kẻ ruột thịt, tham tài như mạng. Trong đời trước, tình ý đặt nặng nơi những thứ này thì tự nhiên xem nhẹ bên Tịnh Độ. Lúc mạng chung, thân hồn ắt sẽ hướng về nơi tình ý

mình xem trọng giống như cây đổ: tự nhiên nó sẽ ngã rạp về nơi nó đã nghiêng qua.

Đến lúc ấy, vợ con, người ruột thịt duyên hết sẽ tan tác. Chia lìa xong chẳng hề biết đến nhau nữa. Như vợ con, cốt nhục trong nhiều đời đến nay, hiện thời họ ở đâu, sao còn yêu mến?

Nếu như ác duyên tụ hội thì quyền thuộc liền thành oan gia, bất giác ngậm mắc hại. Nghĩ đến đó, lòng chẳng thể không lạnh nhạt. Tài sản, các vật chớp mắt thành không; thật phải nên xét suy tường tận!

e. Năm là cởi gỡ các oán kết: Như các việc: sát sanh, trộm cắp, tà dâm v.v... và các tình chấp tham, sân, si... đều là những cái nhân kết thành oán cừ. Dè chừng thì oán cừ chẳng kết, lỡ đã kết thì nên cởi gỡ. Như quyền thuộc là oán cừ, cầm giáo chống chọi nhau, bị chó cắn, rắn mổ đều là có tức oán, hãy nên hoan hỷ chịu đựng, cởi gỡ oán kết với họ, quyết chẳng nên ăn miếng trả miếng, khiến oan cừ càng buộc càng sâu.

Hãy nên đối trước Phật phát nguyện, dùng công đức niệm Phật đây để lợi khắp hết thảy oan gia, cừ đối. Nếu như mình thành Phật sẽ độ loài chúng sanh này trước hết. Do nguyện lực từ tâm này, tự nhiên tức oán ấy tiêu trừ, hóa thù thành bạn.

f. Sáu là phát phần khởi hùng chí, miên mật tinh tấn, ắt phải chứng được cực quả mới thôi.

Đây là một pháp rất thiết yếu để vãng sanh Tịnh Độ vậy.

Nhận định:

Tu luyện trong chỗ ồn ào chẳng bằng đóng cửa tiếm tu. Tuy có thể ngồi xếp bằng thâm niệm, nhưng chẳng được mong cầu nhập định, cứ buông xuôi theo miệng mà niệm rất dễ nhập cảnh giới hôn trầm nhẹ.

Cần phải nên đề khởi giác chiếu: dùng một câu Phật hiệu để xông ép ý căn, lấp mắt hai nẻo hôn trầm và tạp niệm. Đến lúc công phu thuần thực thì chẳng cầu Định mà Định tự hiện.

26. Trích yếu sách Tịnh Độ Di Tập của cư sĩ Nhân Sơn Dương Văn Hội đời Thanh

* Đáp lời hỏi về cách niệm Phật, pháp sư Đàm Loan có nói đến tâm vô hậu, tâm vô gián.

Tin rằng quang ảnh trong tâm để thay đổi, phải sớm lo liệu tiền trình chính là tâm hữu hậu. Mạng người trong hơi thở, lẽ nào còn giữ tâm hữu hậu này? Vô luận ngàn niệm, vạn niệm; chỉ dùng ngay một câu trong đương niệm để làm chánh nhân vãng sanh. Câu trước vừa qua, câu sau vừa xuất hiện cũng là trong “đương niệm”. Như vậy là tâm chẳng duyên vào quá khứ, chẳng duyên vào vị lai, chỉ chuyên chú một câu trong ngay đương niệm. Đó là Sự Nhất Tâm. Chẳng cần biết lúc nào sẽ vãng sanh, lâu ngày thuần thực thì ngay cả đương niệm cũng mất, liền nhập Lý Nhất Tâm, ắt sanh trong cao phẩm. Tâm Vô Gián chính là cảnh giới thuần nhất của Vô Hậu Tâm.

* Nếu có kẻ vặn: Cầu sanh Tịnh Độ thì phải phát Bồ Đề tâm, tu hạnh Lục Độ, chẳng phải là khó khăn lắm ư?

Xin đáp: Chẳng khó. Hễ tin vào pháp môn Tịnh Độ, phát nguyện tự độ, độ người cùng chứng Phật quả thì chính là Phát Bồ Đề Tâm vậy!

Chuyên tu niệm Phật, thấy thế gian tài vật, hết thấy chẳng có gì đáng ưa, chẳng khởi lên ý tưởng tham keo là đã tương ứng với Thí Độ.

Chuyên tu niệm Phật, dù nghịch cảnh xảy tới chẳng sanh tâm nóng giận thì là tương ứng với Nhẫn Độ.

Chuyên tu niệm Phật, tâm chẳng tán loạn là tương ứng với Thiền Độ.

Chuyên tu niệm Phật, chẳng bị thế tục làm cho ngu mê là tương ứng với Trí Độ.

Lúc mới hành thì chỉ là chuyện tầm thường hằng ngày, nhưng lâu dần tăng tấn sẽ thành diệu hạnh của Bồ Tát.

Nhận định:

Chỉ cần tin sâu nguyện thiết, giữ chắc một câu trong đương niệm, chẳng duyên theo quá khứ, vị lai, cắt đứt tâm thức trước sau thì chính là Sự Nhất Tâm.

Tâm chẳng tán loạn, chẳng khởi tham, sân, si, nguyện tự độ, độ người cùng sanh Cực Lạc chính là tương ứng với phát Bồ Đề tâm và tu hạnh Lục Độ.

27. Trích yếu tác phẩm Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa của cư sĩ Thắng Quán Diệu Hú Giang Vị Nông thời Dân Quốc

* Một pháp Niệm Phật là phương tiện bậc nhất trong các phương tiện để dứt niệm. Chẳng niệm gì khác ngoài niệm Phật cũng là một cách để hoán chuyển mỗi ý niệm. Niệm Phật xem ra rất gần với quán tưởng.

Niệm Phật chính là tịnh niệm, đem một niệm thanh tịnh để đối trị các niệm nhiễm trược. Và nhất tâm mà niệm lại chính là dùng cái niệm thuần nhất để đối trị những niệm tạp loạn.

Vả lại, Phật là Giác, niệm niệm đều là Phật thì niệm niệm đều là Giác. Giác là biết tự tánh vốn vô niệm; vì thế bảo là càng thân thiết. Nhưng nếu có thể siêng năng, khẩn thiết Nhất Tâm thì sẽ có thể đạt tới mức niệm mà vô niệm. Phải biết rằng mục đích của niệm Phật phải quy về vô

niệm, tức là quay về với Chơn Như, thì chẳng nói đoạn mà tự đoạn, chẳng cầu chứng mà tự chứng vậy. Phương tiện ấy hay đến mức như thế đó!

* Tuy công phu niệm Phật chưa thể đạt tới niệm mà vô niệm, nhưng nếu hạnh nguyện chơn thật, thiết tha, nương vào bi nguyện lực của Phật Di Đà cũng sẽ được tiếp dẫn vãng sanh, liền giống như bậc A Tỳ Bạt Trí, Hán dịch là Bất Thối, tức là địa vị Sơ Trụ. Nếu tu các pháp khác thì cần phải trải qua nhiều kiếp số lâu xa, nay pháp này được thành tựu ngay trong một đời nên bảo là pháp phương tiện nhất trong các pháp phương tiện.

Nhưng để đúng là hạnh nguyện chơn thật, thiết tha thì ắt phải cả đời niệm Phật cầu sanh thì mới đúng là chơn thật, thiết tha. Nếu một mặt niệm Phật, một mặt lại khởi lên những ý tưởng trần tục thì hạnh nguyện chẳng chơn thật, thiết tha vậy.

Vì thế, người niệm Phật phải đoạn một tầng ý niệm. Nếu như chưa thể dễ dàng làm được thì phải nên cố thực hiện cho được hai câu: “*Chẳng trụ vào sắc mà sanh tâm, chẳng trụ vào thanh, hương, vị, xúc, pháp mà sanh tâm*”.

Nếu chẳng được vậy thì nguyện chẳng thiết, hạnh chẳng chơn, làm sao được Phật tiếp dẫn đây? Trần tục khí nặng hết sức chẳng tương ứng với hai chữ Thanh Tịnh nên Phật cũng chẳng biết làm sao được nữa!

* Cần phải biết rằng khởi niệm chính là vọng, ý niệm niệm Phật cũng là vọng chứ chẳng phải là chơn, vì sao vậy? Vì tánh của Chơn Như vốn là vô niệm. Nhưng vì phàm phu nhiễm niệm chẳng hề ngơi nên bắt buộc dĩ phải mượn tịnh niệm của việc niệm Phật để trị cái nhiễm niệm trần.

Ấy là vì ý niệm niệm Phật tuy chẳng phải là bản thể của Chơn Như, nhưng nó xu hướng diệu dụng của Chơn

Như. Vì sao vậy? Chơn Như là tâm thanh tịnh, Phật niệm là thanh tịnh niệm, cùng là thanh tịnh cho nên được tương ứng. Bởi vậy, dùng ý niệm niệm Phật niệm niệm chẳng ngại thì có thể đạt đến vô niệm, cho nên bảo là phương tiện thù thắng. Thế giới Cực Lạc cũng là huyền tướng, nhưng chẳng thể không cầu nguyện vãng sanh vì tịnh huyền chẳng giống như nhiễm huyền. Vì sao thế? Cõi thanh tịnh vốn do tâm thanh tịnh hiển hiện, vì thế mới bảo là tâm tịnh thì cõi tịnh vậy.

* Cần phải biết rằng Di Đà đến đón vốn chưa từng đến đón, vãng sanh Tây Phương cũng là chưa từng sanh qua. Tuy chưa từng sanh nhưng nào có trở ngại gì chuyện thị hiện đến đón, sanh về!

Vì sao vậy? Chẳng đến đón, chẳng sanh về là xét về Lý Thể; có đến đón, có sanh về là Sự Tướng. Lý - Sự vốn dĩ chẳng hai, phải hiểu tánh - tướng một cách viên dung thì dù cho chẳng đến đón, chẳng vãng sanh cũng chẳng ngại có đến đón, có vãng sanh. Dù có đến đón, có vãng sanh nhưng thật sự là chẳng có đến đón, chẳng có vãng sanh.

Điều tối khẩn yếu là phải nhận thức được không có đến đón, không có vãng sanh nơi chuyện có đến đón, có vãng sanh; và chuyện có đến đón, có vãng sanh chính là từ không đến đón, không vãng sanh mà thành. Đây chính là yếu quyết để niệm Phật cầu vãng sanh.

Hiểu được yếu quyết này thì sẽ nhất định vãng sanh gặp Phật. Chớ bảo là tu Tịnh Độ thì khỏi cần phải học Bát Nhã nữa; lại nghi Bát Nhã gây trở ngại cho Tịnh Độ hay sao?

Nhận định:

Vạn duyên buông xuống chính là chẳng trụ vào Có; nhất tâm niệm Phật chính là chẳng trụ Không, tức là: Bát Nhã và Tịnh Độ đồng tu. Tuy Bát Nhã là theo cửa Không mà vào, ly tướng, ly niệm để đạt đến vô niệm; Tịnh Độ theo cửa Có mà vào, dùng niệm để dứt niệm, niệm mà vô niệm, khác đường nhưng cùng về một chỗ. Chẳng phải là Bát Nhã chẳng hiển lộ được chỗ nhiệm màu của Tịnh Độ, Tịnh Độ khó thành hạnh Bát Nhã đâu!

Vì thế, Quán kinh dạy bậc Thượng Phẩm Thượng Sanh phải đọc tụng kinh điển Đại Thừa. Cụ cư sĩ đây cả một đời học đủ Giáo, Tông, Bát Nhã, nhưng hạnh đặt nơi Di Đà, thật đáng là một cách tu học hữu hiệu.

28. Trích yếu sách Phật Pháp Yếu Lĩnh của cư sĩ Thù Nguyên Lưu Phục Lễ

* Niệm Phật có hai gia hạnh:

a. Một là đừng vọng tưởng. Phàm đối trước hết thấy cảnh giới đều coi là Không, chẳng được chấp trước kéo khởi tưởng niệm. Thọ sanh trong thế gian đều là do vọng tưởng tạo thành. Đây chính là cội rễ của sanh tử, chẳng thể không biết.

b. Hai là gắng lãnh đạm. Thế nhân tạo nghiệp đều là do chẳng cam lãnh đạm nổi. Đã muốn thành bậc hiền thánh xuất thế mà còn tham đuổi theo ngũ dục chẳng khác gì thế tục, chẳng những không thành Phật mà lão già Diêm La cũng chẳng phải là gã mù! Sao lại duyên theo vọng tưởng chẳng cam lãnh đạm được? Đây là gốc bệnh lớn lắm.

Trước hết, nếu trừ được hai căn bệnh trên thì trong tâm tự tịch tĩnh, trí huệ tự quang minh, mới có phần tiến hướng đến Phật pháp được!

* Khi đang tu nhân, học Phật pháp quý ở chỗ chơn thật cầu liễu sanh tử thì mới là chánh nhân. Cầu quả báo thế tục là tà nhân. Cầu trì chú linh nghiệm, cầu thần thông cũng là tà nhân. Hãy dè chừng, hãy tránh! Hãy hỏi nhật khóa hạn định như thế nào? Nỗ lực niệm Phật đến tận cùng. Niệm bốn chữ hay sáu chữ đều được. Ngồi xếp bằng là tốt nhất. Rảnh rang thì niệm thêm phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện. Sanh kế chẳng khá, phải làm thêm việc khác cũng chẳng sao. Cho nên mới nói: “*Làm lung sanh sống chẳng ngại Viên Tông*”; nhưng chẳng được phạm vào mười ác nghiệp.

Những tri kiến từ trước phải mong tảo trừ cho hết sạch. Đối với những sách vở ngoại đạo ăn theo Phật pháp phải đem cất đi thật xa hoặc giao cho thần hỏa. Nhất tâm niệm Phật đừng cầu nghĩa giải.

Nhận định:

Tu nhân chẳng chơn, quả sẽ tà vạy. Vì thế, tu nhân niệm Phật cốt sao chơn thật. Lấy không vọng tưởng và nhẫn nại lãnh đạm làm gia hạnh thì mới có thể nhất tâm niệm Phật. Xin hãy toàn lực chuyên chú.

Niệm Phật Pháp Yếu Quyển Thứ Nhất hết

(Phật lịch 2546, Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa kính dịch xong ngày 13 tháng 12 năm 2002)

Phụ Lục

A. Lời phổ khuyến đồng bào toàn cầu niệm thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát của đại sư Ấn Quang

Quán Thế Âm Bồ Tát trong vô lượng kiếp trước đã thành Phật từ lâu, hiệu là Chánh Pháp Minh. Nhưng vì tâm từ bi vô tận, từ thế vô cùng nên ngài lại ở trong mười phương thế giới, hiện ra những thân Bồ Tát, trời, người, thánh, phàm v.v... ban cho sự không hãi sợ (Thí Vô Úy) ngộ hầu tế độ. Phẩm Phổ Môn có nói: Nên dùng thân nào đề độ được thì Ngài liền hiện thân ấy để thuyết pháp cho. Không những chỉ hiện thân hữu tình, ngài cũng còn tùy cơ ứng hiện ra thân núi, sông, thuyền, bè, cầu, đường sá, dược thảo, cây cối, lầu, đài, điện, gác. Nói chung là những việc lia khổ được vui, chuyển nạn thành yên. Hễ gặp đao binh, nước lửa, ác bệnh, ác thú, oán gia đối đầu, ác quý, độc xà, các thứ nguy hiểm, nếu thật có thể chí thành xưng niệm Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát thì liền được Bồ Tát gia bị chuyển nạn thành yên.

Hiện tại, sát kiếp tràn lan, khắp toàn cầu chẳng có chỗ nào an lạc, cũng chẳng có ai an lạc. Nguyên đồng bào trong nước, ngoài nước cùng niệm thánh hiệu Quán Âm, cùng lấy tâm cứu khổ cứu nạn của đức Quán Âm làm tâm mình, cùng lấy sự nghiệp lợi người lợi vật của đức Quán Âm làm sự nghiệp của mình thì ta người cùng không, việc đấu tranh sẽ dứt, tự có thể cùng hưởng thái bình, cùng vui thán ngày.

Giả sử định nghiệp khó chuyển, táng thân mất mạng thì cũng nhờ sức Bồ Tát vãng sanh Tây Phương, ấy là do túc nghiệp nên mất thân mạng, nhưng do Phật lực thoát được khổ hải.

Kính mong đồng bào trong nước ngoài nước cùng soi xét tấm lòng thành ngu xuẩn của tôi.

Thích Ân Quang kính bạch

B. Trích tuyên lời khai thị của đại sư Hành Sách

(lược dịch theo ấn bản Hành Sách Đại Sư Cảnh Ngữ Thiên Hoa của Tịnh Tông Học Hội Dallas)

* Nếu không có lòng tin chơn thật thì dù có niệm Phật, trì trai, phóng sanh, tu phước vẫn chỉ là người lành trong thế gian, được quả báo sanh trong thiện xứ hưởng lạc. Lúc hưởng lạc sẽ tạo nghiệp mà đã tạo nghiệp thì ắt phải thọ khổ.

* Hòa Thượng Chơn Hiết nói: “[Điều mà] Phật Phật chuyển tay nhau, Tổ Tổ truyền nhau chỉ là một sự này chứ chẳng còn sự nào khác. Thế Tôn thuyết pháp hơn ba trăm hội trong bốn mươi chín năm cũng chỉ vì để nồng nhiệt tán dương, diễn giảng giáo pháp Tịnh Độ thật là con đường tắt siêu phàm nhập thánh vậy!”

* Nhất tâm niệm Phật để cầu chóng được sanh về An Dưỡng, sau đấy mới nương vào bốn nguyện, vận đại từ bi để phân thân biến hình khắp mười phương cõi nước tầm thanh cứu khổ như Quán Thế Âm Bồ Tát, thề làm trống rỗng địa ngục như đức Địa Tạng Vương. Đẹp khổ cho hết thấy chúng sanh, ban vui cho hết thấy chúng sanh, nhiếp thủ hết thấy chúng sanh cùng thân cận Phật Di Đà, rốt ráo an ổn. Đây mới là trọng phu. Kính mong các thượng thiện hữu hãy suy xét kỹ cho!

* Cuối kinh Hoa Nghiêm dùng mười đại nguyện vương hướng dẫn về Cực Lạc, mong sanh về thế giới An Dưỡng, mong nguyện thấy A Di Đà Phật. Bao lượt Bồ Tát

đình ninh khản thiết khuyên lon, phát khởi [được ghi] đầy đủ trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện!

* Thiện nam tử, thiện nữ nhân chuyên niệm Tây Phương A Di Đà Phật, đem các thiện căn hồi hướng phát nguyện thì sẽ quyết định được vãng sanh, vĩnh viễn chẳng thối chuyển, thân cận Di Đà.

* A Di Đà Phật chính là Pháp Giới Tạng Thân. Thế giới Cực Lạc chính là Liên Hoa Tạng Hải. Thấy một đức Phật chính là thấy vô lượng Phật. Sanh trong một cõi chính là sanh trong vô lượng cõi. Niệm một đức Phật chính là niệm hết thấy Phật, chính là được hết thấy chư Phật hộ niệm vì Pháp Thân bất nhị, vì chúng sanh và Phật bất nhị, vì năng niệm và sở niệm bất nhị!

* Tôi thấy những người nay đang phú quý hiển đạt đều thì hoặc là tham đắm thanh sắc thô tẻ chẳng biết cội khổ; hoặc mê chút hư danh nhỏ như sừng ốc, chẳng biết đó là hư huyền; hoặc lại mê man của cải, toan tính kinh doanh. Hiện tại phí uổng một đời, tương lai sẽ lưu chuyển theo nghiệp, chẳng hay chẳng biết y báo, chánh báo trang nghiêm, vô lượng điều thắng diệu trong cõi nước đức Phật kia.

Từ lúc sống đến khi chết, chưa hề có một niệm nghĩ đến chuyện vãng sanh, thật chẳng bằng kẻ nghèo cùng, khốn khổ siêng năng niệm Phật từ chỗ tối vào chỗ sáng, chuyển sanh vào chỗ thù thắng!

* Muốn niệm Phật sao cho công hạnh chẳng luống uổng thì thân tâm phải siêng gắng, tiếc từng tấc bóng. Huống hồ, mạng trong hơi thở, nào có dài lâu? Như kẻ tù bị dắt ra chợ, mỗi bước càng gần đến cái chết, ngày đêm chăm chăm, lạnh nóng khăng khăng một câu hồng danh

không lúc nào ngơi thì sẽ quyết định sanh về Tịnh Độ. Chớ có lúc đầu hăng hái, sau rồi biếng trễ.

* Chuyên cầu xuất ly, chẳng cầu phước báo thế gian, cũng chẳng cầu công đức, trí huệ, biện tài, ngộ giải; cũng chẳng nguyện đời đời làm Tăng để hưng hiển Phật Pháp v.v... Chỉ nguyện mạng chung được sanh về cõi kia, thoát khổ sanh tử. Nguyện này cần phải hiện diện trong từng khắc, chuyên niệm Di Đà thì tự nhiên được sanh. Quý ở chỗ tin chắc chắn, tận lực tu hành cho chuyên nhất thì mới được cứu.

* Những vị đồng hạnh vãng sanh nên phòng thân, giữ miệng, khiêm cung tùy thuận, răn bảo lẫn nhau, làm gương cho nhau. Hằng khóa⁹ mỗi ngày chẳng được lười biếng, bỏ sót. Đi, đứng, nằm, ngồi chẳng quên niệm Phật. Ngoài lúc công phu, đừng buông lung thân tâm nơi chuyện vô ích, chẳng được chuyện gẫu, nói chơi, cười giỡn phóng dật, vừa hại mình vừa tổn người. Chớ nên phí công xem sách ngoài đời, ngâm thơ vịnh kệ, chẳng những chỉ uổng phí ngày giờ mà còn cô phụ kẻ đàn việt¹⁰! Phải nên tự nghiêm, tự trọng, nỗ lực tinh tấn!

* Hiểu đến rốt ráo thì vạn pháp đều Như, chẳng có hai tướng, tức là: chúng sanh và Phật bất nhị, tự - tha bất nhị, nhân - quả bất nhị, y báo - chánh báo bất nhị, uế - tịnh bất nhị, khô - vui bất nhị, ưa - chán bất nhị, lấy - bỏ bất nhị, Bồ Đề - phiền não bất nhị, sanh tử - Niết Bàn bất nhị. Những cặp pháp ấy đều đồng một tướng, một đạo thanh tịnh. Suy xét đến cùng cực thì đột nhiên khế hợp bản tâm, mới biết rằng mặc áo, ăn cơm đều là tam muội; vui cười, giận chửi không gì chẳng phải là Phật sự! Nhất tâm bất

⁹ Thời khóa công phu mỗi ngày gọi là hằng khóa.

¹⁰ Đàn việt (danapati): Thí chủ, tín thí.

loạn rốt cục thành hý luận! Trong suốt mười hai thời, chẳng thể tìm được mấy lông tướng nào khác. Hiểu rõ như thế thì mới là chơn chánh học đạo, mới là nhất tâm tinh tấn trì danh! Cả hai thứ Nhất Tâm này đều thuộc về phận sự của phàm phu, hễ ai có tâm thì đều có thể tu học được!

* Một môn niệm Phật là nhờ vào nguyện lực của đức Phật kia, chẳng luận là kẻ hữu trí hay vô trí, là căn cơ thượng, trung, hay hạ, cứ chấp trì danh hiệu nhất tâm bất loạn trong bảy ngày hoặc dẫu chỉ một ngày thì đầy chính là nhiều thiện căn, phước đức nhân duyên, chính là được Phật Di Đà và thánh chúng tiếp dẫn, chính là được mười phương hết thầy chư Phật hộ niệm. Đầy chính là phương tiện lạ chẳng thể nghĩ bàn, chỉ vì do phương tiện ấy hay lạ nên mới thù thắng vậy!

* Cõi Phàm Thánh Đồng Cư [là nơi] thánh hiền Quyền, Thật và kẻ phàm phu thấp sát đất cùng ở. Nhưng cõi Tịnh Độ ấy nhờ vào sức nhiếp thọ của chư Phật nên chẳng cần phải đoạn hoặc mà có thể mang nghiệp đi vãng sanh. Bậc thượng trí sẽ nhanh chóng viên chứng bốn cõi Tịnh Độ, kẻ hạ ngu cũng vượt ngang ra khỏi tam giới, chẳng cần phải tu theo thứ tự chín lớp¹¹, chẳng cần phải tu trọn ba A-tăng-kỳ. Đây là phương tiện lạ lùng chẳng thể nghĩ bàn cho nên thù thắng vậy!

* Pháp môn tối thắng lạ lùng duy nhất như vậy do đức Thích Ca ân cần khuyên lơn, chỉ dạy, hằng sa Như Lai

¹¹ Tu theo thứ tự chín lớp (cửu thứ đệ tu): Còn gọi là Cửu Thứ Đệ Định, tức là chín pháp hành Thiên theo thứ tự không gián đoạn, tức là: Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên, Không Xứ, Thức Xứ, Vô Hữu Xứ, Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ và Diệt Thọ Tướng Định.

dùng tướng lưỡi rộng dài tán dương, há có phải là lừa dối bọn ta đâu!

* Phật pháp có vô lượng môn, có pháp dễ, pháp khó. Muốn dễ hành mà chóng chứng thì phải nên niệm Phật. Xung danh hiệu Phật A Di Đà thì chóng đắc Vô Thượng Bồ Đề.

* Đòi ác ngũ trược cầu A Bệ Bạt Trí rất khó. Nếu tin vào Niệm Phật Tam Muội, nương vào sức bốn nguyện nhiếp trì, tiếp dẫn của đức Phật kia thì quyết định vãng sanh, chẳng nhọc phương tiện mà tâm tự được khai ngộ, đời đời chẳng thối chuyển, có ngày thành Phật.

* Tịnh Độ rộng nhiếp các căn đều chứng Bất Thối. Theo kinh Đại Bồn, thượng phẩm lấy việc giải ngộ làm chính, trung phẩm lấy giới thiện làm gốc; hạ phẩm thuận ác vô thiện chỉ lúc lâm chung gặp gỡ bạn lành, do nhất niệm tín tâm bèn diệt tội vãng sanh!

* Người đã giải ngộ mà cầu vãng sanh thì nhờ vào cảnh duyên Cực Lạc sẽ dễ đoạn kết tập, dễ tu tam muội, mau thành nhân lực, độ các chúng sanh. Kẻ chưa giải ngộ mà cầu vãng sanh thì do thân cận Di Đà sẽ dễ kiến tánh. Ngài Vĩnh Minh từng bảo: *“Chỉ cần gặp Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ!”*

* Hai môn Thiên, Tịnh, môn nào cũng nên chuyên tu, chẳng cần phải kiêm tu. Nếu chê bai môn này, môn kia tức là hiểu lầm sâu đậm ý chỉ của Phật. Như kinh dạy: *“Chẳng báng Đại Thừa”* thì thấy rõ là kẻ hủy báng sẽ chẳng được vãng sanh vậy.

* Kinh dạy: “*Tu hành một ngày một đêm trong thế giới Sa Bà hơn hẳn tu Thập Thiện trăm năm trong cõi Cực Lạc*”. Đó là vì khó lòng tấn tu trong cõi này, còn trong cõi kia thì dễ dàng ra sức tu hành vậy.

Cứ dựa theo đó mà nói thì tu hành một ngày trên nẻo đường phong trần thế gian sẽ hơn hẳn tu hành trăm ngàn ngày nơi cảnh chùa thanh tịnh trong núi sâu, chẳng còn nghi ngờ gì nữa! Vì thế, có thể lẩn quẩn nơi kinh đô, có thể dấn thân vào chốn hồng trần, nhưng tịnh nguyện chẳng được quên, tịnh hạnh chẳng được khuyết!

Than ôi! Phong trần làm sao nhiệm trước con người cho nổi? Chỉ e con người tự nhiễm phong trần đầy thôi!

* Tâm làm xe chỉ nam (la bàn), nguyện làm người dẫn đường, chốn chốn đạo tràng, thời thời Phật sự. Tịnh nguyện, tịnh hạnh thường được hiện tiền, tự nhiên đạt được thượng bang Thanh Thái (Cực Lạc), gặp mặt đức thánh Vô Lượng Thọ.

* Nên nghĩ thời gian vùn vụt, mỗi ngày một già suy để đừng uổng phí thời gian. Ngoài thời khóa nhất định, cứ hễ lúc nào rảnh rỗi liền niệm thêm Phật hiệu. Dù là chú Lăng Nghiêm, hay chú Đại Bi v.v... cũng đều là chuyện phụ, chẳng cần phải trì!

* Dù rảnh hay bận chẳng để lỡ thời gian, dù nghèo hay giàu vẫn thường trì túc, dù mạnh hay yếu vẫn siêng tinh tấn!

* Cổ đức nói: “*Ái chẳng nặng chẳng sanh Sa Bà*”. Lại bảo: “*Nếu nghĩ đến đạo giống như nghĩ đến tình ái thì thành Phật rất nhiều!*” Từ bậc chứng Thánh Quả trở xuống mấy ai chẳng bị nó làm hệ lụy? Phiền não vô tận, mà xét về cõi rẽ sanh tử thì chỉ là do tham ái vùi lấp hành

nhân, chướng ngại pháp vãng sanh! Hễ nhặt nhẹo một phần tình ái thì thành thực được một phần Tịnh nghiệp! Hãy gắng lên!

* Đòi Mạt Pháp bạc bẽo, con người ưa trá ngụy. Chỉ nên gởi tâm nơi Tịnh nghiệp thì mầm Huệ mới nảy nở, giống Đạo mới thành thực. Ngày sau được ở trước Phật, liên hoa hóa sanh, trở thành người căn cơ thượng thượng vậy!

* Kinh dạy: *“Biển Chánh Biến Tri của chư Phật từ tâm tưởng sanh. Lúc tâm chúng sanh tưởng Phật thì tâm ấy chính là ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo. Tâm này làm Phật, tâm này là Phật”*. Mấy câu ấy chính là cốt lõi bí mật của Niệm Phật tam muội. Hết thấy pháp quán không pháp nào là chẳng phát xuất từ đây.

* Kinh Đại Tập dạy: *“Nếu ai chỉ niệm A Di Đà Phật thì gọi là vô thượng thâm diệu Thiên”*. Chí tâm tưởng tượng lúc gặp Phật chính là pháp bất sanh bất diệt.

* Thiên sư Trí Giác bảo: *“Nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật”*.

* Phật là lý Bôn Giác, niệm là trí Thi Giác. Vì vậy, ngay trong lúc niệm Phật thì Thi hợp với Bôn, Lý - Trí ngầm khế hợp, năng lẫn sở cùng mật; tự - tha chẳng hai! Không có đức Phật nào ở ngoài niệm để được niệm bởi niệm đó. Không có niệm nào ở ngoài Phật để niệm đức Phật ấy. Siêu tình ly kiến, ly cú tuyệt phi¹², thẳng tắt, viên

¹² Siêu tình ly kiến: không thể nào dùng tư duy, kiến giải để phân biệt, hiểu biết được. Ly cú tuyệt phi hay còn nói là “lia tứ cú, tuyệt bách phi”: tức là không còn thuộc trong phạm trù đối đãi nào. Tứ cú là có, không, cũng có cũng không; chẳng phải có chẳng phải không.

đồn, không chi hơn được! Trừ niệm Phật ra thì có diệu quán nào khác để thành tựu đâu?

* Tháng ngày tàn còn mấy? Con đường ôn đáng nhất, dễ dàng nhất chỉ là lấy câu chơn ngôn sáu chữ để khuyên lon cố gắng. Đây chính là vị thuốc hay lấy từ biển để trị bịnh ngặt, trị bịnh từ ngọn đến gốc, bịnh cấp bách hay bịnh mạn tính đều thích hợp. Quý ở chỗ tin tưởng sâu xa, tận lực tu hành, chuyên trì mà thôi!

* Nếu tâm mình niệm niệm chán lia ngũ dục, kháng khí tượng nhớ Phật A Di Đà, ưa thích nguyện được thân cận như con nhớ mẹ, chẳng bị nghiệp cảnh lôi kéo, chẳng bị kẻ khác làm mê lầm, quyết hướng đến Tây Phương thì nhất định sẽ liên hoa hóa sanh trong thế giới Cực Lạc, thấy Phật, [được Phật] thọ ký.

* Mắt thường ngắm hình tượng Phật, tai thường nghe lời Phật dạy, mũi thường ngửi mùi hương của Phật, lưỡi thường xưng niệm Phật hiệu, thân thường lễ tượng Phật, ý thường nghĩ đến Phật pháp. Cả sáu căn không căn nào chẳng chuyên chú vào Phật cảnh. Giữ liên tục như thế không gián đoạn, không xen tạp.

* Biết rõ chúng sanh và Phật như một, tâm và cõi nước chẳng hai, mượn y báo, chánh báo cõi kia để hiển lộ tâm tánh của mình. Đã chẳng làm tướng ngoài tánh có Phật, mà cũng chẳng chấp cõi kia chẳng phải là tâm. Chẳng nhọc phương tiện mà tâm tự được khai ngộ. [Đây

Bách chỉ cho số nhiều, phi là các câu phủ định như phi hữu, phi vô v.v... Bách phi nghĩa là tất cả văn tự, ngôn ngữ đều chẳng phải thật có. Kinh điển hay dùng chữ “ly tứ cú, tuyệt bách phi” để diễn tả lý vô tướng, bất khả đắc, không còn vướng chấp vào bất cứ khái niệm nào.

là] phương tiện tối thắng cực dễ để nhiếp khắp hành nhân quy về Tịnh Độ.

* Đối với việc đối trị chướng nặng đời mạt thì phiền não tuy nhiều, nhưng chỉ riêng mình dâm dục chính là căn bản của sanh tử. Đối với pháp vãng sanh, nó gây chướng ngại nặng nề nhất. Vì thế, khuyên hành nhân nên quán dâm hỏa nơi thân chính là chơn hỏa Tánh Không của Như Lai Tạng.

Hễ cứ khi nào nghiệp phát hiện thì bèn quán sát sâu xa cho đến khi giải ngộ, biến nó thành trí huệ quang. [Làm như vậy] thì chẳng những sự vãng sanh chẳng bị chướng ngại mà hành nhân còn được sanh lên thượng thượng phẩm.

Vì lẽ đó, kinh Tịnh Danh khen ngợi Dâm, Nộ, Si vì thể tánh của chúng chính là Tạng Tánh, còn công dụng nhiệm hay tịnh của chúng thì cũng giống như úp hay ngửa bàn tay mà thôi.

* Các kinh rộng khen Tịnh Độ nào là: công đức chẳng thể nghĩ bàn, nào là: pháp thế gian khó tin, hoặc là: hết thấy đức Phật hộ niệm, hoặc là vô thượng thâm diệu Thiên, hoặc là phương tiện hay lạ, hoặc là vua của các tam muội v.v... Có sao riêng đối với pháp môn Niệm Phật, chúng sanh lại hay khởi tâm nghi hoặc, thậm chí phá hoại niềm tin trong sạch của người khác, chướng ngại thiện hạnh của kẻ khác. Kẻ bạc phước trí kém thường quen thói như thế đó!

* Lặng lẽ như sóng gửi, trường trai thờ Phật, đạ bạc vô dục, siêng tu học đạo.

* Sau khi vãng sanh, được chứng ngộ xong thì nên đóai tưởng Sa Bà, trở lại sống nhờ trong cõi này để giúp

bạn lũ, khuyên dỗ quần mê; lại còn phân thân trong cõi nước khác trong những phương khác, ứng tích qua lại ba cõi, trọn chẳng hề nhọc mỏi.

* Minh là chẳng tối tăm, tịnh là chẳng tán loạn. Minh tịnh chính là kết quả của Chỉ - Quán, là thể của Định - Huệ mà cũng là bản thể của cái tâm. Chỉ - Quán là công phu, Định - Huệ là nhân hạnh, minh tịnh là công năng. Minh tịnh đến cùng cực thì liền khế hợp ngay với bản thể. Nếu đạt được như vậy thì sẽ thành Phước Trí Nhị Nghiêm.

* Thân tâm tịch định là Chỉ. Quán tướng lông trắng giữa hai mày của Phật là Quán. Tướng bạch hào rạng rỡ là Minh. Giữ chắc chẳng động là Tịnh. Nghĩa là: nhờ vào thân tướng của Phật để huân tập tâm tánh của ta. Nếu quán trí thành tựu thì sẽ tự nhiên hiển hiện.

* Hễ tu Quán thì phải hiểu rõ vạn pháp duy tâm. Kinh dạy: *“Tâm như thợ vẽ khéo, vẽ ra năm thứ âm. Hết thấy trong thế gian, không gì chẳng tâm tạo!”* không điều gì chẳng do tâm tạo. Vì thế, ta biết: tướng hảo của Phật Di Đà tự nhiên tâm ta vốn sẵn đủ, [tướng hảo ấy] hiện ra trong khi ta nhập Định cũng chỉ là từ tâm ta phát sanh ra. Tâm này tạo thành tướng hảo, tâm này là tướng hảo, chẳng từ cái khác mà có, chẳng từ bên ngoài vào. Hiểu rõ được như thế thì mới đáng gọi là tu Quán đúng pháp.

* Cổ đức có bài kệ:

Cảnh là Diệu Giả, Quán là Không.

Quán, Cảnh cùng mật chính là Trung.

Nhất tâm dung, tuyệt không tung tích

Lặng chiếu chưa từng có trước sau

Diệu lý Cảnh-Quán viên dung được gói trọn không còn sót trong bốn câu kệ trên. Thấu hiểu được bài kệ trên

sẽ hơn hẳn đọc cả mấy trăm quyển sách của tông Thiên Thai!

* Tịnh nghiệp hành nhân nhất tâm trì danh sẽ chắc chắn được vãng sanh. Nếu kiêm tu diệu quán thì phẩm vị còn cao hơn nữa.

* Một câu A Di Đà Phật chẳng dứt nơi tâm lẫn miệng, tai thường nghe khiến cho tạp niệm không cách nào xen vào được, lỗ ma không đường nào lấn vào. Tinh thần vui vẻ, mây trần chẳng nhiễm, Tín-Nguyện kiên cố thì sẽ mừng gặp thắng duyên

C. Đại sư Tuân Thức so sánh công đức Niệm Phật

(trích từ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục)

Kinh Đại Bát Niết Bàn chép:

“Giả sử có người trong vòng một tháng thường dùng y phục cúng dường hết thấy chúng sanh vẫn chẳng bằng được một phần mười sáu công đức của người niệm Phật trong một niệm.

Giả sử lấy vàng đúc thành hình người, dùng xe ngựa chuyên chở; cho đến các thứ bảo vật, thứ nào cũng đủ cả trăm món, đem ra bố thí thì vẫn chẳng bằng người phát tâm, giở một bước chân hướng đến chỗ Phật.

Giả sử có người dùng xe voi lớn chở hết các thứ trân bảo trong đại quốc và các thứ anh lạc, thứ nào cũng đủ cả trăm món dùng để bố thí thì vẫn chẳng bằng người phát tâm bước một bước hướng đến Phật.

Nếu dùng tứ sự cúng dường tất cả chúng sanh trong tam thiên đại thiên thế giới thì vẫn chẳng bằng người phát tâm bước một bước hướng đến Phật. [Người ấy] đạt được công đức vô lượng vô biên”.

Khuyên khắp những thiện nam tử, thiện nữ nhân tại gia nếu chí tâm tin ưa thế giới Cực Lạc thì vào mỗi sáng sớm nên mặc áo, lắng lòng, chiêm lễ tượng Phật hết như thấy đức Phật thật sự, chẳng đành để lỡ ngày nào. Nếu như việc công, chuyện tư bề bận, gấp rút thì phải nên kiên định tâm ý; hễ rảnh lúc nào thì liền bước vào Phật đường thắp hương, đánh lễ; chủ yếu là “*bước một bước hướng đến Phật*”! Nếu có lúc nhàn rỗi thì sáng tối đều chẳng bỏ ửng, chẳng quản là sáng hay tối luôn tinh tấn tu hành.

Xin hãy suy xét: công đức “niệm Phật trong một niệm” và “bước một bước hướng đến Phật” còn thù thắng đến như thế đó, huống là trong mỗi niệm, trong mỗi bước đều kinh hành niệm Phật thì sẽ diệt trừ tội chướng và đạt được công đức thật chẳng thể nghĩ bàn!

D. Thuật niệm Phật tu tâm theo pháp sư Sơn Đường

(trích từ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục)

Theo các kinh điển Đại Thừa khuyên người vãng sanh Tịnh Độ, về mặt tu nhân thì có hai thứ: một là Định, hai là Tấn.

1. Thứ nhất là Định Thiện, tức là dùng tâm quán tưởng A Di Đà Phật, ức niệm y báo, chánh báo, giáo chủ và bạn lữ trong thế giới Tây Phương Cực Lạc đều chỉ là do tâm tạo, đều vốn tự sẵn có đủ. Do tánh của chính ngay cái tâm ấy là Không, cho nên A Di Đà Như Lai vốn là Không. Do tâm ta chính là Giả nên A Di Đà Phật hiện hiện rõ ràng. Tâm ta chính là Trung Đạo nên A Di Đà Phật dứt bật đối đãi chẳng thể nghĩ bàn.

Hoặc là quán tưởng hoa sen nở ra hay còn búp và ta ở ngay trong hoa sen ấy. Hoa sen còn búp biểu thị Không,

hoa sen nở biểu thị Giải. Thanh, sắc, hương, vị hình thể tương đồng biểu thị Trung Đạo.

Vì thế, kinh điển ghi: *“Chư Phật Như Lai là Pháp Giới Thân nhập trong tâm tướng của hết thảy chúng sanh. Vì thế, lúc tâm các ông tướng Phật thì tâm này là ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo; tâm này làm Phật, tâm này là Phật”*.

Đấy chính là đức Thích Ca Như Lai đích thân khai thị Duy Tâm tam muội, quán thể viên diệu thường trụ. Hiểu rõ chúng sanh, Phật Đà, y báo, chánh báo, sắc pháp, tâm pháp cõi Tịnh Độ Cực Lạc đều là các công đức mà bản tánh của tâm mình vốn sẵn có đủ, hết thảy cảnh giới chính là do bản tâm mình quán tưởng ra. Ngoài tâm không có Phật, ngoài tự tánh không có cõi nước. Cứ quán chiếu như thế chẳng ngớt thì sẽ có thể chứng được Vô Sanh Pháp Nhãn.

2. Thứ hai là Tán Thiện: Tám lòng chơn thật thanh tịnh tin tưởng vào thế giới Tây Phương Cực Lạc, nhất tâm bất loạn, hệ niệm Phật A Di Đà từ một ngày cho đến bảy ngày, tiếng niệm không ngớt, niệm niệm chẳng gián đoạn. Kinh dạy: *“Chấp trì danh hiệu hoặc trong một ngày... hoặc trong bảy ngày, nhất tâm bất loạn thì người ấy lúc sắp lâm chung, Phật A Di Đà cùng các thánh chúng hiện ra trước mặt”*. Đây chỉ là nương vào sự tưởng để ức tưởng cõi ấy, chẳng dùng đến ba phép quán Không, Giải, Trung cho nên gọi là Tán Thiện. Vì thế, chỉ cần tuân hành ba thứ Tịnh Nghiệp, hồi hướng phát nguyện được vãng sanh Tịnh Độ thì sẽ đều sanh về thế giới Cực Lạc.

Tổ sư Trí Giả đại sư dạy: *“Do vì căn cơ có lợi, độn cho nên tu hành có Định và Tán sai khác”*. Quán Phật tam muội gọi là Định, còn tu các thiện nghiệp khác thì gọi là Tán.

So ra, sức lực của Tán Thiện yếu hơn nên chẳng diệt trừ nổi tội Ngũ Nghịch, mà kinh Quán Vô Lượng Thọ

Phật lại dạy về Quán Phật tam muội nên có thể nhờ đó diệt trừ các tội Ngũ Nghịch, Thập Ác để vãng sanh. Do vậy, chẳng cần luận là Định Thiện hay Tấn Thiện, chẳng luận là độn căn hay lợi căn, tất cả đều là nhân để vãng sanh Tịnh Độ, đều có thể xu hướng Vô Sanh, vĩnh viễn không thối chuyển!

E. Liên Trì đại sư Tây Phương Phát Nguyện Văn Giải Chú

(Chú giải sơ lược bài văn phát nguyện vãng sanh Tây Phương của đại sư Liên Trì)

(trích từ sách Phật Thuyết A Di Đà Kinh Bạch Thoại Giảng Giải)

Tác giả: Lý Viên Tịnh
Ân Quang đại sư giám định

Chánh văn:

*Khể thủ Tây Phương An Lạc quốc
Tiếp dẫn chúng sanh đại đạo sư
Ngã kim phát nguyện nguyện vãng sanh
Duy nguyện từ bi ai nhiếp thọ*

(Cúi lạy bậc đại đạo sư tiếp dẫn chúng sanh trong cõi nước An Lạc ở phương Tây; con nay phát nguyện, nguyện được vãng sanh. Kính xin đức Phật từ bi xót thương nhiếp thọ)

Chú giải:

Hai câu đầu bài kệ diễn đạt ý quy mạng nơi Phật; hai câu tiếp đó diễn tả ý cầu Phật gia hộ.

“*Khể thủ*” nghĩa là dập đầu sát đất. Dập đầu áp sát đất một lát rồi mới ngẩng đầu lên nhằm biểu thị sự cung kính đến cùng cực. Chơn thành và tôn kính thật sự là bí quyết tối diệu để siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử.

“*Phát*” nghĩa là phát động mãnh liệt giống như mũi tên lia khỏi dây cung, thế chẳng ngừng nghỉ giữa chừng. “*Nguyện*” nghĩa là mong cầu.

Ba điều Tín, Nguyện, Hạnh là cốt lõi của pháp môn Tịnh Độ. Hễ đã có nguyện thì ắt phải có Tín và Hạnh, chẳng được khuyết bất cứ một thứ nào! Đây đủ không thiếu sót ba điều này thì sẽ quyết định vãng sanh. Đại sư Ngẫu Ích nói: “*Được vãng sanh hay không hoàn toàn là do có hay không có Tín, Nguyện. Phẩm vị cao hay thấp toàn là do trì danh sâu hay cạn*”. Lời dạy ấy chính là khuôn phép ngàn năm chẳng thay đổi nôi.

1. Phát Bồ Đề tâm

Người tu Tịnh nghiệp trước hết phải phát Bồ Đề tâm thì mới có thể tương xứng bốn nguyện của Phật. Vì thế, phải lấy phát Bồ Đề tâm làm chánh nhân, dùng niệm Phật làm trợ duyên; sau đây mới cầu sanh Tịnh Độ thì chỉ trong một đời ắt sẽ thành tựu. Nếu không phát Bồ Đề tâm thì chỉ được hưởng quả báo nhỏ bé trong đường trời người!

Ghi chú: Trong phần chánh văn dưới đây, trong nguyên bản, tác giả Lý Viên Tịnh đã dùng những chữ số nhỏ để đánh dấu cách phân chia chánh văn thành từng câu nhỏ để tiện chú giải từng ý.

Chánh văn:

¹*Đệ tử mô giáp phổ vị tứ ân tam hữu pháp giới chúng sanh* ²*câu u chư Phật Nhất Thừa Vô Thượng Bồ Đề Đạo cố*; ³*chuyên tâm trì niệm A Di Đà Phật vạn đức hồng danh*, ⁴*kỳ sanh Tịnh Độ*.

(Đệ tử tên là... khắp vì tứ ân, tam hữu, pháp giới chúng sanh cầu đạo Bồ Đề Vô Thượng Nhất Thừa của chư Phật, chuyên tâm trì niệm hồng danh vạn đức của Phật A Di Đà, nguyện sanh Tịnh Độ).

Chú giải:

1. “*Tứ ân*” là ân cha mẹ, ân chúng sanh, ân Tam Bảo và ân đất nước. “*Tam hữu*” là Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới. “*Pháp giới chúng sanh*” là hết thảy chúng sanh trong mười phương thế giới.

Hai câu này đều nói về cảnh sở duyên; đây là vì tâm này phải có chỗ nương tựa vào thì mới phát khởi nổi, nhưng cảnh lại có rộng, hẹp, xa, gần sai khác. Tứ ân là gần nhất, hẹp nhất; pháp giới chúng sanh là xa nhất, rộng nhất; tam hữu ở vào khoảng giữa. Bởi thế, phát tâm từ thân đến sơ, từ gần đến xa.

2. Chúng ta phát tâm niệm Phật chẳng phải chuyên vì tự lợi, mà còn phải mong tứ ân, tam hữu, pháp giới chúng sanh đều được độ thoát, cùng chúng đấng Nhất Thừa Vô Thượng Bồ Đề đạo.

Câu này nói đến cái tâm phát nguyện.

3. “*Chuyên tâm*” là trong tâm không hề có tạp niệm. “*Trì niệm*” là niệm niệm chẳng hề quên mất. “*Vạn đức hồng danh*” nghĩa là một danh hiệu có đủ cả vạn đức.

Câu này nói đến đức Phật được niệm.

4. Câu cuối nói đến nơi chốn mình mong cầu.

2. Sám hối ba chương:

Đoạn này tiếp nối ý đoạn trước: Tuy đã niệm Phật phát tâm cầu sanh Tịnh Độ, nhưng vì chúng sanh đời mạt căn cơ hèn kém, chậm lụt như vậy nên cần phải gấp rút sám hối những tội chướng ấy. Trừ được chướng ngại thì ắt được vãng sanh. Nếu như chẳng trừ được nghiệp chướng của một trong ba độ thì sẽ phải chịu ác báo trong tam đồ.

Chánh văn:

¹Hưu dĩ, nghiệp trọng phước khinh, chướng thâm huệ thiện, niễm tâm dị xí, tịnh đức nan thành. ²Kim u Phật tiền, kiêu cần ngữ thể, phi lịch nhất tâm, đầu thành sám hối. ³Ngã cập chúng sanh khoáng kiếp chí kim, mê bản tịnh tâm, túng tham, sân, si niễm uế tam nghiệp vô lượng vô biên; sở tác tội cấu vô lượng vô biên; sở kết oan nghiệp nguyện tất tiêu diệt.

(Lại vì nghiệp nặng, phước nhẹ, chướng sâu, huệ cạn, tâm như dễ nảy nở, đức sạch khó thành. Nay đối trước Phật, năm vóc siêng lay, dốc sạch một lòng, chí thành sám hối. Con cùng chúng sanh bao kiếp đến nay mê làm tịnh tâm sẵn có, để tham, sân, si ô uế ba nghiệp, vô lượng vô biên tội cấu đã tạo, vô lượng vô biên oan nghiệp đã kết nguyện đều tiêu diệt)

Chú giải:

1. “Nghiệp” chính là Thập Ác. Thân có ba điều, tức là: giết, trộm, dâm. Miệng có bốn điều là nói dối, nói thêu dệt, nói đôi chiều và ác khẩu. Ý có ba điều là tham, sân, si.

“Nghiệp nặng” nghĩa là phạm đủ Thập Ác, hoặc là một lòng một dạ nghĩ tưởng chuyên làm ác.

“Phước” là Thập Thiện, tương phản của Thập Ác. “Phước nhẹ” nghĩa là chỉ tu có mỗi một điều thiện, hoặc chỉ làm lành qua loa. Hoặc là như vừa mới niệm Phật đã than khô họng; vừa mới lễ Phật đã kêu đau lưng! Đấy đều là những duyên của “phước nhẹ”.

“Chướng” có hai thứ:

a. Trần duyên bức bách và ma tà, ngoại đạo trói buộc; đó là chướng từ bên ngoài.

b. Bệnh tật, chết yếu và ngu si, điên đảo là chướng phát khởi từ bên trong.

“Chướng sâu” là nội chướng lẫn ngoại chướng cùng công phá mình: chẳng hạn như, vừa nghĩ đến chuyện tu hành thì bị bệnh ngặt, vừa hướng đến đạo đã gặp phải tà sư v.v....

“*Huệ*” gồm có Phương Tiện Huệ (Văn, Tư, Tu) và Chơn Thật Huệ (Kiến Đạo...). “*Huệ cạn*” là nghe nhiều chỉ hiểu được đôi chút, hoặc chưa chứng Nội Phàm đã bảo mình đạt tới Phật địa; vừa hiểu biết đôi chút sự việc thế gian đã khoe mình chứng ngộ.

“*Nhiễm tâm*” chính là tham, sân, si. “*Dị xí*” nghĩa là: tâm tham luyến khác nào những sợi tơ trong ngó sen cứ kéo dài mãi chẳng đứt; tâm sân nộ như ngọn lửa dễ cháy bùng lên; tâm ngu si như lưới đan mau mắt càng quẩn càng dày. Lại có hạng người vừa gặp phải chuyện nhỏ nhặt đã ghim trong lòng bao năm tháng, nghe lời không vừa ý liền kết oán suốt đời; há chẳng phải là “*nhiễm tâm dị xí*” hay sao?

“*Tịnh đức*” chính là Giới, Định, Huệ. “*Khó thành*” nghĩa là: về Giới thì đối với các luật nghi, giữ được thì ít, vi phạm thì nhiều; về Định thì đối với Thiền Na dù lớn hay nhỏ, chẳng hề tu tập, hiểu biết; về Huệ thì đối với những Diệu Trí dù Quyền hay Thật thường chẳng có cách nào chứng ngộ được. Hoặc là vừa mới lãnh thọ giới phẩm đã phá ngay giới tướng; vừa vào Thiền đường đã hôn trầm, lao chao. Đấy chẳng phải là “*tịnh đức nan thành*” hay sao? Nếu như đã hiểu rõ những điều ấy thì phải nên sanh tâm thẹn hổ sâu xa, thống thiết tự trách, khẩn khoản sám hối thì mới hợp đạo lý vậy!

Cả bốn câu này nói lên nguyên do sám hối, tức là lý do vì sao chúng ta cần phải sám hối.

2. “*Ngũ thể*” (năm vóc) chính là hai khủy tay, hai gối và trán. Do vì từ thân này tạo ra các nghiệp nên phải dùng ngũ thể rạp lạy để sám hối; làm như vậy nhằm để biểu thị sự cung kính bên ngoài.

“*Phi lịch*” chính là mở toang ra, tẩy rửa sạch sẽ. Đấy là do từ ý khởi lên tham sân, cho nên ngày nay cần phải nhất tâm, dốc trọn tấm lòng sám hối. Làm như vậy để biểu thị sự cung kính trong nội tâm.

“*Đầu thành*” (giao tâm lòng thành) nghĩa là đem trọn tâm lòng thành của mình hướng đến Phật. Sám hối là để đoạn cái tâm tiếp nối (tương tục tâm).

Cả bốn câu này nói lên phương pháp sám hối, tức là chúng ta phải nên sám hối như thế nào.

3. “*Con cùng chúng sanh*” ý nói chẳng phải chỉ có mỗi một người, “*từ bao kiếp đến nay*” ý nói chẳng phải chỉ mỗi một đời này. Cần nên biết rằng: chúng sanh tạo ra tội nghiệp từ vô thủy đến nay; đời đời kiếp kiếp lần lượt làm quyến thuộc, chủ bạn, lần lượt giúp đỡ, dắt dẫn nhau gây tạo. Đã cùng nhau tạo nghiệp thì tất nhiên phải cùng nhau sám hối.

“*Vô lượng vô biên*” hàm ý chẳng phải chỉ có một chỗ. Vô lượng vô biên lại bao gồm năm ý nghĩa:

- Một là ước về tâm: Một niệm trần lao đã có đủ tám vạn [phiền não], hướng hồ là niệm niệm tiếp nối.

- Hai là ước về cảnh: Gây tạo nghiệp trong một chỗ đã là vô lượng, hướng hồ là tạo nghiệp khắp cả mười phương.

- Ba là ước về sự: Một nghiệp nếu thành tội đã không ngần mé, hướng hồ là có các nghiệp.

- Bốn là ước về thời: Chỉ một đời đã tạo nghiệp vô lượng, hướng hồ là trong cả bao kiếp.

- Năm là ước về người: Một người tạo nghiệp đã là vô lượng, hướng hồ là chúng sanh!

Vì thế, nếu như nghiệp chướng có hình trạng thì khắp cả hư không cũng chẳng chứa đựng được nổi!

Câu “*mê bốn tịnh tâm*” (mê làm tịnh tâm sẵn có) thể hiện ý sám hối phiền não chướng; câu “*niêm uế tam nghiệp*” diễn tả ý sám hối nghiệp chướng; câu “*sở kết oán nghiệp*” là sám hối báo chướng. “*Nguyện tất tiêu diệt*” là nguyện ba thứ chướng trên đây đều tiêu diệt.

3. Lập tứ hoàng thế:

Nếu tu hành mà chẳng có thệ nguyện thì chỉ e sẽ bị thối thất nên phải dùng bốn pháp này để chế ngự cái tâm. Nếu thiếu sót bốn pháp này thì dễ bị biếng nhác.

Chánh văn:

¹*Tùng u kim nhật, lập thâm thệ nguyện: viễn ly ác pháp, thệ bất cánh tạo;* ²*cần tu thánh đạo, thệ bất thối đạo;* ³*thệ thành Chánh Giác,* ⁴*thệ độ chúng sanh.*

(Từ nay trở đi, lập thệ nguyện sâu: xa lìa ác pháp, thệ chẳng tạo nữa; siêng tu thánh đạo, thệ chẳng lui đạo; thệ thành Chánh Giác, thệ độ chúng sanh)

Chú giải:

Câu đầu tiên chính là “phiền não vô biên thệ nguyện đoạn”. Ấy là do xem thấy chúng sanh bị tham, sân, si, tà kiến não hại mà mình chẳng cứu độ được cho nên lập ra thệ nguyện này; đây là nương theo Tập Đế mà phát tâm.

Câu thứ hai chính là “pháp môn vô lượng thệ nguyện học”. Do xem thấy lục độ, vạn hạnh... hằng hà sa pháp môn có đủ vô lượng điều xứng tánh khoái lạc mà chúng sanh chẳng tu tập, trái lại còn tạo đủ các điều tội nghiệp, cho nên lập ra thệ nguyện này. Đây là nương theo Đạo Đế mà phát tâm.

Câu thứ ba “*thệ thành Chánh Giác*” chính là “Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”. Do vì quán sát Phật đã diệt sạch phiền não, chứng đắc niềm vui giải thoát, nhưng chúng sanh bất giác bất tri, phải làm chịu đủ điều khổ sở, cho nên phát ra lời nguyện này. Đây chính là y theo Diệt Đế mà phát tâm.

Câu thứ tư: “*Thệ độ chúng sanh*” chính là “Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ”. Do xem thấy chúng sanh bị sanh, lão, bệnh, tử bức bách chịu đại khổ não nên phát ra lời nguyện này. Đây chính là y theo Khổ Đế mà phát tâm.

4. Cầu sanh Tịnh Độ

Do phát khởi các tâm nguyện như trên, cả hoặc lẫn nghiệp cùng tiêu tan cho nên tam muội mới thành, mới dễ sanh trong chín phẩm hoa sen. Bởi vậy, cần phải cầu sanh Tịnh Độ. Nếu không phát nguyện cầu sanh, khó lòng thoát khỏi luân hồi.

4.1. Cầu Phật gia hộ

Chánh văn:

¹A Di Đà Phật dĩ từ bi nguyện lực đương chứng tri ngã, đương ai mãn ngã, đương gia bị ngã. ²Nguyện Thiên Quán chi trung, mộng mị chi tế, đắc kiến A Di Đà Phật kim sắc chi thân, đắc lịch A Di Đà Phật bảo nghiêm chi độ, đắc môn A Di Đà Phật cam lộ quán đảnh, quang minh chiếu thân, thủ ma ngã đầu, y phú ngã thể.

(Xin A Di Đà Phật do từ bi nguyện lực nên chứng biết cho con, nên thương xót con, nên gia hộ con. Nguyện trong khi Thiên Quán, hay trong lúc mộng mị được thấy thân sắc vàng của Phật A Di Đà, được dạo qua cõi báu trang nghiêm của Phật A Di Đà, được Phật A Di Đà dùng cam lộ rưới đảnh, quang minh chiếu đến thân, tay Phật xoa đầu con, y ngài trùm thân con)

Chú giải:

Do tâm Phật từ bi vô lượng nên Phật có nguyện lực. Do có nguyện lực nên sẽ chứng biết. Do chứng biết nên sẽ xót thương. Do xót thương nên sẽ gia hộ. Cả bốn câu này diễn tả tấm lòng mong Phật hộ niệm.

Những câu kế tiếp đó diễn tả các cách đức Phật hộ niệm chúng ta.

4.2. Chánh phát nguyện

4.2.1. Phát nguyện trong đời hiện tại

Chánh văn:

Sử ngã túc chương tự trừ, thiện căn tăng trưởng, tật không phiền não, đốn phá vô minh, viên giác diệu tâm, khuếch nhiên khai ngộ, Tịch Quang chơn cảnh thường đắc hiện tiền.

(Khiến con túc chương tự trừ, căn lành tăng trưởng, chóng sạch phiền não, mau phá vô minh, đột nhiên khai ngộ viên giác diệu tâm, Tịch Quang chơn cảnh thường được hiện tiền)

Chú giải:

Do được Phật dùng cam lộ quán đánh nên ba thứ túc chương: hoặc, nghiệp, khổ tự diệt trừ. Do được quang minh của Phật chiếu đến thân nên ba thứ căn lành: Giới, Định, Huệ tự được tăng trưởng.

Chữ “*phiền não*” chỉ kiến hoặc và tư hoặc. Phiền não làm loạn tâm thần. Chữ “*vô minh*” chỉ căn bản hoặc, chẳng ngộ được Đệ Nhất Nghĩa Đế. Do được đức Phật dùng tay xoa đánh đầu nên mau chóng phá sạch các phiền não, vô minh.

“*Viên giác diệu tâm*” là Năng Chứng Trí. “*Tịch Quang chơn cảnh*” là lý sở chứng. Do được đức Phật dùng y trùm lên thân ta, đột nhiên ta khai ngộ được Viên Giác diệu tâm cho nên chơn cảnh Tịch Quang thường hiện tiền.

4.2.2. Lâm chung nguyện

Chánh văn:

Chí u lâm dục mạng chung dự tri thời chí, thân vô nhất thiết bệnh khổ ách nạn, tâm vô nhất thiết tham luyến mê hoặc. Chư căn duyệt dự, chánh niệm phân minh, xả báo an tường như nhập Thiên Định.

A Di Đà Phật dữ Quán Âm, Thế Chí, chư thánh hiền chúng phóng quang tiếp dẫn, thù thủ đề huề. Lâu, các, tràng phan, dị hương, thiên nhạc, Tây phương thánh cảnh chiêu thị mục tiền linh chư chúng sanh kiến giả, văn giả hoan hỷ cảm tán, phát Bồ Đề tâm.

(Cho đến lúc mạng sắp chấm dứt, biết trước sắp đến lúc. Thân không có hết thầy bệnh khổ, nạn ách; tâm không có hết thầy tham luyến, mê hoặc. Các căn vui sướng, chánh niệm phân minh. Bỏ xác thân một cách an lành như đang nhập Thiên Định).

A Di Đà Phật và Quán Âm, Thế Chí, các bậc thánh hiền phóng quang tiếp dẫn, đưa tay dắt dìu. Lâu, gác, tràng phan, hương lạ, nhạc trời. Thánh cảnh Tây phương hiện rõ trước mắt khiến các chúng sanh: kẻ thấy, người nghe mừng rỡ, khen ngợi, phát Bồ Đề tâm)

Chú giải:

Biết trước ngày mất ba ngày hoặc bảy ngày thì gọi là “*dự tri thời chí*” (biết trước sắp đến lúc vãng sanh).

“*Bệnh khổ*” là tứ đại nơi thân chẳng điều hòa. “*Nạn ách*” là các nạn: nước, lửa, đao binh, độc dược...

“*Tham luyến*” là chẳng hạn như ăn chay lâu năm, lúc lâm chung lại ngã mặn; hoặc đang một dạ niệm Phật, khi lâm chung chột sợ chết; hoặc vì ân ái vẫn vương thậm chí khó lòng chia tay, buông bỏ nổi; hoặc là hứa nguyện, van vái, cam tâm cầu thần, chạy thuốc v.v...

“*Mê hoặc*” là tự nghi mình nghiệp chướng sâu nặng, hoặc nghi công hạnh cạn mỏng, hoặc nghi Phật chẳng đến rước v.v...

“*Các căn vui sướng*” là năm căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân không bệnh, không nạn. “*Chánh niệm phân minh*” chỉ căn thứ sáu tức là ý căn không tham, không làm lạc.

“*Bỏ xác thân một cách an lành*” là buông bỏ cái thân mình đã thọ đây chẳng hề lo lắng, chẳng hề mê loạn. “*Như nhập Thiên Định*” là hoặc ngồi mà tịch, hoặc đứng mà thác.

Từ câu “*A Di Đà Phật*” trở đi nói rõ về sự cảm ứng đạo giao. Còn từ câu “*khiến các chúng sanh*” trở đi là nói đến sự lợi ích do thấy và nghe.

4.2.3. Vãng sanh nguyện

Chánh văn:

Ngã ư nhĩ thời thừa kim cang đài tùy tùng Phật hậu; như đàn chỉ khoảnh sanh Cực Lạc quốc: thất bảo trì nội, thắng liên hoa trung. Hoa khai kiến Phật, kiến chư Bồ Tát, văn diệu pháp âm, hoạch Vô Sanh Nhẫn.

Ư tu du gian, thừa sự chư Phật, thân mông thọ ký. Đắc thọ ký dĩ, tam thân, tứ trí, ngũ nhãn, lục thông, vô lượng bách thiên đà ra ni môn, nhất thiết công đức giai tất thành tựu.

(Con trong khi ấy nương đài kim cang theo sau đức Phật. Như trong khoảng khắc vừa khảy ngón tay sanh cõi Cực Lạc trong ao bảy báu, trong hoa sen diệu. Hoa nở thấy Phật, thấy các Bồ Tát, nghe tiếng pháp mầu, đắc Vô Sanh Nhẫn.

Chỉ trong khoảnh khắc thờ kính chư Phật, liền được thọ ký. Được thọ ký xong, ba thân, bốn trí, ngũ nhãn, sáu thông, vô lượng trăm ngàn đà-ra-ni môn, hết thấy công đức thấy đều thành tựu)

Chú giải:

Câu “*như đàn chỉ khoảnh*” (như trong khoảng khảy ngón tay) ngụ ý vãng sanh cực kỳ mau chóng. “*Đắc Vô Sanh Nhẫn*” là hiểu rõ các pháp vốn bất sanh bất diệt.

“*Tam thân*” là Pháp Thân, Báo Thân và Hóa Thân. “*Tứ trí*” là Đại Viên Kính Trí, Bình Đẳng Tánh Trí, Diệu Quán Sát Trí, Thành Sở Tác Trí.

“*Ngũ nhãn*” là nhục nhãn, thiên nhãn, huệ nhãn, pháp nhãn và Phật nhãn.

“*Lục thông*” là thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, túc mạng thông, thần túc thông và lậu tận thông.

“*Đà ra ni*” dịch nghĩa là Tổng Trì, tức là: bao gồm hết thầy các pháp, nắm giữ vô lượng nghĩa.

Từ câu “*thờ kính chư Phật*” trở đi diễn tả rõ hình tướng của các công đức ấy.

5. Trở vào Sa Bà

Chánh văn:

Nhiên hậu, bất vi An Dưỡng, hồi nhập Sa Bà, phân thân vô số biến thập phương sát, dĩ bất khả tư nghị tự tại thần lực, chủng chủng phương tiện độ chúng chúng sanh hàm linh ly nhiễm, hoàn đắc tịnh tâm, đồng sanh Tây Phương, nhập Bất Thối địa.

(Sau đó, chẳng lìa An Dưỡng, trở vào Sa Bà, phân thân vô số khắp mười phương cõi, dùng sức thần lực chẳng thể nghĩ bàn, các thứ phương tiện độ các chúng sanh khiến đều ly nhiễm, khôi phục tịnh tâm, cùng sanh Tây Phương, chúng đắc Bất Thối)

Chú giải:

“*Chẳng lìa An Dưỡng*” là Pháp Thân bất động. “*Phân thân vô số*” là Hóa Thân ứng hiện. “*Khắp mười phương cõi*” là chẳng phải chỉ thấy hiện hữu trong một cõi nước.

“*Phương tiện độ sanh*” là dùng tài thí để nhiếp phục kẻ tham lam, dùng ái ngữ nhiếp phục kẻ ương ngạnh; dùng lợi ích nhiếp phục kẻ làm lành; dùng đồng sự nhiếp phục kẻ làm ác.

“*Ly nhiễm*” là ba thứ hoặc chướng chẳng khởi; “*tịnh tâm*” là chúng trọn vẹn ba đức. Bất Thối gồm có ba loại:

a. Vị Bất Thối: Trọn chẳng lui sụt xuống phàm phu, Nhị Thừa.

b. Hạnh Bất Thối: Trọn chẳng lui sụt hạnh nghiệp đã tu.

c. Niệm Bất Thối: Quyết không có một niệm nào lầm lạc, quên mất.

“*Nhập Bất Thối địa*” còn có nghĩa là một khi đã sanh về Tây Phương thì dù có sanh trong Biên Địa, Nghi Thành đi nữa, quyết cũng chẳng đọa trong tam đồ.

Hai câu “*khiến đều ly nhiễm...*” đều nói về lợi ích trong hiện đời. Còn câu “*cùng sanh Tây phương*” nói đến lợi ích trong đời sau.

Chánh văn:

Như thị đại nguyện, thế giới vô tận, chúng sanh vô tận, nghiệp cập phiền não nhất thiết vô tận, ngã nguyện vô tận.

(Đại nguyện như thế, thế giới vô tận, chúng sanh vô tận; nghiệp và phiền não hết thảy vô tận, con nguyện vô tận).

Chú giải:

Đoạn văn này để tổng kết các đoạn trên.

6. Hồi hướng khắp cả

Chánh văn:

¹Nguyện kim lễ Phật, phát nguyện, tu trì công đức, hồi thí hữu tình, tứ ân tổng báo, tam hữu tề tu. ²Pháp giới chúng sanh đồng viên Chung Trí.

(Nguyện công đức lễ Phật, phát nguyện, tu trì hiện tại hồi hướng hữu tình, báo trọn bốn ân, giúp khắp ba cõi. Pháp giới chúng sanh cùng được viên mãn Nhất Thiết Chung Trí)

Chú giải:

1. Hồi hướng có ba loại:

a. Một là **hồi kỹ hướng tha**: Do vì từ vô thủy đến nay, chúng sanh làm các nghiệp lành gì cũng chỉ nghĩ đến bản thân và quyền thuộc mà thôi nên nay xoay cái tâm ấy hướng đến khắp các chúng sanh, đem những việc mình đã tu thí hết cho họ, chỉ nguyện người khác được lợi, chứ chẳng mong bản thân mình hưởng an lạc.

Đây cũng là “báo trọn bốn ân, giúp khắp ba cõi”.

b. Hai là **hồi nhân hướng quả**: Từ vô thủy đến nay, chúng sanh chỉ biết mong cầu phước báo trong đường trời, người; chẳng biết mong cầu thánh quả xuất thế nên nay xoay cái tâm ấy hướng đến Vô Thượng Bồ Đề: đem hết thảy các thiện nghiệp mình đã tu để trọn trang nghiêm Phật quả.

Đây chính là hồi hướng “pháp giới chúng sanh cùng được viên mãn Nhất Thiết Chủng Trí”. “Chủng Trí” chính là trí huệ của Phật.

c. Ba là **hồi sự hướng lý**: Cả hai loại hồi hướng trên đều là sự tướng; nhưng Lý vốn nằm trong Sự nên cả ba thứ hồi hướng đều được trọn vẹn; do đó, chẳng cần phải nói rõ.

Hồi sự hướng lý là năng tu (người tu), sở tu (công đức, thiện nghiệp do người ấy tu tạo), tâm năng hướng (tâm hồi hướng), sở hướng (công đức được mình đem hồi hướng) xét trong Thật Tế (Lý Nhất Thể) thì những cặp khái niệm nhị nguyên ấy đều tiêu diệt hết, không còn có các tướng sai biệt.

Thêm nữa, người tu Tịnh nghiệp làm được điều lành gì đều trước hết hồi hướng về Tây phương. Do tâm ấy, sẽ chuyển hóa phước ấy hướng theo chánh lộ vắng sanh Tây Phương.

Nếu chẳng hồi hướng chỉ e tâm bị phước ràng buộc, lại sanh trong tam giới, phải hiểu rõ điều này!

**NIỆM PHẬT
PHÁP YẾU
QUYỂN THỨ HAI**

**GƯƠNG SÁNG
NIỆM PHẬT**

Niệm Phật Pháp Yếu

Quyển thứ hai

Gương Sáng Niệm Phật

Từ lúc đại sư Huệ Viễn thời Đông Tấn đề xướng tu Tịnh Độ đến nay, sự tích vãng sanh của tăng, ni và nông, công, thương gia, những kẻ tạo tội, người tật khổ trong các đời nào phải chỉ có ức vạn; những chuyện được ghi chép trong các sách vở chỉ là một, hai trường hợp được tạm thấy biết đến trong cả ức vạn trường hợp mà thôi. Ngôn giáo chẳng bằng thân giáo¹³. Ở đây, tôi lược trích những sự hành trì của họ để chúng ta học theo, lấy đó làm khuôn phép. Nguyên những ai xem đến di tích của các vị tiên đức, trông thấy đức hạnh của người sẽ mong mình được bằng mà sốt sắng phấn chí tu hành.

1. Thấy tướng lành chẳng nói

Đại sư Huệ Viễn đời Tấn là Sơ Tổ của Liên Tông, họ Giả, người xứ Nhạn Môn. Ngài tinh thông cả Nho lẫn Lão. Năm 21 tuổi, nghe pháp sư Đạo An giảng kinh Bát Nhã, hốt nhiên đại ngộ, than rằng:

- Nho, Đạo cứu lưu đều chỉ là bã hèm.

Liên xuất gia, thề hoằng dương Phật giáo. Ngài Đạo An khen ngợi:

- Khiến cho đạo pháp được lưu hành ở Trung Nguyên phải nhờ vào ông Viễn!

Sau ngài trụ tại chùa Đông Lâm trên Lô Sơn, thống lĩnh đại chúng hành đạo, đào ao trồng sen. Trên mặt nước thả hoa sen mười hai cánh xoay chuyển theo sóng nước

¹³ Ngôn giáo: Giáo huấn bằng lời nói, Thân Giáo: giáo huấn bằng hành động, cử chỉ, phẩm hạnh.

nhằm phân định thời khắc ngày đêm để biết thời hạn tu hành. Ngài cùng với các ông Lưu Di Dân v.v... hơn một trăm hai mươi ba người cả Tăng lẫn tục sáng lập Liên Xã, sáu thời niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Ngài ở trong núi suốt ba mươi năm chẳng hề đặt chân vào cõi trần; chuyên chí Tịnh Độ, lắng lòng hệ niệm, thấy thánh tượng cả ba lần, nhưng vẫn giấu kín không nói. Một đêm, lúc ngài vừa xuất định, bỗng thấy A Di Đà Phật thân đầy chạt cả hư không, Quán Âm, Thế Chí đứng hầu hai bên. Lại thấy nước chảy, quang minh chia làm mười bốn nhánh cùng chảy lên, rót xuống, diễn thuyết diệu pháp. Phật dạy:

- Do bốn nguyện lực nên ta đến an ủi ông. Sau bảy ngày nữa ông sẽ sanh về cõi ta!

Những vị trong Liên Xã đã vãng sanh trước như các ông Lưu Di Dân, Phật Đà Da Xá v.v... đều hầu bên Phật. Sư bảo:

- Lúc ta mới ở đây, ba lần thấy thánh tượng; nay lại được thấy, ắt sẽ sanh về Tịnh Độ.

Đến thời hạn, ngài liền đọa tọa nhập tịch, thọ tám mươi ba tuổi.

(theo Đông Lâm Truyện)

Nhận định:

Nếu như thấy tướng hảo liền muốn nói cho mọi người biết ắt sẽ bị ma gây làm lạc khiến nguyện hạnh thối thất. Xin hãy bắt chước ngài: ba lần thấy nhưng không nói, chỉ đến lúc lâm chung mới cho biết mà thôi!

2. Thiên chúng đến đón chẳng đi

* Đại sư Tăng Tạng đời Đường, người xứ Tây Hà. Tuổi nhỏ xuất gia, nép mình thờ người, hết thầy cung kính, chẳng từ lao khổ. Thấy tăng y của người khác liền

giặt giũ giùm, rồi lại vá chằm. Ngày nắng gắt, sư cởi áo ngồi trong đám cỏ để thí máu thịt cho các loài muỗi, ve. Hằng ngày, ngài niệm Phật hiệu chẳng cần ghi số, chỉ nhớ rõ trong tâm, chưa hề thiếu sót. Đến khi báo tận, thấy chư thiên theo thứ tự đến đón, ngài đều chẳng theo. Ngài chột bảo mọi người:

- Vừa về Tịnh Độ, thấy các thượng thiện nhân rải hoa trên không.

Rồi chấp tay niệm Phật mà hóa.

(theo Cao Tăng Truyện, tập 3)

* Đại sư Thiện Ngang đời Đường, người Ngụy Quận. Chí kết Tây Phương, nguyện sanh An Dưỡng. Sau ngài ngụ tại chùa Báo Ứng, biết đã đến lúc bèn bảo trước những người hữu duyên: đầu tháng Tám sẽ chia tay. Đến kỳ, ngài lên tòa cao, lư tỏa mùi hương lạ, dẫn tứ chúng thọ Bồ Tát giới, dạy dỗ những điều thiết yếu. Chột thấy thiên chúng rộn ràng, đàn sáo véo von. Ngài bảo đại chúng:

- Trời Đâu Suất Đà đến đón ta; nhưng Thiên đạo chính là căn bản sanh tử, chẳng phải chỗ ta ước mong. Lòng thường mong sanh về Tịnh Độ, nguyện này chẳng được thỏa hay sao?

Nhạc trời bỗng bật tiếng. Từ trời Tây, hương, hoa, âm nhạc vùn vụt kéo đến, xoay quanh trên đỉnh đầu, toàn thể mọi người đều thấy. Sư bảo:

- Nay tướng lãnh Tây Phương đến đón. Ta đi đây.

Nói xong liền tịch, thọ sáu mươi chín tuổi.

(theo Cao Tăng Truyện, tập hai)

Nhận định:

Lúc lâm chung, tứ đại chia lìa là lúc nào vậy? Chư Thiên lần lượt đến đón là cảnh nào đây? Nếu chẳng phải

là bậc tín nguyện kiên cố thì ngay trong lúc đó, đối trước cảnh ấy làm sao cưỡng làm chủ tế nổi? Đây đúng thật là gương sáng thiên cổ cho những kẻ tu Tịnh nghiệp vậy. Nếu không, một phen sanh lên trời sẽ lại đọa trong luân hồi. Xin đừng làm tin ngoại đạo cầu sanh Thiên Quốc.

3. Niệm Phật chẳng ngơi

Đại sư Thiện Đạo đời Đường là Tổ thứ hai của Liên Tông. Nhân thấy đạo tràng Tịnh Độ Cửu Phẩm của thiên sư Đạo Xước, ngài liền vui mừng bảo:

- Đây chính là phương cách trọng yếu để thành Phật. Tu các hạnh khác ngoắt ngoéo khó thành; chỉ có pháp môn này là chóng thoát sanh tử.

Từ đó, ngài tinh tấn, siêng năng lễ niệm. Ít lâu sau, đến kinh sư, ngài khích lệ tứ chúng. Mỗi lần nhập thất, thường quỳ thẳng niệm Phật, nếu chưa kiệt sức thì chẳng nghỉ. Dù cho lúc trời lạnh đến mức đóng băng, ngài vẫn [niệm Phật đến khi] toát mồ hôi [mới thôi] để bày tỏ lòng chí thành. Thường khi ngài niệm Phật một tiếng, có một ánh quang minh từ trong miệng tỏa ra. Từ mười câu cho đến ngàn câu cũng đều như vậy, ai nấy đều thấy. Ngoài việc niệm Phật, sư liền diễn nói pháp môn Tịnh Độ, không hở lúc nào chẳng làm việc lợi sanh.

Hơn ba mươi năm, ngài chưa từng ngủ nghỉ, ngoại trừ lúc tắm gội, ngài chưa hề cười y; hộ trì giới phẩm chẳng phạm mảy may. Tuyệt ý lợi danh, không hề cười đùa. Mỗi lần đi đâu, ngài thường đi một mình, không cho ai đi cùng, sợ phải bàn chuyện đời trở ngại việc tu đạo nghiệp. Ba y, bình bát, ngài đích thân cầm giữ, giặt rửa lấy. Thức ngon dành cho đại chúng, thức thô dở ngài dành cho mình; các thứ sữa, lạc, đề hồ đều chẳng ném đến. Tất cả những thứ được cúng thí ngài đều dành để chép kinh Di Đà được hơn mười vạn quyển, vẽ hơn ba trăm bức Tây

Phương Thánh Cảnh, sửa chùa, dựng tháp, tháp đèn nổi sáng suốt năm chẳng ngớt. Cả tăng lẫn tục được ngài giáo hóa có người tụng kinh Di Đà từ mười vạn đến năm mươi vạn biến; nhật khóa niệm danh hiệu Phật từ một vạn đến mười vạn. Trong số ấy, những người đắc tam muội, vãng sanh Tịnh Độ chẳng thể ghi chép nổi.

Ngài đột nhiên bảo mọi người:

- Thân này đáng chán, ta sẽ về Tây!

Liên trèo lên cây liễu trước chùa, hướng về Tây, cầu:

- Nguyện Phật tiếp dẫn con, Bồ Tát giúp con khiến con chẳng mất chánh niệm, được sanh An Dưỡng!

Đứng ngay ngẩn mà tịch.

(theo Phật Tổ Thống Ký)

Nhận định:

Đại Sư là hóa thân của Phật A Di Đà, chỉ bày khuôn phép niệm Phật rộng độ chúng sanh. Xin hãy bắt chước ngài, tuyệt ý danh lợi, niệm Phật chẳng ngơi.

4. Thề lấy đài vàng

Đại sư Hoài Ngọc đời Đường họ Cao, người xứ Đan Khâu. Chấp trì giới luật, ngày ăn một bữa. Tụng kinh Di Đà ba mươi vạn biến, nhật khóa niệm Phật năm mươi vạn câu, thường hành sám hối. Chợt thấy thánh chúng Tây Phương đầy chật hư không, một vị cầm đài bạc đến đón. Sư bảo:

- Tôi một đời niệm Phật, thề đạt được đài vàng, sao lại chẳng được vậy?

Thánh chúng liền biến mất. Ngài lại càng thêm tinh tấn, đến hai mươi một ngày sau, người bung đài lại đến bảo:

- Vì sự tinh tấn nhọc nhằn nên được thăng lên Thượng Phẩm. Hãy nên ngồi xếp bằng chờ Phật đến đón.

Ba ngày sau, ánh sáng lạ tràn ngập cả thất. Sư bảo:

- Nếu người thấy mùi hương lạ thì báo mạng của ta sẽ tận.

Ngài viết kệ:

Một đời khổ hạnh siêu mười kiếp

Mãi là Sa Bà về Tịnh Độ.

Ngay lập tức, mùi hương ngập thất, thánh chúng đông nghịt. Phật và hai vị Bồ Tát cùng ngự đài vàng đến đón.

Ngài mỉm cười mà tịch.

(theo Cao Tăng truyện, quyển 3)

Nhận định:

Theo Quán kinh, chỉ bậc Thượng Phẩm Thượng Sanh mới ngự đài kim cang. Nếu chẳng bội phần tinh tấn, siêng khó, đốn siêu mười kiếp, làm sao đạt được như vậy? Đủ chứng minh có chí ắt thành công, có nguyện ắt được thỏa. Xin hãy cùng bắt chước ngài tinh tấn, thề đạt được đài vàng.

5. Lấy việc lợi lạc chúng sanh làm đầu

Đại sư Tự Giác đời Đường, người xứ Bắc Lăng. Xuất gia từ nhỏ, học Kinh, Luật, Luận siêng năng suốt cả chín năm, kinh luận nào cũng đều hiểu sâu sắc. Sau ngài trụ tại Trùng Lâm Sơn Viện trong núi Bình, nhật quả, hái rau, ngày chỉ ăn một bữa, phát tâm đúc tượng đức Đại Bi Quán Âm và dựng chùa Phật.

Gặp lúc đại hạn, tiết độ sứ xứ Hằng Dương là ông Trương thỉnh ngài cầu mưa. Ngài kiên thành khẩn cáo long thần, mưa to liền đổ xuống. Do đó, thí chủ chen nhau tụ về, đúc được tượng cao bốn mươi sáu thước, chùa cũng

dựng xong. Ngài liền đối trước đàn, thệ nguyện nương nhờ Thánh lực sớm sanh Tịnh Độ. Chợt thấy hai đạo kim quang: A Di Đà Phật và hai vị Đại Sĩ từ trong quang minh giáng xuống, xòe tay sắc vàng xoa đầu sư, bảo:

- Giữ nguyện chẳng đổi, lấy việc lợi sanh làm đầu. Sanh chón ao báu mặc tình thỏa nguyện.

Về sau, chợt thấy thần nhân đứng trong mây hiện nửa thân, bảo:

- Thời kỳ sư quy Tây đã đến rồi!

Ngài liền ngồi xếp bằng trước tượng Quán Âm mà hóa.

(theo Cao Tăng Truyện, quyển 3)

Nhận định:

Phàm những việc như: tạo tượng, lập chùa, cầu mưa lợi người v.v... đều là những trợ duyên cho Tịnh nghiệp. Đem những việc ấy hồi hướng Tây Phương. Do làm được như vậy nên Phật dạy: “*Giữ nguyện chẳng đổi, lấy việc lợi sanh làm đầu*”. Nếu như ngài chẳng có mật hạnh niệm Phật, làm sao cảm được đức Phật đến xoa đầu?

6. Khô hạnh chuyên niệm

Đại sư Thừa Viễn đời Đường là Tổ thứ ba của Liên Tông. Sư theo học ngài Ngọc Tuyên Chơn Công, được sai về ngụ tại Hành Sơn để giáo hóa. Ngài sống dưới gộp đá ở phía Tây Nam núi, ai cho ăn thì ăn, chẳng ai cho thì ăn bùn đất. Thân gầy mặt sạm, còm cõi như que củi. Phàm giáo hóa người, mong cho họ mau được chứng nên thường dạy họ chuyên niệm. Ngài viết [lời khuyên chuyên niệm] trên các đường, hẻm, khắc lên hang hốc, tận lực khuyên dạy, số người được ngài hóa độ tính ra đến cả vạn. Người ta mang đến vải vóc, chặt cây, san đá, xếp

ngoài hang đá. Sư chẳng cự tuyệt, chẳng tính toán, mà chùa điện đều có đủ, đặt tên là chùa Di Đà. Số tiền xây cất còn dư đem thí cho những người đói nghèo, bệnh tật.

Khi ấy, đại sư Pháp Chiêu ở Lô Sơn, nhập định đến được cõi An Lạc, thấy có vị mặc áo rách đứng hầu Phật. Phật bảo: “*Đây là ông Thừa Viễn ở Hành Sơn*”. Xuất định, sư liền đi tìm, xin theo học, truyền giáo khắp nơi. Sau tổ Thừa Viễn tịch ở chùa, thọ chín mươi một tuổi.

(theo Liễu Hà Đông Văn Tập)

Nhận định:

Ăn đất, mặc áo rách: dùng khổ hạnh để tiêu nghiệp. Của dư đem bố thí: chẳng tích chứa để lụy tâm. Dạy người chuyên niệm, tuy còn sống đã hầu Phật, hạnh của ngài chuyên tinh, vãng sanh Thượng Phẩm không còn ngờ gì nữa!

7. Phước huệ song tu

Đại sư Ngũ Hội Pháp Chiêu đời Đường, là Tổ thứ tư của Liên Tông; trụ tại chùa Vân Phong ở Hành Châu. Siêng tu chẳng lười, được Văn Thù Bồ Tát dùng sức oai thần đưa vào thánh cảnh Ngũ Đài. Ngài làm lễ, thưa:

- Phật pháp mênh mông, tu pháp môn nào là thiết yếu nhất?

Ngài Văn Thù dạy:

- Nay ông niệm Phật thì chính là đúng thời. Trong các hạnh môn để tu, không có môn nào hơn được Niệm Phật. Cúng dường Tam Bảo, phước huệ song tu. Hai môn ấy là đường tắt trọng yếu nhất. Trong kiếp quá khứ, ta do niệm Phật và cúng dường nên đắc Nhất Thiết Chứng Trí. Vì vậy, trong hết thảy các pháp Bát Nhã Ba La Mật, Thiền Định rất sâu, thậm chí chư Phật đều là từ niệm Phật mà

thành. Thế nên biết rằng: Niệm Phật là vua của các pháp. Ông nên thường niệm chẳng để gián đoạn.

Sư hỏi:

- Niệm như thế nào?

Đức Văn Thù dạy:

- Phía Tây thế giới này có đức A Di Đà Phật. Đức Phật ấy nguyện lực chẳng thể nghĩ bàn. Ông nên niệm liên tiếp chẳng để gián đoạn thì khi mạng chung quyết định vãng sanh, vĩnh viễn chẳng thối chuyển.

Bồ Tát lại duỗi cánh tay sắc vàng xoa đánh, thọ ký:

- Do ông niệm Phật nên chẳng bao lâu sẽ chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề. Nếu những kẻ thiện nam, thiện nữ mong chóng được thành Phật thì không chi hơn được pháp Niệm Phật, sẽ chóng chứng Bồ Đề.

Sư hoan hỷ làm lễ, lui ra. Từ đây, dốc chí niệm Phật, ngày đêm chẳng bỏ luống, thề sanh Tịnh Độ. Chợt thấy Phạm tăng Phật Đà Ba Lợi bảo:

- Hoa sen của ông đã viên mãn. Ba năm nữa, hoa sẽ nở.

Đến kỳ, ngài bảo đại chúng:

- Ta đi đây!

Đoan tọa mà tịch.

(theo Cao Tăng Truyện tập ba và Lạc Bang Văn Loại)

Nhận định:

Đại Sư được đức Văn Thù khai thị: “*Niệm Phật cùng đường, phước huệ song tu là khẩn yếu nhanh chóng nhất*”. Xin hãy tin nhận vâng làm, ngày đêm chẳng để uổng, thề sanh Tịnh Độ, mau chứng Bồ Đề.

8. Dụ trẻ nhỏ niệm Phật

Đại sư Đài Nham Thiệu Khang đời Đường là Tổ thứ năm của Liên Tông. Ngài họ Châu, người xứ Tấn Vân, xuất gia từ nhỏ, thông kinh luận, giỏi Luật tạng. Sau ngài đến chùa Bạch Mã ở Lạc Dương, do thấy bài Tây Phương Hóa Đạo Văn của đại sư Thiện Đạo phóng quang nên đến chùa Quang Minh ở Trường An chiêm lễ nơi đài hiện bóng của đại sư Thiện Đạo; cảm được Đại Sư hiện thân trên không dạy:

- Ông tuân lời ta dạy, rộng hóa độ hữu tình. Ngày sau công thành, ắt sanh An Dưỡng.

Ngài liền qua Tân Định, không ai biết đến ngài. Ngài bèn xin tiền để dụ trẻ nhỏ niệm Phật: cứ niệm được một tiếng cho một đồng. Lâu sau, trẻ niệm Phật để được tiền đã đông. Sư bảo:

- Niệm Phật mười tiếng ta mới cho tiền.

Nhiều năm như thế, hễ trai, gái, trẻ, già thấy Sư đều thưa A Di Đà Phật. Tiếng niệm Phật vang khắp mọi nẻo đường.

Sau ngài đến núi Ô Long, kiến lập Tịnh Độ đạo tràng, xây đàn ba bậc. Vào mỗi ngày trai, thiện tín tụ lại xong; ngài liền lên tòa cao, lớn tiếng niệm Phật, đại chúng hòa giọng theo. Thấy Sư niệm Phật một tiếng, một vị Phật từ trong miệng bay ra. Mười tiếng là mười vị Phật như râu chuối.

Sư nói:

- Các vị thấy Phật ắt được vãng sanh.

Chúng đều vui mừng. Người lễ Phật đông đến mấy ngàn, cũng có người chẳng được thấy. Sư chợt dặn dò kẻ Tăng, người tục:

- Nên khởi tâm tăng tấn đối với Tịnh Độ, sanh tâm chán lìa Diêm Phù Đề. Hiện thời các ông thấy quang minh của ta thì đúng là đệ tử của ta.

Nói xong liền phóng ra mấy đạo quang minh lạ thường rồi tịch.

(theo Cao Tăng Truyện, tập 3)

Nhận định:

Xin tiền dụ trẻ niệm Phật là tài thí và pháp thí để rộng hóa độ hữu tình. Phật từ miệng bay ra, phóng quang mà tịch chính là niệm Phật thành công, ắt sanh An Dưỡng vậy!

9. Vạn hạnh trang nghiêm

Đại sư Vĩnh Minh Trí Giác Xung Huyền Diên Thọ đời Tống là Tổ thứ sáu của Liên Tông. Ngài là con nhà họ Vương ở Tiền Đường, trông nom việc thuế. Ngài thường dùng tiền công quỹ để mua loài vật phóng sanh nên mắc tội chết. Lúc sắp gia hình, Tiền Văn Mục Vương sai người rình xem thấy ngài chẳng đổi sắc, vương ra lệnh tha. Ngài liền xuất gia, tham học với ngài Chiêu Quốc Sư thuộc tông Thiên Thai, phát minh tâm yếu.

Do nguyện xưa chưa quyết, ngài lên Trí Giả Nham, làm hai cái thăm “nhất tâm thiên định” và “vạn hạnh trang nghiêm Tịnh Độ”, dốc lòng tinh thành cầu đảo, bảy lần rút đều trúng cái thăm Tịnh Độ. Do vậy, ngài một dạ tu Tịnh nghiệp, được đức Quán Âm dùng cam lộ rưới vào miệng, đắc đại biện tài, soạn bộ Tông Kính Lục và Vạn Thiện Đồng Quy Tập chỉ quy Tịnh Độ.

Sau ngài trụ ở chùa Vĩnh Minh, mỗi ngày làm một trăm lễ tám Phật sự. Đêm lên ngọn núi khác, đi kinh hành niệm Phật, người ta nghe tiếng nhạc trời rền vang không trung. Ngài tụng kinh Pháp Hoa được một vạn ba ngàn bộ; đệ tử một ngàn bảy trăm người. Sư thường truyền Bồ Tát giới cho đại chúng, thí thức ăn cho quỷ thần, bỏ tiền chuộc mạng cho sanh vật, [những việc ấy] đều hồi hướng về Tịnh Độ cả.

[Một hôm], ngài chột thấp hương, gọi đại chúng rời ngôi xếp bằng mà tịch, thọ bảy mươi hai tuổi. Về sau, có vị Tăng bị bệnh, thấy mình xuống âm phủ, thấy Diêm vương thờ một bức họa bên trái điện, siêng năng lễ bái. Hỏi ra mới biết Sư đã vãng sanh Thượng Thượng Phẩm. Vua trọng đức của Ngài nên lễ kính vậy.

(Theo Lạc Bang Văn Loại)

Nhận định:

Đại Sư là hóa thân của Phật A Di Đà, do bảy lần bói đều rút được cái thăm Tịnh Độ nên mới nhất ý niệm Phật, thượng phẩm thượng sanh. Vì chí tại Thiên Định nên về hạnh ngài phải xả Thiên tu Tịnh để làm gương vậy.

10. Kết xã khích lệ lẫn nhau

Đại sư Tạo Vi Tĩnh Thường đời Tống là Tổ thứ bảy của Liên Tông. Ngài họ Nhan, người huyện Tiền Đường. Bảy tuổi xuất gia, mười bảy tuổi thọ Cụ Túc Giới. Ngài lấy việc kiên trì giới luật, chuyên xưng danh hiệu, phát Bồ Đề tâm, kết xã để khích lệ lẫn nhau làm chánh nhân Tịnh Độ.

Ngài trụ tại chùa Chiêu Khánh ở Hàng Châu, hâm mộ di phong Lô Sơn của Tổ Huệ Viễn nên thành lập Tịnh Hạnh Xã. Trong nhóm sĩ phu dự hội có quan Tướng Quốc Văn Chánh Vương Công Đán v.v... một trăm hai mươi người đều xưng là Tịnh Hạnh Đệ Tử, còn Tăng thì có đến một ngàn vị đồng tu Tịnh nghiệp. Ngài cắt máu chép kinh phẩm Tịnh Hạnh của kinh Hoa Nghiêm. Mỗi ngày chép một chữ, ba lạy, nhiễu ba vòng, ba lượt xưng danh hiệu Phật. Chép được ngàn quyển, thí cho ngàn người. Ngài dùng chiên đàn hương khắc tượng Phật Vô Lượng Thọ, quỳ trước tượng, phát nguyện:

- Con cùng đại chúng bắt đầu từ ngày hôm nay trở đi phát Bồ Đề tâm. Cho đến cùng tột đời vị lai, hành hạnh Bồ Tát. Nguyên hết một báo thân này sẽ sanh An Dưỡng

Một hôm, trong lúc ngồi nghiêm trang niệm Phật, ngài chợt kêu to: “Phật đến rồi!” tự nhiên hóa. Đại chúng thấy đất đều có màu vàng ròng. Sư thọ sáu mươi hai tuổi.

(Theo Phật Tổ Thống Ký)

Nhận định:

Kết xã khích lệ lẫn nhau đúng là tự lợi, lợi tha. Nhưng để thực hành được điều này trong hiện tại, phải có bậc hữu đức thống suất đại chúng cộng tu, rất kỵ nam nữ hỗn tạp. Nếu không có được cơ duyên như vậy thì chẳng bằng đóng cửa tiềm tu, so ra còn dễ tinh tấn hơn!

11. Thề tu hành đến chết

Đại sư Từ Vân Tri Bạch Tuân Thức đời Tống, người xứ Ninh Hải, họ Diệp. Lúc đầu học Luật, sau nghiên cứu giáo nghĩa tông Thiên Thai, luôn siêng khổ, tự khích lệ. Sau ngài qua chùa Bảo Vân tu pháp Ban Châu Tam Muội, nhọc nhằn đến nổi thổ huyết, hai chân toạc cả da, thề tu hành đến chết. Ngài mộng thấy đức Quán Âm chỉ vào miệng, khều ra mấy con trùng, dùng cam lộ rưới vào; tỉnh dậy, thân tâm thanh lương, các bệnh tật mất hết, trí huệ, biện tài vô ngại. Ngài viết bài ký thề sanh Tây Phương; rồi liền kết hội Tăng lần tục chuyên tu Tịnh nghiệp.

Ít lâu sau, ngài trở về Đông Dịch, lập tinh xá, suất lãnh đại chúng chuyên tu Niệm Phật tam-muội. Tuổi già, ngài trụ trì các chùa Chiêu Khánh, Linh Sơn v.v.... ở Hàng Châu, xin quan cai trị địa phương là Vương Hân Nhược phê chuẩn cho dùng Tây Hồ làm ao phóng sanh. Ngài soạn các sám pháp viên dung Tam Quán, lầy Tịnh

Độ làm chỗ quy thú. Ngài soạn sách Tịnh Độ Quyết Nghi Hạnh Nguyên Nhị Môn và đề ra pháp Thập Niệm vào lúc sáng sớm, soạn Vãng Sanh Lược Truyện v.v... lưu hành trong đời.

Đột nhiên ngài làm thơ từ tạ thế gian và tỏ lời từ biệt đại chúng, cho biết ngài sắp quy tịch. Ngài liền thị hiện có chút bệnh, từ chối không dùng thuốc, lược nói pháp yếu cho đại chúng, thấp hương lễ Phật, thỉnh Phật chứng minh, vãng sanh An Dưỡng; lại còn bày tỏ chỗ mình muốn về là Tịch Quang Tịnh Độ. Đến chiều, ngài tọa hóa, thọ sáu mươi chín tuổi.

(Theo Phật Tổ Thống Ký)

Nhận định:

Muốn cầu được phú quý trong đời hiện tại còn phải ra sức đến chết, hưởng hồ là muốn liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh ư? Nếu chẳng lấy cái chết làm lời thề thì làm sao tọa hóa, vãng sanh cõi Thường Tịch Quang Tịnh Độ cho được?

12. Thỉnh Tăng trợ niệm

Đại sư Tư Chiếu đời Tống, họ Dương, người huyện Tiên Đường. Thuở nhỏ theo học với ngài Thần Ngô lãnh hội được yếu chỉ rất nhiều. Ngài cắt máu chép kinh Pháp Hoa đến mười bộ; cứ mỗi một chữ là một lạy. Ngài tụng Quán kinh được năm tạng, kinh Di Đà mười tạng, kinh Pháp Hoa một ngàn bộ. Lễ các kinh Hoa Nghiêm, Phạm Võng, bảy kinh Tịnh Độ v.v... được hai trăm bảy mươi quyển. Ngài chuyên tu Niệm Phật tam muội, dựng một am nhỏ đặt tên là Đức Vân, khắc tượng Tam Thánh. Mỗi đêm, vừa mới canh tư đã dạy niệm Phật. Tỳ-kheo lười nhác nghe tiếng ngài niệm mà run rẩy. Mỗi tháng, vào

ngày 23, Sư suất lãnh Tăng, tục hệ niệm Tam Thánh. Suốt cả ba mươi năm, đại chúng nhóm về thường đến cả ngàn người.

Ngài chợt bảo đồ chúng:

- Ta mộng thấy thân Phật vàng trượng sáu, đây là điềm vãng sanh.

Liên yêu cầu bảy vị tăng trợ niệm. Đến tối ngày thứ bảy, ngài chợt nhóm dậy, chấp tay, lớn tiếng niệm Phật, ngời xệp bằng, kết ấn mà hóa. Lúc trà tỳ, răng ngài rực sáng như ngọc.

(theo Phật Tổ Thống Ký)

Nhận định:

Đại Sư chuyên tu Niệm Phật Tam Muội ba mươi năm, trước khi lâm chung mộng thấy Phật mà còn thỉnh Tăng trợ niệm. Bọn phàm phu chúng ta rất phải nên chú ý điểm này.

13. Đi kinh hành thành vết trũng

Đại sư Nghĩa Tú đời Minh, người xứ Ôn Lý. Trụ tại am Tán Thán ở đất Bồ, nhật khóa niệm A Di Đà Phật hơn mười vạn tiếng, sáng chiều không gián đoạn suốt hơn năm mươi năm. Chỗ ngài đi kinh hành gạch mòn thành vết trũng, hoặc thủng xuống tận đất. Người khác thử sửa sang, ít lâu sau lại mòn như cũ.

Thoạt đầu có kẻ nghèo chẳng tự kiếm ăn nổi, đến sống nhờ [nhà chùa]; lâu ngày, gã làm điều bất thiện. Sư quở: “Người đúng là giặc!” Hấn bèn ước hẹn đồng bọn, nhân đêm tối đến đánh Sư. Đánh lần thứ nhất, tiếng niệm Phật vẫn còn vang rền. Đánh lần nữa, tiếng niệm Phật vẫn chẳng dứt. Đến khi khí tuyệt, Sư bèn tịch.

(Theo Tử Bách Lão Nhân Tập)

Nhận định:

Đại sư Tử Bách ca ngợi: *“Đến lúc sắp chết, tiếng niệm Phật vẫn chẳng dứt. Ngay cả khi bắp đùi đã gãy, ngài vẫn còn có thể ngồi xếp bằng để qua đời. Nếu chẳng phải là suốt năm mươi năm chí khí kiên cường lẫm lẫm thì làm sao đạt nổi như thế?”*

Đây chỉ là nghiệp trái nhiều đời, nhân duyên hội ngộ nên trả nợ ngay trước khi vãng sanh. Chớ lầm là vì cả một đời niệm Phật nên mắc phải ác báo!

14. Rộng tu các điều thiện

Đại sư Liên Trì Phật Huệ Châu Hoàng đời Minh là Tổ thứ tám của Liên Tông. Người xứ Nhân Hòa, họ Trầm. Năm mười bảy tuổi, được bổ làm thầy dạy các sinh đồ vì học vấn và đức hạnh đều xứng đáng. Ngài nghe người hàng xóm trì danh hiệu Phật, không bệnh tật gì mà mất, biết niệm Phật có công đức chẳng thể nghĩ bàn, liền dốc lòng gửi nơi Tịnh Độ, viết câu *“sanh tử là việc lớn”* (sanh tử sự đại) treo ngay đầu án thư để tự nhắc nhở mình. Năm ba mươi hai tuổi ngài xuất gia, tham yết các vị đại lão Biến Dung, Tiểu Nham... tham cứu câu *“người niệm Phật là ai?”* có phần lãnh hội.

Sau ngài trụ trong núi Vân Thê. Do trong núi có lắm hổ, ngài bèn vì mọi người tụng kinh thí thực, nạn hổ liền dứt. Năm đại hạn, dân cư xin ngài cầu mưa. Ngài đi quanh ruộng niệm Phật, theo bước chân ngài mưa liền trút xuống. Mọi người vui sướng bèn cùng nhau sắm sửa vật liệu dựng chùa. Tăng chúng ngày càng quy tụ về, liền trở thành chôn tùm lẫm. Ngài bèn đề xướng Tịnh Độ, thống trách Cuồng Thiên, rộng tu các điều lành để làm tư lương Tịnh Độ.

Lúc bấy giờ, giới đàn bị cấm đoán đã lâu. Người cầu giới có đủ tam y đối trước Phật xin thọ giới, ngài chứng minh cho họ. Ngài san định khoa nghi trai đàn Thủy Lục và nghi thức Du Già Diệm Khẩu, lập ra ao phóng sanh, soạn bài Giới Sát Văn để cứu tế nổi khổ trong cõi âm. Ngài viết tác phẩm A Di Đà Kinh Sớ Sao và Vân Thê Pháp Vựng dung hội Lý và Sự, thống nhiếp ba căn. Kẻ được ngài hóa độ rất nhiều.

Ngài chợt già biệt khắp đồ chúng cả tăng lẫn tục, bảo:

- Ta sắp qua chốn khác.

Đến kỳ, ngài dạy các đệ tử già dặn, chắc thật niệm Phật, rồi hướng về Tây niệm Phật mà tịch, thọ tám mươi một tuổi.

(theo Vân Thê Pháp Vựng)

Nhận định:

Sanh tử việc lớn, vô thường mau chóng, một phen mất thân người, vạn kiếp khó có lại được. Thường nghĩ đến điều này thì tự nhiên sẽ niệm Phật chơn thành, thiết tha. Rộng tu các điều lành, chắt phác niệm Phật. Pháp yếu Tịnh Độ đã được gói trọn trong hai lời này.

15. Chuyên tâm niệm Phật

Đại sư Hám Sơn Trùng Ân Đức Thanh đời Minh, là con nhà họ Thái ở Kim Lăng. Năm mười chín tuổi xuất gia, chuyên tâm niệm Phật, mộng thấy Phật A Di Đà hiện thân trên không, quang tướng phân minh. Từ đấy, thánh tượng sáng rực rỡ luôn hiện diện trước mắt ngài. Sau ngài đến Ngũ Đài tu Định, phát minh được bốn tâm sẵn có. Ngài cắt máu chép kinh Hoa Nghiêm, mỗi một nét bút hạ xuống là một câu niệm Phật. Lâu dần, động tịnh hết như nhau.

Sau ngài ẩn cư trong Lao Sơn là chỗ bọn ngoại đạo sanh sống. Thoạt đầu, chẳng có ai nghe đến danh hiệu Tam Bảo, nhưng lâu sau, ai nấy đều biết niệm Phật. Lý Thái Hậu hạ lệnh chở vàng đến dựng chùa, ban tám biển đề tên chùa là Hải Ấn. Vua giận dữ, sai đầy ngài đi Lô Châu. Nhân đấy, ngài trùng hưng tổ đình Tào Khê. Về sau, ngài được vua hạ chiếu tha cho về, bèn kết am trong Lô Sơn, tu Tịnh Nghiệp càng thêm chuyên gắng. Ngài đột ngột đi về Tào Khê, thị hiện bệnh nhẹ, tắm gội, thắp hương, bảo đồ chúng rằng:

- Hãy nghĩ tới việc lớn sanh tử, vô thường mau chóng.

Đoan tọa mà tịch, có quang minh chiếu rọi tận trời, thọ bảy mươi tám tuổi, nhục thân hiện vẫn còn.

(theo Mộng Du Tập)

Nhận định:

Thánh tượng thường hiện, động tịnh nhất như thì đúng là tu hành Tịnh Nghiệp thật tinh cần. Vì chẳng chứng đắc chút ít đã cho là đủ nên nhục thân của ngài tồn tại vĩnh viễn. Xét ra, ắt ngài phải sanh trong Thượng Phẩm Thượng Sanh nơi Thật Báo Tịnh Độ hoặc Thường Tịch Quang Tịnh Độ trong thế giới Cực Lạc.

16. Bồ Thiên tu Tịnh

Đại sư Ngẫu Ích Trí Húc đời Thanh là Tổ thứ chín của Liên Tông. Ngài họ Chung, người Ngô Huyện. Lúc tuổi trẻ, tự lấy việc học Nho làm trách nhiệm, viết sách bác Phật. Đến khi ngài đọc được tác phẩm Trúc Song Tuy Bút của tổ Vân Thê bèn đốt những sách mình đã viết.

Năm hai mươi tuổi, nhân đọc kinh Địa Tạng bèn phát chí xuất thế, hằng ngày tụng danh hiệu Phật. Năm hai mươi bốn tuổi, nghe pháp sư Cổ Đức giảng kinh, nghi

tình chợt phát, dụng tâm tham cứu, chứng ngộ rỗng rang. Ngài liền bế quan ẩn tu ở Ngô Giang. Bị bệnh gần chết, ngài mới nhất ý cầu sanh Tịnh Độ. Lúc bệnh giảm chút ít, ngài bèn kết đàn trì chú Vãng Sanh bảy ngày. Sau đấy, ngài ẩn tu tại Linh Phong, trước thuật những tác phẩm xiển dương Tịnh Độ được lưu truyền rộng rãi.

Ngài chợt thị hiện có bệnh, dặn dò sau khi trà tỳ hãy đem tro ngài hòa với bột đem thí cho các loài chim, cá để chúng được kết duyên Tây Phương. Sau đó, khi bệnh đã khỏi hẳn, ngài bèn ngồi xếp bằng, hướng về Tây, giơ tay lên mà tịch, thọ năm mươi bảy tuổi. Ba năm sau, mở khám đưng nhục thân của ngài ra, tóc đã mọc dài phủ tai, vẻ mặt vẫn như lúc sống; môn nhân chẳng nở tuân theo di mạng nên lập tháp thờ ở Linh Phong.

(theo Linh Phong Tông Luận)

Nhận định:

Gặp lúc bệnh gần chết mới bỏ Thiền tu Tịnh. Sách Niệm Phật Trục Chi viết: *“Tinh tấn là chẳng vì chút bệnh duyên nhỏ hay lớn mà biếng nhác cái hạnh. Nếu như bị túc nghiệp sai sử thì nên tụng Bát Nhất Thiết Nghiệp Chương Căn Bản Đắc Sanh Tịnh Độ Đà Ra Ni. Trì một lần, diệt được tất cả các tội: ngũ nghịch, thập ác nơi thân. Trì được ba mươi vạn biến, quyết sẽ sanh về Tịnh Độ”*.

Kinh Bát Nhất Thiết Nghiệp Chương Căn Bản Đắc Sanh Tịnh Độ Thần Chú có nói: *“Nếu tụng được chú này thì A Di Đà Phật thường ngự trên danh người ấy, ngày đêm ủng hộ chẳng để cho oán gia có dịp hãm hại. Hiện đời thường được an ổn; lúc mạng sắp hết, tùy ý vãng sanh”*.

Vì thế, lúc ngài vừa bớt bệnh liền kết thất trì chú bảy ngày. Những người ham Thiền Tịnh Song Tu hãy bắt chước ngài lấy việc chuyên tu làm trọng.

17. Kết am chuyên tu

Đại sư Triệt Lưu Hành Sách đời Thanh là Tổ thứ mười của Liên Tông, là con của vị lão nho Tướng Toàn Xương ở huyện Nghi Hưng. Ông mộng thấy đại sư Hám Sơn vào nhà, sanh ra ngài; nhân đó, đặt tên ngài là Mộng Hám.

Năm hai mươi ba tuổi, ngài xuất gia tại chùa Lý An ở Vũ Lâm. Suốt năm năm, chẳng đặt mình nằm xuống chiếu, đốn triệt nguồn pháp. Ít lâu sau, ngài trụ ở chùa Báo Ân, được bạn cùng tham thiền là Anh pháp sư ở Tức Am khuyên siêng tu Tịnh Nghiệp, Tiều Thạch Pháp Sư ở Tiền Đường dẫn dụ ngài học hỏi giáo lý tông Thiên Thai, bèn cùng nhập tịnh thất, tu Pháp Hoa Tam Muội. Túc huệ đốn thông nên ngài thấu triệt tột cùng giáo tủy.

Từ đây, ngài bèn dựng am ở Tây Khê thuộc Hàng Châu để chuyên tu Tịnh nghiệp, đặt tên cho chỗ mình ở là Liên Phủ Am (am búp sen). Về sau, ngài trụ tại Phổ Nhân Viện ở Ngu Sơn, đề xướng, hưng khởi Liên Xã, hoàng hóa thù thắng. Những trước tác của ngài như Liên Tạng Tập, Tịnh Độ Cảnh Ngữ v.v... được lưu hành trong đời. Ngài mất lúc năm mươi lăm tuổi.

Lúc bấy giờ có Tôn Hàn và người họ Ngô mắc bệnh chết rồi sống lại, đều kể là: “Bị sai nha cỡi âm lôi đến dưới điện, chợt thấy quang minh rực trời, vua Diêm La phủ phục sát đất, nghênh tiếp Tây Quy Đại Sư. Liếc trông thì ra là ngài Triệt Lưu. Nhờ quang minh của ngài chiếu đến nên được tha về”.

(theo Tịnh Độ Ước Thuyết)

Nhận định:

Đốn triệt nguồn pháp, thấu triệt tội cùng giáo tủy mà sau đây vẫn kết am chuyên tu để đề xướng hưng khởi Liên Xã hoàng pháp lợi sanh. Phàm là những kẻ mình chưa đắc độ mà đã muốn độ người thì có hợp lý hay chăng?

18. Nhật khóa mười vạn

Đại sư Tĩnh Am Tư Tề Thật Hiền đời Thanh là Tổ thứ mười một của Liên Tông. Ngài họ Thời, người huyện Thường Thục. Từ nhỏ đã chẳng ăn mặn, bảy tuổi xuất gia. Năm hai mươi bốn tuổi, thọ Cụ Túc Giới, giữ giới nghiêm cẩn, chẳng ngả mình nằm xuống chiếu. Vừa được phép lên diễn giảng, ngài đã chứng tỏ rõ cái học của mình cả về Tánh lẫn Tướng. Sau đây, ngài tham cứu có phần chứng ngộ, bèn nói: “Ta tỉnh mộng rồi!”. Ngài đóng cửa am ba năm, ngày thì đọc Kinh Tạng, tối lấy Phật hiệu làm thường khóa.

Ngài đến lễ tháp chùa A Dục Vương. Vào ngày Phật nhập Niết Bàn, ngài tập hợp đông đảo cả Tăng lẫn tục thiết lễ cúng dường trọng thể, đốt ngón tay trước tượng Phật, phát bốn mươi tám đại nguyện, cảm xá lợi phóng quang. Ngài soạn ra Niết Bàn Sám và Khuyến Phát Bồ Đề Tâm Văn để khích lệ tứ chúng, nhiều người tụng đến ứa lệ.

Về già, ngài về ở chùa Tiên Lâm tại Hàng Châu, kết Liên Xã chuyên tu Tịnh Nghiệp, soạn văn ước thệ cùng đại chúng lấy hết cả đời làm hạn. Nhiếp hóa khắp ba căn, pháp hóa lợi lạc khắp tất cả.

Mùa Đông năm Ung Chánh thứ mười một, ngài cho biết trước ngày mười bốn tháng Tư năm sau sẽ Tây quy, rồi bé quan một thất, mỗi ngày niệm Phật mười vạn tiếng. Đến kỳ, ngài bảo: “Ngày giờ đã tới, lại thấy Tây Phương Tam Thánh, sẽ sắp vãng sanh ư?”

Ngài liền đọc kệ từ biệt đại chúng, tắm gội sạch sẽ, thay áo, hướng mặt về Tây ngò im lặng. Người đưa tiễn lũ lượt kéo đến, ngài chột mở mắt bảo:

- Ta đã đi rồi trở về. Sanh tử là việc lớn, ai này phải tịnh tâm niệm Phật mới được!

Rồi ngài chấp tay niệm Phật mà tịch, thọ bốn mươi chín tuổi.

(theo Tịnh Độ Thánh Hiền Lục)

Nhận định:

Nhớ số trì danh để phòng biếng nhác. Đại sư biết trước thời giờ mà vẫn bế quan tinh tấn, nhật khóa niệm Phật cả mười vạn tiếng. Đúng là còn một hơi thở chẳng chịu lười nhác chút nào, thật là tấm gương niệm Phật vậy!

19. Càng bệnh tật khôn khổ càng thêm thiết tha

Đại sư Đạo Triệt đời Thanh, người huyện Tiền Đường. Xuất gia tham học các sư, sau khi phát minh được bản tánh rồi bèn chuyên tu Tịnh nghiệp. Ngài trụ tại am Văn Thù ở Hàng Châu. Ngài định kỳ bế quan: trong thất không để bất cứ vật gì dài lớn, ngoại trừ một cái ghế và một cái đơn¹⁴ mà thôi! Mới được vài ngày đã mắc bệnh rất nặng, ngài tự cổ vũ mình: “Niệm Phật chính là vì sanh tử, lẽ nào lại vì bệnh mà biếng nhác ư?” rồi trì danh hiệu Phật càng thêm khẩn thiết.

Đột nhiên, kim quang chiếu rọi cả thất, Phật xoa đầu ngài, bệnh lành ngay lập tức; ngài liền đắc Niệm Phật Tam Muội. Đi, đứng, nằm, ngồi trọn không còn có niệm nào khác. Suốt ba năm như thế, đến ngày rằm tháng Ba,

¹⁴ Đơn: là một tấm gỗ thô hẹp, dài; kê thay cho giường nằm. Vì miếng gỗ ấy chỉ vừa đủ cho một người nằm khít nên gọi là đơn.

ngài xuất quan, lên tòa giảng Pháp Hoa, bảo đại chúng rằng:

- Chừng bảy tháng sau nữa, ta sẽ về Tây; các ông có thể đến tiễn.

Đến kỳ, ngài bèn thiết lễ Vu Lan Bồn Hội. Chúng nhóm lại, nhắc lại lời ngài dự báo trước đây. Ngài nói: “Quả có thể, hãy chờ một chút!”. Ngày hôm sau, ngài bèn dẫn dò trụ trì thiết trai giã biệt đại chúng rồi vào khám, ngồi yên lặng, dứt hơi thở. Giây lâu sau, tỉnh lại, bảo:

- Chia tay cùng các ông, chẳng thể không nói một lời. Sa Bà khổ không nói nổi, Cực Lạc vui không nói nổi. Nếu còn nghĩ nhớ đến tôi thì chỉ niệm A Di Đà Phật, chẳng lâu sau sẽ lại thấy nhau. Bỏ lỡ đời này, luân chuyển trong đêm dài, đau đớn lắm, đau đớn lắm!

Nói xong bèn tịch, thọ bốn mươi tám tuổi.

(theo Tịnh Độ Thánh Hiền Lục)

Nhận định:

Bệnh càng bức bách càng thêm khẩn thiết cho nên đặc Niệm Phật Tam Muội. Thật đúng là lấy bệnh khổ làm thuốc hay, biến trở ngại thành thông suốt vậy! Tự chủ được trong khi bệnh thì lúc chết cũng tự chủ được nên có thể đi về tự tại như vậy!

20. Phật xuất hiện theo ý

Đại sư Huệ Minh đời Thanh, người Ngân Huyện, trụ chùa Báo Quốc ở Hàng Châu. Tánh tình chất trực, chỉ biết niệm Phật. Mỗi khi ngài chấp trì hồng danh, âm thanh như sóng vỗ, hương cháy hết chẳng hay. Được ai cúng thí ngài liền dùng để phóng sanh. Khi phóng sanh loài nào đều xưng danh hiệu Phật, hồi hướng Tây Phương. Gặp ai, chẳng hỏi thăm xã giao mà chỉ nói: “[Coi chừng] cái chết

xảy đến đó, niệm Phật gấp đi!” Nếu ai hỏi đến sở đắc, liền nói:

- Lúc trước tôi bị bệnh nhiệt nặng lắm, mấy lần chẳng gắng gượng nổi, may là trong ý căn có một câu Phật hiệu thì nơi đánh có một câu phát ra, liền miên như thế chẳng ngại; nhờ đó mà bệnh được lành. Từ đây, chẳng cần biết là nói năng, im lặng, động, tịnh cứ hễ trong tâm có một câu Phật hiệu phát sanh thì từ trên đánh đầu có một câu Phật hiệu phát ra.

Sau ngài bị bệnh ung loét ở cổ, biết là túc nghiệp hiện tiền, trọn chẳng rên rỉ, than vãn. Lúc lâm chung, vẻ mặt vui tươi, niệm Phật qua đời.

(theo Nhiễm Hương Tập)

Nhận định:

Niệm Phật như sóng dồn, nhang hết không hay; thấy người khác chẳng hỏi chuyện hàn huyên; đúng là công phu đã đạt đến mức thuần thục. Tuy bệnh nguy ngập nhưng trong tâm câu Phật hiệu vẫn cuộn cuộn phát ra, đúng là: vô niệm mà niệm, bệnh chẳng gây trở ngại gì!

21. Nhiếp Thiên quy Tịnh

Đại sư Mộng Đông Nột Đường Triệt Ngô Tế Tĩnh là Tổ thứ mười hai của Liên Tông. Ngài họ Mã, người huyện Phong Nhuận. Thuở nhỏ thông kinh sử, năm hai mươi hai, do mắc bệnh bèn tỉnh ngộ xuất gia, tham học khắp nơi, thông hiểu rộng khắp hai tông Tánh và Tướng.

Ngài tham học với Túy Như thiền sư, tỏ ngộ thấu suốt, được kế vị làm trụ trì chùa Quảng Thông ở kinh đô, hướng dẫn đại chúng tham thiền, tông phong đại chấn.

Về sau, do túc nghiệp sâu nặng nên lâm bệnh duyên, nghỉ trong Ngũ Đình Tâm Quán của bên Giáo, đối với

người nhiều chướng thì dùng Niệm Phật để trị. Và lại, các vị đại Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền v.v..., các vị đại Tổ Sư như Mã Minh, Long Thọ... các vị đại thiện tri thức như Trí Giả, Vĩnh Minh, Sở Thạch, Liên Trì v.v... thấy đều quy tâm vào một môn này; lẽ nào vì có người đời coi thường mà ta chẳng dám quy mạng. Ngài liền bỏ tham thiền để niệm Phật, chuyên tu Tịnh nghiệp. Mỗi ngày ngài hạn định chỉ tiếp khách chừng tàn một cây hương, những thời giờ còn lại để chuyên lễ niệm.

Về già, ngài ở chùa Tư Phước thuộc núi Hồng Loa, người theo học ngày càng nhiều, dần dần trở thành một đạo tràng của Liên Tông. Tâm ngài chẳng hề chán mỗi sự nghiệp vì pháp, vì người, một mực lấy Tịnh Độ làm chỗ quy hướng. Mỗi khi ngài diễn nói về ân đức cứu khổ ban vui của đức Như Lai, nói ra mỗi chữ là lệ rơi đầm đìa. Người nghe cũng thường khó ngăn được lệ đầm cả áo. Hai quyển Ngũ Lục của ngài thật tối cần thiết.

Mười tháng trước khi ngài lâm chung, ngài đã báo sẵn kỳ hạn quy Tây, dặn dò những kẻ ngoại hộ:

- Huyền duyên chẳng dài lâu, đáng tiếc kiếp sống uổng. Ai nấy nên nỗ lực niệm Phật, năm sau sẽ thấy được hảo tướng Tịnh Độ.

Đến kỳ, ngài thị hiện mắc bệnh, bảo đại chúng trợ niệm. Chợt thấy trên không vô số tràng phan từ phương Tây bay lại. Ngài bảo đại chúng:

- Tướng Tịnh Độ hiện, ta sắp về Tây.

Lại bảo:

- Được Phật đích thân tiếp dẫn, ta đi đây!

Đại chúng xưng niệm Phật hiệu càng mạnh mẽ, đại sư ngời hướng mặt về Tây mà tịch, thọ bảy mươi tuổi. Đại chúng người thấy mùi hương ngập tràn không trung. Quàn xác ngài, mở nắp quan suốt bảy ngày, về mặt vẫn như lúc sống. Trà tỳ thân được hơn trăm viên xá lợi.

(theo Triệt Ngô Thiên Sư Ngũ Lục)

Nhận định:

Sau khi đã thông suốt cả Tông lẫn Giáo còn chuyên tu Tịnh nghiệp, ngài đứng là bậc “có Thiên có Tịnh Độ” nên được làm thầy trời người, làm Phật, làm Tổ, nhưng ngài chẳng phải là Thiên Tịnh Song Tu! Lúc lâm chung bảo đại chúng trợ niệm để làm gương cho đời!

22. Lễ niệm cùng hành

Đại sư Trúc Phong Viên Dung đời Thanh, họ Diêu, người huyện Đức Thanh. Năm mười ba tuổi, xuất gia thọ Cụ Túc Giới, trì giới không khiếm khuyết. Ngài đặc biệt thích lễ niệm, lập chí quyết định vãng sanh Tây Phương. Ngài chẳng nuôi đệ tử, chẳng tự trụ trì am viện, luôn ở nhờ người khác để tu tập hồng khôi bị phân tâm. Ngài không ở chỗ nào nhất định, hợp thì lưu lại, chẳng hợp thì đi. Tánh tình phóng khoáng, chẳng câu chấp mà cũng chẳng thích làm theo mọi người. Ngài thường đóng cửa am ở yên tịnh, thực hành cả lễ lẫn niệm: Chẳng lễ thì niệm, không niệm thì lễ, chẳng lúc nào gián đoạn, cũng chẳng tu pháp nào khác, chỉ lấy đó làm pháp tu suốt đời.

Vào giữa trưa, sư thường gõ mõ niệm Phật mãi cho đến sắp rạng đông ngày hôm sau, người khác thấy ngài trọn chẳng nghỉ ngơi bèn lớn tiếng gọi, ngài mới ngưng, tự bảo là giống như mới niệm được nửa ngày mà thôi. Hỏi ngài có đói không? Liên đáp:

- Trong miệng tôi thường có nước ngọt như mật thấm đẫm cổ họng, thọ dụng vô lượng nên chẳng nghĩ đến ăn uống gì nữa!

Ngài chẳng đặt mình nằm xuống chiếu suốt cả mấy mươi năm, cho nên ít ngủ. Dù có chợp mắt chốc lát, cũng chẳng rời việc lễ niệm nên không còn có duyên nào khác.

Trong mộng, ngài thường thấy Phật và Bồ Tát hoạt động như đang hiện tiền, khuyên dạy, tướng lệ, hoặc hướng dẫn niệm Phật.

Chợt ngài biết đã đến lúc, bèn niệm Phật mà tịch, thọ sáu mươi bốn tuổi, đánh đầu còn hiện tướng nóng bừng.

(theo Nhiễm Hương Tục Tập)

Nhận định:

Chẳng nuôi đồ chúng, sống không chỗ nhất định, đúng là bậc giải thoát thanh thân. Niệm Phật suốt đêm ngày, chẳng ai gọi thì chẳng ngưng, chẳng đói, chẳng khát, mộng và tỉnh đều giống hệt nhau. Nếu chẳng phải là đã đắc Niệm Phật Tam Muội thì làm sao làm được như thế?

23. Chẳng niệm mà tự niệm

Đại sư Mặc Am Chơn Nguyên Thượng Nhân đời Thanh, họ Chu, người huyện Hành Châu, tỉnh Hồ Nam. Thuở nhỏ, ngài đã dĩnh ngộ, thông tiếp, có ý tưởng xuất thế. Cha mất sớm, mẹ tính cưới vợ cho, bèn trốn đi xuất gia. Thọ Cụ Túc Giới, nghiên cứu tinh tường Tam Tạng, thâm nhập giáo nghĩa. Sau khi tham học khắp cả Nam Bắc [Trung Hoa] ngài bèn dựng tinh xá Chúc Thánh ở Nam Nhạc, giới luật tinh nghiêm, siêng năng, khẩn thiết thâm tu. Mỗi ngày niệm Phật sáu vạn tiếng. Lâu ngày, chẳng niệm mà tự niệm, không lúc nào gián đoạn.

Sau đấy, ngài ở tại chùa Đại Thiện thuộc Nam Nhạc, phỏng theo khuôn phép của thiền sư Triệt Ngộ. Thập phương đến học; vì có chỗ chẳng dung hợp nhau nên ngài bèn dùng phép Giáo Quán của tông Thiên Thai để dẫn dắt, lấy Tịnh Độ Di Đà làm chỗ quy hướng rốt ráo. Đột nhiên, nhà chùa muốn giao ngài đứng đầu trông coi mọi

việc trong chùa, ngài bảo: “Tôi sắp về Tây!”. Ngài liền cử hành Phật thất 2 tuần, trong định thấy ao bảy bấu, nước bát công đức.

Ngài liền hiện tướng bình nhẹ, khước từ thuốc thang, nhất tâm niệm Phật, bảo đồ chúng luân phiên trợ niệm. Ngài trông thấy tướng bạch hào của Phật A Di Đà sáng rực, bèn ngồi ngay thẳng hướng về Tây. Khi ấy, những người trợ niệm gõ mõ càng nhanh, ngài bèn bảo thôi gõ, chỉ cùng nhau niệm Phật đến hơn trăm câu, chấp tay mà tịch, thọ sáu mươi bốn tuổi.

(theo Cận Đại Vãng Sanh Truyện)

Nhận định:

Chẳng niệm mà tự niệm chính là niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm. Nếu chẳng phải là tận lực niệm đến mức thuần thục thì sao mà làm được nổi như thế? Trước khi lâm chung còn cử hành Phật thất, bảo đại chúng trợ niệm để cầu được quyết định vãng sanh. Tiếng mõ gõ quá ồn chẳng thuận tiện cho việc trợ niệm nên sư bảo thôi gõ, chỉ nên đồng thanh niệm Phật.

24. Hễ niệm Phật liền niệm lớn tiếng

Đại sư Chánh Thành thời Dân Quốc, họ Châu, người huyện Qua Dương, tỉnh Giang Tây. Nhà nghèo, sư thường niệm Phật cầu sanh Tây phương. Cho đến lúc không phải phụng dưỡng ai, chôn cất vợ xong xuôi, tuổi đã sáu mươi tám, ngài mới đem con đi xuất gia, tu trì cật lực. Ở trong núi suốt mười ba năm, sư chưa hề nằm xuống giường.

Hễ niệm Phật là ngài niệm lớn tiếng, thường niệm đến lúc toàn thân ướt đẫm mồ hôi rồi mới ngưng. Người khác ghét ngài niệm oang oang thường hay quở mắng. Bạn đồng tu thường khuyên ngài niệm nhỏ tiếng để khỏi bị

người khác ghét, ngài chỉ cười, bảo [họ nói] đúng. Đến lúc niệm Phật vẫn niệm lớn tiếng như cũ mà chẳng tự biết. Ngài thường niệm Phật bên gốc tùng trong chùa hoặc tịnh tọa trước ngọn núi. Mỗi khi ngài thấy tượng Phật đứng trên đỉnh núi thường hay gọi người khác đến xem. Ai đến thì chẳng thấy nữa. Ngài chợt biết thời giờ đã đến, bèn nói kệ, ngồi ngay ngắn niệm Phật mà hóa.

(theo Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, bản in lần thứ ba)

Nhận định:

Do niệm Phật, tâm chuyên chú, đã đạt đến cảnh giới Nhất Tâm nên lúc niệm Phật chỉ biết niệm Phật, không còn niệm nào khác; tiếng niệm Phật lớn hay nhỏ có làm phiền người khác hay không ngài cũng chẳng hay! Kinh Nghiệp Báo Sai Biệt và Đại Trang Nghiêm Kinh Luận đều bảo lớn tiếng niệm Phật có mười công đức:

1. Một là bài trừ Cái chướng mê ngủ.
2. Hai là thiên ma kinh sợ.
3. Ba là tiếng vọng khắp mười phương.
4. Bốn là tam đồ được dứt khổ.
5. Năm là những tiếng động bên ngoài chẳng lọt vào.
6. Sáu là khiến cho tâm chẳng tán loạn.
7. Bảy là dừng mãnh tinh tấn.
8. Tám là chư Phật hoan hỷ.
9. Chín là tam muội hiện tiền.
10. Mười là vãng sanh Tịnh Độ.

Những điều ấy là những chứng cứ khiến ta càng thêm tin tưởng.

25. Chuyên niệm Quán Âm

Đại sư Kim Trục thời Dân Quốc, người Đài Châu. Tám tuổi xuất gia, ít lâu sau là được thọ giới. Được thầy

dạy tụng chú Đại Bi và niệm thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, ngài liền mỗi ngày tụng chú bốn mươi tám biến; ngoài ra, chuyên trì thánh hiệu chưa hề gián đoạn.

Ngài xem danh lợi như bào ảnh; tập khí, thị hiệu đều tiêu trừ hết chẳng còn sót. Lúc bấy giờ, ngài trị bệnh cho người khác, vừa đặt tay lên bệnh đã được lành, chẳng nhận thù lao. Ngài ngụ trong một ngôi miếu nhỏ, gặp phải nạn cướp. Bọn cướp thấy ngoại trừ chiếc cà sa rách, không còn có vật gì khác, giận quá liền dùng thương đâm ngài, đâm hai nhát vào phía phải trên trán, đâm một nhát trúng tay phải, chưa chết. Ít lâu sau, thương thể lành, nhưng vết thương vẫn còn in dấu.

Đột nhiên, ngài qua tạm trú ở chùa A Dục Vương thuộc thành phố Ninh Ba. Vị tăng quản đường kê đơn, ngài liền bảo:

- Tôi ở đây chẳng lâu sẽ vãng sanh Tây Phương. Kính xin ngài từ bi!

Liền bảo đại chúng:

- Quán Thế Âm Bồ Tát tay cầm đài bạc đã hiện thân trước mặt tôi, trong ba ngày nữa, tôi sẽ vãng sanh. Xin các vị đồng tham hãy thiết tha niệm Phật hoặc niệm Bồ Tát. Nhất tâm xưng danh quyết sẽ sanh về Tây Phương. Phật chẳng nói dối.

Đến thời, ngài liền hướng về vị sư quản đường nói:

- Sau chánh ngọ một giờ, tôi sẽ sanh Tây.

Mọi người cho là ngài nói dối. Giữa trưa, ngài vẫn dùng cơm như thường, lễ Phật tại các điện xong bèn ngồi hướng mặt về Tây mà hóa.

(theo Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, bản in lần thứ ba)

Nhận định:

Vị này chuyên niệm Quán Thế Âm Bồ Tát thoát khỏi nạn chết, cũng muốn làm gương tốt vãng sanh Tây

Phương nên chẳng chết trong miếu nhỏ mà tọa hóa tại ngôi chùa A Dục Vương danh tiếng, vì đại chúng hiện thân thuyết pháp.

26. Làm việc nặng vẫn niệm Phật không gián đoạn

Đại sư Cụ Hạnh Nhật Biện thời Dân Quốc, người huyện Hội Lý ở Vân Nam. Mồ côi cha mẹ từ nhỏ, phải đi ở rể nhà họ Tăng ở Diêm Nguyên, sanh được hai con trai. Nhà nghèo, ngài phải làm thuê cho Chúc Thánh ở núi Kê Túc. Năm hai mươi một tuổi, ngài dẫn cả nhà tám người xin đi xuất gia, thọ Cụ Túc. Hòa Thượng Hư Vân dạy ngài tu pháp môn Niệm Phật Cầu Sanh Tịnh Độ. Ngài bèn dứt bỏ các duyên, nhất tâm hệ niệm. Ngài tai điếc, mặt mũi xấu xí, không biết chữ, ngày trồng rau, đêm lễ bái, niệm Quán Thế Âm Bồ Tát.

Rảnh rỗi thì tập tịnh tọa, học khóa tụng và các kinh điển, tự siêng gắng hết sức. Sư vừa đi tham bái tứ đại danh sơn trở về đất Điền (Vân Nam), gặp lúc ngài Hư Vân trùng hưng chùa Vân Thê, hỏi:

- Thầy đã đi thăm quyền thuộc chưa?

Sư thưa:

- Con chẳng bận tâm đến họ.

Hòa Thượng lại hỏi:

- Thầy tính làm gì?

Thưa:

- Những việc nặng nhọc nhất không ai chịu nổi, con sẽ gánh vác.

Phàm là những việc nặng như đắp tường, lợp nhà, trồng rau, trồng cây, vác đá, đào đất, quét tước, nấu nướng, ngài đều làm không lúc nào ngơi tay, nhưng không một khắc nào để câu niệm Phật bị gián đoạn. Khi đêm xuống, vào lúc chỉ tịnh, ngài bèn lễ các kinh Kim Cang, Dược Sư, các kinh Tịnh Độ; cứ một chữ là một lay.

Tảng sáng, hồng chung vừa gióng, đã lên điện tham dự khóa tụng như thường, chưa hề ngủ nghỉ. Ngài tự vá áo, hoặc chằm vá áo giùm bạn đồng tham, mỗi một mũi kim là một câu Phật hiệu.

Trong kỳ hạn kết giới, được thỉnh làm Tôn Chứng, ngài bèn bán y, đem hết tiền mua sắm vật dụng để thiết trai cúng dường đại chúng. Hỏi ngài sẽ đi đâu, chỉ cười không nói. Giới đàn hoàn tất, ngài ngằm lên điện sau cùng, ngồi xếp bằng, hướng về Tây niệm Phật, dùng lửa tự thiêu, thọ ba mươi sáu tuổi. Hình trạng vẫn như lúc sống, mùi hương lạ lan tận ra xa. Đại chúng tranh nhau đến xem, vừa đánh khánh, di thể ngài chột sụp xuống, hóa thành tro (theo Hư Vân Hòa Thượng Niên Phổ)

Nhận định:

Một chữ chẳng biết, nhưng lúc làm công việc nặng nhọc chưa hề gián đoạn niệm Phật. Chúng ta là những kẻ biết chữ đọc được sách, nếu cứ lo là để uổng phí ngày tháng trôi qua há chẳng biết thẹn chăng? Nhưng tự thiêu là chưa đắc tam muội. Chớ nên manh nha vọng niệm như vậy để khỏi bị ma dựa phát cuồng, vĩnh viễn đọa trong ác đạo!

27. Bế quan tinh tu

Đại sư Thường Tàm Quý Tăng Ân Quang Thánh Lượng là Tổ thứ mười ba của Liên Tông. Ngài họ Triệu, là người huyện Cáp Dương, tỉnh Thiểm Tây. Thuở nhỏ học Nho, từng bài xích Phật, mắc bệnh mắt mấy lượt suýt mù, mới biết lỗi trước.

Năm hai mươi một tuổi, xuất gia thọ Cụ Túc Giới. Đọc cuốn Long Thư Tịnh Độ Văn, biết được Niệm Phật chính là đạo trọng yếu để liễu sanh thoát tử, ngài liền

chuyên niệm Phật hiệu. Trong lúc làm lụng, tâm chẳng rời niệm Phật. Sau ngài trụ tại chùa Tư Phước ở núi Hồng Loa, chuyên tu Tịnh Độ và thâm nhập Kinh tạng, diệu khê Phật tâm. Ngài triều bái Ngũ Đài, đến kinh đô, theo hòa thượng Hóa Văn thỉnh Đại Tạng về Phổ Đà, trụ tại chùa Pháp Vũ, dốc chí tinh tu, bế quan suốt sáu năm, lấy đó làm kỳ hạn, ngày đêm niệm Phật hồng sớm đăc Niệm Phật Tam Muội. Các vị như cư sĩ Từ Úy Như v.v... đem in bộ Văn Sao của ngài khiến cho sự giáo hóa của ngài càng được rộng rãi. Ngài tự hành và dạy người, một lòng lấy Tịnh Độ làm chỗ quy hướng, chẳng lia nhân quả, chẳng lạm bàn huyền luận diệu. Người quy y ngài hơn hai mươi vạn, kẻ y giáo phụng hành được sanh Tây Phương cũng rất nhiều.

Ngài còn hóa độ cả những tù nhân và dị loại, thường trì chú Đại Bi vào nước và gạo để chữa các bệnh. Về sau, ngài bế quan tại chùa Báo Quốc ở Tô Châu. Ngoài những lúc hành trì thời khóa lại lo hiệu đính, bổ cứu những bản tự chí của các núi Phổ Đà, Thanh Lương, Nga Mi, Cửu Hoa v.v... Xưa kia ngài đã nguyện chẳng làm trụ trì, chẳng thâm đồ chúng; nhân vì Tăng, tục theo về quá đông, ngài mới khai sáng Tịnh Tông Đạo Tràng ở núi Linh Nham để đại chúng cùng tu. Ngài sáng lập Hoằng Hóa Xã (nhà xuất bản Hoằng Hóa), in tặng năm trăm vạn bộ kinh sách Phật, hơn trăm vạn bức hình Phật. Ngài bảo vệ pháp môn, trung hưng Tịnh Tông, cứu tế kẻ đói nghèo, quyền góp trợ giúp kẻ túng ngặt, công chẳng thể nghĩ bàn nổi.

Về sau, ngài về lại Linh Nham, biết trước đã đến lúc, dạy đại chúng:

- Niệm Phật thấy Phật, quyết định sanh Tây. Được Phật tiếp dẫn, ta đi đây!

Ngài hướng về Tây niệm Phật, tọa hóa, thọ tám mươi tuổi. Lúc trà tỳ, hàm răng còn nguyên, xá lợi ngũ sắc thu được mấy ngàn hạt.

(theo Ấn Quang Đại Sư Hạnh Nghiệp Ký)

Nhận định:

Tổ Sư là Đại Thế Chí Bồ Tát lai thế nhằm trung hưng Tịnh Tông mà vẫn còn thường bế quan tinh tu, ngày đêm niệm Di Đà! Bọn phàm phu ta há nên qua loa biếng nhác chẳng chịu dùng mãnh tinh tấn sao?

28. Thường ngồi chẳng nằm

Đại sư Quảng Khâm Chiếu Kính thời Dân Quốc, họ Hoàng, người huyện Huệ An tỉnh Phước Kiến. Năm ngài mới bốn tuổi, vì nhà nghèo nên phải bán vào nhà họ Lý ở Tấn Giang làm con nuôi. Ngài thể chất yếu đuối, ốm bệnh, theo mẹ nuôi thờ Phật, ăn chay. Năm mười một tuổi, vì cha mẹ nuôi đều mất cả, ngài bèn xin xuất gia tại chùa Thừa Thiên ở Tuyên Châu. Nhà chùa sai làm các việc bên ngoài như trồng rau, nhổ cỏ... Sau ngài qua Nam Dương, đến năm ba mươi sáu tuổi mới trở về chùa Thừa Thiên chính thức thọ phát. Thọ phát xong, ngài chuyên chí tu khổ hạnh, thường ngồi chẳng nằm, nhất tâm niệm Phật.

Năm bốn mươi hai tuổi, sau khi thọ Cụ Túc Giới, ngài càng quyết chí tiêm tu, qua thạch động bên sườn núi Thanh Nguyên ở Tuyên Châu để tọa Thiền niệm Phật, chỉ dùng các loại khoai rừng, quả dại để đỡ lòng. Trong núi có nhiều hồ, vượn. Từ đó, khi, vượn đến dâng quả, mãnh hồ đến quy y nên ngài được xưng tặng nhã hiệu là Phục Hồ Sư (vị thầy hàng phục hồ). Sư thường nhập định, từng có lần nhập định cả mấy tháng chẳng ăn uống, chẳng động đậy.

Tháng Sáu năm Dân Quốc thứ 36 (1947), lúc đã năm mươi sáu tuổi, ngài vượt biển đến Đài Loan, khoét thạch động Quảng Minh ở phía sau núi Tân Điểm thuộc Đài

Bắc đê ẩn cư tiềm tu. Chỗ ấy về sau khuếch trương thành chùa Quảng Minh. Mặt sau phía bên phải động có vách đá lớn, ngài bèn chạm khắc thành tượng Phật A Di Đà lớn bằng đá. Phía dưới, về bên trái lại khoét thành thạch động; sau được mở rộng thành chùa Quảng Chiếu. Sau này, ngài tìm được thạch động thiên nhiên ở Thổ Thành, đột nhiên có suối nước trong từ đá phun ra, măng xà quy y. Ngài lại khuếch trương nơi ấy thành chùa Thừa Thiên, tiếp dẫn đệ tử đồng tu. Năm Dân Quốc 58 (1969), sư khai sáng Quảng Thừa Nham ở trấn Thổ Thành. Đáp lời cầu thỉnh nhiều lượt của tín chúng, sư đến các địa phương Hoa Liên, Đài Trung, Nam Đầu, Gia Nghĩa, Cao Hùng v.v... hoằng pháp độ chúng. Kế đó, ngài kiến lập chùa Tường Đức ở Thiên Tường, chùa Quảng Long ở núi Long Tinh v.v... thâm nạp đông đảo đồ chúng.

Ngài thường ngồi xếp bằng niệm Phật, từng nhập định ba lần, mỗi lần ước chừng cả tuần trở lên. Hằng ngày, sư chỉ ăn trái cây, uống nước để sống nên lại được tặng nhã hiệu là Thủy Quả Sư. Sau cùng, ngài hoạch định việc tạo dựng chùa Diệu Thông ở làng Lục Quy thuộc thành phố Cao Hùng, truyền thọ tam đàn thành công viên mãn. Tứ chúng đệ tử cầu giới nơi ngài nhiều đến cả mấy ngàn. Đệ tử quy y nhiều hơn nữa. Ngài có những tác phẩm Khai Thị Lục, Truyền Kỳ Sự Tích... được ấn hành lưu truyền trong đời.

Sư thân gầy gò nhưng thể chất mạnh khỏe, hành động mẫn tiệp. Ngày hai mươi sáu tháng Chạp năm Dân Quốc bảy mươi bốn (1985), sư cấp tốc trở về chùa Thừa Thiên. Ngày mồng Một tháng Giêng năm sau, vào lúc sáng sớm, sư triệu tập đệ tử phụ trách các phân viện và đại chúng chùa Thừa Thiên, nhất nhất phó chúc hậu sự xong, liền trở về chùa Diệu Thông, suất lãnh đại chúng ngày đêm niệm Phật, tinh thần càng mạnh mẽ, tinh tường.

Hai giờ chiều ngày mồng Năm, sư chợt bảo đại chúng:

- Chẳng đến cũng chẳng đi, chẳng có việc gì!

Ngài hướng về đại chúng gật đầu, mỉm cười, an tường tọa hóa, thọ chín mươi lăm tuổi. Trà tỳ, lưu lại xá lợi rất nhiều.

(theo Quảng Khâm Hòa Thượng Niên Phổ và Lược Sử)

Nhận định:

Đại Sư tuy chưa từng đọc sách, lúc nhỏ tuổi, thể chất yếu đuối lắm bệnh, theo dưỡng mẫu thờ Phật, ăn chay. Sau khi xuất gia chuyên chí tu khổ hạnh, thường ngồi chẳng nằm, nhất tâm niệm Phật. Sau khi đến Đài Loan, tuy Đại Sư tiêm tu, chỉ dùng trái cây và nước lã để sống, nhưng thân nhẹ nhàng, mạnh khỏe, lại sống rất thọ.

Dựng chùa, truyền giới, hoằng pháp độ chúng. Đột nhiên, sư suất lãnh đại chúng niệm Phật, mỉm cười, tọa hóa thì ắt phải là Thượng Phẩm Thượng Sanh.

29. Xả Quán niệm Phật

Đại sư Huệ Tam Tư Nguyên thời Dân Quốc, người huyện Uyển Bình tỉnh Hà Bắc. Năm mười bảy tuổi xuất gia. Ít lâu sau, thọ Cụ Túc, vào học trường Phật Giáo Học Hiệu tại tỉnh An Huy, nghiên cứu tinh tường nội điển.

Ngài nhận trách nhiệm trụ trì chùa Sùng Thọ và Quảng Thiện ở Bắc Kinh. Ngài kiến lập, hưng khởi đạo tràng Hoa Nghiêm. Trước giờ Ngọ mỗi ngày, ngài tụng kinh Hoa Nghiêm. Cuối năm, ngài kết Hoa Nghiêm Phật Thất, lãnh đạo đại chúng huân tu pháp Chơn Không Pháp Giới Quán; từng đón nhập Pháp Giới Định. Sau khi khai

tĩnh, mới ngộ được hư không pháp giới lý sự vô ngại, pháp hỷ tràn đầy, khen là chưa từng có.

Từ đây, ngài càng thêm tinh tấn, tu Quán chẳng lùi. Tháng Mười Một năm Dân Quốc thứ ba mươi bảy (1948), ngài đến Đài Loan lúc bốn mươi tám tuổi, lãnh trọng trách giảng dạy tại Phật Học Viện chùa Viên Quang ở Trung Lịch. Năm sau, ngài đến Sở Giảng Dạy Học Tập Phật Học ở Tân Trúc giảng dạy Phật giáo, đồng thời giảng kinh ở chùa Nhất Đồng suốt bảy năm.

Sư thường sống tại các chùa ở Đài Bắc, Nội Hồ, Nam Đầu... để giảng kinh, độ chúng không đếm nổi. Năm năm mươi lăm tuổi, ngài sáng lập chùa Phước Huệ trên núi Linh Sơn ở xã Thọ Lâm, Đài Bắc. Mỗi năm, vào tháng Bảy, ngài lập pháp hội Địa Tạng kéo dài bảy ngày, truyền U Minh Giới một lần. Mỗi năm, tại Đài Loan, khi truyền tam đàn đại giới và giới tại gia, sư thường được suy cử vào một trong tam sư. Cả cõi âm lẫn dương gian đều được lợi, pháp hóa lợi ích vô cùng!

Năm sáu mươi sáu tuổi, sư lại càng thêm thường tinh tấn, hằng khóa niệm Phật mỗi ngày là ba vạn câu. Năm tám mươi tuổi liền bắt đầu niệm Phật, tọa thiền cộng tu, và khởi xướng nghĩa chẩn cứu dân nghèo và thí thuốc trong khuôn viên nhà chùa; sáng lập thư viện để mọi người đến đọc sách; đề xướng, lo liệu việc giảng giải, học hỏi Phật học. Hạnh lẫn giải càng thêm sâu, phúc huệ song tu.

Sư từng đáp ứng lời thỉnh sang Mỹ hoằng pháp, qua Đại Hàn truyền giới, người thọ giới lên đến hơn năm ngàn người. Giữa trưa ngày mùng Tám tháng Bảy năm Dân Quốc 75 (1986), sau khi dùng cơm, sư chợt nói:

- Ta muốn đi đây!

Liên triệu tập tất cả đệ tử trong chùa, dặn dò:

- Sau khi ta mất, các con nên hợp tác với nhau.

Sau bữa cơm chiều, ngài không bệnh gì, đang đứng mà hóa, thọ tám mươi sáu tuổi.
(theo tạp chí Từ Vân số 126)

Nhận định:

Đại Sư mỗi ngày tụng kinh Hoa Nghiêm, tu Chơn Không Quán, từng nhập Pháp Giới Định, từ đây tu Quán chẳng lui sụt. Đến năm sáu mươi tuổi, bắt đầu mỗi ngày hằng khóa niệm Phật ba vạn tiếng; đây là bỏ Quán niệm Phật.

Từ năm tám mươi tuổi trở đi, chột lại tọa Thiền, niệm Phật cộng tu. Đây là tuổi già tịnh tọa niệm Phật, chứ chẳng phải là Thiền Tịnh Song Tu. Không bệnh, đang đứng mà hóa, nhất định phải là Thượng Phẩm Thượng Sanh.

30. Tinh tấn Phật thất

Đại sư Chử Vân Thật Tuyên Tinh Thê thời Dân Quốc, người huyện Như Cao, tỉnh Giang Tô. Đến tuổi nhược quan (tuổi đôi mươi), xuất gia thọ giới. Ngài lần lượt tốt nghiệp các đại Phật Học Viện tại Hoa Lục, thâm nhập Tam Tạng, chuyên tu Tịnh Độ.

Năm Dân Quốc 39 (1950), sư theo quân đội sang Đài Loan, lãnh chức thầy truyền giáo ở y viện hậu phương, tiếp dẫn vô số thương binh quy y Tam Bảo. Về sau đáp ứng lời thỉnh cầu khẩn khoản của phân hội Phật Giáo Đài Loan, ngài trở về đảo truyền giáo, thâm nhập vùng thôn dã, hoằng dương Tịnh Độ. Ngài lần lượt chống tích tượng ra hải ngoại, viếng thăm các nước Mỹ, Gia Nã Đại, Đại Hàn, Thái, Việt Nam v.v... tuyên dương Phật pháp, thăm hỏi kiều bào. Ngài vì nước vì đạo dốc bao công lao!

Năm Dân Quốc 47 (1958), sau khi bế quan tiếm tu, ngài hoàng pháp lợi sanh chẳng tiếc sức. Năm Dân Quốc 61 (1972), ngài bắt đầu đề xướng việc tu tập Tinh Tấn Phật Thất, mỗi ngày niệm Phật đến tàn hết chín cây hương, lễ Phật một ngàn lạy, lấy thân mình làm gương để hóa đạo tứ chúng và các sinh viên đại học chuyên ngành Phật học. Suốt mười lăm năm, Sư đều giữ đúng như buổi đầu. Ngài lại dự trù kiến lập chùa Thanh Lương Hộ Quốc ở Hoa Sơn thuộc Đài Trung, dựng Tịnh Tông Phật Học Viện để chuyên hoàng truyền Tinh Tấn Phật Thất Tịnh Độ Đạo Tràng.

Trước tác có: Phật Giáo Dữ Cơ Đốc Giáo Tỷ Giáo (so sánh Phật giáo và Cơ Đốc giáo), Nam Hải Phổ Đà Sơn Truyền Kỳ Dị Văn Lục (ghi chép về những chuyện kỳ lạ được lưu truyền ở núi Phổ Đà trong Nam Hải), Phật Môn Dị Ký (ghi chép những chuyện lạ nơi cửa Phật), Chữ Vân Pháp Sư Giảng Diễn Tập, Tinh Tấn Phật Thất Khai Thị Lục... hơn mười cuốn, được lưu hành rộng rãi trong nước lẫn hải ngoại, rộng tiếp độ tín chúng.

Tháng Bảy năm Dân Quốc 75 (1986), ngài biết trước thời khắc, từ tinh xá Di Đà ở Đài Bắc điện thoại cho pháp sư Huệ Khải chùa Thanh Lương Hộ Quốc ở Thái Bình, Đài Trung:

- Tôi muốn đến Liên Xã ở Phụng Hoàng Sơn tạm ngụ hai mươi ngày, tôi muốn đi rồi!

Quả nhiên, 9 giờ tối ngày hai mươi ngài tới Liên Xã, mỗi ngày niệm Phật, kiêm trì chú Vãng Sanh một trăm hai mươi biến. Đến chín giờ tối ngày mồng Chín tháng Tám, vừa đúng hai mươi ngày (ngài ngụ tại đó), ngài liền nằm yên lành, tay lần xâu chuỗi, môi khê động niệm Phật, chợt dãn dò đệ tử đứng hầu:

- Mọi người hãy chăm chỉ niệm Phật.

Rồi an tường vãng sanh, thọ sáu mươi tám tuổi.

(theo Chữ Vân Hòa Thượng Kỳ Niệm Chuyên Tập)

Nhận định:

Phật dạy: “*Nghe nói A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu hoặc một ngày, cho đến bảy ngày, nhất tâm bất loạn. Lúc lâm chung liền được vãng sanh thế giới Cực Lạc*” cho nên phải tinh tấn niệm Phật trong bảy ngày thì mới hòng đạt được nhất tâm bất loạn.

Nếu bảy ngày chẳng thành thì điều dưỡng tinh thần, lại tinh tấn thêm một thất, hai thất cho đến bảy thất. Nếu vẫn chẳng đắc Nhất Tâm Bất Loạn phải đồng mãnh, tinh tấn, thường tu Phật thất thì lâu ngày sẽ tự đạt được Nhất Tâm Bất Loạn. Xin hãy bắt chước đại sư tinh tấn.

31. Luật Tịnh song hồng (hồng dương Luật tông và Tịnh tông đồng thời)

Đại sư Đạo Nguyên Trung Luân Năng Tín thời Dân Quốc, họ Vương, người Thương Thủy tỉnh Hà Nam. Từ bé đã thông tuệ, bảy tuổi vào trường đọc sách; hai mươi tuổi xuất gia. Không lâu sau, thọ Cụ Túc, thân cận đại sư Từ Châu ở tỉnh Giang Tô và đại sư Ấn Quang chùa Linh Nham. Đối với hai tông: Luật tông và Tịnh tông, ngài được thọ truyền và tâm đắc thâm sâu. Ngài liền bế quan ba năm, tiêm tu Tịnh nghiệp, dùng hai tông Luật và Tịnh để tự hành và hóa độ người, chẳng tiếc sức. Sư triều lễ ba đại danh sơn: Phổ Đà, Cửu Hoa, Ngũ Đài; từng đảm nhiệm chức giáo sư và chủ giảng tại các Phật học viện.

Sư liên tiếp đảm nhiệm vai trò Giáo Thọ trong sáu lần Giới Đàn. Ngài trụ trì các chùa Đâu Suất ở Hà Bắc, chùa Vân Tuyền Sơn ở Trương Gia Khẩu, chùa Tịnh An ở Thượng Hải... Ngài luôn giảng diễn Giới Luật, hồng dương Tịnh Độ. Giải hạnh đều thâm sâu, tứ chứng quy ngưỡng!

Tháng Ba năm Dân Quốc ba mươi tám (1949), sư qua Đài Loan, sáng lập Tịnh Độ Tông Hải Hội Tự ở núi Chánh Đạo thuộc phường Bát Đồ, thành phố Cơ Long. Sư thường chủ trì Phật thất, hoằng truyền Tịnh Độ. Ở Đài Loan, mỗi năm truyền tam đàn đại giới một hoặc hai lần, truyền giới tại gia nhiều lần, hầu như đại sư luôn đảm nhiệm một chức vị trong Tam Sư.

Lúc được suy cử làm Lý Sự Trưởng của hội Phật Giáo Trung Quốc, khi đại hội Hoa tăng thế giới khai mạc, sư lại được cử làm chủ tịch của chủ tịch đoàn đại hội. Đức hạnh của sư vang dội cả hoàn cầu. Sư thường du hóa tại các nước Mỹ, Gia Nã Đại, Nhật Bản, Đại Hàn, Thái Lan, Tinh Châu (Singapore), Mã Lai, Cao Miên v.v... Hương Cảng là nơi sư thường đến để giảng kinh, truyền giới. Pháp duyên thù thắng, ít vị tăng nào bằng nổi.

Về già, sư sáng lập Năng Nhân Phật Học Viện để bồi dưỡng, đào tạo tăng tài hoằng dương Tịnh Tông. Cả một đời, sư thường ở khắp các chùa viện để giảng kinh, thuyết pháp, hoằng truyền Tịnh Độ ngũ kinh, nhất luận¹⁵ Nhằm thích ứng với cơ duyên các nơi, Sư cũng thường giảng các kinh luận như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Viên Giác, Địa Tạng, Khởi Tín Luận v.v... Giảng kinh luận nào, sư cũng đều quy hướng Tịnh Độ. Người nghe pháp khởi lòng tin, trì giới niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ chẳng biết là bao nhiêu! Tiếc là những kinh, luận Sư đã giảng chưa được ghi chép đầy đủ, chỉ có những cuốn giảng lục kinh Di Đà, Quán Kinh và Phật Đường Giảng Thoại Ngũ Tập là được ấn loát và lưu hành trong đời, nhưng cũng đủ để làm chỉ nam phổ độ chúng sanh đồng quy Tịnh Độ.

¹⁵ Tịnh Độ ngũ kinh nhất luận: Kinh A Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ, phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên của kinh Hoa Nghiêm, và chương Thế Chí Niệm Phật Viên Thông là Tịnh Độ ngũ kinh. Nhất luận là Vãng Sanh Luận của Bồ Tát Thế Thân.

Ngày mồng Hai tháng Chạp năm Dân Quốc 76 (1987), sư chợt thị hiện có bệnh, nằm điều dưỡng trong bệnh viện. Biết thời giờ đã đến, ngài liền phó chúc hậu sự. Đêm ngày Rằm tháng Tư năm sau, Sư chợt bảo đồ chúng đang hầu cận đưa ngài về chùa Hải Hội. Sư ngồi ngay ngắn, hướng dẫn đại chúng niệm Phật. Một chốc sau, sư lên giường nằm an tường bên hông hữu, môi khê động niệm Phật. Đến bảy giờ rưỡi tối hôm sau, giữa tiếng niệm Phật của đại chúng, sư an tường xả báo, vãng sanh Cực Lạc.

Đến ngày 18, khi làm lễ đại liệm, toàn thân Sư vẫn mềm mại, sắc mặt như còn sống. Ngày mười ba tháng Năm, di quan trà tỳ, thu được hơn ngàn viên xá lợi ngũ sắc, chiếu sáng rực rỡ. Sư thọ 89 tuổi.

(theo Đạo Nguyên Lão Pháp Sư Kỷ Niệm Tập)

Nhận định:

Đại sư học pháp từ hai vị đại lão Từ Châu và Ấn Quang. Tiếp nối nghiệp thầy nên lấy Tịnh Luật song hoàng làm trách nhiệm, phổ khuyến đại chúng trì giới niệm Phật, hóa độ phổ cập khắp Trung Hoa lẫn hải ngoại. Từ sau lúc vị Tổ thứ mười ba của Tịnh Tông là Ấn Quang đại sư quy hồi An Dưỡng, chỉ có mình đại sư hoàng truyền Tịnh Tông, là chỗ hướng về của đại chúng.

Ngài đáng được tôn xưng là Tổ thứ mười bốn của Tịnh tông vì đã tiếp nối người trước, mở đường cho người sau, tiếp lối cũ, mở lối mới, ắt có lẽ tứ chúng trong Tịnh tông ta đều cùng tán đồng vậy!

32. Trì giới niệm Phật

Cư sĩ Lưu Trình Chi, tự Trọng Tư, hiệu Di Dân đời Tấn, người Bành Thành. Thuở nhỏ mồ côi, thờ mẹ hiếu

thuận, thích Lão Trang, giữ chức Phủ Tham Quân. Ông cực lực từ bỏ chuyện tiến dần trên đường công khanh, đến Lô Sơn theo học với Tổ Huệ Viễn. Tổ hỏi:

- Quan chức, bổng lộc vùi vọi sao lại chẳng làm?

- Nhà Tấn không có được sự bền vững như đá tảng, dân tình mang nỗi nguy như trứng chồng, con biết làm thế nào?

Ông cùng những vị sĩ phu có lòng tin thanh tịnh như Tông Khắc v.v... một trăm hai mươi ba người dựng am, kết xã đồng tu Tịnh Nghiệp, khắc đá lập thế. Ông nghiên cứu đạo huyền một cách tinh tường, kiên trì giới cấm, làm thơ Niệm Phật Tam Muội. Ở Lô Sơn mới được nửa năm, trong khi nhập Định, ông thấy kim quang của Phật chiếu sáng mặt đất. Mười lăm năm sau, trong khi đang niệm Phật, thấy tướng ngọc hào quang của Phật chiếu soi, Phật xòe tay đón tiếp, vỗ về. Ông Lưu nguyện:

- Xin Phật xoa đầu con, dùng y trùm thân con!

Phật liền xoa đầu ông, lại dùng áo ca sa trùm lên. Tiếp đó, ông lại mộng thấy mình vào trong ao bảy báu, thấy hoa sen xanh, trắng, và thấy một vị sau cổ có viên quang, trên ngực có chữ Vạn, chỉ nước trong ao bảo:

- Nước tám công đức đó, ông nên uống đi!

Uống vào thấy nước ngon ngọt. Tỉnh giấc, thấy mùi hương lạ bốc ra từ lỗ chân lông, bèn nói:

- Đây là duyên Tịnh Độ của mình đã đến rồi!

Ông đốt hương, lễ nguyện:

- Nguyện cho hết thảy hữu tình đều sanh Tịnh Độ.

Ông từ biệt đại chúng, hướng về Tây tọa hóa, thọ năm mươi chín tuổi.

(theo Đông Lâm Truyện)

Nhận định:

Từ lúc ngài Huệ Viễn đề xướng Tịnh Độ, trong những cư sĩ theo ngài kết xã niệm Phật thì vị cư sĩ này là người thứ nhất vãng sanh nên được nêu lên đầu tiên để làm khuôn phép vĩnh viễn cho việc trì giới niệm Phật.

33. Xâu chuỗi chẳng rời tay

Cư sĩ Vương Cổ tự Mẫn Trọng đời Tống, người Đông Quận, là tăng tôn (chất) của Văn Chánh Vương Công Đán (ông Đán làm Tướng Quốc đời Tống, từng tham gia Tịnh Hạnh Xã của tổ Tịnh Thường). Trong bảy đời trước, ông từng giữ giới không sát sanh, phát tâm phóng sanh mấy trăm vạn mạng.

Lúc đầu, ông học hỏi những sự trong Tông môn. Ít lâu sau, viết tác phẩm Trục Chỉ Tịnh Độ Quyết Nghi Tập để hoằng dương Thánh giáo. Lúc nhàn cư, xâu chuỗi chẳng rời tay; đi, đứng, nằm, ngồi đều tu hành Tịnh nghiệp chưa hề gián đoạn. Ông làm quan đến chức Hộ Bộ Thị Lang; do bè đảng trong triều xâu xé nhau, ông bị mất chức, ít lâu sau liền tịch. Có vị Tăng nhập định lên Tịnh Độ, thấy ông và ông Cát Phồn đều ở tại đó.

(theo Tông Sử, phần Pháp Hỷ Chí)

Nhận định:

Kinh Sở Châu Công Đức nói: “*Nếu có người tay cầm xâu chuỗi dù chẳng niệm tụng danh hiệu Phật và đả ra ni thì người ấy cũng được phước vô lượng*”, huông hồ là xâu chuỗi chẳng rời tay, niệm Phật không gián đoạn?

Quán kinh nói: “*Từ tâm chẳng giết, đủ các giới hạnh sẽ thượng phẩm thượng sanh*”, huông hồ là phóng sanh đến cả trăm vạn mạng?

34. Mỗi ngày làm một điều lành

Cư sĩ Cát Phồn đời Tống, người xứ Trùng Giang. Lúc đầu mỗi ngày làm một điều lợi cho người, rồi hành hai điều, ba điều cho đến mười điều. Suốt mấy mươi năm chưa hề bỏ phế một ngày nào. Lúc làm quan Thái Thú trấn nhậm vùng Giang Tô, có người hỏi làm thế nào để làm lợi cho người, ông chỉ ngay cái bệ lót chân ở chỗ mình ngồi, bảo:

- Nếu vật này chẳng đặt ngay thì sẽ làm người ta què chân, tôi liền kê ngay lại, đấy cũng là việc lợi người. Nếu ai khát, tôi cho uống nước thì cũng là việc lợi người. Chỉ tùy theo từng việc mà làm lợi. Trên cho đến khanh tướng, dưới xuống đến kẻ ăn mày, ai nấy đều làm được. Chỉ cốt sao lâu ngày chẳng buông bỏ mà thôi.

Ông làm quan đến chức Triều Tán Đại Phu, dù là phủ đường hay nhà tư, ông đều sắp dọn một gian tịnh thất bày tượng Phật. Một ngày kia, trong lúc ông đang lễ bái niệm Phật, xá-lợi từ trên không hạ xuống. Sau ông không bệnh tật gì, ngồi ngay ngắn hướng về Tây mà tịch.

(theo Tống Sử và Long Thư Tịnh Độ Văn)

Nhận định:

Tùy việc lợi người là trợ hạnh cho Tịnh nghiệp. Xá-lợi từ trên không giáng xuống là do lòng tinh thành cảm nên. Người hay than không tiền nên chẳng làm công đức nổi, hoặc niệm Phật không cảm ứng thì do đây sẽ thấy công đức chẳng tốn phí tiền bạc, công niệm Phật chẳng luống uổng, ai nấy chẳng nên quan tâm ra sức tu hành hay sao?

Xin hãy bắt chước ông Cát gắng sức tu hành. Phàm bất cứ việc gì có lợi cho người, chẳng cần biết là việc lớn hay nhỏ, bản thân nhàn hay bận, sức mình có đáng nổi hay không, đều cứ hoan hỷ thi hành, làm được đến đâu

hay đến đó! Trì đã thuần thực, hễ động thì vạn thiện đều nương theo, không việc gì là chẳng lành. Dùng đầy đủ để niệm Phật hồi hướng, ắt vãng sanh trong phẩm vị cao!

35. Thập niệm hồi hướng

Cư sĩ Mã Vu tự Trọng Ngọc đời Tống, người huyện Hợp Phì. Cha là Trung Túc Công Mã Lương, làm thái thú Hàng Châu, được ngài Từ Vân Tuân Thức dạy cho pháp môn Tịnh Độ, cả nhà bèn thờ Phật. Cư sĩ gặp được vị Tăng tên Quảng Sơ truyền cho cuốn Thập Nghi Luận của Tổ Thiên Thai, mừng rỡ bảo:

- Tôi nay đã tìm được chỗ về rồi!

Ông liền áp dụng pháp Thập Niệm Hồi Hướng của ngài Tuân Thức, tu tập suốt hơn hai mươi năm. Về sau, giao du với ông Vương Cổ, ông càng thêm tinh tấn niệm Phật, thường lấy việc phóng sanh làm Phật sự. Ông lần lượt làm thái thú ở Chuy Châu, Tân Định, cai trị bằng lòng nhân từ, độ lượng. Hằng ngày ông luôn định thời khóa tụng kinh chú.

Thuở đó, phu nhân của Hình Vương (Hình Vương là chú của vua Tống Triết Tông) nằm mộng dạo chơi Liên Trì, trông thấy ông mặc triều phục ngồi trên hoa sen. Sau đó, ông mắc bệnh, bèn tắm gội, thay áo, ngồi ngay ngắn niệm Phật mà qua đời. Người nhà đều nằm mộng thấy ông bảo:

- Ta đã được sanh vào Thượng Phẩm của Tịnh Độ!

Con ông là Vĩnh Dật cũng tu pháp Thập Niệm suốt ba mươi năm hơn; sau cũng mắc bệnh, thấy Phật và hai vị Bồ Tát tiếp dẫn, bèn kết ấn, thị tịch. Mùi thơm tràn ngập cả nhà.

(theo Lạc Bang Văn Loại)

Nhận định:

Sáng ra niệm mười niệm thì dù là người bận rộn cũng dễ làm được. Nếu có thể mỗi ngày chí thành như thế thì không ai là không vãng sanh. Trường hợp của Mã công tử (Mã Vĩnh Dật) đủ để chứng nghiệm vậy.

Do sau khi đã tinh tấn niệm Phật, ông Mã lại còn thường phóng sanh và dùng lòng nhân từ, độ lượng để cai trị, phước huệ song tu nên ngay lúc còn sống thần thức đã ngao du Tịnh Độ; chết đi, liền sanh trong Thượng Phẩm. Những người đang nắm giữ quyền chức hãy nên học theo gương ông.

36. Ngàn lạy trong khóa tụng hằng ngày

Cư sĩ Vương Nhật Hưu hiệu Hư Trung đòi Tổng, người huyện Long Thụ. Được cử vào chức Quốc Học Tân Sĩ, ông bỏ quan chức chẳng nhận. Ông bác thông kinh sử, nhưng một bữa kia buông bỏ hết, bảo:

- Điều là những thứ tạo thêm nghiệp, chẳng phải là pháp rốt ráo, ta lấy Tây Phương làm chỗ quay về!

Từ đấy, ông tinh tấn niệm Phật. Năm sáu mươi tuổi, ông mặc áo vải, ăn rau, nhật khóa lễ một ngàn lạy đến nửa đêm mới nghỉ. Trong tác phẩm Long Thụ Tịnh Độ Văn, từ hạng vua, quan cho đến những kẻ đồ tể, nấu rượu, hạng người tội lỗi, ông đều khuyên trì danh niệm Phật, phổ khuyến tu trì.

Ba ngày trước khi mất, ông từ biệt tất cả thân hữu, khuyên họ nên tinh tấn Tịnh nghiệp, bảo: mình sắp có việc phải đi, không gặp lại nhau nữa. Đến kỳ, ông giảng sách cho học trò xong, lễ niệm như thường, chợt cao giọng niệm Phật mấy tiếng, bảo: “Phật đến đón ta!”, đứng trơ trơ mà hóa.

(theo Tịnh Độ Văn)

Nhận định:

Kinh Nghiệp Báo Sai Biệt dạy:

“Lễ Phật một lay được mười thứ công đức:

- 1. Một là được sắc thân đẹp đẽ.*
- 2. Hai là nói ra được người khác tin tưởng.*
- 3. Ba là ở giữa đại chúng không sợ hãi.*
- 4. Bốn là được chư Phật hộ niệm.*
- 5. Năm là đầy đủ oai nghi.*
- 6. Sáu là mọi người thân cận.*
- 7. Bảy là chư thiên kính yêu.*
- 8. Tám là đủ đại phước báo.*
- 9. Chín là chết đi sẽ vãng sanh.*
- 10. Mười là mau chứng Niết Bàn”*

Huống hồ là nhật khóa ngàn lay ư?

Tác phẩm Tịnh Độ Văn của ông tuy lời lẽ đơn giản, nhưng thí dụ sâu xa đều là do ông bác thông kinh luận và thân hạnh cùng tốt mà thành. Phở khuyến tu trì thật là thiết tha, khẩn khoản; ai đọc đến mà chẳng phát khởi tín tâm? Xin hãy ấn hành lưu thông rộng rãi tác phẩm ấy để khuyên khắp mọi người lễ niệm, đồng sanh Tịnh Độ.

37. Đoạn tuyệt đồ mặn, vãng sanh Tây Phương

Cư sĩ Châu Sở Phong, hiệu Đình Chương đời Minh, người tỉnh Vân Nam. Ông tánh hiền lương, thích niệm Phật, trị gia chẳng kể được, mất; có gì đều chia ngay cho người nghèo khổ hết. Ai khen ông chỉ cười; ai mắng chửi, nhục mạ, ông cũng chỉ cười mà thôi! Mỗi sáng sớm, ông tụng kinh Kim Cang, kinh Di Đà và niệm Phật hiệu rất vui vẻ, sung sướng! Ông thường bảo:

- Tôi chẳng bỏ công việc hằng ngày, nhưng chẳng dính vào tham ái, cứ như thế mà thôi!

Năm tám mươi chín tuổi, vào tiết Thanh Minh, ông đi viếng mộ để từ biệt tổ tiên, cha mẹ; trở về, bảo vợ:

- Tôi sắp đi đây, Phật Di Đà đón tôi, Quán Âm và Thế Chí đều đến cả!

Lại bảo:

- Đức Quán Âm bảo tôi dứt trọn đồ mặn trong năm ngày mới được vãng sanh Tây Phương!

Mỗi ngày, ông liền ăn một bữa cháo, một bữa rau. Đến kỳ, tắm gội, đội mũ, sai con cháu tụng Phật hiệu. Tự mình tụng kinh xong, ông đoan tọa mà hóa. Thân bốc ra mùi thơm, vẻ mặt hết như lúc sống.

(theo Kim Cang Linh Dịch Lục)

Nhận định:

Ai khen chỉ cười là mặt hạnh tinh tấn. Ai mắng chửi cũng cười là sân độc đã hết sạch. Có của cải gì liền chia hết là tham độc cũng đã tận. Phật và Bồ Tát đến đón, còn dặn phải kiêng đồ mặn trong năm ngày mới có thể vãng sanh, đủ chứng minh rằng dù chưa thể ngưng tay dao, miệng còn tham vị ngon vẫn có thể được vãng sanh. Xin hãy lấy việc ăn chay, kiêng giết chóc làm nhiệm vụ cấp bách.

38. Lâm chung dũng mãnh

Cư sĩ Văn Trọng Tử, tự Tử Dữ, hiệu Khải Sơ và Đại Thịnh đời Minh, người huyện Tiên Đường. Thuở bé lắm bệnh, chí muốn thoát sanh tử, không có ý định lập gia đình. Ông quy y với Tổ Vân Thê, thọ trì pháp môn Niệm Phật, dốc lòng tin, cật lực tu hành.

Em rể là cư sĩ Hoàng Nguyên Phù tự Thừa Huệ, hiệu Tịnh Minh tính người khảng khái, thanh cảnh, không thích bon chen cõi tục, hiếu thuận, thích bố thí. Ông Văn

thấy em rẻ thanh bần như thế bèn hướng dẫn đến quy y với tổ Vân Thê. Sau ông Hoàng mưa ra máu, lâu ngày càng nặng, ông Văn lại dạy em rẻ hầy niệm Phật. Ông Hoàng càng thống khổ; vừa mới tỉnh, Văn cư sĩ đã lớn tiếng hỏi:

- Lúc mắt chú đại đi thì lúc ấy mới biết khổ, rốt cục sẽ đi về đâu?

Ông Hoàng run sợ:

- Phải làm thế nào đây?

Ông Văn bảo:

- Chẳng gì bằng niệm Phật!

Ông Hoàng hỏi:

- Bác dạy em niệm tự tánh Di Đà hay là niệm Cực Lạc Di Đà?

Ông Văn bảo:

- Chú cho là có hai hay sao?

Ông Hoàng có phần tỉnh ngộ, liền thỉnh Tăng, bày tượng Phật, giảng nhân duyên Tịnh Độ, xuống tóc, thọ giới Sa Di và trợ niệm cho mình; tự suất lãnh cả nhà niệm Phật suốt bảy ngày. Chợt nghe mùi hoa sen, ông Hoàng mỉm cười, nói kệ, ngòi ngay ngấn qua đời.

Đến khi ngài Hám Sơn Đức Thanh đến điều tang ngài Vân Thê, ông Văn cũng đến lễ thỉnh, xin được thể phát. Đại Sư bảo:

- Tứ đại chẳng thể ngăn trở được Phật tánh, râu tóc có trở ngại chi! Cha mẹ còn, Phật tử đành cam bắt hiều hay sao?

Ông mới thôi. Về sau, bị bệnh nặng, ông tự thị mình tín lực mạnh mẽ, vãng sanh chẳng khó khăn gì. Đến lúc bệnh gần chết, bao nhiêu nghiệp tích tập hiện tiền, tâm thần hoảng hốt, ông mới biết là Tịnh nghiệp chưa thuần, vãng sanh chẳng dễ dàng, bèn cố nhóm dậy, kêu âm lên:

- Mau thỉnh thiện tri thức niệm Phật giúp ta!

Bạn bè nhóm lại, niệm Phật suốt mấy ngày, nhưng những nghiệp cảnh tập khí vẫn vùn vữa, ông lại kêu:

- Căn bản sanh tử không người nào khác đẹp nổi!

Liên đứng dậy, mặc áo, tắm gội, đối trước Phật đốt hương trên cánh tay, buồn thương, thành khẩn sám hối, niệm Phật suốt đêm không chút mệt mỏi. Ông tự biết túc chướng đã băng tiêu, tâm an thần sáng, Tịnh Độ hiện tiền, hoan hỷ tịch định, vôi cao tóc, khoác ca-sa ra dáng tăng sĩ, từ biệt mọi người, ngồi ngay ngắn qua đời.

(theo Mộng Du Tập)

Nhận định:

Ông Hoàng bệnh càng ngày càng nặng, chợt được nghe khai thị bèn tỉnh ngộ, liền nhất niệm kiên quyết nên bèn có thể buông xuống vạn duyên, niệm Phật bảy ngày, vãng sanh ngay cháng trở ngại gì.

Ông Văn tuy sớm dốc lòng tin, tận lực tu hành, nhưng tự thị mình tín lực mạnh mẽ, vãng sanh chẳng khó khăn; đến lúc nguy ách, tập khí hiện tiền, mới biết Tịnh nghiệp chưa thuần, vãng sanh chẳng dễ! Cho đến khi nhờ tri thức trợ niệm suốt mấy ngày vô hiệu mới rõ căn bản sanh tử không ai bạt trừ giùm mình được nổi!

Đại sư Hám Sơn nói: *“Tập cảnh hiện tiền lúc lâm chung há chẳng phải là để thấy trước ác đạo ư? Sao chẳng dùng mãnh, phấn khởi, hô to một tiếng giận dữ, bạt trừ cội gốc sanh tử bao kiếp, biến nẻo khổ thành Tịnh Độ, há chẳng phải là những bậc trượng phu hay sao? Đạo lý ấy há có thể dùng âm thanh, vẻ mặt cười cợt để thực hành nổi ư?”*

Nếu tự thị là dễ thì sẽ lười nhác, còn biết là khó thì sẽ dùng mãnh, tinh tấn!

39. Thầy thuốc khuyên niệm Phật

Cư sĩ Trầm Khải Bạch tự Trung Húc đời Thanh, người Ngô Huyện; thuở nhỏ tánh hào đấng, thích giúp đỡ người hoạn nạn. Sau ông nổi danh về tài làm thuốc, càng ưa bố thí. Đối với người nghèo, ông chẳng lấy tiền khám bệnh, hoặc còn cho thêm tiền. Năm hai mươi lăm tuổi, vợ mất, ông không tái giá, dốc lòng tu Tịnh nghiệp. Trên những tầng phùng, đầu đường, thành cầu đi qua, ông đều đề danh hiệu Tây Phương Phật và những lời cảnh sách khuyên người niệm Phật. Gặp phải người bệnh nguy ngập, ông đều nghiêm nghị bảo:

- Tội nghiệt sâu nặng, sức tôi chẳng cứu nổi biết làm sao đây!

Người bệnh khóc lóc cố van nài, ông liền bảo:

- Chỉ có đức A Di Đà Phật ở thế giới Cực Lạc nơi phương Tây, nếu ông có thể chí tâm xưng niệm một tiếng thì diệt được tội trong tám mươi kiếp sanh tử. Ông có tin nổi, niệm nổi hay không?

Kẻ ấy vâng vâng, dạ dạ. Ông bảo:

- Nếu đúng là như vậy thì bệnh có thể trị được!

Liền cất thuốc, lần nào cũng hiệu nghiệm lạ kỳ nên từ đó, những người quy hướng Phật rất nhiều. Lúc hơn bảy mươi tuổi, ông niệm Phật rồi tịch.

(theo sách Nhị Lâm Cư, tập cuối)

Nhận định:

Bồ Thí là độ đầu trong Lục Độ. Ông Vương Long Thư nói:

“Kẻ làm thầy thuốc nên thường tự nghĩ: Thân người bệnh khổ nào khác thân ta. Chớ nề quý, tiện, nghèo, giàu, chuyên tâm cứu người để kết nhân duyên, để tích phước cho mình. Trong chốn u minh sẽ tự được thánh hiền gia

hộ. Nếu luôn giữ được tâm lòng như vậy, hồi hướng Tịnh Độ ắt sẽ sanh trong Thượng Phẩm.

Nếu nhân lúc người khác bị bệnh khổ mà mình khuyên dạy họ Tịnh Độ thì họ dễ sanh tín tâm. Lại khiến cho họ phát đại nguyện: sẽ lưu truyền rộng rãi chuyện của họ để bù chuộc túc nghiệp, cầu mong được lành bệnh thì ắt sẽ được thỏa nguyện. Nếu như tuổi thọ đã hết thì cũng nhờ vào nguyện lực ấy chóng sanh về Tịnh Độ.

Thường giáo hóa người khác như vậy thì chẳng những chỉ sau khi xả thân được sanh trong Thượng Phẩm mà ngay trong hiện đời cũng được hưởng phước báo vô tận vậy!”

40. Làm quan thờ Phật

Ông Trương Lan Chử, tự Su Thành, hiệu Nhất Tây Cư Sĩ đời Thanh, người huyện Quy An ở Hồ Châu. Lúc trẻ, đỗ đạt, đi trấn nhậm những vùng biên cương. Ông làm tuần vũ tỉnh Giang Tô, thấy sát nghiệp quá nặng bèn nhiều lần ra yết thị khuyên tránh sát sanh, lập con sông phóng sanh, nghiêm cấm đánh cá; trong dinh không thết tiệc đãi khách, không sát sanh, trường trai thờ Phật, gởi lòng nơi Tịnh Độ. Ông chọn lấy những luận thuyết Tịnh Độ của các bậc tiên hiền, soạn thành cuốn Kính Trung Kính Hựu Kính (con đường tắt hơn con đường tắt nhất trong những đường tắt) để phổ khuyến niệm Phật.

Lúc đã ngoài sáu mươi tuổi, ông xin từ quan, về làng, ở yên trong một gian nhà hẹp, một dạ quy Tây. Lâm chung, tụng kinh Di Đà xong, vừa mới niệm Phật hiệu được năm câu, ông lặng lẽ tịch.

(theo Trương Lan Chử Niên Phổ)

Nhận định:

Phú quý học đạo khó vì kẻ theo đuổi công danh lấy việc thăng quan tiến chức làm trọng; kẻ ham vui phóng dật coi tịnh tu là khổ, đâu ai chịu buông bỏ trần lao để gởi lòng nơi Tịnh Độ, trường trai thờ Phật?

Xin những người làm quan hãy lấy ông Trương làm gương.

41. Từ Đạo Giáo chuyển sang Phật giáo

Ông Bành Xích Mộc tự Thiệu Thăng, hiệu Tê Thanh, Nhị Lâm Cư Sĩ, Tri Quy Tử... đời Thanh là người Trường Châu. Năm mười tám tuổi, ông liên tiếp đỗ đầu, được danh hiệu Tấn Sĩ.

Đột nhiên, ông tự tỉnh ngộ, bảo: “Ta chưa minh được cái tâm mình, biết làm sao đây!” Bèn tu luyện theo cách tu của Đạo Gia suốt ba năm, chẳng kết quả gì. Đọc sách Phật, ông sáng khoái nói: “Đạo chính là đây!”. Từ đây, ông tin tưởng đạo Phật, bỏ hết những điều mình đang tu tập, chuyên tâm niệm Phật. Ít lâu sau, ông thọ Bồ Tát giới, thôi ăn thịt, chẳng gần đàn bà; thường bảo: “Chí nơi Tây Phương, hạnh tại Phạm Võng”. Ông bé quan tại Văn Tĩnh Các tu Nhất Hạnh Tam Muội; đề biếu Nhất Hạnh Cư. Ông sai thợ vẽ tranh Cực Lạc Thế Giới dựa theo cảnh y báo, chánh báo trang nghiêm được dạy trong ba kinh Tịnh Độ.

Ông viết cuốn Nhất Thừa Quyết Nghi Luận; do thông đạt cả Nho lẫn Thích nên ông còn soạn cuốn Hoa Nghiêm Niệm Phật Tam Muội Luận để dàn hòa cuộc tranh luận giữa Thiền và Tịnh. Ông soạn ra Tịnh Độ Tam Kinh Tân Luận để xiển dương những ý chỉ chưa được bàn luận rõ ràng trong Liên Tông. Những tác phẩm của ông như Cư Sĩ Truyện, Thiện Nữ Nhân Truyện, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục v.v... tùy cơ tiếp dẫn, được truyền tụng nhiều trong đời.

Ông bỏ ra cả vạn lượng vàng như không để lập chùa thờ Phật, ấn tống kinh điển, nuôi cơm tăng chúng, mở ra Cận Thủ Đường để chữa bệnh cho người nghèo túng, dùng ruộng của người giàu trong họ để giúp đỡ họ hàng nghèo. Ông sáng lập Tuất Ly Hội để giúp đỡ những người ở góa, lập nên Phóng Sanh Hội để chuộc mạng cho loài vật. Việc nào ông cũng làm vẫn phát nguyện hồi hướng Tịnh Độ. Ông ẩn cư trong các tăng xá ở đất Tô, Hàng hơn mười năm, mỗi ngày đều có thời khóa tụng niệm.

Sau ông mắc bệnh hạ ly, biết trước ngày mất, chẳng lập kế thừa tự, đem những tài sản của các hội giao phó cho con rể, dặn dò duy trì lâu dài, đừng để tan rã. Ông làm kệ từ biệt cõi đời, hướng về Tây niệm Phật tọa thoát. Thọ năm mươi bảy tuổi.

(theo Cư Sĩ Truyện)

Nhận định:

Tuổi trẻ đã đỗ đạt cao, nhưng chẳng tham luyện vinh hoa cõi trần, chỉ cầu minh tâm, từ Đạo giáo chuyển sang Phật giáo. Chánh hạnh, trợ hạnh kiêm tu, làm kệ, tọa thoát, nếu chẳng phải là thiện căn vốn sẵn đủ từ bao đời trước, đã thâm nhập Tam Muội thì sao mà làm nổi như vậy được?

42. Tiếng niệm Phật chẳng dứt

Cư sĩ Trầm Diên Du đời Thanh, người huyện Gia Hưng. Ông tánh tình đơan chánh, cẩn trọng, làm gì cũng hết sức, nhưng cứ liền miệng niệm Phật thao thao chẳng ngưng. Ai có cười cũng mặc. Mấy mươi năm như thế, tự nói:

- Niệm Phật càng được thuần thực thì xử sự càng sáng suốt.

Năm bảy mươi ba tuổi, ông thị hiện bệnh nhẹ, chợt bảo người nhà rằng:

- Phật đến rồi đó, hãy đem đuốc cho ta.

Tự tay thắp hương mà thác.

(theo Nhiễm Hương Tập)

Nhận định:

Cư sĩ Hồ Liên Quy bảo:

“Niệm Phật càng được thuần thực thì xử sự càng sáng suốt. Đây thật là động tịnh đều giống hết như nhau, là bậc thâm nhập tam muội. Người dốc lòng mong cầu danh lợi động đến liền nói: ‘Tôi phân tâm xử sự đâu có rảnh mà niệm Phật. Đến khi sanh tử xảy đến, đành phải trắng tay, là lỗi của ai vậy?’”

Xin hãy mạnh mẽ tinh ngộ để gấp bắt chước gương này.

43. Ở một mình niệm Phật

Cư sĩ Bùi Vĩnh Độ đời Thanh người huyện Thái Châu tỉnh Giang Tô. Ông sống bằng nghề nông, tánh tình điềm đạm, không ham thích gì, cứ thấy việc lành là làm. Từ nhỏ đã dốc trọn lòng tin tưởng vào Phật pháp, ăn chay trường, định thời khóa niệm Phật không gián đoạn. Sau đây, ông thọ trì Tam Quy Ngũ Giới, hành trì nghiêm khiết, chưa hề khuyết lậu. Vợ cũng niệm Phật, thọ giới, tuy cùng ở chung một nhà, nhưng đối đãi với nhau trình bạch. Chỉ có một con gái, cũng ăn chay niệm Phật. Về sau, cô này xuất gia thọ Cụ Túc giới, biến nhà thành am.

Ông dạy vợ con cùng tu Tịnh nghiệp. Ông lập riêng một căn tịnh thất, ở một mình niệm Phật hơn mấy mươi năm. Lúc tuổi gần thất tuần, chợt bảo thân tộc rằng:

- Năm ngày sau nữa ta sẽ chia tay, xin hãy thiêu hóa giùm cái xác thừa. Thân này như huyễn, đừng làm lẫn mà tiếc nuôi!

Đến kỳ, ông trì danh tọa hóa. Trà-tỳ, thu được hơn trăm viên xá-lợi ngũ sắc lóng lánh.

(theo Nhiễm Hương Tục Tập)

Nhận định:

Cả nhà thờ Phật, vốn có thể đồng tu. Do con gái đã xuất gia biến nhà thành am nên ông cất một tịnh thất, ở một mình niệm Phật; không qua lại với vợ con nữa là ái căn đã đoạn, thân còn tại gia mà tâm đã xuất gia vậy!

44. Thân đau tâm niệm

Đời Thanh, cư sĩ Châu Quang tự Tây Liên, sanh ở Giang Ninh. Ông tánh thuần hậu, nhạt nhẽo danh lợi, tuy gia thế quý hiển nhưng không quen thói hưởng thụ. Tuổi trung niên, ông trường trai thờ Phật, mỗi ngày tụng Phật hiệu cả vạn tiếng để cầu sanh Tịnh Độ. Anh em, bè bạn gặp nhau, hàn huyên đôi câu xong là ông liền đem pháp môn Tịnh Độ khuyên đi, khuyên lại. Ông quỳn tiền in lại bộ Di Đà Sớ Sao, đích thân dò lỗi, sửa sai để tác phẩm này được lưu truyền rộng rãi.

Tuổi già, thân khí suy yếu nhưng niệm Phật càng thêm hăng hái. Đột nhiên, ông bị mắc bệnh sa đì (còn gọi là thoát vị, tức chứng hernia) rất nặng, nhưng chẳng hề bỏ lỡ việc chấp trì danh hiệu. Bệnh ngày càng nặng thêm, có người thấy thế khen ngợi [tinh thần niệm Phật của ông], ông bảo:

- Trong những khi bị đau như vậy, lúc mới đầu tôi cũng đau đớn, khó chịu đựng nổi, nhưng rồi nghĩ đến thân này đã là giả thì khổ cũng chẳng phải là thật, hướng hồ

mức độ tinh và thô giữa thân và tâm đã rõ ràng rành! Cái thân kia thống khổ tôi chẳng biết làm cách nào; tâm tôi tự niệm Phật thì cái thân kia cũng chẳng làm gì được. Lúc mới đầu còn thấy có tâm và thân đối lập nhau, dần dần chỉ biết có tâm, chẳng còn biết có thân, thống khổ cũng dần dần hết!

Sau ông niệm Phật mà tịch.
(theo Nhiễm Hương Tập)

Nhận định:

Niệm Phật trị được trọng bệnh vạn kiếp sanh tử, hưởng hồ đã biết là thân giả, khổ chẳng thật thì sẽ nhẫn được điều khó nhẫn, chẳng những thống khổ sẽ tự tuyệt, mà đến lúc vắng sanh thì do trong lúc bịnh nguy ngập đau đớn đã làm chủ được, lúc lâm chung vắng sanh ắt sẽ tự chủ được!

45. Giác chiếu niệm Phật

Cư sĩ Phạm Dụng Hòa tự Nguyên Lễ đời Thanh, người huyện Tiên Đường. Lúc nhỏ học Nho, thờ cha mẹ rất có hiếu. Lúc cha mẹ bịnh, trước sau, ông đã cắt thịt bấp tay hòa với thuốc trị lành bịnh cho cha.

Bước vào tuổi tráng niên, cha mẹ mất, vợ chết, ông từ bỏ trần duyên, tu tập huyền công (cách tu hành của Đạo giáo) hơn mười năm, đạt chút linh nghiệm. Về sau, ông đọc những tác phẩm của ngài Vân Thê có phần tỉnh ngộ, bèn thọ Tam Quy, Ngũ Giới, nhất chí kiên trì, thậm chí những thứ làm bằng lông thú, dệt bằng tơ tằm, ông chẳng hề khoác vào thân. Bỏ hết những điều mình đã tu tập, chuyên tu Tịnh nghiệp. Ông ham làm lành, thí thuốc, phóng sanh, giúp đỡ người nghèo, chẳng nề nhọc mỏi.

Gặp Tăng chúng nghèo bịnh, ông liền cúng dường chẳng thiếu gì.

Về sau, ông bế quan niệm Phật suốt trăm ngày. Lúc hơi thở ông vừa trở nên yên tịnh thì cách tu huyền thuật trước kia chợt hiện ra, nhận thấy khí Thiên Địa cuộn cuộn, mù mịt trong không trung xông thẳng vào miệng, mũi, chạy thẳng vào huyết Đan Điền, hòa hợp với nguyên khí của chính mình, [cảm thấy] khinh an chẳng thể diễn tả nổi. Giây lát, có một đũa bé cao mấy tấc từ đánh đầu vọt ra, lững dững trước mặt; được một chốc, nó lại theo đánh đầu trở vào. Từ đấy trở đi, mỗi khi đến lúc hết sức tịch tịnh, vong niệm (không còn ý niệm nữa) thì liền có đũa bé bước ra, trở vào như trên. Thoạt đầu, ông rất vui; lúc sau, ông chợt nghĩ:

- Đây há chẳng phải là năm mươi thứ Âm Ma như đã nói trong kinh Lăng Nghiêm đó ư? Nếu cho là kỳ đặc thì sẽ bị lạc vào quần ma! Niệm Phật chí tại Tây Phương, thánh cảnh chẳng hiện, sự này ích chi?

Ngay khi đó, ông liền giác chiếu, chánh niệm hiện tiền, đũa bé chẳng xuất hiện nữa. Đối với yếu chỉ Duy Tâm, ông khế ngộ sâu xa; Tín - Hạnh - Nguyện lực càng thêm thuần thực. Thường bảo với mọi người rằng:

- Đối với cửa ải hiểm yếu bậc nhất trong cuộc đời này nếu có chút phần chẳng rõ thì sẽ lạc vào bàng môn. Vì vậy, tu hành chẳng thể không thận trọng vậy!

Chợt ông kết liễu mọi việc, dặn dò, từ biệt bè bạn, ngồi niệm Phật qua đời. Lúc liệm, đánh đầu vẫn còn nóng, thọ sáu mươi ba tuổi.

(theo Nhiễm Hương Tục Tập)

Nhận định:

Từng tu tập huyền công của ngoại đạo, nguyện thường giác chiếu nên khỏi bị đọa vào bàng môn. Chánh niệm hiện tiền, quần tà tự diệt.

46. Mật hạnh tinh tấn

Cư sĩ họ Trần đời Thanh, không rõ tên là gì, là chú họ của các ông Thế Anh, Mậu Tài ở huyện Thường Thục. Mỗi sáng dậy, ông thắp hương yên lặng tụng kinh, niệm Phật. Dù gió, mưa, lạnh, nóng đều chẳng gián đoạn. Suốt mấy năm như thế người nhà chẳng hay vì ông hành mật hạnh.

Trước khi mất ba tháng, ông tự bảo đã đến lúc sắp mất, người nhà thấy ông không bệnh tật gì nên không tin. Ba ngày trước khi mất, ông thị hiện bệnh nhẹ, vẫn đi đứng như thường. Đến ngày, ông tọa hóa, người nhà kêu khóc; ông bèn mở mắt, dạy sơ lược vài lời, rồi nói: “Ta đi đây!” Lại yên lặng, thân bốc ra mùi hương lạ ba ngày mới hết.

(theo Vãng Sanh Cận Nghiệm Lục)

Nhận định:

Cổ nhân mật hạnh, dù nóng hay lạnh chẳng gián đoạn, dù là người nhà cũng chẳng hay biết. Nay thì hành nhân rêu rao khoe mẽ nhưng một ngày nóng mười ngày lạnh, cho nên người niệm Phật thì nhiều mà kẻ vãng sanh lại ít. Hãy dè dặt, hãy thận trọng!

47. Dụng công mãnh liệt

Cư sĩ Tiên Dục Sơn tự Vạn Dật đời Thanh, người huyện Thường Thục, làm nghề nấu rượu, thích chè chén. Ít lâu sau, ông tu Tịnh nghiệp, tận lực sửa đổi lẽ thói cũ, tránh sát sanh, dứt rượu thịt, khuyên mẹ ăn chay trường

niệm Phật. Một người con của ông bệnh lao, niệm Phật qua đời, mọi người phỉ báng, ông vẫn thờ Phật như cũ. Vợ mất, ông vẫn điềm nhiên, cự tuyệt người khuyên tục huyền:

- Có con nhưng nó đã mất rồi, tôi cưới vợ nữa để làm gì? Chí tôi xuất thế, lẽ nào còn thèm thường có người nối dõi ư?

Nhà cửa bị lửa cháy, ông hướng lên không, nguyện:

- Nghiệp của tôi đáng bị lửa cháy, chỉ xin đừng làm tổn hại đến nhà hàng xóm.

Lửa tắt, quả nhiên nhà hàng xóm vô hại. Ông chợt mắc bệnh thổ huyết, tâm sanh tử càng thiết tha, niệm Phật càng mạnh mẽ. Đến lúc bệnh nguy kịch, ăn vào là ói ra ngay. Người chú là Tạ Phương Ngô kể chuyện cổ đức nhin ăn để thấy Phật, ông vui vẻ bảo:

- Có phương cách tiện lợi lớn như vậy, tôi phải dùng mãi làm theo!

Ông liền tắm gội, đến trước bàn Phật, thắp hương, phát thệ: giữ trai giới bảy ngày, bỏ tiền phóng sanh câu sanh Tịnh Độ. Đêm ngày niệm Phật chẳng sót, có khát chỉ ăn dưa mà thôi. Có người hỏi: “Cả đêm chẳng ngủ, chẳng mệt mỏi hay sao?” Ông nói:

- Chẳng ngủ có lợi là niệm Phật được nhiều. Lúc tôi chưa bệnh chẳng được an nhàn; nay do bệnh mới được nhàn, đúng là lúc phải dốc sức, làm sao còn mệt nhọc được?

Hết kỳ hạn, thần thức hôn loạn, ông cả sợ, chấp tay đặt trên gối, ra lệnh đốt ngón tay. Ông Tạ nói:

- Lúc này, người phát nguyện ấy thì cũng giống như đã đốt ngón tay rồi, chẳng bằng nhất ý cầu về Tây Phương thì hơn.

Ông liền nhắm mắt niệm Phật, lúc đầu còn miễn cưỡng, sau do dụng công mạnh mẽ, dần dần thần chí an định. Lại được mười mấy người trợ duyên, tiếng niệm

Phật liên tục suốt ngày đêm. Ông chợt thấy Tây Phương Tam Thánh hiện tiền, quang minh, tướng hảo, toan cất thân lên kim đài; chợt nghe trên không có tiếng nói:

- Thân ông chưa sạch!

Ông liền sai lấy nước thơm tắm gội xong, Tam Thánh hiện như cũ, liền bảo người nhà rằng:

- Tôi đã đến được Tịnh Độ, thấy vô số hoa sen, tôi ngồi trên đó, sướng chẳng thể nói nổi!

Ông chỉ vào thân mình bảo:

- Đây chẳng phải là thân ta!

Một lát, lại bảo:

- Phật đông nghẹt cả nhà!

Ngồi hướng về Tây, qua đời, thọ ba mươi tám tuổi.

(theo Tục Tịnh Độ Thánh Hiền Lục)

Nhận định:

Đoạn được rượu thịt là tham độc đã hết. Bị cười chê chẳng đoái hoài là sân độc đã hết. Con chết, vợ mất vẫn điềm nhiên là ái căn đã đoạn. Cự tuyệt lời khuyên lấy vợ lần nữa, chẳng mong có người nối dõi là si độc đã hết.

Vì vậy, gặp phải nghịch cảnh, ông vẫn có thể chẳng thôi thất cái tâm ban đầu; dù bệnh tật khổ sở vẫn giữ vững chánh niệm. Dù vì nghiệp chướng hiện tiền khiến thần thức hôn loạn, ông vẫn có thể dụng công mạnh mẽ, lại được trợ duyên nên nhanh chóng cảm được tướng tốt lành là đài vàng, thần hồn ngao du cõi Sen, thật đáng làm gương vậy!

48. Trợ niệm đặc lực

Cư sĩ Dương Liên Hàng thời Dân Quốc, người huyện Dư Diêu tỉnh Triết Giang. Nhà nghèo, làm nghề buôn bán.

Nghe lời ông Đồng Giác Hàng tu Tịnh nghiệp, lâu ngày đối với giáo nghĩa giải ngộ siêu quần.

Ông tham dự Liên Xã niệm Phật. Vì bị bệnh nên lại sát sanh, dần dần xa lìa các liên hữu. Sau bệnh nguy kịch, liên hữu bảo ông ắt phải chết. Tự xét mình không thể nào qua nổi, ông hoảng sợ, hồi hận, bèn gắng sức đến trước Phật, tận tình bày tỏ, dốc lòng thành sám hối, lại giữ Ngũ Giới, thề chẳng tái phạm. Từ đấy trở đi, ông buông bỏ vạn duyên, quét sạch ái dục, nhất tâm thâm niệm Phật hiệu đợi lúc lâm chung. Liên hữu biết công năng trì danh của ông nông cạn nên trước hết vì ông thỉnh người trợ niệm. Hai ngày sau, liên hữu cũng trợ niệm. Ông chợt thấy thần khí thanh sáng, mộng thấy quang minh. Đến canh hai, liên hữu sắp ra về, chẳng biết rằng đến lúc đó, việc trợ niệm đã có hiệu lực. Ông liền bảo:

- Tôi chưa đến được Tây Phương, xin liên hữu lớn tiếng niệm Phật trợ niệm suốt đêm, đừng để lỡ!

Mọi người lại cao giọng niệm Phật, lại luôn luôn khích lệ ông. Chợt ông mỉm cười bảo:

- Tôi nay đã đến Tây Phương rồi, hoa sen đẹp quá! Ao báu đẹp quá! Quang minh đẹp quá!

Mắt ông nhìn chăm chú vào tượng Phật mà qua đời. Mọi người vẫn trợ niệm đến khi thân ông đã lạnh mới thôi, chẳng cho người nhà khóc than. Đến trưa hôm sau, đánh đầu ông vẫn còn ấm, thọ ba mươi tuổi!

(theo Cận Đại Vãng Sanh Truyện)

Nhận định:

Công phu trì danh nông cạn mà được vãng sanh là do sức liên hữu trợ niệm. Trợ niệm khẩn yếu như thế đó. Xin hãy đề xướng rộng rãi. Nếu như không có liên hữu thì xin hãy dùng băng niệm Phật để trợ niệm, tạm dùng làm

phương tiện cũng có thể được hưởng đại lợi vãng sanh vậy!

49. Bỏ tụng chú để niệm Phật

Cư sĩ Trương Trân Ngọc thời Dân Quốc, sang Nhật học Y và học Mật Tông. Sau ông mắc bệnh thũng, nghiệp cảnh hiện tiền. Lúc bình thường, ông trì chú thấy có linh nghiệm, lúc này trọn không có hiệu quả gì. Ông bèn chuyên niệm Phật thì nghiệp cảnh mới tiêu diệt. Ông liền dẹp hết thuốc men, nhất tâm trì danh. Vợ ông khuyên hãy nên ăn uống, ông bảo:

- Bà đừng khuấy nhiễu tôi, chỉ nên giúp tôi niệm Phật và thỉnh đạo hữu họp lại trợ niệm. Tôi sẽ đi trong ngày hôm nay.

Đạo hữu đến, đồng thanh trợ niệm. Ông cũng nương theo đó, niệm theo rõ ràng; đoạn kết án, niệm Phật mà qua đời.

(theo Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, bản in lần thứ ba)

Nhận định:

Lâm chung nghiệp cảnh hiện tiền, há chẳng phải là đề thấy trước ác đạo đó chẳng? Lúc ấy, trì chú hoàn toàn chẳng có công năng gì, may nhờ chuyển sang niệm Phật và nhóm đạo hữu lại trợ niệm thì nghiệp mới tiêu, được vãng sanh. Những kẻ bỏ Tịnh Độ để tu Mật, khá nên lấy đó làm gương!

50. Từ biệt mọi người, tọa hóa

Cư sĩ Lý Ngoa, tự Tế Hoa thời Dân Quốc, người huyện Như Cao tỉnh Giang Tô; tốt nghiệp từ Trác Hội

Học Đường.¹⁶ Năm Dân Quốc thứ nhất (1911), ông được cử về làm việc ở Trắc Lương Cục của Lục Quân, gia nhập Đồng Minh Hội. Khi cách mạng lần thứ hai thất bại, ông bị tổng giam; lúc sắp bị xử tử, ông được người cứu khỏi, được phóng thích. Tuy vẫn phục vụ trong quân ngũ, nhưng ông ăn chay niệm Phật, dù nóng hay lạnh vẫn chẳng gián đoạn. Từ chiến dịch Bắc Phật trở về, ông từng đảm nhiệm các chức vụ: nghị trưởng huyện nghị hội và cục trưởng các cục kiến thiết, tài chánh v.v...

Mùa Xuân năm Dân Quốc 22 (1933), ông quy y Ân Quang đại sư, được đặt pháp danh là Trí Thoát. Từ đây, ông chuyên tu Tịnh nghiệp, thời khóa sáng tối đều tụng một cuốn Di Đà, niệm Phật cả vạn tiếng. Ông nghiên cứu sâu sắc kinh điển Đại Thừa, hạnh lần giải đều sâu, hoàng dương Tịnh Độ, khuyên người niệm Phật cầu sanh Tây Phương, trọn đời chẳng lười nhác.

Sau khi qua Đài Loan, ông sáng lập Liên Hữu Niệm Phật Đoàn ở Đài Bắc, soạn cuốn Phổ Khuyến Tịnh Nghiệp Đồng Nhân Phát Khởi Tổ Chức Trợ Niệm Vãng Sanh Đoàn Văn để đề xướng việc trợ niệm. Ngày hai mươi lăm tháng Hai năm Dân Quốc 51 (1962) là ngày pháp hội định kỳ của Niệm Phật Đoàn, ông lãnh chúng niệm Phật. Sau bữa ăn trưa, ông giảng đại ý kinh A Di Đà. Đến hai giờ năm mươi phút giảng xong, ông từ biệt đại chúng:

- Tôi sắp đi rồi, mọi người hãy chăm chỉ niệm Phật!

Rồi ông tọa hóa giữa tiếng niệm Phật của đại chúng. Đúng ba giờ năm phút, tay ông kết Di Đà ấn như đang nhập Thiên Định. Ngày hôm sau, nhập liệm, toàn thân ông mềm mại, vẻ mặt như còn sống. Ngày mùng Bốn tháng Ba trà tỳ, thu được rất nhiều xá lợi, thọ bảy mươi chín tuổi.

¹⁶ Trắc Hội Học Đường: trường dạy ngành đo lường, vẽ bản đồ.

(theo Lý Tế Hoa Cư Sĩ Di Tập và các báo Liên Hợp, Dân Tộc v.v...)

Nhận định:

Ấn Quang đại sư nói: “*Chịu giúp người tịnh niệm vắng sanh thì cũng sẽ được hưởng báo có người trợ niệm!*”. Ông Lý sáng lập Liên Hữu Niệm Phật Đoàn, đề xướng trợ niệm nên được liên hữu đại chúng trợ niệm vắng sanh.

Ngôn giáo chẳng bằng thân giáo nên ông chọn đúng vào lúc pháp hội định kỳ để tọa hóa, ngõ hầu đại chúng cùng thấy cùng tin, gấp gáp bắt chước theo đồng sanh Tây Phương vậy!

51. Chánh trợ song tu

Cư sĩ Tử Bình Trần Tự Quân thời Dân Quốc, là người huyện Định Hải, tỉnh Triết Giang. Lúc chưa tốt nghiệp đại học Pháp Chánh ở Thượng Hải, bố vợ ông đã mở sẵn xưởng dệt Thiên Nhất ở Tân Long Hoa, Thượng Hải, giao cho ông làm đồng sự trưởng.

Năm Dân Quốc 11 (1922), tốt nghiệp xong, ông vừa đúng hai mươi ba tuổi. Do nghiên cứu kinh luận Tịnh Độ, ông liền quyết tâm bỏ thuốc lá, rượu chè, cờ bạc, đồ mặn để trường trai lễ Phật. Năm hai mươi bảy tuổi, ông quy y với lão pháp sư Hưng Từ ở núi Thiên Thai, cầu truyền ngũ giới. Mỗi ngày ông lo kinh doanh, tối đến tụng kinh, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Thương những người nghèo bị bệnh, không đủ sức trị bệnh, ông liền cùng chú lập ra Bảo Khang Trai để thí thuốc và chữa bệnh rộng rãi. Ông còn phát động việc thành lập Thượng Hải Bản Bệnh Cứu Tế Hội, thay mặt gia đình đưa người bệnh vào bệnh viện chữa trị để những người bệnh đều được lành.

Năm Dân Quốc 21 (1932), quê ông bị đại hạn, ông liền cùng những đồng hương lo vận chuyển lương thực chẩn tế những người đói nghèo. Năm sau, gặp phải tai nạn bão lụt, nhiều căn nhà bị sụp đổ, ông liền xin hội Cứu Tế phát gạo chống đói.

Năm Dân Quốc 38 (1949), ông ngậm rời khỏi Đại Lục, trốn sang Hương Cảng rồi sang Đài Loan. Năm Dân Quốc 42 (1953), ông quy y đại sư Đạo An, được đặt pháp danh là Trí Thặng. Ông liền chọn mua đất, xây dựng chùa Tùng Sơn, thỉnh ngài Đạo An làm trụ trì, tự mình làm giám viện. Đến năm Dân Quốc 55 (1966), đại điện lạc thành; thỉnh pháp sư Linh Căn tiếp nhận chức Giám Viện kiêm phó trụ trì, ông tiếp tục xây dựng điện đường hai bên và liêu phòng để tạo thành chốn tùng lâm vĩnh viễn cho mười phương.

Ông lại chắt mót tiền xây dựng biệt thự Tịnh Liên ở sau chánh điện, thỉnh những vị cư sĩ như Mao Dịch Viên... gồm chín người cùng ở để cộng tu. Ông thường lãnh đạo Tinh Tấn Phật Thất để cầu sanh Cực Lạc. Để tiếp độ rộng rãi những người sơ cơ, ông Mao soạn thuật cuốn Niệm Phật Tam Yếu. Ông liền đứng ra in đến mười vạn hai ngàn cuốn, gửi tặng khắp nơi trong ngoài nước để quảng kết tịnh duyên.

Để mình lẫn người đều được lợi, ông Mao lại biên soạn, kết tập bộ Tịnh Độ Tùng Thư; Trần Cư Sĩ liền phát động các vị đại đức, các chùa miếu, các nhà xuất bản lớn trong ngoài nước hoan hỷ hỗ trợ ấn loát hoặc kết ước hỗ trợ. Sách in ra và số tiền dành cho ấn loát còn dư, ông bèn giao cho Đài Loan Ấn Kinh Xứ lưu thông và tục bản để tác phẩm ấy được hoằng dương rộng rãi.

Tháng Tư năm Dân Quốc 62 (1973), ông phát tâm bế quan ba năm để chuyên tu Tịnh nghiệp. Đến khi mãn kỳ bế quan, ông lại càng thêm tinh tấn. Ngày mùng Bốn tháng Chạp năm Dân Quốc 71 (1982), đột nhiên ông thị

hiện mắc bệnh nhẹ; mới vào bệnh viện được một tuần, ông đã trở về biệt thự tịnh dưỡng, ăn uống như thường. Đến ngày mùng Bốn tháng Giêng năm Dân Quốc 72 (1983), ông chợt bỏ không ăn sáng, há to miệng niệm Phật. Ông Mao liền hối đại chúng trợ niệm. Đến một giờ trưa, miệng ông mới dần khép lại; mặt hiện vẻ tươi cười, an tường về Tây, thọ tám mươi bốn tuổi.

Mọi người tiếp tục thay phiên trợ niệm cho đến khi toàn thân lạnh hết nhưng đánh đầu vẫn còn ấm. Đến giữa trưa ngày hôm sau làm lễ đại liệm, toàn thân vẫn mềm mại. Ngày mùng Mười lúc làm lễ công tế¹⁷, da dẻ ông trông còn tươi tắn mịn hơn lúc còn sống. Trà tỳ thu được rất nhiều xá lợi.

(theo tạp chí Sư Tử Hồng, bộ 20, kỳ 9)

Nhận định:

Cả một đời lấy Tín - Nguyện - Hạnh làm Chánh Hạnh, lấy việc làm lành, dựng chùa làm Trợ Hạnh. Ông đã tích tụ nhân duyên phước đức thiện căn rất nhiều. Xã báo an tường, vẻ mặt tươi vui thì ắt phải được trông thấy Phật đến tiếp dẫn. Đánh đầu ấm, thân mềm mại, tươi tắn hơn lúc còn sống, xá lợi rất nhiều thì ắt phải là Thượng Phẩm Thượng Sanh, thật đáng nên noi gương!

52. Càng bệnh càng tinh tấn

Cư sĩ Ô Dư Khánh thời Dân Quốc, người huyện Phụng Hóa, tỉnh Triết Giang; tánh tình trung hậu, thuần phác.

Năm Dân Quốc 35 (1946), ông đến Đài Loan, kinh doanh xưởng phụ tùng xe hơi Quốc Quang và xưởng dựng

¹⁷ Đại chúng cùng tụ lại cúng tế để tiễn biệt.

cụ giao thông Trung Lập khá thành công. Năm Dân Quốc 56 (1967), ông được đồng hương rủ đến chùa Pháp Hoa ở Đài Bắc nghe hòa thượng Tịnh Không giảng kinh; ông liền theo học Phật, tiếp nhận sự un đúc của Phật Pháp. Ông quy y với lão hòa thượng Quảng Khâm ở Thổ Thành và trưởng lão Sám Vân ở Thủy Lý, thọ trì Tam Quy, Ngũ Giới.

Mùa Đông năm Dân Quốc 67 (1978), ông đến chùa Vĩnh Minh ở núi Dương Minh để thọ giới Bồ Tát tại gia. Ông nghiêm trì giới luật, chuyên tu Tịnh nghiệp, niềm tin vững vàng, ý nguyện thiết tha cầu sanh Tây Phương. Ông thường cúng Tam Bảo, phụng sự sư trưởng, bố thí làm phước chẳng tiếc sức lực. Ông cùng các liên hữu thành lập Phật Giáo Tịnh Nghiệp Lâm ở Tam Giáp, Hoàn Khê. Ông được cử làm Lâm Trưởng (người đứng đầu Tịnh Nghiệp Lâm), lãnh đạo đại chúng cùng trụ trong Lâm để cùng tu.

Mùa Hạ năm Dân Quốc 70 (1981), vì bệnh tật, ông phải về nhà chữa trị, nhưng niệm Phật càng thêm tinh tấn chẳng lười. Đầu tháng Ba năm Dân Quốc 72 (1983), chợt ông bị bí đường tiểu tiện, trị liệu cách nào cũng vô hiệu, phải đưa vào bệnh viện Trung Hưng ở thành phố Vĩnh Hòa để chữa. Tuy đau đớn tột bậc, trong tâm ông vẫn niệm Phật chẳng ngớt. Ngày hai mươi mốt tháng Ba, ông chợt bảo người con trưởng đang trông bệnh rằng:

- Từ ngày mai các con đừng có đi đâu!

Ngày hôm sau, gần trưa, bác sĩ đến khám toàn thân, thấy tất cả đều bình thường, dặn dò ông phải nghỉ ngơi chu đáo, ông Ổ bảo:

- Hiện tại tôi rất thoải mái, cảm ơn ngài!

Lát sau, ông bảo đưa con gái út nâng đầu giường lên cao hơn, kê gối cho ông dựa. Cô hỏi:

- Có chuyện gì làm ba không được thoải mái hả?

- Không có!

Đúng mười một giờ trưa, ông chợt mỉm cười, hai đùi chợt khép sát vào nhau, hai tay giở lên như thể đang co chân ngồi dậy, chắp tay; há miệng niệm Phật mà qua đời, thọ bảy mươi tư tuổi. Toàn thể quyến thuộc đều vây quanh cao giọng trợ niệm. Trưởng lão Sám Vân và các vị pháp sư, cư sĩ và đạo sư của Tịnh Nghiệp Lâm, lâm hữu v.v... cũng theo nhau đến, tính ra hơn bốn mươi người luân phiên trợ niệm. Đến khoảng sáu giờ tối, toàn thân đều lạnh, chỉ còn mỗi đánh đầu là ấm.

Trợ niệm đến chín giờ rưỡi mới bắt đầu rửa ráy, thay áo. Vì tứ chi của ông đã cứng đờ nên trưởng nữ dùng khăn nóng ủ lên hai khủy tay, chợt ngửi thấy mùi hương thanh khiết bốc ra từ hai tay áo ông. Ngày hôm sau đại liệm, hai tay ông mềm mại, những vết đen trên mặt biến đâu hết, vẻ mặt ông vui tươi đẹp đẽ hơn lúc sống. Từ lúc ấy, dù ngày hay đêm, quyến thuộc đều nghe trên không có tiếng niệm Phật, cho đến lúc pháp hội Niệm Phật bốn mươi chín ngày đã nghỉ rồi vẫn nghe có tiếng niệm Phật từ phương Tây vẳng tới.

(theo tạp chí Huệ Cự, bộ 22, kỳ 9)

Nhận định:

Một phen nghe giảng kinh liền theo Phật môn, thọ trì Tam Quy, Ngũ Giới, chuyên tu Tịnh nghiệp, đây chính là căn lành từ bao kiếp thành thực.

Lập Tịnh nghiệp lâm để cộng tu là người tự lợi, lợi tha. Càng bệnh càng tinh tấn là mượn bệnh để tiêm tu. Chợt dặn dò ngày mai đừng đi đâu là biết trước thời khắc.

Mỉm cười chắp tay ắt là thấy Phật hiện đến tiếp dẫn. Khiến cho quyến thuộc thường nghe tiếng niệm Phật từ phương Tây vẳng lại để họ biết là mình đã vãng sanh trong thượng phẩm, nhằm khiến họ đều tin nguyện sanh

Tây. Phàm những ai tuổi già lắm bệnh, xin hãy bắt chước ông tinh tấn!

53. Tự hành, dạy người khác

Cư sĩ Lý Bình Nam thời Dân Quốc, hiệu Tuyết Hư hay Tuyết Tăng; người thành phố Tế Nam tỉnh Sơn Đông. Tự bé, ông đã đĩnh ngộ, hiếu học. Ông chuyên học về pháp luật chánh trị và học cả Trung Y, nghiên cứu Phật học: Giáo, Thiên, Tịnh, Mật ông đều thường tu trì. Ông từng giữ chức giám ngục của huyện Cử, nhưng nhân từ tốt bụng, chung thân ăn chay.

Ông quy y với vị Tổ thứ mười ba của Tịnh tông là Ấn Quang đại sư, được ban hiệu là Đức Minh. Ông gắng sức tự hành, dạy người chuyên tu Tịnh nghiệp. Sau ông đáp lời mời, làm bí thư cho vị chủ nhiệm quản trị nhà thờ phụng Đại Thành Chí Thánh Tiên Sư (Khổng Tử). Ông theo chủ nhiệm Khổng Thượng Công (Khổng Đức Thành) thiên di theo chính phủ về Trùng Khánh, sống ở biệt thự Ý Lan thuộc núi Ca Nhạc. Mỗi sáng sớm, ông lên chùa Vân Đảnh để lễ tụng, niệm Phật. Ít lâu sau, ông lãnh trách nhiệm giảng dạy cho Phật Học Giảng Diễn Hội của chùa mấy năm, người tin theo rất đông. Năm Dân Quốc 35 (1946), theo Khổng Thượng Công trở về Nam Kinh, ông thường giảng kinh tại chùa Phổ Tế và Chánh Nhân Liên Xã.

Tháng Hai năm Dân Quốc 38 (1949), vào lúc sáu mươi tuổi, ông theo Khổng Thượng Công qua Đài Loan, ngụ tại thành phố Đài Trung. Vừa mới sắp xếp công vụ xong, ông đã tìm được chùa Pháp Hoa làm cơ sở hoằng pháp và lập phòng chẩn mạch Trung Y, lập Bồ Đề Y Viện và Thí Y Hội v.v... để chữa trị, hốt thuốc miễn phí. Ông khởi xướng những sự nghiệp hoằng hóa, từ thiện để tiếp dẫn quần cơ đồng tu Tịnh Nghiệp. Ông trụ bị, tổ chức và

thành lập Đài Trung Liên Xã và đoàn thể hoằng pháp, diễn giảng các kinh điển của đạo Nho và đạo Thích.

Ông thường nhóm chúng niệm Phật; cử phái viên hoằng pháp đến thăm các nhà giam và những gia đình liên hữu. Do đó, pháp duyên ngày càng rộng rãi; tòa giảng kinh của ông mở rộng đến các chùa Linh Sơn, Bảo Giác, Bảo Thiện v.v... Ông còn khuếch trương những cơ sở truyền giáo khắp cả Tam Đài (Đài Bắc, Đài Trung và Đài Nam), chuyên hoằng dương Tịnh Độ phổ độ chúng sanh.

Mỗi năm, cử hành Phật thất nhiều lần; lần nào ông cũng đích thân chủ trì, ân cần, thiết tha huấn thị. Ông thường soạn các tài liệu Phật học hàm thụ và vấn đáp, soạn các chương trình phát thanh miễn phí gửi tặng các đài phát thanh. Về trước tác có: A Di Đà Kinh Trích Chú Tiếp Mông Kỳ Nghĩa Uẩn (lược chú kinh Di Đà để những người kém hiểu biết lãnh hội được ý nghĩa sâu xa), Đại Chuyên Học Sinh Phật Học Giảng Tòa (tài liệu giảng dạy Phật học cho sinh viên chuyên ngành Phật học) gồm sáu cuốn; Phật Học Vấn Đáp Loại Biên, Hoằng Hộ Tiểu Phẩm Vựng Tồn v.v... hóa độ nhân gian.

Nhân đó, ở các nơi gần hay xa, mọi người đều được bình đẳng hưởng thụ pháp ích. Sau ông nghỉ việc để tăng thời gian hoằng pháp; luôn luôn khuyên người khác tin sâu nhân quả, thật thà niệm Phật. Ngày mười hai tháng Tư năm Dân Quốc 75 (1986), ông bảo đệ tử hầu cận:

- Ta sắp đi đây!

Đến sáng hôm sau, ông niệm Phật đến mức nhất tâm bất loạn, dặn dò đệ tử rồi nằm yên lạnh mà tịch, thọ chín mươi bảy tuổi. Lúc trà-tỳ, thu được hơn cả ngàn viên xá lợi ngũ sắc.

(theo Lý Công Tuyết Hư Lão Cư Sĩ Lược Sự)

Nhận định:

Mỗi sáng đều lễ tụng niệm Phật, đây là tự hành chuyên tu. Thường giảng kinh thuyết pháp, tổ chức Liên Xã và Hoàng Pháp Đoàn, tổ chức rộng rãi các cơ sở truyền giáo, thường nhóm chúng niệm Phật, cử hành Phật thất; đây đều là vì làm cho người khác chuyên tu. Tuy là một vị cư sĩ tại gia, nhưng có thể tự hành, dạy người chuyên tu Tịnh Nghiệp, đồng sanh Cực Lạc, thật đúng là gương mẫu!

54. Lâm chung thập niệm

* Ông Trương Thiện Hòa đời Đường, làm nghề giết trâu. Lâm chung, thấy bày trâu tranh nhau đến đòi mạng, ông sợ quá, gọi vợ:

- Mau thỉnh Tăng đến cứu ta!

Tăng đến, dạy:

- Kinh nói: *“Nếu có chúng sanh tạo nghiệp chẳng lành phải đọa ác đạo, lâm chung chí tâm đầy đủ mười niệm xưng A Di Đà Phật thì trừ được tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử, liền được vãng sanh thế giới Cực Lạc”*.

Ông Trương nói:

- Địa ngục đến gấp quá rồi, chẳng kịp lấy lư hương nữa.

Ông bèn dùng tay trái bốc than hồng, tay phải cầm hương, hướng về Tây, dưng mãnh xưng Phật hiệu, chưa đủ mười tiếng, đã nói:

- Trâu đi, Phật đến, tôi được ngồi tòa báu rồi!

Mỉm cười mà thác.

(theo Phật Tổ Thông Ký)

* Ông Thích Tịnh Nghiêm đời Thanh, người huyện Hoa Đình, tánh đoan chánh, cẩn trọng, làm gì cũng chu đáo, cẩn mật. Được ai nhờ đều tận tâm, thân tộc nhiều người

phải cậy vào ông. Chợt bị bệnh ngặt nghèo rất đau khổ, anh họ là ông Trịnh Huệ Am xót thương nói:

- Chú bệnh nặng quá, sao chẳng chịu niệm Phật? Kinh nói: “*Lâm chung mười niệm cũng được vãng sanh*”.

Ông Thí nói:

- Em hận lúc thường ngày chẳng biết niệm Phật, nay chẳng niệm nổi, biết làm sao đây?

Rồi khóc ròng. Ông Trịnh bảo:

- Không có cách nào hết! Chú nghe tôi niệm, trong tâm tưởng niệm cũng được!

Liên xướng danh Phật hiệu rõ ràng, ông Thí cũng cao giọng đọc theo. Vừa mới được chừng mười lần, chợt bảo:

- A Di Đà Phật và các Bồ Tát đều ở ngay trước mắt!

Nói xong liền mất.

Nhận định:

Niệm Phật cốt yếu chẳng phải do thời gian niệm đã lâu, mà quý tại lòng tin chuyên dốc. Kinh Pháp Tập Yếu Lãn dạy: “*Nếu có người trong trăm năm lười nhác, thiếu tinh tấn thì chẳng bằng người dùng mãnh hành tinh tấn trong một ngày*”.

Vì thế, vô luận là thiện hay ác đều có thể do mười niệm lúc lâm chung được vãng sanh, chẳng ngờ gì. Nhưng những người ấy đều là do căn lành trong quá khứ đến nay thành thực nên mới gặp được thiện tri thức khuyến niệm Phật, và cũng do tâm sợ khổ nên sức tín hạnh nguyện dũng mãnh thành ra tương ứng với từ nguyện lực của Phật, cảm ứng đạo giao, được Phật tiếp dẫn!

Nếu không, chỉ sợ rằng nghiệp chướng lôi kéo, thiện hữu khó gặp, bệnh khổ bức bách, chánh niệm khó thành. Thập niệm tuy dễ, thật khó mong gặp được. Xin hãy sớm lo liệu tư lương mới là điều quan trọng nhất!

55. Làm việc nặng vẫn niệm Phật

* Ông Hoàng Đả Thiết đời Tống, người Đàm Châu. sống bằng nghề rèn. Thấy du phương Tăng đi đến, ông mời vào, dâng trà. Thưa mình vốn dĩ nghèo khổ, cầu thầy chỉ dạy cách tu hành. Tăng liền dạy:

- Pháp môn Trì Danh chẳng tốn hoa, tiền, chẳng trở ngại làm lụng. Nếu suốt một đời trì niệm chẳng sai sót thì lúc lâm chung, Phật ắt sẽ tiếp dẫn vãng sanh cõi ngai, chẳng có các điều khổ, chỉ hưởng các sự vui!

Ông Hoàng mừng lắm, bèn tuân theo lời dạy tu hành. Mỗi lúc đập sắt, ông niệm Phật không ngớt tiếng. Vợ bảo:

- Rèn sắt đã khổ cực sẵn còn đeo thêm niệm Phật, có phải là càng khổ hơn nữa không?

Ông Hoàng đáp:

- Pháp này cực hảo: Hằng ngày ngồi bên lò thấy lửa nóng, nhưng niệm Phật chẳng thấy nóng. Đập sắt thấy đau tay, nhưng niệm Phật rồi không chẳng thấy đau nữa!

Mấy năm sau, một hôm, ông chợt tắm gội, thay áo, bảo vợ:

- Hôm nay, tôi phải đi về nhà đây!

Vợ đáp:

- Đây không phải là nhà ông sao? Nhà ông ở chỗ nào cơ chứ?

Đáp:

- Nhà tôi ở Tây Phương.

Vợ cười bảo:

- Vậy ông đi bình an nghe!

Ông bèn đập sắt, niệm Phật như thường. Lát sau, bèn nói kệ:

*Bình bình, bang bang,
Luyện lâu thành gang*

*Thái bình sắp đến
Ta về Tây Phương*

Rồi cầm chùy đứng yên mà mát, mặt chẳng đỏ sắc.
Mùi hương lạ ngào ngạt, thiên nhạc rền trời; ai nấy đều nghe.

(theo Phật Tổ Thông Ký)

* Ông Lại Tường Lân thời Dân Quốc, người huyện Hưng Quốc, tỉnh Giang Tây; làm nghề nông, hay uống rượu. Năm ông ngoài sáu mươi tuổi, con trai chết sớm, ông phải lãnh nuôi vợ góa, con cô, cực nhọc cày cấy để kiếm sống. Ông chán nản thế gian phiền khổ sâu xa, nghĩ mong xuất ly, nghe cư sĩ Lại Thiên Dung giảng pháp môn Tịnh Độ liền trường trai niệm Phật, chuyên chí vãng sanh. Lâu sau, niệm càng ngày càng thuần thực, tuy suốt ngày phải làm lụng mà niệm Phật chẳng gián đoạn. Người làng đều dùng câu A Di Đà Phật để gọi ông, ông cũng ứng tiếng đáp: “A Di Đà Phật!”

Lúc ngoài bảy mươi tuổi, chợt có bệnh thũng nhẹ nơi chân, ông liền sai cháu hướng về Tây bày biện hương án, nói:

- Cảnh giới Tây Phương thật đẹp. Cháu coi kia! Có biết bao nhiêu là hoa sen! Hôm nay ông sắp về Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Cháu hỏi:

- Chân ông bị thũng làm sao đi được?

Nói:

- Chẳng phải là thân đi mà là tâm đi!

Lúc đang thắp hương, ông ngồi xếp bằng, hướng mặt về Tây, niệm Phật qua đời.

(theo Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, bản in lần thứ ba)

Nhận định:

Người tu Tịnh Nghiệp chẳng phân biệt là nam, nữ, quý, tiện, hễ tin tưởng sâu xa thì được vào, thật sự tích lũy công lao thì được vãng sanh. Hai vị trên tuy làm lưng bận rộn, chưa hề thọ Tam Quy, Ngũ Giới, nhưng lúc làm lưng niệm Phật không gián đoạn nên công niệm Phật đều đạt đến mức thuần thực, đến thời là vãng sanh. Những ai bảo mình quá bận rộn, chẳng rảnh rỗi để niệm Phật thì xin hãy lấy đó làm gương!

56. Sám hối niệm Phật

Ông Ngô Quỳnh đời Tống là vị Tăng hoàn tục, làm nghề đầu bếp, buôn rượu, bán thịt. Mỗi khi ông giết những gà, vịt v.v... đều nói: “Con đáng A Di Đà Phật, khéo thoát thân này nghe!”, rồi niệm tiếp mấy câu Phật hiệu. Lúc xẻ thịt cũng niệm Phật không ngắt.

Ông thường dạy người tụng kinh niệm Phật. Mất ông chột nẩy cái u to như quả trứng gà; ông mới hoảng sợ, tách rời vợ con, cất một cái am tranh, ngày đêm niệm Phật, tu sám. Sau, ông bảo người trong thôn:

- Giờ Tuất ngày mai, Quỳnh tôi sẽ đi.

Chiều hôm sau, ông bảo các đạo hữu rằng:

- Đã đến lúc rồi, hãy gắng niệm Phật giúp nhau!

Viết bài kệ xong, ông chấp tay niệm Phật, chột lớn tiếng nói: “Phật đến rồi”, liền tọa hóa.

(theo Long Thư Tịnh Độ Văn)

Nhận định:

Hoàn tục phạm giới, lẽ đâu lại đáng nêu gương? Nhưng vì mắc bệnh, ông hoảng sợ, tách rời vợ con, niệm Phật tu sám nên lại được vãng sanh. Điều này đủ chứng minh lời nhận định trong sách Linh Phong Tông Luận:

“Tuy vì làm lầm nên trót làm hạnh ác nhưng mau chóng đoạn tâm tương tục, khởi lòng ân cần, thâm trọng sám hối thì nhờ sức sám hối cũng được vãng sanh!”

Những người vì làm lầm tạo ác hạnh xin hãy gấp bắt chước, đừng nên cam chịu đọa lạc!

57. Tu thiện niệm Phật

Ông Ngô Mao đời Thanh là đầy tớ nhà họ Ngô ở Thanh Dương. Trì trai niệm Phật, kiên tu các điều lành. Lúc quân Thanh vượt sông, cả nhà họ Ngô chạy trốn hết, mình ông Mao ở lại giữ nhà, bị quân Thanh đâm bảy nhát thương chết đi. Lúc đã yên, chủ trở về, ông Mai tỉnh lại bảo:

- Do túc nghiệp, lẽ ra tôi phải làm thân heo bảy đời, nhờ trì trai niệm Phật nên bảy nhát thương đó tiêu tan oan khiên, niệm Phật đến tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương!

Nói xong, chấp tay niệm Phật qua đời.

(theo Quả Báo Văn Kiến Lục)

Nhận định:

Niệm Phật tu thiện nhưng bị chết thảm; nếu như không sống lại để tự trình bày thì làm sao biết được ông đã chuyển báo nặng trong thân sau thành báo nhẹ hiện đời, được Phật tiếp dẫn vãng sanh? Phàm những ai làm lành niệm Phật mà gặp nghịch cảnh hãy nên tỉnh ngộ, mừng rỡ và càng thêm tinh tấn!

58. Tỳ, thiếp đồng tu

Đời Tống, Việt Quốc phu nhân Vương thị là vợ của Hình Vương (chú của Tống Triết Tông). Bà hướng dẫn bọn tỳ, thiếp đồng tu Tịnh Độ ngày đêm không gián đoạn.

Chỉ có một nàng thiếp biếng nhác nên bị đuổi bèn hỏi hận, buồn bực, ra sức tinh tấn lâu ngày chẳng nhọc mỏi. Cô chợt bảo các nàng thiếp khác: “Đêm nay tôi sẽ sanh Tây!”

Trong đêm, mùi hương lạ ngập tràn cả nhà, không bình gì mà mất. Sáng ra, có người thiếp khác báo với phu nhân:

- Đêm qua, tôi nằm mộng thấy cô thiếp ấy bảo tạ ơn phu nhân, nhờ được phu nhân quở dạy nên được sanh về Tây Phương, cảm đức vô lượng!

Phu nhân nói:

- Nếu khiến ta cũng mộng thấy thì ta mới tin!

Đêm đó, bà mộng thấy cô thiếp đã chết đến tạ giống hết như trên; hỏi có đến được Tây Phương chăng, cô thiếp bảo được! Cô liền đi trước dẫn đường, thấy một cái ao lớn: hoa sen trắng, hồng, lớn, nhỏ xen lẫn, có hoa tươi tốt, có hoa gãy nát. Hỏi lý do, cô bảo:

- Người tu Tây Phương trong đời vừa mới khởi một niệm thì trong ao này liền nảy một cành hoa. Do siêng năng, lười nhác khác nhau nên hoa tươi tốt hay khô héo sai khác. Tinh tấn thì hoa tươi, thậm chí to như bánh xe; lười nhác, phể bỏ thì tàn héo, thậm chí biến mất. Nếu hành lâu ngày mà chẳng ngơi nghỉ, niệm thuần thực, quán tưởng thành tựu, thân xác dù tiêu, nhưng thần thức tồn tại thì quyết sẽ sanh về nơi đây.

Bà hỏi mình sẽ sanh về chôn nào; cô dẫn đi xa mấy dặm nữa, thấy một hoa đài: vàng, ngọc chiếu sáng rực rỡ. Cô thiếp bảo:

- Đây là chỗ sanh của phu nhân, chính là kim đài thượng phẩm thượng sanh vậy!

Liên tỉnh mộng, vui buồn lẫn lộn. Về sau, trong ngày sinh nhật, bà cầm đuốc thắp hương, đứng nhìn về hướng Quán Âm Các. Quyển thuộc tiến đến chúc thọ đã thấy bà hóa rồi!

(theo Lạc Bang Văn Loại)

Nhận định:

Vừa khởi một niệm niệm Phật thì đã trông cảnh sen nơi Tây Phương, cảm ứng nhanh chóng như thế đó. Đối với danh lợi, người ta thường ưa cầu không lúc nào ngơi, còn đối với một niệm niệm Phật đây lắm người chẳng chịu phát. Dù có phát cũng lười nhác, tiếc chẳng có thiện tri thức tùy thời răn trách ngõ hầu hồi hận, bị phần mà tinh tấn vậy!

59. Trì trai niệm Phật

Đời Tống, bà Quảng Bình quận phu nhân Bằng Pháp Tín, lúc nhỏ ốm bệnh, đến lúc gả cho Trần Đào Quân Thừa Tuyên Sứ Trần Tư Cung, bệnh càng nặng thêm. Bà hướng về Từ Thọ Thâm Thiên Sư cầu cách trừ hết bệnh; sư dạy trì trai niệm Phật, bà liền tin nhận, vâng làm; dứt sạch huyết nhục, không dùng đồ trang sức, mặc áo chàm vá để chuyên tu Tịnh Nghiệp. Bà tự tụng kinh, đi kinh hành; đứng, ngồi, động, tịnh cho đến trong từng sát na, bất cứ mây may điều thiện nào đều đem hồi hướng về Tây Phương.

Ít lâu sau bệnh đỡ dần, bà trông nom việc nhà như cũ, nhưng cũng chẳng quên niệm Phật. Suốt mười năm như thế, không lười nhác, không kiêu căng, tâm yên, thân mạnh, tinh thần càng mạnh mẽ. Bà chợt viết kệ:

*Tùy duyên lãnh nghiệp mấy năm trường
Uống kiếp trâu cày thật xót thương
Quét sạch thân tâm, mau thoát khỏi
Không ai xô mũi kéo lên đường*

Ai đọc đến ngạc nhiên, bà bảo: “Hễ đi là về Tây, chứ có chi là lạ!” Bà liền nằm bệnh; một tối, bảo kẻ hầu:

- Thần thức ta vừa đến Tịnh Độ, đích thân lễ bái đấng Từ Tôn, đức Quán Âm đứng bên tả, ngài Thế Chí đứng bên hữu, trăm ngàn vạn ức Phật tử thanh tịnh cúi đầu mừng ta đã sanh về cõi ấy. Những cung điện, ao nước, rừng cây, quang minh đẹp đẽ thần diệu giống hệt như đã tả trong Thập Lục Quán Kinh không khác chút nào. Có đến mới biết, chẳng cách nào diễn tả cho các người biết được nổi!

Kẻ hầu mời ông Tư Cung đến, thuật lại như vậy xong, bèn cùng chấp tay niệm Phật. Đến sáng hôm sau, bà nằm nghiêng bên phải mà qua đời. Ba ngày sau khâm liệm, người nhà chọt ngửi thấy mùi hương tuyệt diệu. Đến lúc trà tỳ, mở nắp quan ra coi, vẻ mặt vẫn như còn sống, thọ ba mươi sáu tuổi.

(theo Lạc Bang Văn Loại)

Nhận định:

Chúng ta suốt ngày tạo nghiệp nên bị lưu chuyển theo nghiệp, chẳng thể tự chủ. Nguyên mau trì trai niệm Phật, sớm cầu giải thoát, tránh khỏi bị người xỏ mũi lôi đi.

60. Miễn cưỡng niệm Phật

Cư sĩ Dur Tông Thị đời Thanh, người Từ Châu; con là Hòa Thượng Chiêu Minh trụ trì chùa Cao Mân ở Dương Châu, lập thất đón đến ở. Bà nhớ nhà quá, bèn bảo Hòa Thượng là phải về ngay lo việc nhà. Sư giảng cho bà nghe pháp Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã; khuyên mẹ nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Mẹ chẳng tỉnh ngộ, sư liền tránh mặt, chẳng gặp; van nài cũng chẳng đến. Không biết làm sao, bà đành miễn cưỡng trì danh, cho là khôn khổ lắm.

Ở chùa ba năm, niệm hơi thuần thực, bà bắt đầu sanh lòng tin sâu xa, thọ Bồ Tát giới, sáng tối lễ Phật rất cung kính. Hòa Thượng đến gặp, hỏi còn nhớ nhà không? Bà nói: “Niệm Phật vui lắm, không nhớ nhà nữa!”

Một ngày nọ, bà ngồi ở sân trước, hướng mặt về tháp niệm Phật, chợt thấy ánh sáng chói lòa, thấy thế giới sắc vàng rờn rục rờ không bờ bên: Tường, vách, cây cối đột nhiên biến đâu mất hết. Mừng quá, bà nhóm ngay dậy tiến đến thì chẳng thấy gì nữa. Từ đó, lục căn rỗng rang, động, tịnh, đứng, ngồi chẳng sanh niệm nào khác. Lâu sau, mộng thấy đến một nhà kia, có một người đàn bà đang ngồi trên nệm, kinh ngọc bảo:

- Sao mình lại đến đây? Ta chỉ cầu sanh Tây Phương. Nhập thai, xuất thai thật đáng sợ hãi quá!

Bà chạy mau ra khỏi nơi đó, sợ đến nổi tỉnh dậy. Sáng ra, bảo với Hòa Thượng:

- Sanh duyên của tôi đến nay đã tận; xin vì tôi nhóm Tăng niệm Phật, đưa tôi về Tây!

Bà liền ngồi hướng mặt về Tây, qua đời.
(theo Thiện Nữ Nhân Truyện)

Nhận định:

Chúng ta niệm Phật sanh tâm lơ là thì phải miễn cưỡng mà hành: Người đã niệm được một thì sẽ niệm đến mười, niệm được trăm thì gắng niệm đến ngàn. Lâu dần thuần thực, thành công cũng như nhau. Lúc lâm chung, mộng thấy người đàn bà ngồi trên đệm; nếu lục căn chẳng rỗng rang, sanh kinh sợ bỏ chạy gấp, sẽ vào trong thai người khác bèn đọa luân hồi, cầu sanh về Tây lần nữa làm sao nổi? Nguy hiểm thay!

61. Năm, ngồi đều hướng về Tây

Cư sĩ Châu Dương Huệ Khanh thời Dân Quốc, quy y Hòa Thượng Hư Vân, được đặt pháp danh là Khoan Huệ, tự Phật Trí, là phu nhân của cư sĩ Bang Đạo Chu Khánh Quang, thứ trưởng đặc trách bộ Khảo Tuyền. Nhờ dịp may, theo chồng đi nhậm chức ở Nam Kinh, ngụ tại Lan Viên. Có một vị lão tăng từ núi Cửu Hoa đến bảo:

- Bà tu trì nhiều đời. Sau năm bốn mươi tuổi, ắt sẽ học Phật thành công.

Sau bà nghe kinh Địa Tạng, ngắm bức tranh thờ của Đại Sĩ, mới biết đích xác vị lão tăng ấy chính là hóa thân của Địa Tạng Bồ Tát. Năm bốn mươi, bà sống tại Kiềm Đông, Đồng Giang, quả nhiên phát tâm học Phật, chẳng tìm được thầy. Bà mộng thấy hai vị Tăng to lớn đồng ý giới thiệu giúp.

Ít lâu sau, nơi hội Quán Âm ở miếu Đông Nhạc, chợt nghe có tiếng trên không nói: “Quy y Tam Bảo”; bà liền thấy vị vân du tăng tên là Khoan Ngoạn, bà xin được quy y. Sư dạy bà trì thánh hiệu Quán Thế Âm và chú Đại Bi. Trong mộng, bà lại thấy vị lão tăng núi Cửu Hoa dạy tụng kinh A Di Đà. Từ ngày ấy trở đi, bà lấy đó làm thường khóa, tụng chú vào nước, nước phát quang. Cho chó dữ uống, nó trở thành thuần lương; đem trị bệnh cho người liền lành, cứu sống vô số người. Lòng từ ái thấu đến những con vật khiến cho con yêng bà đã thả đi lại về làm tổ dưới mái nhà, loài kiến đở nghe kinh, mèo chuột sống hòa thuận với nhau. Lòng tin của bà cảm động cả dị loại: bà thường mộng thấy cô gái đẹp dẫn bà lễ Phật, nghe kinh, hoặc chỉ dạy cách tu trì, hoặc dẫn qua chơi cảnh Cực Lạc, hoặc chỉ dạy phương hướng tránh tai nạn v.v... rất linh nghiệm. Vì thế, bà thường coi giấc mộng là niềm vui.

Sau khi đã đến Đài Loan, bà theo lão cư sĩ Lý Bình Nam chuyên tu Tịnh nghiệp. Mùa Thu năm Dân Quốc bốn mươi ba (1954), bà thọ Bồ Tát giới, nghiêm trì giới luật, sáng chiều phải tụng niệm thường khóa xong mới ăn

uống hay ngủ nghỉ. Năm, ngòi đều hướng về Tây, thường thấy quang minh, thấy Phật càng cao, càng sáng, cảnh giới rất nhiều, nhưng đều giấu kín chẳng nói ra. Mùa Thu năm Dân Quốc 51 (1962), phát nguyện tụng kinh Địa Tạng để cầu thọ cho mẹ, nhiều lần thấy hoa đèn hiện xá lợi. Mùa Đông năm ấy bà bị ung thư gan, niệm Phật càng thêm khẩn thiết.

Ngày 20 tháng Ba năm Dân Quốc 52 (1963), bệnh tình nguy ngập, bà di chúc in kinh, vẽ tượng, thờ Phật, cúng dường, không nói chuyện gì khác, thâm niệm hồng danh theo đại chúng rồi qua đời. Nơi án đường phóng quang nhiều lần.

Lúc tấn liệt, thân vẫn an tường, mềm mại. Tối hôm sau, khi làm xong lời ước hẹn với bà, người cùng thọ Bồ Tát giới là Trịnh Khương họ Chơn mộng thấy bà về báo: “Đã sanh Cực Lạc, được thân cận Di Đà, Quán Âm”. Trà tỳ thu được hơn ba trăm viên xá lợi, thọ sáu mươi ba tuổi. Lúc làm tuần 21 ngày, bà hiện tướng trên không mặc áo hải thanh¹⁸, đứng trên sen hồng cho đại chúng cùng được thấy. Năm người con trai, hai người con gái của bà đều học hành xuất sắc, thành đạt.

(theo Châu Dương Huệ Khanh Cư Sĩ Kỷ Niệm Lục)

Nhận định:

Chồng vinh, con quý là phước báo do tu trì từ bao nhiêu kiếp. Nhưng phú quý học đạo rất khó, bà may mắn được đức Địa Tạng hóa thân thọ ký, trong mộng dạy kinh, mộng thấy vị Tăng to lớn giới thiệu cho được thọ Tam Quy. Mộng thấy mỹ nữ chỉ dạy cách tu trì và dẫn đi thăm Cực Lạc v.v... là thiện căn phước đức nhân duyên rất sâu.

¹⁸ Áo hải thanh: là loại áo tràng màu đen rộng tay, bốn tà, màu đen hoặc xanh thẫm, cài xéo; ta thường gọi là “hậu”, còn ca-sa gọi là “y”.

Thường thấy quang minh lẫn thân Phật, xá lợi thường giáng hiện, các thứ thắng cảnh là do giới hạnh tinh tấn cảm thành.

Nước Đại Bi trị lành được các bệnh, nhưng trọn chẳng tự cứu nổi mình có phải là muốn chịu khổ thay cho chúng sanh, hành Bồ Tát Đạo đầy chẳng? Có phải là do túc nghiệp nhiều đời, một đời này báo tận nên tạm chịu nổi khổ nhỏ để vĩnh hưởng Cực Lạc đầy chẳng?

Xem trong di chúc, chẳng bàn đến chuyện gì khác là chẳng tham luyến. Niệm Phật theo đại chúng là chánh niệm phân minh. Xả báo an tường là làm chủ được trong cơn bệnh khổ. Lại còn các điều lành: phóng quang, báo mộng, lưu xá lợi, hiện tướng v.v... thì đã chứng Thượng Phẩm Thượng Sanh chẳng còn nghi ngờ gì nữa!

62. Con cháu trợ niệm

Cư sĩ Lưu Lý Cúc thời Dân Quốc là người ở thành phố Đài Trung. Từ bé đã thông minh, dĩnh ngộ, khéo hiểu ý người khác. Đến lớn, kết hôn với ông Lưu A Vượng, thờ cha mẹ chồng rất hiếu thuận, hòa mục đối với xóm giềng, sanh được năm trai, sáu gái. Bà giúp chồng dạy con, tánh tình ôn nhu, hiền thực, tâm địa thiện lương, tùy duyên giúp đỡ người nghèo, ai nấy đều kính trọng.

Năm Dân Quốc 68 (1979), chồng mất, bà thường sầu muộn vì nỗi khổ “ái biệt ly” (yêu thương mà phải xa lìa); may có cháu gái là cư sĩ Lưu Mạnh Chơn do nghe lão sư Lý Bình Nam khai thị pháp môn Tịnh Độ, liền khuyên bà niệm Phật. Bà liền vui vẻ tin nhận, quy y Tam Bảo, sáng tối niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Lại còn tùy duyên cúng dường Tam Bảo, bố thí, phóng sanh. Sau đó, bà lại phát nguyện ăn chay trường, mỗi ngày công khóa niệm Phật chẳng gián đoạn. Tịnh nghiệp tinh tấn đến nỗi trong mộng cũng thường niệm Phật.

Hai năm trước khi bà được vãng sanh, bà chiếu theo lời khai thị Lâm Chung Tam Đại Yếu (ba điều trọng yếu lúc lâm chung) của Tổ Sư Ấn Quang:

“1. Khéo léo khai thị, an ủi khiến sanh chánh tín.

2. Cả nhà luân phiên niệm Phật để trợ giúp tịnh niệm.

3. Cần thận tránh xao động, khóc lóc khiến cho người chết bị lỡ làng”.

Để dặn dò toàn thể dâu, con; lại còn ghi âm làm chứng để mong con cháu trước và sau lúc bà vãng sanh sẽ khéo tuân hành theo, ngõ hầu lúc lâm chung chẳng bị chướng ngại, quyết được vãng sanh Tây Phương. Tuy tuổi đã ngoại bát tuần, thân thể bà vẫn khang kiện.

Đến giữa trưa ngày hai mươi hai tháng Chạp năm Dân Quốc 78 (1989), bà tắm gội thay áo, tụng niệm thời khóa tối xong, bà hơi hôn mê, chẳng nói năng gì nữa. Con cháu hơn năm mươi người liên tuân theo di chúc, luân phiên niệm Phật. Liên hữu nghe tin cũng đến trợ niệm. Sau khi niệm Phật được hơn mười hai giờ một chút, bà chợt tỉnh táo, tay lần xâu chuỗi, tự nhìn tượng Phật, miệng lầm rầm niệm Phật. Giữa tiếng trợ niệm của toàn thể con cháu và các liên hữu, bà liên tục niệm Phật chẳng gián đoạn. Đến trưa ngày hai mươi tám, bà chánh niệm phân minh, an tường mỉm cười vãng sanh; thọ tám mươi ba tuổi.

Lúc ấy, mùi hương lạ tràn ngập cả nhà, ai ngửi thấy đều khen ngợi. Mọi người tiếp tục trợ niệm. Đến ngày hôm sau, lúc tắm rửa, thay áo, thân bà vẫn mềm mại, tướng mạo hết như lúc còn sống. Lúc nhập liệm lại ngửi thấy mùi hương lạ tràn ngập cả nhà, hồi lâu chẳng tan. Con cháu cảm động, liên suốt ngày đêm niệm Phật đủ bảy ngày. Lúc trà tỳ, thu được rất nhiều xá lợi.

(theo Cận Đại Vãng Sanh Truyện)

Nhận định:

Đại Sư Liên Trì nói: *“Làm con đối với cha mẹ hầu hạ, phụng dưỡng cho được an ổn là hiếu; lập thân hành đạo để rạng rỡ mẹ cha là đại hiếu. Nhưng khuyên cha mẹ dùng pháp môn Niệm Phật để vãng sanh Tịnh Độ là đại hiếu nhất trong những sự đại hiếu!”*

Vị nữ cư sĩ này tuy trước đã sẵn đủ thiện căn, nhưng lúc tuổi già khổ sở vì chồng chết, được cháu gái khuyên niệm Phật liền tín nguyện tận lực hành trì, nhưng lâm chung bị hôn mê, phải nhờ đến con cháu chia phiên trợ niệm mới tỉnh lại để niệm Phật, mỉm cười vãng sanh. Mùi hương lạ tràn ngập cả nhà, tướng lành hiển nhiên. Nguyện những kẻ làm con cháu trong thế gian thấy điều lành hãy gắng làm theo mới đúng là đại hiếu nhất trong những người đại hiếu!

63. Trăm sự chẳng quản

Bà lão Bách Bất Quản đời Thanh không rõ họ tên, người Hàng Châu; từng đến hỏi Hòa Thượng Đạo Nguyên ở Hiếu Từ Am rằng:

- Tu pháp môn gì thì trong một đời quyết sẽ thoát khỏi biển khổ?

Hòa Thượng dạy:

- Không gì bằng niệm Phật! Nhưng niệm Phật chẳng khó, niệm cho lâu bền mới khó. Niệm lâu bền chẳng khó, nhất tâm mới khó. Nếu có thể chẳng quản đến hết thấy, chuyên tâm trì danh, chí thành phát nguyện vãng sanh thì lâm chung Phật đến tiếp dẫn, sẽ thoát ly khổ hải!

Bà vui mừng lễ tạ, liền đem việc nhà giao hết cho con dâu, tự lập tịnh thất để thờ Phật hầu tu trì trong ấy. Một năm sau, lại đến hỏi:

- Từ khi được khai thị, đệ tử đã buông bỏ việc nhà, chuyên gắng niệm Phật, tự vẫn thấy mình tu hành đã lâu

chẳng lười nhác, nhưng khổ nỗi vẫn chưa được nhất tâm, thầy có cách nào dạy cho con!

Hòa Thượng bảo:

- Bà tuy bỏ hết việc nhà, nhưng chưa thể thôi nghĩ tưởng đến con cháu, quyến thuộc. Đây là ái căn chưa nhỏ, làm sao nhất tâm được? Nay bà nên gia công, trước hết phải nhỏ sạch ái căn, đem hết thầy buông xuống thì sau đây mới đắc Nhất Tâm.

Bà than:

- Lời thầy thật đúng, con tuy chẳng quản đến thân, nhưng chưa thể chẳng quan tâm đến cái tâm, từ nay phải thật sự trăm việc chẳng quan tâm đến vậy!

Bà liền càn gia công tinh tấn, ái tâm vừa động liền thâm niệm ba chữ “bách bất quản” để tự khu trừ. Nếu ai hỏi đến việc nhà cũng dùng ba chữ ấy để cự tuyệt. Do vậy, thành tên Bách Bất Quản trong vòng gia thuộc. Hơn một năm sau, bà đến am, tạ:

- Thầy chẳng lừa dối con. Đệ tử có ngày đi về Tây rồi! Vài hôm sau, không bệnh mà mất. (theo Nhiễm Hương Tập)

Nhận định:

Cư sĩ Hồ Liên Quy bình rằng: “*Bách Bất Quản là hỗn danh. Nói rộng ra, từ trăm đến ngàn, ngàn đến vạn đều chẳng quản đến. Nói gọn lại, một điều còn chẳng quản, huống hồ là trăm? Làm được như vậy thì trần duyên thân sau đoạn được, tịnh nghiệp thành được. Than ôi! Thế nhân làm sao đều trăm sự chẳng quản như thế được ư?*”

Pháp này tối diệu. Ai không đạt được Nhất Tâm xin hãy bắt chước cách này mà tận lực hành trì.

64. Phổ nguyện sanh Tây

Bà Châu Ưông thị¹⁹ người Hoa Đình; chồng là Châu Văn Vinh, nhà nghèo, phải đi làm ăn xa, chết nơi đất khách ở tỉnh Hồ Bắc, lâu ngày không đưa tin về; bà phải thuê thùa, may vá tự kiếm sống. Bà trường trai niệm Phật, nuôi con khôn lớn; sai tìm hài cốt cha đưa về quê an táng, cả họ khen là có hiếu. Tuổi già, bà niệm Phật càng thêm cung kính, chơn thành, nguyện cha mẹ mình, bố mẹ chồng và chồng đều được sanh về Cực Lạc.

Sau bà mắc bệnh, đóng cửa niệm Phật, chẳng hỏi đến việc nhà. Lâm chung, bảo con rằng:

- Đêm qua, ta mộng thấy ông bà nội, ông bà ngoại và cha con đều ở trong Liên Hoa thế giới, đằng trước có mây ngũ sắc hiện, nâng một đóa sen to như cái thuyền, ta liền ngồi lên đó vãng sanh.

Nói xong qua đời, cả nhà có mùi thơm như hoa lan.
(theo Nhiễm Hương Tập)

Nhận định:

Chồng chết tu Tịnh nghiệp, nguyện chồng cùng cha mẹ mình, bố mẹ chồng cùng sanh Cực Lạc, đều được mãn nguyện. Trong đời có kẻ tuổi xuân góa chồng, nhưng chỉ uổng lưu truyền cái hư danh tiết liệt, để lỡ mất cái lợi ích thật sự được đồng quy Cực Lạc. Xin hãy bắt chước gương này!

65. Chuyên cầu thoát khổ

Thời Dân Quốc, một người phụ nữ nghèo ở huyện Từ Khê tỉnh Triết Giang, không biết họ, nhà nghèo, con ngõ

¹⁹ Châu Ưông thị: Bà này họ Ưông, lấy chồng họ Châu. Tàu hay gọi tên đàn bà theo họ chồng, không nêu rõ tên; chỉ gọi họ. Cũng như bà Dư Tông Thị trong phần Miễn Cường Niệm Phật ở trên: chồng họ Dư, bà họ Tông.

ngịch. Một ngày nọ bị con mắng nhiếc, tâm đau đớn, khó nhẫn, đến than thở với vị Tăng ở gần nhà. Vị Tăng bảo:

- Bà đã biết khổ; sao chẳng đem cái khổ ấy bán đi?

Hỏi:

- Làm sao bán được đây?

Tăng bảo:

- Bà chuyên niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tây Phương. Lâm chung Phật đến tiếp dẫn đi thì vĩnh viễn thoát khỏi các nỗi khổ, chỉ hưởng các sự vui. Đây là bán khổ đi đó!

Bà nói:

- Mẹ con tôi sống chung một phòng. Giường và bếp kê chung một chỗ. Dưới gầm giường có chuồng heo. Bản thủ như vậy làm sao niệm Phật được?

Tăng bảo:

- Không hề chi, bà sống tại gia thì chỉ cốt sao thường niệm, lúc rảnh có thể đến chùa lễ Phật.

Bà liền phụng hành đúng như lời dạy, chuyên cầu thoát khổ, niệm Phật không gián đoạn. Ba năm sau, trước lúc sắp lâm chung vài tháng, bà nói trước với con:

- Ngày tháng đó ta sẽ sanh Tây Phương. Người đừng có đi ra ngoài, vì ta lo liệu hậu sự để trọn đạo làm con.

Người con chẳng tin; ít lâu sau, bà nhắc lại cũng chẳng tin. Vài ngày trước khi mất, chợt người thấy mùi hương lạ, tìm khắp nơi chẳng biết từ đâu ra, mới tin lời mẹ là thật. Đến kỳ, cả nhà trông chừng, thấy mẹ tắm gội, thay áo, ngồi ngay ngắn niệm Phật qua đời.

(theo Tịnh Độ Thánh Hiền Lục)

Nhận định:

Dùng cái tâm sợ khổ để niệm Phật là pháp mầu nhiệm bậc nhất để thoát khổ. Nếu chẳng phải là nhà nghèo, con

ngỗ nghịch, tâm đau buồn khó chịu đựng nổi thì làm sao cam tâm chuyên cầu thoát khổ niệm Phật sanh Tây? Thuận, nghịch đều là phương tiện; nghịch cảnh còn thù thắng hơn thuận!

66. Thật thà niệm Phật

* Đạo sĩ Vương Si Đầu đời Thanh, người tỉnh Trực Lệ, tánh cực ngu. Cha mẹ mất, đói ăn, nằm mọp trong căn lều nát, không biết tính cách nào. Có ai cho tiền cũng chẳng biết dè xén. Trần đạo nhân bèn thâu gã làm đồ đệ, sai ngày ngày quét tước, hái củi; khóa chiều thì niệm Phật vài trăm câu, lễ bái, thắp hương làm lệ thường.

Vương tụng Phật hiệu chẳng thành câu, mỗi lúc hôn trầm sắp ngủ gục, ông Trần dùng gậy dài đập, quở:

- Mày đã ngu muội như vậy lại còn chẳng biết tinh tấn hay sao?

Suốt ba năm như thế. Một ngày kia, Vương ha hả cười lớn. Ông Trần lại đánh, Vương nói: “Hôm nay thầy đánh con không được đâu!” Thầy cật vấn lý do, Vương nói:

- Thầy ngồi như cây khô suốt mười tám năm, chẳng biết tu pháp. Nếu thầy có thể lễ niệm, thật thà như con thì đã sớm được sanh về Tây Phương thấy Phật rồi!

Ông Trần ngạc nhiên, nhưng không quan tâm đến lời ấy. Ngày hôm sau, Vương trèo lên Tiêu Nhai, đứng hướng về Tây, chấp tay qua đời. Trà-tỳ thu được hai viên xá lợi.

(theo Nhiễm Hương Tập)

* Thời Dân Quốc, bà A Ấu chẳng rõ họ tên, người huyện Đài Trung tỉnh Đài Loan, chỉ sanh được một đứa con gái, bắt con rể ở rể. Do một chữ chẳng biết nên chỉ thật thà niệm Phật. Phật thất mùa Xuân, mùa Thu ở chùa Linh Sơn, bà đều kiên thành tham gia. Bà thấy nam, nữ

đồng tu đều mặc áo hải thanh, trang nghiêm chỉnh tề, liền lấy vàng để dành giao cho con rề đem bán, mong may được áo hải thanh tham gia Phật thất. Con rề chịu bỏ tiền ra may, khuyên bà đừng bán vàng. Đến sáng sớm ngày thứ nhất của Phật thất, bà tắm gội, thay áo, mặc áo hải thanh mới. Trong lúc đang thắp hương, đốt đèn, liên hữu là A Tam Muội đến rủ đi dự Phật thất. Bà Âu nói:

- Cô đi trước đi, tôi lễ Phật tại nhà trước đã!

Bà mới hoan hỷ lại ba lạy xong, chợt thấy thánh tượng của Tam Tôn xoay tròn, hương cũng xoay theo, càng nghĩ càng thấy kỳ, càng nhìn càng thấy chuyên. Bà liền đi kêu mấy liên hữu ở gần đến xem. Ai cũng bảo là chẳng thấy chuyên động. Chẳng nghe bà ừ hử gì, lúc quay đầu ngó lại, thấy bà đứng thẳng, chấp tay, mỉm cười quy Tây rồi, thọ sáu mươi tám tuổi. Họ liền trợ niệm cho bà, lại dặn cả nhà đồng thanh niệm Phật.

(theo Niệm Phật Cảm Ứng Kiến Văn Ký)

Nhận định:

Phật dùng thuyền từ phỏ độ, khiến kẻ ngu phu, ngu phụ chỉ biết già dặn chắc thật niệm Phật. Một đạo sĩ si ngốc, một bà lão ngu ngơ trên đây tuy chưa từng thọ Tam Quy, Ngũ Giới nhưng do già dặn, chắc thật niệm Phật nên đứng chấp tay mà hóa, ắt họ đều thấy Phật đến tiếp dẫn, vãng sanh Cực Lạc. Xin những kẻ tự cậy mình thông minh, chẳng chịu niệm Phật hãy biết chỗ quy hướng vậy!

Niệm Phật Pháp Yếu **Quyển thứ hai hết**

(Phật Lịch 2546, Bửu Quang tự đệ tử Như Hòa kính dịch
xong ngày 06 tháng 01 năm 2003)

Phụ Lục: Bí Quyết Niệm Phật của Ấn Quang đại sư

Tâm tánh của ta giống hệt chư Phật, chỉ do mê trái, luân hồi chẳng ngơi!

Như Lai từ mẫn, tùy cơ thuyết pháp, khiến khắp hàm thức biết đường về nhà.

Pháp môn tuy nhiều, cốt yếu chỉ hai là Thiền và Tịnh; liễu thoát dễ nhất.

Thiền chỉ tự lực, Tịnh kiêm Phật lực. So sánh hai pháp, Tịnh khéo cơ nhất.

Như người vượt biển phải nhờ thuyền bè chóng đến bờ kia, thân tâm坦然 nhiên.

Chúng sanh đời mạt, chỉ pháp này hành nổi. Nếu không, trái nghịch căn cơ, nhọc nhằn nhưng khó thành.

Phát đại Bồ Đề, sanh chơn tín nguyện, suốt đời kiên trì, chỉ nghĩ đến Phật.

Niệm cực, tình mất, niệm mà vô niệm. Diệu nghĩa Thiền, Giáo triệt để hiển hiện.

Đến lúc lâm chung, được Phật tiếp dẫn. Lên ngay thượng phẩm, chứng vô sanh nhẫn.

Có một bí quyết, khẩn thiết bảo ban, cạn lòng thành kính, diệ, diệ, diệ, diệ!

**NIỆM PHẬT
PHÁP YẾU
QUYỂN THỨ BA**

**NIỆM PHẬT
DẪN CHỨNG**

Niệm Phật Pháp Yếu

Quyển thứ ba

Niệm Phật Dẫn Chứng

Tịnh nghiệp đệ tử Dịch Viên Mao Lăng Vân cung kính kết tập

Pháp môn Trì Danh phổ nhiếp thượng căn, trung căn, hạ căn. Các tông Luật, Giáo, Thiên cao siêu, hết thầy pháp Thiên, Viên, Đốn, Tiệm không một pháp nào là chẳng lưu xuất từ pháp giới này. Hết thầy các hạnh Đại, Tiểu, Quyền, Thật, không một hạnh nào chẳng quy hoàn pháp giới đây. Vì thế, cả chín giới đều quy hồi, mười phương cùng xưng tán, ngàn kinh cùng xiển dương, vạn luận cùng tuyên thuyết. Phàm trái nghịch với ý kinh thì chính là báng pháp, chẳng được vãng sanh.

Kẻ hậu học căn cơ chậm chạp khó lòng tìm cầu tham cứu nên ở đây tôi trích dẫn những nghĩa lý tinh hoa, giản yếu liên quan đến pháp Trì Danh trong các kinh, luận để họ tùy thời ấn chứng, hòng tránh được lỗi tu mù luyện đi.

1. Trích dẫn kinh Phật Thuyết A Di Đà

* Từ đây [đi về] phương Tây trái qua mười vạn ức cõi Phật, có một thế giới tên là Cực Lạc. Cõi ấy có Phật hiệu là A Di Đà, nay hiện đang thuyết pháp. Chúng sanh cõi ấy chẳng có các nỗi khổ, chỉ hưởng những điều vui nên [cõi ấy] tên là Cực Lạc.

* Chẳng thể dùng chút ít thiện căn phước đức nhân duyên để được sanh về cõi ấy. Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe nói đến A Di Đà Phật, [bèn] chấp trì danh hiệu trong một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc

bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày, nhất tâm bất loạn thì lúc người ấy lâm chung, A Di Đà Phật cùng các thánh chúng hiện ra trước mặt. Người ấy lúc mất, tâm chẳng điên đảo liền được vãng sanh cõi nước Cực Lạc của Phật A Di Đà... Nếu có chúng sanh nghe lời nói ấy, hãy nên phát nguyện sanh về cõi kia.

* Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe kinh này mà thọ trì và nghe danh hiệu chư Phật thì đều được hết thảy chư Phật hộ niệm, đều được chẳng thối chuyển A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Các ông đều phải nên tin lời ta và lời chư Phật đã nói.

Nhận định:

Kinh này khai thị diệu hạnh Trì Danh nên cả Thiên Tông lẫn Tịnh Tông đều dùng cho khóa tụng sớm tối. Sách Tịnh Độ Thập Yếu viết:

“Pháp diệu yếu trong Phật pháp không chi bằng Tịnh Độ. Pháp diệu yếu trong Tịnh Độ không chi hơn được Trì Danh. [Tác phẩm] diệu yếu nói về pháp Trì Danh không gì bằng được kinh A Di Đà và sách Yếu Giải của ngài Linh Phong”.

Sách Yếu Giải nhận định: *“Tín nguyện chấp trì danh hiệu một tiếng ắt đã đầy đủ thiện căn, phước đức. Chẳng luận là xuất gia hay tại gia, sang, hèn, già, trẻ, sáu đường, bốn loài chỉ nghe được danh hiệu Phật thì đã là thiện căn nhiều kiếp thành thực. Ngũ nghịch, thập ác cũng đều gọi là thiện nam nữ vậy.*

A Di Đà Phật là vạn đức hồng danh, dùng danh để chiêu cảm đức thì không đức nào là chẳng gồm thấu trọn vẹn hết. Vì thế, lấy Trì Danh làm Chánh Hạnh, chẳng cần phải lạm dùng các hạnh Quán Tưởng, Tham Cứu v.v... thật là giản dị nhất, thẳng tắt nhất. Nghe rồi tin, tin rồi

nguyện mới chịu chấp trì. Chấp trì thì trong mỗi niệm nhớ đến danh hiệu Phật, nhưng lại có Sự Trì và Lý Trì.

Sự Trì là tin có đức A Di Đà Phật ở Tây Phương, dấu chưa thấu đạt nỗi tâm này là Phật nhưng vì quyết chí nguyện cầu sanh cho nên lúc nào cũng như con nhớ mẹ, không lúc nào tạm quên.

Lý Trì là tin đức Tây Phương A Di Đà Phật tâm ta sẵn có, là do tâm ta tạo, dùng ngay cái hồng danh tâm ta sẵn có, do tâm ta tạo thành ấy để làm cảnh ràng buộc cái tâm chẳng cho tạm quên.

Bất luận là Sự Trì hay Lý Trì, trì cho đến tiêu sạch phiền não, thậm chí đoạn trước được Kiến Hoặc và Tư Hoặc thì đều là Sự Nhất Tâm. Chẳng bị Kiến Hoặc và Tư Hoặc nhiễu loạn nên cảm được thân Biến Hóa của Phật và các thánh chúng hiện ra trước mặt. Trong tâm chẳng còn khởi lên ba cõi điên đảo trong thế giới Sa Bà nên vắng sanh trong hai cõi Đông Cự và Phương Tiện của thế giới Cực Lạc.

Bất luận là Sự Trì hay Lý Trì, trì cho đến khi tâm khai ngộ thấy được đức Phật trong bản tánh thì đều là Lý Nhất Tâm. Chẳng bị Nhị Biên làm loạn nên cảm được thân Thọ Dụng của Phật và các thánh chúng hiện ra trước mặt, tâm chẳng còn khởi lên sanh tử, Niết Bàn, nhị kiến điên đảo nên vắng sanh trong hai cõi Thật Báo và Tịch Quang của thế giới Cực Lạc”.

Đoạn văn trên đủ để chứng minh rằng tín nguyện vắng sanh nhất định sanh về Cực Lạc!

2. Lược dẫn Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh

* Trong kiếp lâu xa về đời quá khứ, Định Quang Như Lai xuất thế, lần lượt đến đức Phật thứ năm mươi ba tên là Thế Tự Tại Vương. Lúc bấy giờ có quốc vương nghe Phật thuyết pháp, tấm lòng vui sướng bèn bỏ nước xuất gia,

hiệu là tỳ kheo Pháp Tạng. Phật vì ông ta giảng rộng hai trăm mười ức cõi Phật: trời, người thiện ác; quốc độ thô diệu. Nghe xong, ông đều thấy rõ nên phát đại thệ nguyện:

- Nếu tôi thành Phật, mười phương chúng sanh chí tâm tin ưa muốn sanh về cõi tôi, dầu chỉ mười niệm mà nếu chẳng được sanh thì tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác; chỉ trừ kẻ ngu nghịch, phỉ báng Chánh Pháp.

Nếu tôi thành Phật, mười phương chúng sanh phát Bồ Đề tâm, tu các công đức, chí tâm phát nguyện muốn sanh về cõi tôi. Lúc người ấy hết tuổi thọ, nếu như tôi chẳng cùng đại chúng vây quanh hiện ra trước người ấy thì tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác.

Nếu tôi thành Phật, mười phương chúng sanh nghe danh hiệu tôi, hệ niệm cõi tôi, trồng các cội lành, chí tâm hồi hướng muốn sanh về cõi tôi mà chẳng được toại nguyện thì tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác...

Phát ra bốn mươi tám nguyện như thế xong, một dạ chuyên chí trang nghiêm cõi Phật, an lập chúng sanh, trụ trong đạo Vô Thượng Chánh Chơn. Nay ngài đã thành Phật, hiện đang ở thế giới Cực Lạc bên Tây Phương, hiệu là Vô Lượng Thọ Phật.

Nghe đến danh hiệu ngài, tín tâm hoan hỷ, thậm chí một niệm chí tâm hồi hướng nguyện sanh về cõi ấy thì liền được vãng sanh, trụ Bất Thối Chuyển.

* Chư thiên, nhân dân trong mười phương thế giới, những ai chí tâm nguyện sanh về cõi ấy thì nói chung là có ba bậc:

a. Bạc thượng là hạng bỏ nhà, buông dục để làm Sa Môn, phát Bồ Đề tâm, một lòng chuyên niệm Vô Lượng Thọ Phật, tu các công đức nguyện sanh về cõi ấy. Hạng chúng sanh này lúc tuổi thọ sắp hết, Vô Lượng Thọ Phật và các đại chúng hiện ra trước mặt, liền theo đức Phật

sinh về cõi ngài, tự nhiên hóa sanh trong hoa bảy báu, trụ Bất Thối Chuyển, trí huệ dũng mãnh, thần thông tự tại.

b. Bậc trung là hạng tuy chẳng thể làm Sa Môn, nhưng tu các công đức lớn lao, phải phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, một dạ chuyên niệm Vô Lượng Thọ Phật, tu thiện ít nhiều, phụng trì trai giới, dựng tháp tạo tượng, đãi cơm Sa Môn, treo phan, thắp đèn, rải hoa, đốt hương. Đem những điều ấy hồi hướng nguyện sanh về cõi ấy thì người ấy lúc lâm chung, Vô Lượng Thọ Phật hóa hiện thân mình, quang minh tướng hảo đầy đủ như đức Phật thật, cùng các đại chúng hiện ra trước người ấy. Người ấy liền theo hóa Phật sanh về cõi kia, trụ Bất Thối Chuyển; công đức trí huệ kém hơn bậc thượng.

c. Bậc hạ là hạng giả sử chẳng thể làm các công đức, nhưng nên phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, một bề chuyên niệm, thậm chí thập niệm, niệm Vô Lượng Thọ Phật nguyện sanh về cõi kia. Nếu nghe pháp sâu xa sẽ hoan hỷ tin ưa, chẳng sanh ngờ vực; thậm chí một niệm niệm đức Phật ấy, dùng tâm chí thành nguyện sanh cõi kia. Người ấy lâm chung, mộng thấy đức Phật cũng được vãng sanh, công đức trí huệ kém hơn bậc trung.

* Trong đời tương lai, kinh đạo diệt hết. Do lòng từ mẫn, ta riêng lưu lại kinh này tồn tại trăm năm. Nếu có chúng sanh gặp được kinh này, tùy theo sở nguyện đều được độ thoát.

Nhận định:

Kinh này rộng giảng về hạnh nguyện của Phật A Di Đà khi ngài còn đang tu nhân, y báo, chánh báo trang nghiêm và ba bậc vãng sanh đều lấy việc chuyên niệm làm Chánh Hạnh. Cuối kinh, Phật dạy trong tương lai khi kinh diệt hết, chỉ còn mình kinh này tồn tại trăm năm.

Kinh Đại Tập chép: “*Qua khỏi thời gian đó, kinh Vô Lượng Thọ cũng mất, Phật Pháp hoàn toàn biến mất. Chỉ trừ bốn chữ A Di Đà Phật rộng độ quần sanh*”. Há chẳng phải là pháp môn Trì Danh hạ thủ rất dễ mà lại nhiếp khắp các căn cơ, nhập đạo ổn thỏa mà hiệu quả mau chóng hay chẳng? Đủ chứng tỏ rằng càng về sau, pháp này càng khế hợp căn cơ vậy!

3. Trích dẫn Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh

* Muốn sanh sang cõi ấy nên tu ba phước:

1. Một là hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp.

2. Hai là thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi.

3. Ba là phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến khích hành giả.

Ba sự như vậy gọi là Tịnh nghiệp, là chánh nhân Tịnh nghiệp của tam thế chư Phật.

* Chư Phật Như Lai là Pháp Giới Thân vào trong tâm tướng của hết thầy chúng sanh. Vì thế, lúc tâm các ông tưởng Phật thì tâm ấy chính là ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo. Tâm này là Phật, tâm này làm Phật. Biến Chánh Biến Tri của chư Phật sanh từ tâm tướng.

* Thượng Phẩm Thượng Sanh là nếu có chúng sanh nguyện sanh về cõi ấy, phát ba thứ tâm thì liền được vãng sanh: Một là chí thành tâm, hai là thâm tâm, ba là hồi hướng phát nguyện tâm. Đủ cả ba tâm ấy ắt sanh về nước ấy.

Lại có ba hạng chúng sanh sẽ được vãng sanh:

- Một là từ tâm bất sát, đầy đủ các giới hạnh.

- Hai là đọc tụng kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng.
- Ba là tu hành lục niệm, hồi hướng phát nguyện, nguyện sanh về cõi ấy.

Đầy đủ các công đức này từ một ngày cho đến bảy ngày sẽ được vãng sanh. Lúc sanh trong cõi ấy, do người này dũng mãnh, tinh tấn nên A Di Đà Như Lai và Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, vô số Hóa Phật, trăm ngàn tỷ kheo, Thanh Văn đại chúng, vô lượng chư thiên, cung điện bảy báu [đều hiện đến]. Quán Thế Âm Bồ Tát cầm đài kim cang cùng với Đại Thế Chí Bồ Tát đến trước hành giả. A Di Đà Phật phóng đại quang minh chiếu thân hành giả; các vị Bồ Tát đưa tay nghênh tiếp, tán thán hành giả, khích lệ tâm người ấy. Hành giả thấy xong, hoan hỷ, hớn hờ, thấy thân mình nương đài kim cang theo sau đức Phật. Như trong khoảng khảy ngón tay, sanh về cõi kia.

Sanh cõi kia rồi, thấy đầy đủ các tướng nơi sắc thân Phật, thấy đầy đủ sắc tướng của các Bồ Tát, quang minh, rùng rợn diệu thuyết diệu pháp. Nghe xong liền ngộ Vô Sanh Pháp Nhẫn; trong vòng khoảnh khắc, đến phụng sự các đức Phật, đi khắp các cõi trong mười phương. Ở trước chư Phật, lần lượt được thọ ký. Trở về cõi mình đắc vô lượng trăm ngàn đà ra ni môn. Đấy gọi là Thượng Phẩm Thượng Sanh.

* Thượng Phẩm Trung Sanh thì bắt tất phải thọ trì, đọc tụng kinh điển Phương Đẳng, khéo hiểu nghĩa lý. Đối với Đệ Nhất Nghĩa, tâm chẳng kinh động. Tin sâu nhân quả, chẳng bán Đại Thừa. Dùng công đức ấy hồi hướng nguyện cầu sanh về cõi Cực Lạc. Thực hành hạnh ấy thì lúc lâm chung, A Di Đà Phật và Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, vô lượng đại chúng, quyền thuộc vây quanh, cầm đài tử kim đến trước hành giả, khen ngợi:

- Pháp tử! Ông hành Đại Thừa, hiểu Đệ Nhất Nghĩa. Vì vậy, ta nay đến đón ông.

Và một ngàn hóa Phật đồng thời đưa tay ra. Hành giả tự thấy ngòi trên đài tử kim, chấp tay khen ngợi chư Phật. Như trong khoảng một niệm, liền sanh trong ao thất bảo nơi cõi ấy. Đài tử kim ấy như đóa hoa báu lớn, qua một đêm mới nở. Thân hành giả biến thành màu giống vàng ròng đã được giới mài, dưới chân cũng có hoa sen bảy báu. Phật và Bồ Tát đồng thời phóng quang chiếu thân hành giả; mắt [hành giả] liền được mở sáng.

Do đã quen tu tập từ trước, hành giả sẽ nghe tất cả các thứ tiếng thuần nói Đệ Nhất Nghĩa Đế rất sâu; liền bước xuống kim đài lễ Phật, chấp tay, tán thán Thế Tôn. Qua bảy ngày sau sẽ liền đắc bất thối chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miểu Tam Bồ Đề. Ngay khi đó, sẽ có thể bay đi qua khắp mười phương thờ khắp chư Phật. Ở chỗ chư Phật tu các tam muội. Qua một tiểu kiếp sẽ đắc Vô Sanh Nhẫn, hiện tiền thọ ký. Đây gọi là Thượng Phẩm Trung Sanh.

* Thượng Phẩm Hạ Sanh là hạng cũng tin nhân quả, chẳng báng Đại Thừa, chỉ phát Vô Thượng Đạo Tâm. Dùng công đức ấy hồi hướng nguyện cầu sanh về cõi Cực Lạc. Lúc hành giả lâm chung, A Di Đà Phật và Quán Thế Âm, Đại Thế Chí cùng các Bồ Tát cầm hoa sen vàng, hóa hiện năm trăm vị Phật đến đón người ấy. Năm trăm vị Hóa Phật đồng thời xòe tay, khen rằng:

- Pháp tử! Ông nay phát Vô Thượng Đạo Tâm thanh tịnh, ta đến đón ông.

Hành giả liền thấy mình ngòi trên hoa sen vàng. Ngòi xong, chấp tay, theo sau Thế Tôn, liền được vãng sanh trong ao thất bảo. Qua một ngày một đêm hoa sen mới nở. Trong vòng bảy ngày mới được thấy Phật. Tuy thấy thân Phật nhưng đối với các tướng hảo, tâm chẳng nhận biết rõ. Hai mươi một ngày sau, mới thấy rành rẽ. Hành giả nghe các âm thanh đều diễn diệu pháp. Đi qua khắp mười phương cúng dường chư Phật. Ở trước chư Phật nghe

pháp rất sâu. Qua ba tiểu kiếp, chúng đắc bách pháp minh môn, trụ Hoan Hỷ Địa. Đây gọi là Thượng Phẩm Hạ Sanh.

Đó gọi là phép Quán Tưởng bậc thượng vãng sanh, là pháp quán thứ mười bốn.

* Trung Phẩm Thượng Sanh là nếu có chúng sanh thọ trì Ngũ Giới, trì Bát Trai Giới, tu hành các giới, chẳng tạo Ngũ Nghịch, không có các lầm lỗi. Dùng thiện căn ấy hồi hướng nguyện cầu sanh trong thế giới Cực Lạc thì lúc lâm chung, A Di Đà Phật và các tỳ kheo quyến thuộc vây quanh, phóng kim sắc quang chiếu đến chỗ người ấy, diễn thuyết Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã, khen ngợi hạnh xuất gia được lìa các khổ.

Hành giả thấy thế tâm hoan hỷ lớn, tự thấy thân mình ngồi trên đài hoa sen, quý dài, chấp tay làm lễ đức Phật. Lúc chưa ngẩng đầu lên đã được vãng sanh thế giới Cực Lạc. Hoa sen sẽ dần nở. Lúc hoa sen nở, sẽ nghe các âm thanh khen ngợi Tứ Đế. Ngay khi đó, hành giả liền đắc đạo A La Hán, tam minh, lục thông, đầy đủ tám giải thoát. Đây gọi là Trung Phẩm Thượng Sanh.

* Trung Phẩm Trung Sanh là nếu có chúng sanh trong vòng một ngày một đêm trì Bát Trai Giới, hoặc một ngày một đêm trì giới Sa Di, hoặc một ngày một đêm trì Cụ Túc Giới, chẳng khuyết oai nghi. Dùng công đức ấy hồi hướng nguyện cầu sanh về cõi Cực Lạc, giới hương huân tu. Tu hành như thế thì lúc lâm chung thấy A Di Đà Phật và các quyến thuộc phóng kim sắc quang, cầm hoa sen bảy báu đến trước hành giả. Hành giả tự nghe trên không trung có tiếng khen ngợi:

- Thiện nam tử! Người lành như ông tùy thuận lời dạy của tam thế chư Phật nên ta đến đón ông.

Hành giả thấy mình ngồi trên hoa sen, hoa sen liền khép lại, sanh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới trong ao báu. Qua bảy ngày sau, hoa sen mới nở. Hoa đã nở rồi, mở mắt, chấp tay, khen ngợi Thế Tôn. Hành giả nghe pháp hoan hỷ, đắc Tu Đà Hoàn. Sau nửa kiếp mới thành A La Hán. Đây gọi là Trung Phẩm Trung Sanh.

* Trung Phẩm Hạ Sanh là nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân hiếu dưỡng phụ mẫu, tu hạnh nhân từ theo thế gian. Người ấy khi sắp mạng chung gặp thiện tri thức vì mình rộng giảng những sự thuộc về cõi Phật A Di Đà và cũng nói đến bốn mươi tám nguyện của tỳ kheo Pháp Tạng. Nghe sự ấy xong, người ấy liền mạng chung. Ví như trong khoảng thời gian tráng sĩ co duỗi cánh tay, liền sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Qua bảy ngày sau mới gặp Quán Thế Âm và Đại Thế Chí, nghe pháp hoan hỷ, đắc Tu Đà Hoàn. Qua một tiểu kiếp mới thành A La Hán. Đây gọi là Trung Phẩm Hạ Sanh,

Đây gọi là phép quán bậc Trung vãng sanh, là phép quán thứ mười lăm.

* Hạ Phẩm Thượng Sanh là nếu như có chúng sanh làm các nghiệp ác, tuy chẳng phỉ báng kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng, nhưng gây nhiều pháp ác chẳng hề thẹn hổ. Lúc mạng sắp dứt, gặp thiện tri thức giảng cho tựa đề, danh tự của mười hai thể loại kinh Đại Thừa. Do nghe tên các kinh như thế, trừ được ác nghiệp rất nặng trong ngàn kiếp. Người trí lại dạy chấp tay, xưng “Nam Mô A Di Đà Phật”. Do xưng danh hiệu Phật nên trừ được tội trong năm mươi ức kiếp sanh tử. Lúc bấy giờ, đức Phật kia liền sai Hóa Phật, Hóa Quán Thế Âm và Hóa Đại Thế Chí đến trước hành giả, khen rằng:

- Thiện nam tử! Do ông xưng danh hiệu Phật nên các tội tiêu diệt, ta đến đón ông.

Nói lời ấy xong, hành giả liền thấy quang minh của Hóa Phật ngập tràn nhà mình. Thấy xong, hoan hỷ liền xả mạng, cưỡi hoa sen báu theo sau Hóa Phật, sanh trong ao báu. Qua bốn mươi chín ngày, hoa sen mới nở. Trong lúc hoa nở, Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí Bồ Tát phóng đại quang minh, đứng trước người ấy giảng cho mười hai bộ kinh rất sâu. Nghe xong, người ấy tin hiểu phát Vô Thượng Đạo Tâm. Qua mười tiểu kiếp mới đầy đủ bách pháp minh môn, được nhập Sơ Địa. Đây gọi là Hạ Phẩm Thượng Sanh.

* Hạ Phẩm Trung Sanh là nếu có chúng sanh hủy phạm Ngũ Giới, Bát Giới và Cụ Túc Giới. Kẻ ngu như thế lấy trộm của Tăng Kỳ và vật của hiện tiền Tăng, bất tịnh thuyết pháp chẳng hề thẹn hổ; dùng các nghiệp để tự trang nghiêm. Kẻ tội như thế do ác nghiệp đáng đọa địa ngục; lúc sắp chết các thứ lửa địa ngục đồng thời hiện ra, gặp thiện tri thức do lòng đại bi giảng vì kẻ ấy khen nói thập lực oai đức của Phật A Di Đà, rộng khen ngợi quang minh, thần lực của đức Phật ấy và cũng khen ngợi Giới, Định, Huệ, Giải Thoát, Giải Thoát Tri Kiến.

Người ấy nghe xong, trừ được tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử; lửa dữ địa ngục trở thành gió trong mát, thổi các hoa trời. Trên mỗi hoa đều có Hóa Phật và Hóa Bồ Tát đón tiếp người ấy. Như trong khoảng một niệm, liền được sanh về trong hoa sen nơi ao bảy báu. Qua sáu kiếp, hoa sen mới nở. Quán Thế Âm, Đại Thế Chí dùng tiếng Phạm Âm an ủi kẻ đó, giảng cho kinh điển Đại Thừa rất sâu. Nghe pháp ấy xong, ngay khi đó liền phát Vô Thượng Đạo Tâm. Đây gọi là Hạ Phẩm Trung Sanh.

* Hạ Phẩm Hạ Sanh là nếu có chúng sanh làm điều chẳng lành, ngũ nghịch, thập ác, đủ những việc bất thiện. Người ngu như thế do ác nghiệp nên đáng đọa ác đạo trải

qua nhiều kiếp, thọ khổ vô cùng. Người ngu như thế lúc lâm chung, gặp thiện tri thức an ủi đủ cách, giảng cho diệu pháp, dạy hãy niệm Phật. Người ấy bị các nỗi khổ bức bách, chẳng yên tâm niệm Phật. Thiện hữu bảo rằng:

- Nếu người chẳng thể niệm Phật thì hãy nên xưng Vô Lượng Thọ Phật!

Chí tâm như thế khiến cho tiếng niệm chẳng dứt, đầy đủ mười niệm xưng Nam Mô A Di Đà Phật. Do vì xưng danh nên trong mỗi niệm, trừ được tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử. Lúc mạng chung, thấy hoa sen vàng như vàng mặt trời dưng trước người ấy. Như trong khoảng một niệm, liền được vãng sanh thế giới Cực Lạc. Ở trong hoa sen tròn mười hai đại kiếp thì hoa sen mới nở. Quán Thế Âm, Đại Thế Chí dùng âm thanh đại bi vì người ấy giảng rộng Thật Tướng của các pháp, trừ diệt tội pháp. Nghe xong hoan hỷ, ngay lập tức phát Vô Thượng Đạo Tâm. Đây gọi là Hạ Phẩm Hạ Sanh.

Đây là phép quán bậc hạ vãng sanh, là phép quán thứ mười sáu.

Nhận định:

Kinh này trước hết giảng rõ ba phước là chánh nhân của Tịnh nghiệp, phát ba tâm liền được vãng sanh; cuối kinh giảng rõ về nhân quả của chín phẩm vãng sanh là để người nghiệp chướng nặng nề lấy Xưng Danh làm Chánh Hạnh. Do vì Xưng Danh trừ được tội trong nhiều kiếp nên liền được vãng sanh. Sách Long Thư Tịnh Độ Văn nhận định:

“Chí thành tâm là chí thành quy hướng, không hề cầu thả.

Kiên cố tâm là kiên cố tu hành tinh tấn, chẳng thoái chuyển.

Thâm tâm là dụng tâm sâu xa, thấu đạt tận cùng Tịnh Độ như mò đáy biển tìm ngọc.

Tam thế chư Phật và pháp giới chúng sanh đều do tâm tạo. Tâm ta như thế thì lẽ nào chẳng đạt được Thượng Phẩm Thượng Sanh?”

Tổ Linh Phong dạy: “*Quán Kinh chuyên dạy cách quán tưởng, nhưng tâm lực kẻ phàm phu chẳng thể lãnh hội nổi phép quán thù thắng. Vì thế, trong phép quán thứ mười sáu, kinh đại khai pháp môn Xưng Danh thì biết rằng: căn cơ con người tuy độn nhưng danh tự của Vô Lượng Thọ chưa bao giờ chẳng phải là ‘tâm này làm Phật, tâm này là Phật’. Bởi vậy cứ xưng danh chẳng nhọc lòng quán tưởng”.*

Tâm làm Phật tức là tâm tưởng niệm. Ấn Quang Đại Sư dạy: “*Phép quán chín phẩm chẳng qua chỉ là để cho người ta biết nhân quả vãng sanh đó thôi. Chỉ cần hiểu rõ là được, bất tất phải tu quán! Xin hãy nhất tâm trì danh cho đến khi tâm quy về một mối thì tịnh cảnh tự khắc sẽ hiện tiền!”*

Về việc kinh chẳng nói xưng danh đủ mười lượt mà chỉ nói là mười niệm, cư sĩ Dương Nhân Sơn giảng: “*Lúc xưng danh nhất tâm chuyên tinh, không có niệm nào khác xen tạp, gián đoạn, chỉ có ý niệm xưng danh. Mười niệm tiếp nối liền được vãng sanh”.*

Điều này đủ chứng tỏ rằng chúng sanh đời mạt đa số nghiệp sâu chướng nặng, phải nên phát ra ba tâm, già dặn, chắc thật xưng danh và tùy duyên kiên tu một hoặc hai thứ phước, hoặc tu đủ cả ba phước hồi hướng Tịnh Độ để mong phẩm vị được cao hơn.

4. Trích dẫn kinh Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm, chương Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông

Con nhớ trong hàng hà sa kiếp xưa có đức Phật tên là Siêu Nhật Nguyệt Quang dạy con Niệm Phật Tam Muội.

Ví như có người, một người chuyên nhớ, một người chuyên quên. Hai người như thế dù là gặp gỡ cũng như chẳng gặp, hoặc là thấy nhau cũng như là chẳng thấy. Hai người nhớ nhau thì hai người càng nhớ nghĩ sâu xa. Cứ như thế từ đời này sang đến đời khác giống như hình bóng chẳng hề xa rời nhau.

Mười phương Như Lai thương nhớ chúng sanh như mẹ nhớ con. Nếu con bỏ tròn, mẹ dẫu nhớ vẫn chẳng làm gì được! Nếu con nhớ mẹ như mẹ nhớ con; mẹ con đời đời chẳng hề xa nhau. Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật thì trong hiện tại hoặc trong tương lai, nhất định thấy Phật, cách Phật chẳng xa, chẳng nhọc phương tiện tự được tâm khai...

Lúc con tu nhân, dùng tâm niệm Phật nhập Vô Sanh Nhân. Nay trong cõi này, nhiếp người niệm Phật quy về Tịnh Độ. Phật hỏi pháp Viên Thông, con chẳng chọn lựa. Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc tam-ma-địa; ấy là bậc nhất.

Nhận định:

Kinh này dạy về pháp Niệm Phật Viên Thông: nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối; xoay về một mối, chẳng còn bị sáu thức sai sử nữa. Ấn Quang đại sư cho rằng đây là:

“Phương pháp dụng công niệm Phật tuyệt diệu nhất. Nhiếp trọn sáu căn tức là: Tâm niệm Phật chuyên chú vào danh hiệu Phật chính là thấu nhiếp ý căn. Miệng niệm Phật sao cho rành rẽ, rõ ràng chính là thấu nhiếp thiệt căn. Tai nghe sao cho rành mạch, rõ ràng chính là thấu nhiếp nhĩ căn. Ba căn này đã gom về câu Phật hiệu thì mắt quyết chẳng thể nhìn loạn xạ. Lúc niệm Phật mắt nên

cụp xuống, tức là ánh mắt nhìn xuống, đừng mở to mắt. Mắt đã nhiếp thì mũi quyết chẳng thể ngửi xàng, tức là ty căn cũng bị nhiếp. Thân phải cung kính tức là thân căn cũng bị nhiếp.

Sáu căn đã nhiếp thì chẳng tán loạn nên tâm cũng không có vọng niệm. Đây mới là tịnh niệm. Nếu nhiếp được cả sáu căn mà niệm thì gọi là 'tịnh niệm tiếp nối'. Nếu thường có thể giữ được tịnh niệm tiếp nối như thế thì Nhất Tâm Bất Loạn và Niệm Phật Tam Muội đều sẽ có thể dần dần đạt được.

Tam Ma Địa là tên gọi khác của Tam Muội, Hán dịch là Chánh Định, cũng dịch là Chánh Thọ. Chánh Định nghĩa là tâm an trụ trong Phật hiệu, chẳng còn ruổi chạy theo bên ngoài. Chánh Thọ nghĩa là chỗ mình nhận lấy chỉ duy nhất là cảnh duyên công đức của Phật hiệu, không còn hết thấy các cảnh duyên nào khác!”

Điều này đủ chứng tỏ: Do ức niệm Phật hiệu, nhất định sẽ thấy Phật, tâm tự được khai ngộ.

5. Trích dẫn kinh A Di Đà Cổ Âm Thanh Vương Đà Ra Ni

Tây Phương An Lạc thế giới hiện đang có Phật hiệu A Di Đà. Nếu có tứ chúng có thể chơn chánh thọ trì danh hiệu Phật ấy, tấm lòng kiên cố, nhớ nghĩ chẳng quên, trong vòng mười ngày mười đêm trừ bỏ tán loạn, siêng năng tinh chuyên tu tập Niệm Phật Tam Muội. Nếu có thể giữ tâm sao cho niệm niệm chẳng dứt thì trong vòng mười ngày nhất định được thấy đức Phật A Di Đà ấy và thấy các đức Như Lai trong mười phương thế giới và chỗ ở của các ngài. Chỉ trừ hạng chướng nặng, độn căn, trong khoảng thời gian ngắn chưa thể thấy được [thì cứ đem] hết thấy các thiện đều hồi hướng nguyện được vãng sanh thế giới An Lạc. Đến ngày lâm chung, A Di Đà Phật và

các đại chúng hiện trước người ấy an ủi, khen ngợi, người ấy liền được vãng sanh.

Nhận định:

Theo kinh này trì danh mười ngày chẳng ngớt thì có thể thấy được Phật. Nếu là người chướng nặng, độn căn tuy nay chưa được thấy Phật, nhưng cứ hồi hướng nguyện sanh thì lúc lâm chung ắt sẽ được thấy, liền được vãng sanh. Điều này chứng tỏ trong ba thứ tư lương Tín - Nguyện - Hạnh, phải dùng Nguyện để dẫn đường.

6. Trích dẫn kinh Xung Dương Chư Phật Công Đức

Nếu có ai được nghe tên của Vô Lượng Thọ Như Lai mà nhất tâm tin ưa, trì tụng, phúng niệm, khởi lên vô lượng hoan hỷ rộng xa, an lập ý mình khiến cho lòng tin chắc chắn, chân thật mười vạn ức phần, niệm đức Như Lai ấy thì kẻ đó sẽ được vô lượng phước, sẽ vĩnh viễn xa lìa nạn tam đồ. Sau khi mạng chung đều sẽ vãng sanh về cõi đức Phật ấy. Lúc sắp lâm chung, nhất tâm tin ưa, niệm chẳng quên bỏ thì A Di Đà Phật dẫn các tỳ kheo Tăng đứng trước mặt, Ma trợn chẳng thể hủy hoại tâm chánh giác của những người ấy.

Nếu ai vào lúc tối hậu, nghe nói đến danh hiệu của A Di Đà Như Lai, khen ngợi rồi tin tưởng chẳng hồ nghi, dùng tâm tương kính, dốc lòng niệm ngài như nghĩ đến mẹ, tất cả những người ấy sẽ được thỏa mãn các nguyện nơi cõi đức Phật ấy. Còn kẻ nào chẳng tin tưởng, khen ngợi, xung dương công đức của danh hiệu Phật A Di Đà lại còn báng hủy thì trong năm kiếp phải đọa địa ngục, chịu đủ các khổ.

Nhận định:

Theo kinh này, ai được nghe danh hiệu Phật tin ưa trì niệm đều sẽ được sanh trong cõi Phật ấy. Dù nghe danh ngài vào lúc tối hậu, nhưng chỉ cần tín niệm thiết tha thì cũng được vãng sanh. Đã chẳng tin mà còn hủy báng thì sẽ bị đọa địa ngục. Điều này chứng tỏ: Trong pháp môn Trì Danh, Tín là điều trọng yếu!

7. Trích dẫn kinh Phật Thuyết Quán Đảnh Tùy Nguyện Vãng Sanh Thập Phương Tịnh Độ Phổ Quảng Sở Vấn

Phổ Quảng Bồ Tát bạch Phật rằng:

- Cõi nước Phật tịnh diệu trong mười phương có sai biệt hay chẳng? Vì lẽ nào đức Thế Tôn khen ngợi cõi Phật A Di Đà rằng: “Những người nguyện vãng sanh thuận theo điều nguyện trong tâm họ, chỉ trong một niệm liền tới ngay đó?”

Phật dạy:

- Thế giới Ta Bà con người nhiều tham trược. Người tin tưởng theo thì ít, kẻ tu tập tà vạy thì nhiều; chẳng tin chánh pháp, chẳng thể chuyên nhất, tâm loạn vô chí. [Các cõi Phật] thật sự không sai biệt, nhưng để cho các chúng sanh có nơi chuyên tâm nên ta khen ngợi cõi nước kia mà thôi! Những kẻ vãng sanh ắt tùy theo ý nguyện mỗi người, không ai chẳng đắc quả!

Nhận định:

Kinh này minh thị: Chúng sanh căn độn, trược loạn nhiều nên Phật muốn cho họ chuyên tâm một cảnh, dễ được vãng sanh. Đủ chứng tỏ rằng: Điều trọng yếu hàng đầu của Tịnh nghiệp hành nhân là chuyên tu.

8. Trích dẫn kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm

* Thà chịu khổ địa ngục,
Mà được nghe tên Phật.
Chẳng hưởng vô lượng vui,
Mà chẳng nghe tên Phật.
Lấy Phật làm cảnh giới,
Chuyên niệm nhưng chẳng niệm.
Người ấy được thấy Phật,
Số nhiều như tâm lượng.

* Phổ Hiền Bồ Tát bảo các vị Bồ Tát và Thiện Tài rằng:

- Nay thiện nam tử! Nếu muốn thành tựu môn công đức này thì nên tu mười thứ nguyện hạnh rộng lớn: Một là lễ kính chư Phật, hai là khen ngợi Như Lai, ba là rộng tu cúng dường, bốn là sám hối nghiệp chướng, năm là tùy hỷ công đức, sáu là thỉnh chuyển pháp luân, bảy là khuyên Phật trụ thế, tám là thường học theo Phật, chín là luôn tùy thuận chúng sanh, mười là đều hồi hướng hết cả....

Nếu lại có người dùng tâm thâm tín, đối với các đại nguyện này thọ trì, đọc tụng cho đến biên chép một bài kệ bốn câu thì sớm có thể trừ diệt được nghiệp Ngũ Vô Gian. Lúc sắp mạng chung, trong sát na cuối cùng, hết thấy các căn thấy đều tan hoại, chỉ còn nguyện vương này chẳng hề bỏ lìa, trong hết thấy thời nó luôn dẫn đường đăng trước, trong khoảng sát na liền được vãng sanh thế giới Cực Lạc.

* Kệ rằng:

*Nguyện tôi lúc mạng sắp lâm chung,
Trừ sạch hết thấy các chướng ngại,
Diện kiến đức Phật A Di Đà*

*Liên được vãng sanh cõi An Lạc
Tôi đã vãng sanh cõi ấy rồi
Hiện tiền thành tựu đại nguyện này
Viên mãn hết thảy không còn sót,
Lợi lạc hết thảy chúng sanh giới,
Chúng hội của Phật đều thanh tịnh.
Khi ấy, tôi sanh trong sen đẹp
Tận mắt thấy Phật Vô Lượng Quang
Hiện tiền thọ ký Bồ Đề quả.*

Nhận định:

Theo kinh này, chỉ nghe được danh hiệu của Phật là đã gieo trồng cái nhân thù thắng, chuyên niệm chẳng ngơi, lại phát hạnh nguyện rộng lớn thì nhất định được vãng sanh gặp Phật. Điều này chúng tỏ danh hiệu Phật công đức chẳng thể nghĩ bàn, công đức của hạnh nguyện cũng chẳng thể nghĩ bàn. Bởi thế, trong kinh Vô Lượng Thọ, trước hết thuật hạnh nguyện Phổ Hiền để khuyến tấn hành giả. Xin hãy lấy Trì Danh làm Chánh Hạnh, dùng Tín Nguyện dẫn đường, nhất tâm chuyên niệm, chẳng xen tạp các nghiệp khác!

9. Trích dẫn kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà Ra Ni

Phật dạy:

- Quán Thế Âm Bồ Tát đây, hết thảy trời, người thường phải nên cúng dường, chuyên xưng danh hiệu thì được vô lượng phước, diệt vô lượng tội, mạng chung sanh về cõi A Di Đà Phật.

Nhận định:

Kinh này minh thị: Chuyên xưng thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát sẽ hưởng phước, diệt tội, mạng chung vãng sanh, đủ chứng tỏ công đức xưng danh ngài chẳng khác gì công đức niệm Phật. Xin hãy niệm kèm thêm danh hiệu ngài ngoài lúc niệm Phật. Nếu gặp phải hoạn nạn, hãy nên chuyên niệm Quán Âm vì đức Quán Âm bi tâm cực thiết, thay Phật rủ lòng từ cứu khổ, cảm ứng rất mau.

10. Trích dẫn kinh Văn Thù Sư Lợi Phát Nguyện

Nguyện tôi lúc mạng chung
Trừ diệt các chướng ngại
Diện kiến A Di Đà
Vãng sanh cõi An Lạc,
Sanh cõi Phật ấy xong
Thành mãn các đại nguyện
A Di Đà Như Lai,
Hiện tiền thọ ký tôi

Nhận định:

Kinh Bi Hoa nói Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát được Phật thọ ký: trong tương lai sẽ thành Phật ở thế giới Thanh Tịnh Vô Cấu Bửu Trí nơi phương Nam, hiệu là Phổ Hiện. Phổ Hiện Bồ Tát được Phật thọ ký trong tương lai sẽ thành Phật ở phương Bắc trong thế giới Trí Thủy Thiệu Trụ Tịnh Công Đức, hiệu là Trí Cang Hồng Tụ Tại Tướng Vương. Cả hai vị đều phát nguyện vãng sanh Cực Lạc thế giới đủ thấy tầm trọng yếu của việc phát nguyện. Bọn phàm phu chúng ta phải sớm học đòi phát nguyện theo, chẳng được coi thường!

11. Trích dẫn kinh Văn Thù Sở Thuyết Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật

Văn Thù Sư Lợi bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Hành như thế nào để mau đắc A Nậu Bồ Đề?”

Phật dạy: “[Hãy hành] Nhất Hạnh Tam Muội. Thiện nam tử, thiện nữ nhân tu tam muội này thì mau đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”.

Văn Thù Sư Lợi thưa: “Thế nào là Nhất Hạnh Tam Muội?”

Phật dạy: “Pháp giới nhất tướng, buộc duyên nơi pháp giới gọi là Nhất Hạnh Tam Muội. Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân muốn nhập Nhất Hạnh Tam Muội thì hãy ở chỗ vắng vẻ, bỏ các loạn ý, chẳng giữ lấy tướng mạo, buộc tâm nơi một đức Phật, chuyên xưng danh hiệu, tùy theo đức Phật đó ở chốn nào thì đoạn chánh thân thể hướng thẳng về đó. Nếu có thể trong mỗi niệm luôn nghĩ nhớ về một đức Phật thì ngay trong mỗi niệm thấy được chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai. Vì sao vậy? Công đức niệm một đức Phật vô lượng, vô biên, chẳng khác gì công đức niệm vô lượng chư Phật. Nếu đắc Nhất Hạnh Tam Muội thì đều hiểu rõ hết thấy pháp môn trong các kinh”.

Nhận định:

Kinh này minh thị: Nếu muốn mau được thành Vô Thượng Phật Quả thì phải nên tu Nhất Hạnh Tam Muội, chẳng chấp lấy tướng mạo, chuyên xưng Phật danh, chẳng cần phải quán tưởng hay tham cứu chi cả!

12. Trích dẫn kinh Phật Thuyết Quán Phổ Hiền Hạnh Pháp

Cách sám hối của hàng vương giả, đại thần, cư sĩ, tể quan, mọi người như sau:

Một là phải chánh tâm, chẳng báng Tam Bảo, chẳng chướng ngại người xuất gia, chẳng làm điều ác, gây khó dễ cho người phạm hạnh, phải hộ niệm tu pháp Lục Niệm.

Hai là hiếu dưỡng phụ mẫu, cung kính sư trưởng.

Ba là dùng chánh pháp trị quốc, chẳng tà uông nhân dân.

Bốn là trong sáu ngày trai, trong tất cả các chốn thuộc quyền cai quản của mình ra lệnh chẳng được sát sanh.

Năm là hãy nên tin sâu nhân quả, tin đạo Nhất Thật, biết Phật chẳng diệt.

Nếu có ai tu tập pháp sám hối này thì chư Phật sẽ hộ trợ, chẳng lâu sau sẽ thành A Nậu Bồ Đề.

Nhận định:

Những điều dạy ở đây chỉ đại đồng tiểu dị so với ba phước trong Quán Kinh, đủ tỏ rõ: vua, quan tu Tịnh nghiệp phải nên theo đúng như kinh này mà tu tập sám hối thì mới thành được tịnh nhân.

13. Trích dẫn Thiên Tông Bí Mật kinh

Lúc bấy giờ, Tịnh Pháp Bồ Tát lại bạch cùng đức Phật:

- Khi trước đức Như Lai thuyết pháp dạy các chúng sanh chỉ cần tịnh tâm mình, nếu ai tâm tịnh thì cõi Phật tịnh. Lại nói: “Hết thầy chúng sanh niệm danh hiệu A Di Đà Phật quyết định sanh Tịnh Độ”. Nếu như tâm tịnh cõi Phật sẽ tịnh thì tịnh tâm lập địa thành Phật, cần gì phải niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ? Nếu để tịnh cõi nước cần phải niệm Phật thì sao Như Lai lại bảo: “Hết thầy tâm tịnh thì cõi Phật tịnh?” Xin giảng về hai pháp môn này để

người học Thiên Na và chúng sanh niệm Phật không còn khởi lên nghi hoặc, gièm báng lẫn nhau, trở ngại nẻo tu hành.

Phật dạy:

- Nay thiện nam tử! Khi xưa, lúc Như Lai thuyết pháp từng đã nói hai thứ phương tiện như thế, nhưng chúng sanh kia chẳng hiểu ý nghĩa niệm Phật Như Lai đã nói, cũng chẳng thông đạt ý chỉ “tâm tịnh thời Phật độ tịnh” của Như Lai đã giảng, chỉ chấp trước văn tự, cho rằng: Niệm Phật chỉ là khẩu niệm, chẳng biết niệm bằng tâm niệm. Niệm niệm chẳng tập, niệm niệm chẳng đoạn, niệm niệm là Phật. Phật ở trong tâm ông, tâm ông làm Phật, ngay nơi sắc thân của chính mình thành tựu huệ thân. Tu Tịnh Độ cũng phải nên như thế.

Nay chúng sanh điên đảo, miệng tuy niệm Phật, tâm chẳng khế hợp với Phật, mình cùng Phật sai khác thì Tịnh Độ càng xa. Còn như Duy Tâm Tịnh Độ vốn là để dạy các chúng sanh tu tập Thiền Định nhất tâm bất loạn. Buông bỏ hết thấy lợi dục trần lao, phiền não vọng tưởng, một tác linh đài rộng rang, thông suốt, thâm thâm, lặng lặng, trạm tịch vô vật. Đó gọi là “tịnh tâm”. Do tâm thanh tịnh nên đạo tràng của đức Phật chơn thật sẵn có của ta chẳng nhiệm, chẳng ướ. Như nay chúng sanh tu tập Thiền Định, vọng tưởng Nhân, Ngã rồi bời trong tâm, hợm mình, khinh người, thích a dua, xu lợi, cậy mình thế cả, giàu to, thích kết giao người quyền quý. Cái niệm ban đầu của việc tọa thiền chẳng biết, chẳng hay, sa vào lưới tục, dù cho có những khổ hạnh từ trước cũng đều thành căn nguyên phú quý. Tâm đã chẳng tịnh, làm sao tịnh cõi Phật được? Vì thế, trước kia, Như Lai nói trang nghiêm cõi Phật tức là chẳng phải là trang nghiêm.

Nay thiện nam tử! Nếu kẻ nào tu tập Thiền Định mà thật sự có thể nhập Phật tri kiến, duy tâm Tịnh Độ thì Phật biết là người ấy quyết định thành Phật. Người niệm Phật

kia duy tâm niệm Phật quyết định sanh về Tịnh Độ. Còn nếu cả hai điều ấy đều chẳng đạt được thì đường Bồ Đề xa vời, tự mất công đức, chớ báng Như Lai!

Nhận định:

Dùng kinh này để chứng minh thì Thiên lẫn Tịnh đều thuộc Duy Tâm, đều là phương tiện nhập môn, nhưng niệm danh hiệu Phật thật là phương tiện tối thắng trong các phương tiện, so ra thật khế cơ. Xin hãy thâm nhập một môn, chẳng cần phải song tu, thật chẳng thể gièm báng lẫn nhau.

14. Trích dẫn kinh Tọa Thiền Tam Muội Pháp Môn

Bồ Tát tọa thiền chẳng niệm hết thầy, chỉ niệm một đức Phật liền được tam muội.

Nhận định:

Theo kinh này, Tọa Thiền chỉ niệm Phật, đủ chứng tỏ Thiền, Tịnh bất nhị. Điểm bất đồng chỉ là Thiền trọng minh tâm kiến tánh, Tịnh trọng Tín - Nguyện - Hạnh mà thôi.

15. Trích dẫn Vô Lượng Thọ Kinh Luận của Thiên Thân Bồ Tát

Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân tu Ngũ Niệm Môn, thực hành thành tựu thì rớt ráo được sanh về cõi nước An Dưỡng, gặp đức A Di Đà Phật.

1. Một là Lễ Bái Môn: Thân nghiệp lễ bái A Di Đà Như Lai để sanh về cõi ấy.

2. Hai là Tán Thán Môn: khẩu nghiệp khen ngợi, xưng danh hiệu đức Phật ấy như quang minh trí tướng của đức Phật ấy, như danh nghĩa của đức Phật ấy vì muốn được như thật tu hành tương ứng vậy.

3. Ba là Tác Nguyện Môn: Tâm thường phát nguyện, nhất tâm chuyên niệm, rôt ráo sanh về cõi nước An Lạc, vì muốn được như thật tu hành Xa Ma Tha vậy.

4. Bốn là Quán Sát Môn: Trí huệ quán sát, chánh niệm quán sát cõi ấy, vì muốn như thật tu hành Tỳ Bát Xá Na vậy. Quán Sát gồm có ba: Một là quán sát công đức trang nghiêm của cõi ấy, hai là quán sát công đức trang nghiêm của đức Phật A Di Đà, ba là quán sát công đức trang nghiêm của các vị Bồ Tát cõi ấy.

5. Năm là Hồi Hướng Môn: Chẳng bỏ hết thầy chúng sanh khổ não, tâm thường phát nguyện, lấy hồi hướng làm đầu vì được thành tựu tâm đại bi vậy.

Nhận định:

Bồ Tát tông²⁰ Vô Lượng Thọ Kinh bèn soạn Nguyện Sanh Kế Luận. Hễ ai thấy nghe điều nguyện vãng sanh nên còn có tên là Vãng Sanh Luận. Cùng với kinh A Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ và Quán Kinh, luận này hợp thành Tịnh Tông Tam Kinh Nhất Luận. Đại sư Đàm Loan chú giải như sau:

“Danh hiệu Vô Ngại Quang Như Lai ấy là tướng trí huệ, phá được vô minh của hết thầy chúng sanh, thỏa mãn chí nguyện của hết thầy chúng sanh. Nhưng nếu có ai xưng danh, ức niệm mà vô minh vẫn còn, chẳng được thỏa mãn chí nguyện thì là do chẳng tu hành như thật, do chẳng tương ứng với danh nghĩa, nghĩa là: chẳng biết

²⁰ Tông: giải thích kinh bằng cách chú trọng đến pháp môn được dạy bởi kinh ấy, chứ không chú trọng giải thích từng câu, từng đoạn.

Như Lai là thân Thật Tướng. Có ba điều chẳng tương ứng:

- Một là tín tâm chẳng thuần vì hoặc còn, hoặc mất.
- Hai là tín tâm bất nhất vì không quyết định.
- Ba là tín tâm chẳng liên tục, vì các niệm khác xen vào.

Ba câu này lần lượt lập thành lẫn nhau: Do tín tâm chẳng thuần nên tâm không quyết định. Do không quyết định nên niệm chẳng liên tục. Cũng có thể bảo là vì niệm chẳng liên tục nên chẳng được quyết định, vì chẳng được quyết định nên tâm chẳng thuần. Không có những điều ấy thì gọi là như thật tu hành tương ứng.

Hồi hướng có hai điều:

a. Một là vãng tướng: đem công đức của chính mình hồi thí hết thảy chúng sanh, nguyện cùng vãng sanh cõi Phật An Lạc của A Di Đà Như Lai.

b. Hai là hoàn tướng: Đã sanh trong cõi ấy rồi, được thành tựu sức phương tiện Xa Ma Tha, Tỳ Bát Xá Na rồi trở vào rừng rậm sanh tử, giáo hóa hết thảy chúng sanh cùng hướng đến Phật đạo.

Dù là Vãng hay Hoàn đều là cứu vớt chúng sanh vượt qua biển sanh tử, cho nên bảo Hồi Hướng làm đầu vì được thành tựu tâm Đại Bi vậy!”

Bản chú giải này lâu ngày đã thất lạc. Đến cuối đời Thanh, cư sĩ Dương Nhân Sơn mới tìm lại được ở Nhật Bản, khắc bản lưu hành trong đời. Ấn Quang đại sư đem in vào cuối cuốn Thập Yếu. Điều này cho thấy: trong khóa lễ sáng tối, cần phải lễ Phật, tán thán, phát nguyện, hồi hướng. Chỉ có mỗi Quán Sát Môn thuộc về Quán Tướng Niệm Phật, kể tri danh bất tất phải kiêm tu.

16. Trích dẫn Đại Thừa Khởi Tín Luận của Mã Minh Bồ Tát

Như Lai có phương tiện thù thắng nhiếp hộ tín tâm, nghĩa là: Dùng nhân duyên chuyên ức niệm Phật để tùy nguyện được sanh về cõi Phật ở phương khác, thường gặp đức Phật, vĩnh viễn lìa khỏi ác đạo như Khế Kinh nói: *“Nếu ai chuyên niệm Tây Phương Cực Lạc Thế Giới A Di Đà Phật, đem tất cả thiện căn hồi hướng, nguyện cầu sanh về thế giới ấy liền được vãng sanh. Vì thường thấy Phật nên trọn chẳng thoái chuyển”*.

Nhận định:

Đây là lấy Niệm Phật làm phương tiện thù thắng, tùy nguyện được vãng sanh và dẫn kinh để làm chứng.

17. Trích dẫn Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận của Long Thọ Bồ Tát

Phật pháp có vô lượng môn như đường thế gian có khó, có dễ. Đi đường bộ thì khổ, đi đường thủy ngồi thuyền thì sướng. Bồ Tát đạo cũng thế! Hoặc có kẻ thì siêng hành tinh tấn, hoặc có người dùng Tín làm phương tiện, dễ đi mà chóng đạt A Duy Việt Trí. Nếu ai muốn mau đạt đến địa vị Bất Thối Chuyển thì hãy nên dùng tâm cung kính, chấp trì xưng danh hiệu.

Nhận định:

Luận này chứng minh các pháp môn khác đều là Nan Hành Đạo, chỉ mỗi Tín Nguyện Trì Danh là Dị Hành Đạo.

Trí Giả đại sư nói: *“Nan Hành là trong đời ác ngũ trược, vào lúc không có Phật mà cầu A Bệ Bạt Trí thì thật khó đạt được. Như người thọt chân, một ngày bắt quá đi được mấy dặm, hết sức nhọc nhằn, đó là nói về Tự Lực”*.

Dị Hành đạo là tin lời Phật dạy Niệm Phật tam muội, nguyện sanh Tịnh Độ, nương vào nguyện lực nhiếp trì của Phật A Di Đà, quyết định vãng sanh. Như người theo đường thủy, đi bằng sức thuyền, trong khoảnh khắc đã đi ngàn dặm. Đó là nói về Tha Lực vậy!”

A Duy Việt Trí tức là A Bộ Bất Trí, dịch là Bất Thối Chuyển. Đoạn luận này chứng rõ: Bỏ khó theo dễ, vãng sanh Cực Lạc liền được bất thối chuyển.

18. Trích dẫn Tây Phương Xác Chỉ của Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát

* Nếu niệm Phật chẳng thể nhất tâm thì chỉ dứt ý tưởng lo cầu đắc định, cứ từ từ niệm, cốt sao tiếng hợp với tâm, tâm nương theo tiếng. Niệm lâu ngày, tự được các niệm lặng trong, tâm cảnh tuyệt chiếu, chứng nhập Niệm Phật Tam Muội. Nhưng thường ngày cần phải niệm cho nhiều, từ ngàn niệm đến vạn niệm. Tâm không gián đoạn thì căn khí mới dễ thành thực nhất. Nếu cưỡng ép tâm chuyên nhất thì trọn chẳng chuyên nhất nổi.

* Kệ rằng:

Nói ít một câu chuyện

Niệm nhiều một câu Phật

Đánh chết được vọng niệm

Pháp thân ngời hiên lộ

* Tâm hành xứ diệt là chơn tâm thường trụ của chư Phật. Tâm hành xứ hữu là nghiệp tâm sanh tử của chúng sanh, chẳng có kẽ hở bằng tơ tóc. Nếu các ông có thể miên mật gia công, khiến cho cái tâm này không chút hở trống thì mới được tương ưng đôi phần. Đừng tu sơ sài nửa năm, mười tháng rồi tự cho là mình đã khổ tâm tu

đạo, chẳng biết rằng đây chính là điều chướng đạo, cần phải dè chừng.

Hơn nữa, dẫu gia công tu tập mạnh mẽ nhưng nếu chưa đạt đến mức như tường đồng, vách sắt, đầy chướng đở, dòi chằng lay thì vẫn chưa tạo thành một phiền [nhất tâm], chớ nên thấy có chút ảnh hưởng đã ngừng tay. Ấy là nửa đường bỏ dở, đến nỗi phí hết công lao khi trước, chẳng lợi ích mảy may. Đây chính là căn bệnh lớn của người học đạo, các ông chẳng nên không biết!

Cần phải biết rằng: Phật pháp như biển cả, càng vào bên trong càng thấy sâu, dứt khoát chẳng thể dùng chút tri kiến nhỏ nhoi hòng lãnh hội được hết nổi. Phải tu tập suốt đời, gắng hết sức tu tập, đừng nghĩ là dễ dàng.

* Niệm Phật Tam Muội là từ đại thế lực nơi tâm ông tạo thành chứ chẳng phải là do cái khác mà có. Nay các ông niệm Phật suốt ngày đêm vẫn chẳng được nhất tâm, loạn tưởng vẫn còn cách trở chơn tâm đều là vì chưa tận lực dụng tâm.

* Tâm vốn vô niệm, hễ niệm thì tưởng sanh. Tưởng ấy hư vọng, lưu chuyển sanh tử. Nên biết: Một câu A Di Đà Phật đây chẳng từ tưởng sanh, chẳng từ niệm có; chẳng trụ vào trong hay ngoài; chẳng có tướng mạo thì các vọng tưởng chấm dứt. Thân thanh tịnh vì diệu chơn thật của Như Lai chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng thể phân biệt. Niệm như thế thì phiền não trần lao liền chẳng đoạn, chẳng trói, chỉ là nhất tâm. Phải đạt nhất tâm mới gọi là chấp trì danh hiệu, mới gọi là nhất tâm bất loạn, Tịnh nghiệp thành tựu, chúng ngay vào thượng phẩm.

Phàm phu đời trước tâm trí cạn cợt, kém cỏi, chưa thể thâm đạt chí lý nên phát đại nguyện, nguyện sanh về Cực Lạc. Sau đó, chí thành khẩn thiết xưng niệm A Di Đà Phật

sao cho tiếng niệm duyên theo tâm, tâm duyên theo tiếng, tiếng và tâm nương dựa lẫn nhau như mèo rình chuột, lâu ngày chẳng bắt thì nhập chánh ức niệm tam muội.

* Người tu Tịnh nghiệp: đi, đứng, nằm, ngồi, đứng lên, ngồi xuống, ăn uống đều nên hướng về phương Tây thì sự cơ cảm dễ thành, căn cảnh dễ thuần thục. Trong thất chỉ bày một tượng Phật, một quyển kinh, một lò hương, một cái bàn, một cái giường, một cái ghế, chẳng được bày nhiều thứ khác. Trên sân cũng quét dọn thanh tịnh để đi kinh hành không trở ngại gì.

Cần giữ cho tâm này chẳng vướng bận mảy may gì, quên hết muôn mối lo, trống rỗng, chẳng biết có thân, chẳng hay có đời, cũng chẳng biết việc mình đang làm ngày nay là việc tu hành. Được vậy thì ngày càng gần với đạo, ngày càng cách xa đời, mới xu hướng Tịnh nghiệp được. Lúc bình thời ông đã có thể buông bỏ sạch hết thấy sự, trong ý niệm chẳng còn chút vướng mắc nào thì khi đại hạn xảy đến, thanh thân, thanh thoi, chẳng có ý tưởng lưu luyến con cái, nuôi tiếc tâm thân, con cháu, há chẳng phải là hành vi của bậc đại trượng phu ư?

Bởi vậy, ông nên nhất ý tu hành, chẳng còn dính mắc điều gì khác nữa. Đó chính là điều then chốt nhất. Còn như cách thức Tịnh tu thì chẳng ngoài hai chữ ‘chuyên cần’. Chuyên là chẳng làm chuyện gì khác. Cần chẳng bỏ ưởng lúc nào.

Nay ông sáng dậy liền tụng một quyển kinh Di Đà, trì một ngàn câu A Di Đà Phật, đối trước Phật hồi hướng, niệm bài Nhất Tâm Quy Mạng vì bài này lời lẽ giản dị nhưng ý nghĩa súc tích. Đây chính là công khóa trong một thời. Nếu như lúc sơ khởi, thân tâm còn chưa yên thì mỗi ngày chỉ hành trì bốn thời. Đã hơi yên thì dần dần tăng đến sáu thời, lại tăng dần đến mười hai thời: tụng được mười hai quyển kinh, niệm danh hiệu Phật một vạn hai

ngàn tiếng. Trong lúc hồi hướng lại lễ Phật trăm lay, cũng có thể chia làm bốn thời. Đây là thường khóa mỗi ngày. Những lúc khác chẳng cần tính vô số ấy.

Dù niệm thầm hay niệm ra tiếng đều phải nhiếp tâm niệm chắc chắn mà thôi... Trong pháp trì danh, cần phải mỗi câu mỗi chữ, tâm và tiếng phải nương theo nhau, chẳng được xen tạp mảy may ý niệm thế tục. Lâu ngày thành thực, quyết định được vãng sanh Cực Lạc, ngồi trên hoa sen báu, đạt lên địa vị Bất Thối. Nếu năm tháng tuổi già chưa hết, do ông đã chứng đắc như thế, ông sẽ dạy dỗ đại chúng hồng báo ân sâu của Phật.

* Khi tụng kinh phải đều đặn, bình tịnh, đừng hoãn đãi, đừng gấp gấp, chẳng nhanh, chẳng chậm. Niệm Phật cần phải từng tiếng ứng theo tâm, chẳng thô tháo, chẳng lao chao, chẳng hư phù, chẳng trầm trệ mà niệm. Đến lúc hồi hướng, chẳng phải là tụng bản văn Hồi Hướng một lượt là xong, mà phải từ trong tâm mình phát ra lời nguyện Đại Bồ Đề chơn chánh, chí thành khẩn thiết, nguyện khắp hết thấy chúng sanh cùng vãng sanh Cực Lạc, nhưng tâm mình chẳng chấp trước hết như hư không. Đây gọi là hồi hướng.

Lại khi tịnh tọa, nên phản quán thâm cứu: Phật chính là tâm ta, tâm này là Phật, chẳng cần phải cầu tự bên ngoài, đúng như tâm mà trụ, không năng, không sở. Quán sát đúng đắn, chắc chắn như thế không còn có niệm khác thì gọi là tu hành tam muội. Cần thận chớ quên mình, tâm nguội lạnh như đã chết, kéo lại lạc vào tri kiến của ma tà ngoại đạo. Ngồi tịnh tọa một thời như vậy xong liền đứng dậy đi kinh hành, rồi lại trì tụng theo thứ tự.

Nếu cứ gấp gấp gấp gấp làm liền một hơi, cho là đã hoàn tất khóa tụng của một ngày nhưng rốt cục thành ra tụng niệm cầu thả, chẳng phải là tu hành chơn chánh vậy. Đại để, người học đạo chẳng tuân lời tri thức răn dạy thì

nhất định sẽ nhọc nhằn nhưng vẫn vô ích, chưa được lâu đã nản. Cần thận, cần thận!

Thêm nữa, đối với những thứ chánh báo, y báo trang nghiêm cõi Tịnh Độ được giảng trong các kinh, ông phải giảng, tụng minh bạch. Giả sử lúc tụng tọa hoặc kinh hành hoặc khi lễ tụng, nếu như Tịnh Độ hiện tiền thì hiểu biết rành rẽ, chẳng bị dị cảnh mê hoặc.

* Phàm hết thầy tướng nhân ngã, tướng danh lợi, tướng sân hỷ v.v... trong thế gian chẳng phải chỉ phát xuất từ nơi thân, mà nó phát xuất từ lưới trần dăng đặc từ trước. Hễ tâm vướng mắc đôi chút liền tạo thành nhân duyên chướng đạo. Ông cần phải hiểu rõ như thế! Ông chỉ cần thân lễ A Di Đà Phật, miệng tụng A Di Đà, tâm niệm A Di Đà, chẳng hề có chút mảy may ý niệm nào khác liền sạch lầu trần cấu, xé nát lưới trần, sanh về cõi Cực Lạc.

* Nếu lo thân mình bị ràng buộc trong lưới rập thế sự, ý niệm chẳng được thanh tịnh thì chỉ cần phát nguyện xa lìa, cầu giải thoát, đem tâm khăng khăng quy hướng thế giới Cực Lạc gặp Phật A Di Đà thay cho cái tâm bon chen danh lợi liền có thể dứt trần lao, bước trên đường giác.

* Nói chung, người tu Tịnh Độ kỵ nhất là xen tạp. Thế nào là xen tạp? Tức là vừa tụng kinh, vừa trì chú, vừa kết hội, lại ưa nói đôi chút về sự khẩn yếu của Thiên, lại ưa bàn những chuyện cát hung, họa phước, thấy thần, gặp quỷ. Đây chính là xen tạp. Đã xen tạp thì tâm chẳng chuyên nhất. Tâm chẳng chuyên nhất thì khó thấy Phật vãng sanh, phí uổng cả một đời. Nay ông chớ nên làm như thế, chỉ khẩn thiết trì một câu A Di Đà Phật, cầu sanh về Cực Lạc. Lâu ngày công hạnh thành tựu, mới là chẳng sai lầm vậy.

* Có bệnh vẫn còn chưa chết thì nên dứt mọi buộc ràng, an tâm đọa tọa, niệm thân vô thường, niệm thể vô thường. Tất cả vọng duyên buông bỏ xuống hết, từ từ niệm một câu A Di Đà Phật, tự nhiên lực trần chẳng sanh, nhất tâm thanh tịnh thì chẳng những lành được căn bệnh trong đời này mà căn bệnh sanh tử cũng nhờ đó được dứt khỏi.

Nhận định:

Bồ Tát minh thị: Cách thức tu hành chẳng ngoài hai chữ: Chuyên là chẳng làm việc nào khác, Cần là chẳng hề bỏ uổng lúc nào, lâu ngày thành thực, quyết định được sanh về Cực Lạc. Đủ thấy: nếu có thể đem cái tâm quy hướng Cực Lạc đánh đổi cái tâm bon chen danh lợi, buông xuống vạn duyên, nhiếp tâm niệm nhiều thì dần dần sẽ nhập Niệm Phật Tam Muội, lâm chung quyết sanh Cực Lạc vậy!

19. Trích dẫn Luận Luận An Lạc Tịnh Độ Nghĩa của Đàm Loan đại sư

Ví như có người ở chỗ khuất khúc nơi đồng hoang gặp phải oán tặc vùng gươm hùng hổ chạy đến toan giết. Người ấy rảo chạy, thấy phải vượt sông. Nếu vượt được sông thì đầu cỏ mới còn. Lúc bấy giờ, chỉ nghĩ phương cách vượt sông: “Ta đến bên bờ sông, mặc áo mà lội hay là cởi áo mà bơi? Nếu vẫn mặc áo sợ chẳng qua nổi. Nếu cởi áo ra, e không kịp nữa!” Chỉ có ý niệm ấy, không còn duyên nào khác. Nghĩ cách nào vượt được sông chính là nhất niệm. Dụng tâm chẳng tạp như vậy thì gọi là thập niệm tiếp nối.

Hành giả cũng vậy, niệm A Di Đà Phật như kẻ kia nghĩ cách vượt sông trong suốt mười niệm. Nếu niệm

danh hiệu Phật không có tâm nào khác xen tạp, tâm tâm tiếp nối nhau cho đến mười niệm liên tiếp. [Điều này] tựa hồ chẳng khó, nhưng tâm phàm phu như ngựa hoang, thức còn quá khi vượn, rong ruổi sáu trần, chẳng thể tạm ngưng nghỉ. Hãy nên dốc lòng tin, tự hoạch định niệm sẵn đề tích tập thành tánh, thiện căn kiên cố vậy. Như Phật bảo vua Tần Bà Sa La: “*Người tích thiện hạnh, chết không có ác niệm; như cây đã ngã về Tây, lúc đổ ắt sẽ rạp về Tây*”. Giả sử một phen phong đao xảy đến, trăm nỗi khổ bức thân, nếu như chẳng sẵn quen tập tánh từ trước thì sao mà làm được?

Lại nên có năm ba người đồng chí kết ước cùng nhau, lúc sắp lâm chung sẽ đến giảng giải, vì mình xưng niệm danh hiệu A Di Đà Phật, nguyện sanh An Lạc, từng tiếng tiếp nối khiến thành mười niệm. Lúc đoạn mạng ấy, một phen vào ngay Chánh Định Tự, còn lo nỗi gì!

Nhận định:

Đại Sư minh thị: Mười niệm tiếp nối liền được vãng sanh, nhưng cần phải dùng tâm chí tín, tự hạn định số lượng mà niệm sẵn khiến cho thành tánh, thiện căn kiên cố và mời bạn đồng chí lúc lâm chung đến trợ niệm khiến mười niệm được thành. Đủ thấy rõ mười niệm chẳng phải là chuyện dễ, xin hãy cẩn tuân chớ xem thường.

20. Trích dẫn Tịnh Độ Thập Nghi Luận của đại sư Thiên Thai Trí Giả đời Tùy

Muốn quyết định sanh về Tây Phương nếu đủ hai hạnh sẽ nhất định được sanh về đó:

a. Một là hạnh chán lìa: Từ vô thi đến nay phàm phu bị ngũ dục trói buộc, luân hồi ngũ đạo, chịu đủ các khổ, chẳng khởi tâm chán lìa ngũ dục, chưa từng có kỳ ra. Vì

thể, thường quán thân này: bất tịnh, hôi thối, chỉ khổ, không vui, sanh lòng chán lìa sâu xa. Ví dụ chưa dứt được ngay chuyện mây mưa thì cũng dần dần sanh chán. Thực hành bảy thứ Bất Tịnh Quán thì sẽ sanh lòng chán lìa sâu xa những cảnh giới yêu thích, thân thể nam, nữ v.v... Nếu có thể thường quán bất tịnh như thế thì dần dần phiền não dần dần giảm thiểu. Lại thực hành các phép quán Thập Tướng như kinh đã giảng rộng. Lại còn phát nguyện, nguyện ta vĩnh viễn xa lìa tam giới tạp thực, hôi thối, máu mủ bất tịnh, đam hoang ngũ dục, thân thể nam nữ, nguyện được Tịnh Độ Pháp Tánh Sanh Thân. Đây là hạnh Nhàm Chán.

b. Hai là hạnh Hân Nguyện. [Hạnh Hân Nguyện] lại gồm hai điều:

b.1. Một là trước hết phải hiểu rõ cầu sanh Tịnh Độ là vì muốn dẹp khổ cho hết thấy chúng sanh, liền tự suy nghĩ: Ta nay không sức cứu khổ chúng sanh nên vì thế cầu sanh Tịnh Độ, thân cận chư Phật. Nếu chứng Vô Sanh Nhân thì mới thể cứu khổ cho chúng sanh đời ác.

b.2. Hai là quán những sự trang nghiêm trong cõi Tịnh Độ kia, tâm thích thú nguyện cầu, thường hành Niệm Phật Tam Muội và thí, giới, tu v.v... hết thấy các thiện hạnh đều hồi thí hết thấy chúng sanh, đồng sanh cõi kia, quyết định được sanh. Đây là Hân Nguyện Môn.

Nhận định:

Từng nghe cổ đức nói: “*Nếu ai vào lúc lâm chung có chút tinh thức dù bằng hạt cải nghĩ đến thế giới Sa Bà thì trọn chẳng thể sanh về Tịnh Độ*”. Đại Sư là hậu thân của Phật Thích Ca, chỉ dạy hai môn Ưu, Chán, thật là cách đối trị khéo léo. Xin hãy tin Sa Bà là khổ, Tịnh Độ đáng quay về. Ưu chán quyết liệt thì lúc lâm chung sẽ tự chẳng còn

tơ hào tình thức nghĩ đến thân hay thể giới này mà chướng ngại vãng sanh.

21. Trích dẫn Thích Tịnh Độ Quán Nghi Luận của đại sư Hoài Cảm đời Đường

* Chí tâm niệm Phật là hạnh lành nơi ý nghiệp, xưng danh hiệu Phật là hạnh lành nơi khẩu nghiệp, chấp tay lễ Phật là hạnh lành nơi thân nghiệp. Do ba thiện nghiệp hạnh ấy có thể diệt được trọng tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử. Hạnh, nguyện hỗ trợ nhau liền được vãng sanh.

* [Về chuyện] Niệm Phật trong thất tối, tuy không có Thánh Giáo [làm căn cứ], nhưng người mới học nên dùng nhà tối để dứt tuyệt các sự thấy, nghe, tâm bỏ các duyên, chuyên nhất niệm Phật, dễ đắc tam muội. Như trong lúc đang ở trong thất niệm Phật mà có chút tia sáng chiếu vào thất tối ấy thì tâm liền duyên theo đó, tư duy ào ạt nổi lên. Nếu như dứt tuyệt ánh sáng đó sẽ nhất tâm bất loạn. Kẻ học phải biết điều này, chớ bỏ phí pháp ấy. Do vì hạng sơ học tâm rong ruổi ngũ dục, vin nắm sáu trần; nếu chẳng ép mình vào trong thất tối thì không cách nào thành tam muội nổi! Sau khi học thành tựu rồi thì tùy ý mà dùng, chẳng phân biệt là tối hay sáng, thường thấy được Phật, nào còn phải nhọc sức thực hành niệm Phật trong nhà tối.

* Quán kinh dạy: “Kẻ đó bị khổ bức bách, chẳng rảnh rỗi để niệm Phật, thiện hữu dạy cho xưng niệm A Di Đà Phật. Chí tâm như thế khiến cho tiếng niệm chẳng dứt”. Há chẳng phải là bị khổ não bức bách nên niệm tưởng khó thành ư? Còn “tiếng niệm chẳng dứt” thì cứ hễ chí tâm thì liền làm được. Nay học Niệm Phật Định, niệm ra tiếng thì cũng giống như thế: khiến cho tiếng niệm chẳng dứt sẽ đắc tam muội, thấy Phật và thánh chúng thường ở trước

mặt. Vì thế, kinh Đại Tập dạy: “*Đại niệm thấy đại Phật, tiểu niệm thấy tiểu Phật*”. Đại niệm là xưng Phật hiệu lớn tiếng. Tiểu niệm là niệm Phật hiệu nhỏ tiếng. Kẻ học ngày nay chỉ cần lớn tiếng niệm Phật thì tam muội dễ thành. Niệm Phật hiệu nhỏ tiếng thì hay tán loạn. Đây là điều kẻ học tự biết, người ngoài không hiểu được nổi!

Nhận định:

“*Muốn biết đường dưới núi, hãy hỏi khách vắng lai*”. Đại Sư tinh tấn ba năm, chứng Niệm Phật tam muội. Chuyện lớn tiếng niệm Phật trong nhà tối thì tam muội dễ thành là kinh nghiệm sở đắc của ngài, thật đáng dẫn chứng, xin hãy làm thử xem!

22. Trích dẫn Tịnh Độ Luận của đại sư Thích Ca Tài đời Đường

Tu hạnh nghiệp gì mà phàm thánh đều được vãng sanh, kinh luận mênh mông khó lòng tìm trọn được, nay rút lấy hai điều trọng yếu:

- Một là Thông Nhân như ba bậc vãng sanh trong kinh Vô Lượng Thọ đều phải phát Bồ Đề tâm và phải tu đủ ba phước Tịnh nghiệp theo như Quán kinh thì mới được vãng sanh.

- Hai là Biệt Nhân gồm có sáu thứ:

1. Một là phải riêng niệm danh hiệu A Di Đà Phật. Một là tâm niệm, hai là khẩu niệm.

1.1. Tâm niệm lại gồm có hai loại: một là niệm Phật sắc thân, hai là niệm Phật trí thân.

1.2. Khẩu niệm là nếu tâm vô lực thì phải dùng miệng để hỗ trợ, dùng miệng dẫn tâm khiến chẳng tán loạn như kinh dạy: “*Nếu ai niệm A Di Đà Phật đến trăm vạn lần thì quyết định được sanh về thế giới Cực Lạc*”. Nếu có thể chuyên tâm niệm Phật trong bảy ngày thì niệm được

cả trăm vạn lần. Do vì nghĩa này, các kinh hay khuyên niệm Phật bảy ngày.

2. Hai là phải lễ bái. Hướng thẳng về Tây, tưởng đức A Di Đà Phật như đối trước mắt, nghiêm trì hương, hoa, miệng xưng danh hiệu Phật, năm vóc gieo xuống đất, đôi ba lượt dập đầu nguyện sanh về cõi ngài.

3. Ba là phải tán thán A Di Đà Phật: [khen ngợi] sắc hoặc tâm, hoặc y báo, hoặc chánh báo, [tưởng Phật] hoặc đứng hoặc ngồi, nhìn thẳng về phương Tây như Phật đang ở ngay trước mắt, nhất tâm tán thán, nguyện sanh Tịnh Độ.

4. Bốn là phải phát nguyện cầu sanh Cực Lạc. Hoặc nguyện chúng sanh vãng sanh, hoặc nguyện Thích Ca đưa đi, hoặc nguyện Di Đà đến đón, hoặc nguyện thường dạo chơi cõi Tịnh, hoặc nguyện vĩnh viễn lìa khỏi thân sanh trong thai, hoặc nguyện lâm chung [Phật đến] an ủi, hoặc nguyện chánh niệm hiện tiền. Tùy tâm phát nguyện những điều như thế.

5. Năm là phải quán sát y báo và chánh báo của Tây Phương. Theo đúng như mười sáu pháp quán trong Quán kinh, mỗi thứ đều quán sát, hễ thành tựu được một pháp quán nào thì nhất định được vãng sanh.

6. Sáu là phải hồi hướng:

6.1. Một là đem công đức của chính mình hồi hướng để chúng sanh cùng sanh về Tịnh Độ.

6.2. Hai là đem tất cả công đức từ vô thủy đến nay và tất cả công đức trong một đời này dù ít hay nhiều, dù là phước hay trí thấy đều nguyện hồi hướng để cầu sanh Cực Lạc.

Hai nhân Thông, Biệt dành cho bậc thượng căn. Đối với hạng trung, hạ, chỉ cần năm điều sau:

1. Một là sám hối ác nghiệp chướng đạo từ vô thủy đến nay, chỉ sợ chúng gây trở ngại [việc vãng sanh] Tịnh Độ.

2. Hai là phải phát Bồ Đề tâm. Nếu chẳng phát Bồ Đề tâm, cứ một bề lánh khổ tìm vui, e chẳng được vãng sanh!

3. Ba là phải chuyên niệm danh hiệu A Di Đà Phật. Cần phải trang nghiêm riêng một đạo tràng, thắp hương, rải hoa; phan, đèn đầy đủ, thỉnh một tượng A Di Đà Phật bày trong đạo tràng, tượng quay mặt về Đông, người hướng mặt về Tây, hoặc là bảy ngày hoặc mười ngày, giảm bớt ngủ nghỉ, trừ khử tán loạn, chỉ trừ khi đại tiểu tiện và lúc ăn uống, nhất tâm chuyên niệm. Hễ buồn ngủ liền đứng dậy niệm, chẳng cần phải lễ bái, đi nhiều. Niệm Phật bảy ngày xong, ra khỏi đạo tràng, đi, đứng, nằm, ngồi, hễ rảnh lúc nào là niệm.

Thường niệm danh hiệu Phật có ba điều lợi ích:

3.1. Một là do thường niệm nên các ác giác quán rớt ráo chẳng sanh, cũng được tiêu nghiệp chướng.

3.2. Hai là do thường niệm nên thiện căn tăng trưởng và cũng gieo thành nhân duyên thấy Phật.

3.3. Ba là do thường niệm nên huân tập chín mùi, lúc lâm chung chánh niệm hiện tiền.

4. Bốn là cần phải quán sát tổng tướng của thế giới Cực Lạc: đất, ao, lầu gác, rừng cây như thế; A Di Đà Phật: hoa tòa, tướng hảo, đồ chúng như thế, thuyết pháp như thế. Tổng quán như vậy nhất định được vãng sanh vì tam giới duy tâm.

5. Năm là với những công đức đã tạo dù trong quá khứ hay trong đời này đều phải phát nguyện hồi hướng về sanh về cõi Cực Lạc.

Nếu có thể thực hiện đầy đủ năm hạnh trên ắt sẽ vãng sanh, xin đừng ngờ nữa!

Nhận định:

Như kinh đã nói: Nếu ai niệm Phật đến trăm ngàn lần thì quyết định được vãng sanh, chẳng luận là thượng,

trung, hạ căn, chỉ cốt sao nhất tâm chuyên niệm nhiều hay ít, bất tất kiêm tu quán sát!

23. Trích dẫn Niệm Phật Tam Muội Bảo Vương Luận của đại sư Phi Tích ở núi Tử Các đời Đường

Dù là lúc nghiên chặt răng để búi tóc hay lúc sanh tử giao xen, chưa hề có lúc nào chẳng có hơi thở ra vào. Người đời hay dùng bảo ngọc, thủy tinh, kim cương, Bồ Đề, Mộc Hoạn... làm niệm châu²¹, ta dùng hơi thở ra vào để làm niệm châu. Xưng danh hiệu Phật theo từng hơi thở có lợi ích lớn vì sợ rằng một hơi chẳng hít vào thì đã thuộc vào thân sau rồi! Ta đi, đứng, nằm, ngồi thường dùng loại râu chuối ấy. Dù cho có mê muội, vẫn ngậm Phật mà ngủ²², tỉnh giấc lại tiếp tục, ắt sẽ trong mộng được thấy đức Phật kia. Chẳng những chỉ mộng thôi mà còn thành tam-muội nữa, tận mắt thấy ngọc hào, đích thân được thọ ký, [tu tập như thế thì trong] vạn người chẳng sót một ai [là không thành tựu].

Nhận định:

Ấn Quang đại sư minh thị: Pháp môn Bảo Vương tùy tức (niệm Phật theo hơi thở) chính là pháp môn nhiếp trọn sáu căn của ngài Đại Thế Chí. Nếu chẳng chịu tuân theo pháp này thì khó thành tam muội. Nhưng Tùy Tức chẳng bằng lặng lẽ nghe vì chẳng khéo niệm theo hơi thở sẽ mắc bệnh, còn lặng lẽ nghe thì quyết chẳng bị mắc bệnh. Xin hãy tận lực mà hành.

24. Trích dẫn Bảo Vương Tam Muội Niệm Phật Trực Chỉ của Tứ Minh Diệụ Hiệp đại sư thời Minh

²¹ Niệm châu: râu chuối để niệm Phật.

²² Ý nói: dù ngủ mê, Phật hiệu vẫn giữ trong tâm theo từng hơi thở.

Niệm Phật thì nên ngay vào lúc công danh, phú quý đắc chí hãy một dao cắt đứt lia, mạnh mẽ phát đại tâm, tận lực hành đạo này. Đối với những sở hữu trong đời: vợ con, của báu, đầu, mắt, tủy, não, thậm chí thân mạng chẳng tự lẫn tiếc, quyết chí cầu sanh. Há có nên đợi mãi đến lúc hối tiếc, rui ro, bất đắc dĩ mới toan dùng cái tâm cầu thả để tu ư? Thật đáng thương quá!

Nếu có thể nhân lúc tiếc nuôi đó, buông bỏ ngay, phát sanh kiến giải tìm đến chốn của báu Đại Thừa, lập thành tâm quyết định bất thoái chuyển, như chiếc thuyền đã xuôi giòng, thuận gió lại thêm chèo chống thì há chẳng mau đến đích hay sao? Được như thế thì may mắn sao! Buông bỏ chỉ là buông bỏ nghiệp duyên thế gian, nào phải là buông bỏ tâm tinh tấn hiểu đạo đâu!

* Hãy nên quán sát đúng đắn hai cõi: khổ - vui, tịnh - uế. Đối với hai cảnh đó, sanh hai tâm: một là tâm nhàm chán, hai là tâm vui ưa. Do nhàm chán cõi Sa Bà này nên có thể tùy thuận Chiết Môn của đức Thích Ca đã dạy; sanh tâm vui ưa nên có thể tùy thuận Nhiếp Môn đức Di Đà đã chỉ. Đối với hai môn đó, tinh tấn tu tập ngày đêm chẳng nghỉ.

Tùy thuận lời Phật dạy, đối với các cảnh sắc thanh cõi này tưởng là địa ngục, tưởng là biển khổ, nhà cháy. Đối với các vật báu, tưởng là đồ gây khổ. Tưởng thức ăn, y phục như máu, mủ, da sắt. Đối với quyền thuộc tưởng là quỷ Dạ Xoa, La Sát nuốt người. Cõi này lại sanh tử chẳng trụ, trường kiếp bốn ba, phiêu bạt, thật đáng chán lia.

Từ nơi tri thức, kinh sách nghe đến nguyện lực, cõi nước trang nghiêm của đức Phật kia; trong mỗi niệm, nhắc nhở nghĩa lý ấy, sanh ý tưởng an ổn, tưởng là chốn có của báu, là gia nghiệp, là nơi giải thoát. Tưởng Di Đà Như Lai, Bồ Tát, thánh chúng như cha mẹ nhân từ. Tưởng như cầu, thuyền tiếp dẫn. Tưởng trong khi sợ hãi, nạn

gấp, hễ xưng danh [Phật, Bồ Tát] liền ứng hiện, mau đến cứu giúp; tưởng hễ nghĩ đến liền xuất ly. Công đức vô lượng như thế thật đáng vui ưa.

Nếu nhàm lìa chẳng sâu thì nghiệp hệ Sa Bà chẳng thoát; vui ưa chẳng tha thiết thì thắng cảnh Cực Lạc khó đạt. Muốn sanh Tịnh Độ, thành tựu Niệm Phật tam muội hãy thực hiện đầy đủ hai môn này để làm bước ban đầu phát khởi công hạnh vậy. Nếu có thể chán, ưa quyết liệt, viên tu Quán Huệ thì không những đã sanh mà còn được Thượng Phẩm nữa!

* Nếu là người xuất gia muốn tu Niệm Phật tam muội, muốn được thanh tịnh ba nghiệp, cởi mở oan kết sanh về Tịnh Độ lẽ nào chẳng dứt được việc giết hại để ăn uống đến nỗi lúc lâm chung tự bị chướng ngại? Kinh có dạy đầy đủ các giới, đầu tiên là dạy đoạn sát thì mới vẹn toàn các giới được. Tu tam muội ắt phải các giới thanh tịnh mới có thể thành được. Ví dù túc nghiệp sâu dày, chẳng thể đoạn ngay được thì cũng nên bày các phương tiện để dứt bỏ. Giới đức tuy đủ nhưng nếu chẳng giữ cho thân tâm lặng định, dứt các kỹ năng, tạp thuật thế gian, cho đến nếu như chẳng trừ sạch hết thấy ý niệm phân biệt dù thiện hay ác thì làm sao có thể nhất tâm tu tam muội này được? Tam muội bất nhất, vãng sanh bằng cách nào?

Tinh tấn là chẳng bị bát phong thế gian²³ làm lui sụt. Lại chẳng bị thân tâm dị kiến, hết thấy bệnh duyên lớn nhỏ khiến hạnh lười nhác. Nếu do túc nghiệp sai sử khiến hạnh khiêm khuyết thì hãy nên nhất tâm tụng Bát Nhất Thiết Nghiệp Chướng Căn Bản Đắc Sanh Tịnh Độ Đà Ra

²³ Bát phong thế gian: Sự yêu ghét trong thế gian hay làm khơi động tâm người, vì vậy dùng gió (phong) để ví. Tám gió ấy là lợi (lợi ích), suy (hao tổn), hủy (chê bai), dự (khen ngợi gián tiếp), xung (ca tụng trực tiếp), cơ (dựng chuyện nói xấu người), khổ và lạc.

Ni: Trì một biến trừ được tất cả hết thảy các tội ngũ nghịch, thập ác... nơi thân. Trì mười vạn biến liền được chẳng quên mất Bồ Đề tâm. Trì hai mươi vạn biến khiến mầm Bồ Đề nảy sanh. Trì ba mươi vạn biến thì A Di Đà Phật thường trụ trên đỉnh, quyết sanh Tịnh Độ.

* Sao gọi là Chánh Hạnh? Hạnh là phải sao cho thân tâm thanh tịnh. Vào đạo tràng, trước hết phải quán mình cùng hết thảy chúng sanh suốt tột cõi hư không thường ở trong biển lớn sanh tử, không nơi quay về, không được cứu vớt, nếu chẳng làm cho họ đều được giải thoát hết thì gọi là Chánh Hạnh sao được? Bởi đây, coi oán lẫn thân bình đẳng, khởi tâm đại bi như hư không che chở khắp cả.

Tiếp đó, xét kỹ chánh hạnh niệm Phật của các vị tiên hiền, chọn lấy chốn tịch tịch, tự nhiên, chọn cuộc đất từ trước chưa từng nhiễm uest. Đối với phí tổn thì trước hết phải dốc sạch hết của sở hữu rồi mới có thể xin người khác [giúp cho]. Đúng như pháp kiến lập đạo tràng sao cho cực nghiêm tịnh. Dem hết thảy tất cả thiện căn từ vô thỉ hồi hướng cho khắp tất cả chúng sanh sanh về Tịnh Độ, trang nghiêm hạnh nguyện. Ngay khi đó, ba tâm (thâm tâm, chí thành tâm, hồi hướng tâm) phát khởi trọn vẹn. Năm vóc gieo xuống đất, quán Phật tướng hảo, hồ quỳ chấp tay, vận tâm duyên khắp hết thảy chúng sanh và thân mình đây: “Từ xưa đến nay trôi nổi chẳng ngừng, thật đáng đau đớn!” Buồn bã khóc lóc cầu Phật rủ lòng từ, mở bụng rửa ruột, phát lộ tội lỗi. Ngày đêm sáu thời định kỳ luyện hạnh.

Nếu vì chương sâu chưa cảm ứng được thì lấy đến lúc chết làm kỳ hạn, trong suốt khoảng thời gian ấy chẳng có sát na nào nghĩ đến ngũ dục thế gian. Nhất tâm như thế ắt được vãng sanh. Nếu căn cơ chẳng xứng, hạnh thù thắng khó toàn thì cũng nên ở nơi tịnh thất, sao cho trong ngoài sạch lậu, tùy ý lập hạnh, lễ Phật, sám hối. Hoạch định mỗi

ngày [thời khóa] mấy lượt, tinh tấn nhất tâm, thề chẳng hối hận giữa chừng: hoặc chuyên trì chú, hoặc chỉ chấp trì danh hiệu, một dạ cầu vãng sanh. Nếu được thấy tướng hảo thì biết là tội diệt duyên sâu, cũng sẽ sanh về cõi ấy.

Lại có người chưa thể đoạn sạch duyên đời thì cũng nên tu điều lành thế gian, tin tưởng chắc chắn vào cõi Cực Lạc chẳng nghi, niệm niệm luyến mộ chẳng quên. Đối với những hạnh môn đã nói ở trên, tùy ý tu tập. Trong bốn oai nghi, lấy đó làm chỗ quy hướng. Tiếp xúc cảnh liền thấu hiểu nguyên nguyên của nó, gặp việc tận lực dùng phương tiện thì lúc lâm chung cũng sẽ được sanh cõi kia. Tuy các hạnh có tỏ tường hay đại lược nhưng pháp lực của chúng vốn đồng; nhưng do giữ tâm hoãn đãi hay mau chóng nên Phật cũng sẽ ứng hiện chậm hay mau.

* Nếu đang đi trên đất khách hay không ở cố định một nơi thì bắt tất phải trang nghiêm đạo tràng, chỉ một bề thanh tịnh thân tâm. Áo mặc thì tùy phận mặc lấy áo sạch đẹp nhất, hương đèn dù có hay không cũng chẳng sao. Nếu là chỗ có tượng hay đem tượng theo bên mình thì nên miệng tụng, thân lễ, đối trước tượng mà tu. Nếu không có tượng Phật thì hoặc là đối trước quyền kinh, hoặc chỉ hướng về Tây lễ vọng; hoặc chỉ trừ hướng Đông ra, lễ về phương nào cũng được.

Nếu đang đi đường hay ngồi thuyền và hết thấy các việc động dụng nuôi thân bất đắc dĩ chẳng thể bỏ được thì cùng làm cả thế sự lẫn Phật sự. Tiếng tụng niệm tuy tùy theo cảnh người tốt xấu mà niệm to hay nhỏ, niệm trầm tiếng nhưng rõ ràng, niệm nhẹ nhàng chắc chắn, cốt sao người hai bên chỉ nghe loáng thoáng. Chẳng được nói nhiều với người khác. Những lúc khác thì phải nên ngồi một mình, đi một mình, xa lìa ồn tạp và chỗ xúm xít tán nhảm, giỡn cười, ca vịnh khiến người quên mất các việc chánh niệm.

Đêm đến, người yên, cảnh lặng, chính là lúc nên dụng công. Đã coi sanh tử là việc lớn, há có nên mặc tình ngu ngi? Dù gặp lúc lạnh buốt, nóng gắt cũng chớ cởi áo. Pháp phục, râu chuôi nên để chỗ gần. Khăn tay, nước sạch chẳng để xa chỗ mình ngồi. Tất cả những thứ cần đến đều nên sắp sẵn. Lại nên quán sát tín căn của người là sâu hay cạn, chẳng làm phiền người khác, chẳng làm cho người khác chán ngán. Đối với những điều ấy đã không trở ngại rồi thì hãy khê lên tiếng niệm khiến cho thiên thần hoan hỷ giáng xuống hộ trì; quý, súc sanh nghe tiếng được giải thoát. Công đức ấy rất sâu!

Đối với người lòng tin nông cạn, chớ khăng khăng khuyên tu. Đối với người tin sâu, lại chẳng thể chẳng ngầm chỉ bảo khiến họ quyết tâm. Chẳng nên quy công về mình; như mùa Xuân tăng trưởng vạn vật nhưng chẳng thấy mình có công. Ở chỗ tạm bợ mà tiến tu thì gọi là tu hành trong nghịch cảnh, công còn lớn hơn nữa.

* Nếu như trong lúc niệm Phật, tuy vận dụng cả thân lẫn miệng mà tâm niệm rời bời chẳng thể tự chế thì nên dụng tâm như thế nào để khỏi tán loạn?

Đáp: Nên vận dụng thân khẩu mà niệm, chẳng cần luận đến tán loạn, cứ chẳng gián đoạn, tự có thể một lòng mà niệm thì cũng gọi là Nhất Tâm. Chỉ lấy việc thực hành chẳng ngại làm chùng, bất tất phải lo đến tán loạn! [Nghĩ đến Phật hiệu] như mẹ chôn con yêu, như rỗng mắt mạng châu²⁴ thì chẳng mong nhất tâm mà tâm tự nhất, cần gì phải chế ngự tâm cho nó quy nhất? Tâm này vốn chẳng thể chế ngự, thật chỉ là do hành nhân siêng hay lười mà thôi!

Nếu như có tu mà vô hiệu thì là do tín căn cạn mỏng, tu nhân chẳng thật, chưa từng lập hạnh, chưa gì đã muốn

²⁴ Mạng châu: Theo truyền thuyết dưới cổ con rỗng có một viên ngọc. Nếu viên ngọc ấy mất thì không lâu sau rỗng cũng sẽ chết.

được người khác biết, trong tâm kiêu căng, ngoài thích phô trương để người khác cung kính cúng dường hồng được của cải. Thậm chí vọng ngôn thấy được tịnh cảnh, hoặc thấy tiểu cảnh và tướng lành trong mộng; chưa biết đúng sai đã toan giảng trước. Những bọn hèn kém như vậy ắt bị bè bạn ma mê hoặc, nguyện hạnh thối thất, lại đọa trong nẻo khổ sanh tử, chẳng nên dè dặt sao?

Dẫu có nghi thức trì tụng, sám nguyện trong đạo tràng cũng chẳng nên để người khác biết; nếu phải trình bày ra thì chỉ là chuyện bất đắc dĩ, há nên phô phang hình tích khiến cho quán hạnh bị bại hoại ư! Hãy nên tự xét kỹ điều ấy, kín đáo, chân thật ngẫm tự hành, ôm lòng hổ thẹn, chẳng phô đức mình, tận cho đến lúc về nhà (vãng sanh) chẳng bị hai thứ ma mạnh bạo hay mềm mại làm làm lạc!

Trong lúc tu tập, lúc tức chướng sắp diệt sẽ thấy vài tướng hảo nhỏ nhỏ, nếu chẳng biết tích đức, khoe cho người khác biết thì hạnh mình lại bị vùi lấp. Bởi thế, ngài Huệ Viễn ba lần thấy thánh tượng mà lúc bình thời chẳng hề nói, chỉ trừ lúc lâm chung mới thổ lộ thôi!

* Niệm Phật tam muội tuy mang tên là Nhất Hạnh, nhưng cũng nên lấy hết thủy vô lượng pháp môn thế gian, xuất thế gian, các hạnh công đức để làm trợ đạo thì chánh hạnh vãng sanh sẽ mau. Vì vậy, hết thủy các hạnh đều là vì Tịnh Độ mà tu, [đem công đức ấy] hồi hướng Cực Lạc thì đều được vãng sanh.

Hơn nữa, tam muội này thể tánh tuy viên, nhưng kiến giải nên rộng lớn, về hạnh nên thực hành trọn hết các điều khoản vi tế, vứt bỏ các điều bỉ ổi, tệ hại; thậm chí đối với tội nhỏ cũng đem lòng sợ hãi lớn lao. Lại nên có kiến giải Đại Thừa, nhưng hạnh như người học Tiểu thừa. Kinh dạy: *“Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp, thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi, phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân*

quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến khích hành giả”. Mỗi một câu trên là một pháp hạnh.

Lại nên gìn giữ tâm người, chớ khiến họ khoe khoang, ganh ghét, nên thân cận bạn lành, thưa hỏi bậc tiên giác (bậc đã giác ngộ trước), chẳng chấp vào sự hiểu biết của mình, chẳng cậy sở trường. Chớ giữ nhân nhục, hành theo đúng kinh, nghe ngóng chánh pháp, chẳng hủy Tăng, Ni; dứt bỏ các sự lành tạp nhạp thế gian, chẳng tham danh lợi, xa lìa tà ác. Xử sự phải trung tín, quy điều lỗi về mình, hết sức thận trọng tránh nói thêu dệt, nhất tâm bất loạn, xem người khác như Phật, buông bỏ tài khéo, chỉ cầu vắng sanh, thân ắt thanh tịnh. Vô lượng thiện hạnh như thế đó đều phải nên tu tập để hỗ trợ chánh đạo.

Nếu lại có thể cắt bỏ tâm nhiễm thế gian, đối với hai cảnh yêu ghét không còn bị vướng vít, lạng tâm như nhất ắt sẽ sanh về Tịnh Độ.

* Vừa muốn hiểu thấu đáo Đạo thì ma cảnh đã hiện trước, một điều lỡ tâm thì vạn thiện đều mất. Vì thế, cần cứ vào kinh, lập ra mười hạnh gây trở ngại lớn, đặt tên là Thập Bất Cầu Hạnh:

a. Một là nghĩ đến thân chẳng cầu không bệnh. Không bệnh thì tham dục sanh, ắt phá giới thối đạo. Biết tánh của bệnh là không, bệnh chẳng nào được. Vì thế lấy bệnh làm thuốc hay.

b. Hai là ở đời chẳng cầu không nạn. Đời không nạn thì kiêu ngạo, xa xỉ nổi dậy, ắt muốn đè ép hết thảy. Hiểu nạn vốn là vọng thì nạn cũng chẳng làm gì được. Vì thế hoạn nạn là giải thoát.

c. Ba là cứu xét tâm đừng cầu không chướng. Tâm không chướng thì học qua loa, chưa đắc đã nói là đắc. Hiểu chướng chẳng có cội rễ thì chướng tự lặng. Vì thế dùng ma chướng để tiêu dao.

d. Bốn là lập hạnh chẳng cầu không có ma sự. Hạnh không có ma sự thì nguyện chẳng kiên cố, ắt sẽ chưa chứng mà nói là chứng. Thấu hiểu ma là giả có, ma nhiều sao nôi! Vì thế lấy quần ma làm pháp lữ.

e. Năm là mưu sự chẳng cầu dễ thành. Sự dễ thành thì chí khinh mạn, ắt sẽ xưng mình có tài. Hiểu rõ việc được thành là tùy theo nghiệp, chứ chẳng phải do tài năng. Vì thế lấy sự khó làm điều an vui.

f. Sáu là giao tình²⁵ chẳng cầu mình được lợi. Mong lợi mình thì thiếu đạo nghĩa, ắt sẽ thấy người khác sai trái. Xét rõ tình vốn có nhân thì tình sẽ nương theo duyên. Vì thế, lấy mối giao tình tệ bạc làm tư lương.

g. Bảy là chẳng cầu người khác thuận thảo với mình. Người ta thuận thảo thì trong lòng [mình] sẽ kiêu căng, ắt chấp mình là phải. Chúng ta sống trong đời, người khác chỉ đáp trả mình. Vì thế lấy kẻ nghịch làm vườn rừng.

h. Tám là thí đức chẳng cầu mong được báo đáp. Làm điều công đức mà mong được báo chính là có ý đồ, muốn phô trương tiếng tốt. Hiểu rõ đức vô tánh mà cũng chẳng thật. Vì thế coi việc thí đức như bỏ đôi dép rách.

i. Chín là thấy lợi chẳng cầu được hưởng phần. Được hưởng phần lợi thì tâm si phát động, ắt bị tham lợi hủy hoại mình. Thấu rõ lợi vốn là không, chẳng vọng cầu lợi. Vì thế, coi lợi sơ bạc là phú quý.

j. Mười là bị chèn ép chẳng cầu kêu oan. Bị chèn ép mà kêu oan thì còn giữ lòng nhân ngã, ắt oán hận sẽ nảy nở. Chịu đựng chèn ép, khiêm tốn thì sự chèn ép tổn thương gì được mình? Vì thế lấy việc bị chèn ép làm hạnh môn.

Như thế thì chịu đựng chướng ngại mà lại thành thông suốt, cầu thông suốt mà lại bị chướng ngại. Những chướng ngại ấy đều thành diệu cảnh. Bởi lẽ đó, đức Như

²⁵ Giao tình: Tình quen biết, giao du, bầu bạn với nhau.

Lại đắc Bồ Đề đạo ngay trong chướng ngại. Dù là lũ La Sát, Ca Lợi hay bọn Ương Quật, Đề Bà²⁶ đến tạo nghịch, Phật đều thọ ký, giáo hóa họ trở thành Phật, há chẳng phải là lấy cái nghịch kia làm cái thuận cho mình, lấy cái hủy báng của họ làm điều thành tựu cho mình ư?

Huống hồ, lúc thời bạc, thế ác, nhân sự dị thường, lẽ nào người học đạo không có chướng ngại! Nếu chẳng đã ở trước trong chướng ngại thì sao bài trừ nó cho được, khiến cho đại bảo của Pháp Vương vì đó bị mất đi, chẳng tiếc lắm ư!

Nhận định:

Bộ luận này bị thất truyền đã lâu, Tổ Vân Thê Liên Trì mong được đọc nhưng không được đọc. May nhờ ngài Linh Phong ghép nó vào tác phẩm Niệm Phật Thập Yếu, nó mới được lưu truyền rộng rãi. Xin hãy thọ trì hai hạnh Chánh và Trợ trên đây, chớ coi thường. Lại nên dùng mười Đại Ngại Hạnh (Bất Cầu Hạnh) trên để nhất nhất tự nghiệm thì quả thật, ngay trong lúc bệnh hoạn, gặp nạn cho đến lúc bị ép uổng thì tâm niệm Phật chỉ càng tăng thêm, hiểu khổ, quán không, chẳng oán, chẳng hiềm,

²⁶ Ca Lợi: khi đức Phật còn tu nhân, trong tiền kiếp làm một vị tiên nhân nhục. Vua Ca Lợi vì ghen, cắt xẻo tay, chân, mắt, mũi của ngài, nhưng Phật trọn chẳng có lòng sân hận, khiến vua Ca Lợi sám hối, phát tâm Bồ Đề.

Ương Quật là cách gọi tắt của Ương Quật Ma La, người đã giết 99 người lấy ngón tay với hy vọng được đắc thần thông đệ nhất. Khi ông này định giết mẹ ruột để đủ 100 ngón tay, Phật đã hóa độ ông, khiến ông trở thành một vị thánh giả, ngay hiện đời chứng A La Hán.

Đề Bà tức là Đề Bà Đạt Đa, em họ của Phật. Ông này chuyên môn làm nghịch hạnh, phá hoại Tăng chúng, chống đối Phật. Đó là nghịch hạnh của bậc Bồ Tát để Phật có cơ hội chế giới và thuyết giảng về các tội ngũ nghịch, vô gián v.v...

không uất, không ngại, giống như đăc Tam Muội, ắt đợc sanh Tây.

25. Trích dẫn Tây Phương Hiệp Luận của Thạch Đầu đạo nhân tức cư sĩ Viên Hoằng Đạo (Viên Liễu Phàm) ở Hà Diệp Am thời Minh

Muốn trong một đời đăt lên cái quả phải tu cả A-tăng-kỳ kiếp, chỉ mười niệm thu tóm cả con đường xa cách mười vạn [cõi nước] thì nào có phải là dùng cái kiến giải thô lậu, tư duy hời hợt, cái tâm kiết sử, cái miệng trần lao mà đăt đến nổi ư? Sao chẳng gom một lòng nhẫn để khỏi luống uổng nhiều đời, như pháp tu hành miễn đọa lưới ma?

1. Tịnh Ngộ môn:

Muốn sanh về Tịnh Độ, hãy nên tham cứu chơn thật, liễu ngộ đúng như pháp:

1.1. Một là hiểu rõ uế tức là hằng tịnh, chẳng xả tịnh.

1.2. Hai là nghe nói Tịnh Độ chẳng thể nghĩ bàn chẳng khiếp nhục.

1.3. Ba là biết trong Tất Cánh Không, nhân quả chẳng mất, dứt hết thấy pháp ác, chẳng làm ác nữa.

1.4. Bốn là biết là cõi kia chẳng đến, chẳng đi, cõi này cũng chẳng đến chẳng đi.

1.5. Năm là liễu ngộ thân lượng của Phật đầy khắp hư không, thân lượng của chúng sanh cũng đầy khắp hư không.

1.6. Sáu là nghe các hạnh trong vô lượng a tăng kỳ kiếp chẳng kinh sợ.

1.7. Bảy là tu thập thiện, tam phước, chẳng trụ nhân, thiên.

1.8. Tám là như sau khi thức giấc, nhớ lại việc trong mộng, chẳng còn có kiến giải hữu, vô.

1.9. Chín là như mắt thấy cỏ hương, tin hay không tin đều bất khả đắc.

1.10. Mười là biết pháp vô ngã, thuận tánh lợi sanh thẳng đến khi thành Phật không nhằm mệt.

Bồ Tát nhập môn này rồi, thành tựu bạch pháp, tùy ý được sanh.

2. Tịnh Tín môn:

Nếu như tu hành mà chưa thể đốn ngộ thì nên trồng sâu tín căn, chẳng kinh, chẳng động.

2.1. Một là tin vào lời thành thật từ kim khẩu, quyết định sẽ sanh.

2.2. Hai là tin tự tâm rộng lớn vì có đủ các công đức thanh tịnh như vậy.

2.3. Ba là tin nhân quả như hình với bóng vì chúng quyết định đi theo nhau.

2.4. Bốn là tin hình chất và tâm thức của thân này và hết thảy thế giới kiến lập như ánh nắng đọng, như hoa đóm trên không vì vô sở hữu.

2.5. Năm là tin đời ác ngũ trược, nóng lạnh khổ não, uế tướng hun đốt, chẳng thể ở nổi một khắc.

2.6. Sáu là tin hết thảy pháp duy tâm như nhớ đến trái mơ thì lưỡi có vị chua vậy.

2.7. Bảy là tin niệm lực chẳng thể nghĩ bàn như nghiệp lực.

2.8. Tám là tin thai sen chẳng thể nghĩ bàn giống như bào thai vậy.

2.9. Chín là tin Phật vô lượng thân, vô lượng thọ, vô lượng quang chẳng thể nghĩ bàn như thân con kiến, như tuổi phù du, như ánh đom đóm, đồng nhất bất khả tư nghị.

2.10. Mười là tin thân này quyết định sẽ chết.

Nếu đầy đủ tín căn như thế thì gỡ chân, hạ chân không chi là chẳng niệm Phật.

3. Tịnh Quán môn:

Chúng sanh vô thi cấu ứ khắp hết thủy pháp; tu Tịnh nghiệp thì phải kèm thêm các thứ quán hạnh để gọt giũa tập khí hồng làm phương tiện vãng sanh.

3.1. Một là tịnh quán: quán Phật tướng hảo như Quán kinh đã dạy.

3.2. Hai là bất tịnh quán: quán thân bất tịnh, khí thể gian bất tịnh, sanh lòng chán lìa.

3.3. Ba là vô thường quán: quán hết thủy pháp vô định; như cùng một sắc đẹp, kẻ đắm thấy thì vui, kẻ nữ ghen ghét trông thấy đâm khô; người tu quán hạnh quán thấy như các thứ như ác, dị loại xem như gỗ đất.

3.4. Bốn là hòa hợp quán: quán thân này, thế giới này, sự thấy nghe hay biết này giống như tích gỗ làm nhà, tích màu để vẽ, chẳng có thật thể.

3.5. Năm là đối trị quán: quán trên thân, kiết sử nào nặng nề nhất, nên dùng pháp nào để đối trị.

3.6. Sáu là tầm hỏi quán: quán hết thủy chúng sanh từ vô lượng kiếp đến nay cùng ta làm cha mẹ, anh em, chị em, con cái, đâm độc lẫn nhau chẳng hề hay biết cho nên sanh lòng hối hận lớn lao.

3.7. Bảy là niệm niệm quán: quán trong hết thủy thời, có mấy lúc là tâm niệm Phật, mấy lúc nào tâm lợi lạc chúng sanh, mấy lúc tâm như sạch chộn rộn.

3.8. Tám là bình đẳng quán: quán hết thủy sắc và một sắc không có đẹp, xấu; hết thủy thanh, một thanh không có khen, chê; hết thủy thọ, một thọ không có ân, cừ; hết thủy nghĩa, một nghĩa không có cạn, sâu.

3.9. Chín là vi tế quán: quán Phật niệm, pháp niệm khởi thì sẽ đến đâu, đi thì trụ ở đâu?

3.10. Mười là pháp giới quán: quán một sợi lông, một hạt bụi, một nhánh cỏ, một cây đều có đủ vô lượng cõi Phật thanh tịnh.

Nếu lúc hành các pháp quán này thì lấy pháp quán thứ nhất là Tịnh Quán làm chủ, chín pháp kia làm bạn.

4. Tịnh Niệm môn:

Pháp niệm Phật mang tên Nhất Hạnh tam muội, nếu niệm tản mạn thì tam muội chẳng thành.

4.1. Một là nhiếp tâm niệm: Đối với hết thầy chỗ, nhiếp niệm chẳng quên, dầu cho ngủ mê cũng hệ niệm trong giấc ngủ, niệm chẳng bị gián cách, chẳng có niệm khác.

4.2. Hai là dừng mãnh niệm: như kẻ háo sắc nghe âm nữ ở đâu dù núi hiểm, suối sâu, nẻo lân, hang quỷ cũng mò đến chẳng hãi.

4.3. Ba là thâm tâm niệm: như biển cả sâu rộng vẫn mò đến tận đáy, đường giặc xa vời, chưa đến nơi chẳng nghỉ.

4.4. Bốn là quán tướng niệm: trong niệm niệm thấy ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo.

4.5. Năm là tức tâm niệm: dứt bật hết thầy tâm cầu danh, tâm mong quan chức, dục tâm, thế gian tâm, tham luyến tâm, tâm hợm hĩnh, cao ngạo, tâm ngăn trở, tâm nhân ngã thị phi mà niệm Phật.

4.6. Sáu là bi đề niệm: Mỗi một khi tưởng đến Phật, lông trên thân dựng cả lên, ngũ tạng như toạc ra, như con thơ lia mẹ hiền vậy.

4.7. Bảy là phát phần niệm: như kẻ cô đơn, nghèo đói lại thi rớt, như kẻ cậy tài gặp cảnh tịch mịch, mỗi phen nghĩ đến chẳng muốn sống nữa.

4.8. Tám là nhất thiết niệm: thấy, nghe, hay, biết và lỗ chân lông, cốt tủy, không chỗ nào chẳng niệm Phật.

4.9. Chín là tham cứu niệm: niệm Phật một tiếng liền nghĩ tiếng niệm ấy đi về đâu.

4.10. Mười là Thật Tướng niệm: Chẳng dùng hữu tâm niệm, chẳng dùng vô tâm niệm, chẳng dùng hữu vô tâm để niệm, chẳng dùng phi hữu phi vô tâm mà niệm.

Đây là môn niệm Phật của bậc Thượng Phẩm. Nếu niệm như thế thì ngay trong đời này ắt được thấy Phật.

5. Tịnh Sám môn:

Muôn trừ trọng chướng hãy nên siêng sám hối:

5.1. Một là nội sám: sám hối tâm ý thức bất tịnh.

5.2. Hai là ngoại sám: Sám hối hết thầy sắc, thanh, hương bất tịnh pháp.

5.3. Ba là sự sám: Sám hối mười tám giới, hai mươi lăm cõi, tám vạn bốn ngàn các thứ trần lao kết sử gây chướng ngại việc học a tăng kỳ kiếp các hạnh nghiệp thầy Phật, lợi sanh.

5.4. Bốn là lý sám: Sám hối từ khi nhập đạo đến nay, những công giới sở đắc, những kinh luận đã học, những nghĩa sâu thẳm đã nghe, các bịnh: Làm, Ngưng, Nhậm, Diệt v.v... chướng ngại Phật vô lậu trí.

5.5. Năm là quá khứ sám: Sám hối các hắc nghiệp: giết, trộm, dâm, dối đã tạo từ đời vô thủy đến nay, mỗi mỗi đều sám hối.

5.6. Sáu là vị lai sám: Hết thầy pháp ác ngày nay đã dứt, tốt cùng đời vị lai vĩnh viễn chẳng tái phạm nữa.

5.7. Bảy là hiện tại sám: Sám hối trong đời hiện tại, sanh, lão, bệnh, tử, các thứ khổ nghiệp, phiền não nghiệp, nghiệp giở chân, hạ chân, nghiệp há miệng, động tâm, hết thầy vi tế chẳng thể tính kể nghiệp.

5.8. Tám là sát na sám: Trong một niệm có chín mươi sát na, một sát na có chín trăm lần sanh diệt; cứ một sanh diệt là một lần sám hối.

5.9. Chín là cứu cánh sám: Trong địa vị Đăng Giác có một phần vô minh nên tẩy rửa trọn vẹn.

5.10. Mười là pháp giới sám: Trong pháp tánh không ta, không người, khắp vì hết thấy chúng sanh trong quá khứ, vị lai, hiện tại mà sám hối.

Nếu có thể sám hối chân thật như thế thì hết thấy chương ngại át bị tiêu diệt, chẳng lìa đạo tràng mà được thấy chư Phật.

6. Tịnh Nguyện môn:

Tu Tịnh Độ phải nên phát đại nguyện.

6.1. Một là chẳng vì phước điền mà nguyện, nguyện vì che chở hết thấy chúng sanh mà sanh Tịnh Độ.

6.2. Hai là chẳng vì quyến thuộc mà nguyện, nguyện coi sóc hết thấy nhà Như Lai mà sanh Tịnh Độ.

6.3. Ba là chẳng vì bệnh khổ mà nguyện, nguyện chữa các thứ ghê vô minh của hết thấy chúng sanh mà sanh Tịnh Độ.

6.4. Bốn là chẳng vì làm Chuyển Luân Vương mà nguyện, nguyện chuyển pháp luân của các đức Như Lai, làm đại pháp vương mà sanh Tịnh Độ.

6.5. Năm là chẳng vì Dục Giới mà nguyện, nguyện lìa hết thấy ngũ dục vi diệu mà sanh Tịnh Độ.

6.6. Sáu là chẳng vì Sắc Giới mà nguyện, nguyện lìa hết thấy Thiên chấp mà sanh Tịnh Độ.

6.7. Bảy là chẳng vì Vô Sắc Giới mà nguyện, nguyện dứt hết thấy vi tế lưu chú, chứng thân vô lượng tướng hảo mà sanh Tịnh Độ.

6.8. Tám là chẳng vì Thanh Văn, Bích Chi Phật mà nguyện, nguyện dùng phước trí nhị nghiêm để lợi lạc hết thấy thế giới chúng sanh mà sanh Tịnh Độ.

6.9. Chín là chẳng vì một thế giới, ngàn thế giới mà nguyện, nguyện chịu khổ thay cho vô ương số thế giới, cứu chúng sanh trong hết thấy thế giới mà sanh Tịnh Độ.

6.10. Mười là chẳng vì một cho đến ngàn a tăng kỳ kiếp chúng sanh mà nguyện, nguyện chịu khổ thay cho vô

lượng, vô số a tăng kỳ kiếp hết thấy chúng sanh, cứu hết thấy chúng sanh mà sanh Tịnh Độ.

Nếu có thể phát đại nguyện như thế thì trong sát na cuối cùng, quyết định sẽ đúng như trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện đã dạy, sẽ biết đại nguyện ấy làm minh sư dẫn về Cực Lạc.

7. Tịnh Giới môn:

Hết thấy tịnh pháp đều lấy Giới làm nền tảng. Giới đứng đầu các thiện pháp, là cửa để vào cõi tịnh.

7.1. Một là xan tham giới: Thực hành hai pháp bố thí tài thí và mạng thí chẳng yêu tiếc.

7.2. Hai là hủy cấm giới: Trì trọn vẹn ngũ giới, luật nghi giới cho đến Vô Lậu Giới.

7.3. Ba là sân nhuế giới: Dùng nhẫn để điều tâm và thân, khẩu. Nếu gặp phải ác khẩu, dao, gây làm hại thì chỉ nên suy nghĩ pháp nghiệp nhân duyên, coi như đèn tra, coi như đạo sư, tưởng như gió rét, lạnh, nóng.

7.4. Bốn là phóng dật giới: Đường hiểm sanh tử không chỗ để phóng dật. Như người bung bát dầu đầy, như đi trên dây, chẳng được liếc ngoái tả hữu cũng như nghĩ đến chuyện gì khác.

7.5. Năm là tán loạn giới: Gom giữ các căn, dứt các duyên cảnh như giữ ngọn đèn trước gió, như ngăn chim sống.

7.6. Sáu là ngu si giới: Dùng trí huệ phá các mê mờ.

7.7. Bảy là kiêu mạn giới: Chẳng nên cậy tài biện luận, ngộ giải, tranh luận rồi hợm hĩnh, kiêu căng. Hết thấy sở đắc như bụi trên đất, như chất dơ đóng trên mặt gương, chẳng thể cậy chất dơ này để coi thường chất dơ khác!

7.8. Tám là phú tàng giới: Chư Phật, Bồ Tát, thần minh ở khắp mọi nơi, chẳng thể giấu giếm được; giống

như giữa ban ngày trốn bóng, giữa trận sóng tránh ướm chẳng thể nào được.

7.9. Chín là vô ích giới: Phải nên xa lìa hết thầy trò bốn cột, thi văn, trần duyên, chuyện giải thoát vô ích nơi cửa miệng!

7.10. Mười là chẳng trụ giới: Trì giới như trên chỉ là để sanh Tịnh Độ, lợi lạc chúng sanh, chẳng cầu được ngợi khen và các quả nhân, thiên, Nhị Thừa.

Bồ Tát hành các tịnh giới như thế thì có thể nhiếp chúng sanh về Tịnh Độ.

8. Tịnh Xử môn:

Người học đạo đã có chí xuất trần thì hãy nên bỏ các chôn ác:

8.1. Một là chỗ phồn hoa huyên náo.

8.2. Hai là chôn ca lâu, tử quán.

8.3. Ba là chỗ nóng bức, hun đốt.

8.4. Bốn là chôn bàn luận việc triều chánh.

8.5. Năm là chỗ ân ái trối buộc và chỗ thường đi chơi quen.

8.6. Sáu là thi đàn, văn xã, đua văn, kén ý.

8.7. Bảy là chỗ châm chọc cổ kim, sánh dài, đua ngắn.

8.8. Tám là chỗ giảng đạo học vô nghĩa vị.

8.9. Chín là chôn khoe khoang hiểu biết, đấu danh tướng, tiểu trí kiêu căng.

8.10. Mười là chỗ cuồng giải tông thừa, bàn xằng đôn ngộ, khinh thị giới luật.

Nhiều đạo như thế có khác gì ma, vì vậy phải nên xa lìa. Nếu lìa được hết thầy các chỗ như vậy thì hết thầy đạo nghiệp sẽ hoàn thành.

9. Tịnh Lữ môn:

Hết thầy ngộ cơ nếu chẳng nhờ bạn bè thì chẳng thể phát khởi được. Hết thầy pháp ác nếu không bạn thì chẳng

dứt được. Hành đạo cầu bạn thì phải phân biệt nghiêm
nhặt bạn tịnh, bạn uế. Hãy nên thân cận:

9.1. Một là bạn nhân nhã chốn núi rừng vì có thể dứt
tâm thô tháo.

9.2. Hai là bạn nghiêm trì giới luật vì có thể làm cho
lãnh đạm các dục

9.3. Ba là bạn trí huệ rộng lớn vì có thể khiến thoát
khỏi bến mê.

9.4. Bốn là bạn tổng trì văn tự vì có thể dứt nghi nan.

9.5. Năm là bạn tịch mịch, khô khan vì có thể tấn, thủ
điền tĩnh.

9.6. Sáu là bạn khiêm tốn, nhẫn nhục vì có thể tiêu trừ
ngã mạn.

9.7. Bảy là bạn thẳng tính nói thật vì có thể ngăn dè
các ác.

9.8. Tám là bạn dũng mãnh, tinh tấn vì có thể mau đạt
đạo quả.

9.9. Chín là bạn khinh tài, thích bố thí vì có thể phá
lòng keo kiệt lớn lao.

9.10. Mười là bạn nhân từ thương yêu muôn vật,
chẳng tiếc thân mạng vì có thể dẹp tan chấp trước ta
người.

Nếu không có bè bạn thanh tịnh như vậy thì hãy nên
lánh người, ở một mình, tự lo đạo nghiệp, lấy tượng làm
thầy, lấy kinh làm bạn. Còn những bọn cười giỡn khác
tuyệt chẳng giao du.

10. Bất Định Tịnh môn:

Căn khí chúng sanh lợi độn chẳng đồng. Các pháp
như trên thì hạng thượng căn lợi khí mới làm trọn đủ nổi.
Đức Như Lai có phương tiện lạ, mở ra môn cứu phẩm,
phân thành ba hạng tu tập: thượng, trung, hạ.

10.1. Một là hoặc hiểu Nghĩa Đế, nhưng chưa hoàn toàn dẹp nổi hoặc chướng, hay là chẳng hiểu sâu nhưng có thể đọc tụng các kinh.

10.2. Hai là hoặc chỉ theo lời nói mà tin, hoặc do người khác mà tin, hoặc lâm cảnh bản cùng, mang nhục mà tin.

10.3. Ba là hoặc quán tượng vàng, hoặc tùy ý quán một tượng.

10.4. Bốn là hoặc sáng sớm mười niệm, trăm niệm, cho đến ngàn niệm.

10.5. Năm là hoặc sám hối các tập khí thô trọng và các nghiệp bất thiện.

10.6. Sáu là hoặc vì sợ sanh tử, hoặc gặp nạn khổ, phát nguyện vãng sanh, nhưng chẳng được phát nguyện hưởng các phước đức cõi trời, cõi người.

10.7. Bảy là hoặc chỉ giữ ngũ giới, bát giới, cho đến chỉ không giết, trộm, dâm, dối.

10.8. Tám là nếu chẳng thể lìa sạch hết thủy chón ồn ào thì lúc nào cũng chỉ sanh tâm nhầm lìa.

10.9. Chín là nếu là người vương bận các pháp thế gian, chưa thể đoạn ngay thì chẳng nên thuận theo chúng.

10.10. Mười là chỉ có mười niệm vào lúc lâm chung.

Đối với các pháp như trên, nếu có thể chí tâm thọ trì một pháp thì đều được vãng sanh, nhưng chẳng được tin ngờ lẫn lộn. Nếu có nghi thì hết thủy các hạnh đều chẳng thành tựu.

Nhận định:

Mười môn tu trì của luận này bao trọn hết thủy pháp môn Niệm Phật. Luận Bảo Vương chép: “*Niệm danh Phật ắt thành tam muội*”, bất tất phải cầu khai ngộ hoặc quán tưởng, tham cứu, cũng chẳng bất tất phải miễn

cưỡng tìm tòi tịnh xứ, tịnh lý, chỉ cần dứt các tâm danh lợi v.v... Đối với hết thảy chỗ huyền ảo, tâm sanh chán lìa, đừng tùy thuận người còn vướng víu trong pháp thế gian, nên sanh tín, phát nguyện, nghiêm trì tịnh giới, nhiếp tâm niệm Phật, nguyện dốc lòng nhẫn đốn siêu ba a tăng kỳ.

Niệm Phật Pháp Yếu
Quyển thứ ba hết

(Bửu Quang tự đệ tử Như Hòa dịch xong ngày 03 tháng 03 năm 2003)

Phụ lục

Đại sư Liên Trì phổ khuyên giới sát, phóng sanh

Ai ai cũng yêu mạng, con vật nào cũng tham sống, lẽ đâu giết thân mạng chúng để no miệng mình. Hoặc mũi nhọn phanh bụng, hoặc dao sắc chọc tim, hoặc lột da, cạo vảy, hoặc cắt họng, bóc vỏ, hoặc nước sôi sùng sục nấu sống trạnh, lươn; hoặc muối, rượu muối sống cua, tôm. Đáng thương thay! Đau đớn cùng cực không cách giải bày, khổ sở tột bậc khó lòng chịu đựng. Tạo tội ác ngập trời đến thế, kết thành muôn kiếp thâm thù. Một mai vô thường liền đọa địa ngục, vạc sôi, lò than, cây kiếm, núi đao, vừa chịu tội xong lại làm loài vật. Oán oán vay trả, mạng mạng đắp đền. Rốt cuộc làm người, lắm bệnh, yêu thọ, hoặc bị rắn, cạp cắn chết, hoặc chết vì nạn đao binh, hoặc chết trong vòng tù tội, hoặc chết vì độc dược, đều là do sát hại cảm thành.

Tôi nay ứa lệ máu, dập trán, ai cáo người đời: chẳng dám bức các vị ăn chay, trước chỉ khuyên nên tránh giết. Nhà giới sát thiện thần thủ hộ, tai hoạnh tiêu trừ, tuổi thọ dài lâu, con cháu hiền hiếu, cát tường đủ thứ, khó thuật trọn nổi. Nếu còn tùy sức phóng sanh, lại thêm niệm Phật, chẳng những phước đức tăng trưởng, ắt còn tùy nguyện vãng sanh, mãi thoát luân hồi, lên bậc Bất Thối.

Các nhân giả có duyên gặp lời này, xin hãy hồi tâm, quyết chí thọ trì, chớ sanh nghi hối. Nếu chưa làm được, hãy chuyển cho người khác thì công đức cũng vô lượng.

Nhận định:

Chẳng kết mối nợ oan nghiệt thì lâm chung không chướng ngại. Xin tất cả các đồng đạo niệm Phật hãy giới sát, phóng sanh để vãng sanh khỏi bị chướng duyên.

**NIỆM PHẬT
PHÁP YẾU
QUYỂN THỨ TƯ**

**NHỮNG ĐIỀU CẦN
BIẾT VỀ NIỆM
PHẬT**

Niệm Phật Pháp Yếu

Quyển thứ tư

Những Điều Cần Biết Về Niệm Phật

Trì danh niệm Phật dù rất giản dị, nhưng hai thời công khóa sớm tối, định kỳ tinh tấn tu niệm, trợ niệm lúc lâm chung v.v... đều nên hành trì đúng pháp thì lòng mong cầu mới được thành tựu. Ở đây tôi xin trích lấy [từ trong kinh, sách] những điều hành giả cần phải biết để làm khuôn mẫu tu tập.

1. Công khóa sớm tối

Ngũ chúng xuất gia²⁷ có thể sử dụng “Linh Nham Sơn Tự Chuyên Tu Tịnh Độ Đạo Tràng Niệm Tụng Nghi Quy” (Nghi thức tụng niệm của đạo tràng chuyên tu Tịnh Độ chùa Linh Nham), còn hai chúng tại gia do nhân, bận bất đồng, hoàn cảnh mỗi người mỗi khác nên ở đây tôi trích dẫn vài đoạn hướng dẫn về công khóa do chư cô đức định ra từ đơn giản tới phức tạp để mỗi người xét xem cách nào thuận tiện thì tận lực hành trì cách đó.

1.1. Pháp môn Chuyên Trì thứ nhất của cư sĩ Vương Long Thư

Trong bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật có một đại nguyện như sau: “*Lúc tôi thành Phật, mười phương chúng sanh chỉ tâm tin ưa muốn sanh về cõi tôi, niệm danh hiệu của tôi mười tiếng mà nếu chẳng được sanh thì tôi chẳng làm Phật*”. Đây là đức Phật sẵn có lời nguyện

²⁷ Ngũ chúng xuất gia: gồm tỳ kheo, tỳ kheo ni, sa di, sa di ni và thức xoa ma na (học pháp nữ).

độ người, chỉ cốt người niệm ngài mười niệm để biểu thị tấm lòng quy y. Mỗi sáng hướng về Tây chấp tay đánh lễ, niệm Nam Mô A Di Đà Phật mười tiếng. Rồi lại đánh lễ, đọc một lượt bài Kệ Phát Nguyện của Đại Từ Bồ Tát như sau:

*Nguyện đồng niệm Phật nhân
Cộng sanh Cực Lạc quốc
Kiến Phật liễu sanh tử
Như Phật độ nhất thiết.*

(Tạm dịch:

Nguyện người cùng niệm Phật,
Cùng sanh về Cực Lạc,
Gặp Phật hết sanh tử
Như Phật độ tất cả).

Rồi lại đánh lễ lui ra. Chí thành như vậy thì không ai là chẳng được vãng sanh, chỉ e [phẩm vị trong] chín phẩm chẳng cao mà thôi! Nếu ai không biết chữ, ta dạy họ niệm bài kệ trên thì phước báo rất lớn.

1.2. Pháp môn Chuyên Trì thứ hai của cư sĩ Vương Long Thư

Mỗi sáng chấp tay hướng về Tây đánh lễ, niệm Nam Mô A Di Đà Phật, Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát, Nam Mô Đại Thế Chí Bồ Tát, Nam Mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát; mỗi danh hiệu mười lượt. Rồi lại đánh lễ, niệm trọn bài kệ “Tán Phật Sám Tội Hồi Hướng Phát Nguyện” một lượt như sau:

*Thập phương tam thế Phật,
A Di Đà đệ nhất,
Cửu phẩm độ chúng sanh
Oai đức vô cùng cực
Ngã kim đại quy y,
Sám hối tam nghiệp tội
Phàm hữu chư phước thiện*

*Chỉ tâm dụng hồi hướng
Nguyện đồng niệm Phật nhân
Cảm ứng tùy thời hiện
Lâm chung Tây phương cảnh
Phân minh tại mục tiền
Kiến văn giai tinh tấn
Đồng sanh Cực Lạc quốc
Kiến Phật liễu sanh tử
Như Phật độ nhất thiết*

(Tạm dịch:

Mười phương tam thế Phật
Phật Di Đà bậc nhất
Chín phẩm độ chúng sanh
Oai đức không cùng cực,
Con quy y sâu xa
Sám hối tội ba nghiệp
Có bao nhiêu phước thiện
Dốc lòng hồi hướng cả
Nguyện người cùng niệm Phật
Tùy thời cảm ứng hiện
Lúc chết, cảnh Tây Phương
Hiện rành rành trước mắt
Thấy, nghe đều tinh tấn,
Cùng sanh cõi Cực Lạc.
Gặp Phật hết sanh tử
Như Phật độ tất cả)

Lại đánh lễ, lui ra. Bài kệ này có oai lực lớn, diệt được hết thầy tội, tăng trưởng hết thầy phước. Phàm mỗi khi đánh lễ, đốt hương lạy rất tốt. Mỗi ngày đều làm như thế ắt sẽ sanh trong Trung Phẩm. Nếu dạy người khác niệm bài kệ này sẽ được phước báo lớn.

Trong lúc niệm Phật nên tưởng thân mình đang ở Tịnh Độ, đối trước Phật chấp tay, cung kính niệm Phật. Lúc niệm Bồ Tát cũng giống như thế. Lúc lạy và đọc kệ

cũng tưởng mình đang ở cõi Tịnh Độ đối trước Phật lễ bái và tụng kệ. Nếu khi nào đã có tượng Phật, Bồ Tát thì chẳng cần phải làm như vậy; nhưng phải tưởng tượng Phật, Bồ Tát ấy như đức Phật và Bồ Tát hiện thân ở ngay tại đó, nhận sự lễ lạy của mình, nghe mình tụng niệm. Chuyên chí như vậy thì phẩm vị vãng sanh ắt cao. Nếu càng tinh tấn hơn thì mỗi ngày niệm Phật ba lượt, năm lượt, hoặc niệm ngàn tiếng, vạn tiếng, cho đến ngày đêm niệm Phật không hở. Lại đem pháp môn Niệm Phật rộng giáo hóa người đời, lại khiến họ khuyến hóa lẫn nhau ắt sẽ sanh trong Thượng Phẩm Thượng Sanh.

Nhận định:

Cách này chuyên vì người bận rộn quá mức hoặc kẻ không biết chữ mà lập ra pháp Niệm Phật giản dị cũng như để người mới học để hiểu mà chọn được một cách hành trì. Ngày ngày chí thành như thế, không ai là chẳng vãng sanh. Nếu lại hành thêm khóa tối hoặc là cứ hễ rảnh là niệm, hoặc trong lúc làm việc vẫn niệm Phật không gián đoạn, lại còn rộng khuyên người khác thì phẩm vị vãng sanh ắt sẽ cao.

1.3. Pháp Thập Niệm vào lúc sáng sớm của ngài Từ Vân Sát Chủ

Mỗi ngày vào lúc sáng sớm, sau khi ăn mặc tươm tất xong, đứng ngay ngấn hướng mặt về Tây, chắp tay niệm liên tiếp A Di Đà Phật đến hết một hơi là một niệm. Mười hơi như thế gọi là “mười niệm”. Chỉ tùy theo hơi thở dài hay ngắn, chẳng hạn định số câu niệm Phật, chỉ cốt niệm lâu dài, lấy hết một hơi thở làm hạn. Tiếng niệm Phật chẳng cao, chẳng thấp, chẳng rề rà, chẳng cấp bách, giữ sao cho vừa phải. Mười hơi liên tiếp như thế cốt ý để giữ

cho tâm chẳng tán loạn, lấy chuyên tinh làm công, gọi là Thập Niệm, rõ ràng là dùng hơi thở để câu thúc cái tâm. Niệm như thế xong, phát nguyện hồi hướng như sau:

“Đệ tử con tên là... nhất tâm quy mạng Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, nguyện dùng quang minh thanh tịnh chiếu con, dùng từ thệ nhiếp thọ con. Con nay chánh niệm xưng danh hiệu Như Lai trong mười niệm, vì đạo Bồ Đề cầu sanh Tịnh Độ. Xưa kia, Phật đã thề: *‘Nếu có chúng sanh muốn sanh nước ta, chỉ tâm tin ưa, dầu chỉ mười niệm; nếu chẳng được sanh, ta chẳng chịu giữ ngôi vị Chánh Giác’*. Dùng nhân duyên Niệm Phật đây nhập trong biển Như Lai đại thệ, nương Phật từ lực, các tội tiêu diệt, tăng trưởng tịnh nhân. Khi mạng sắp hết, tự biết đến thời, thân không bệnh khổ, tâm không tham luyến, ý chẳng điên đảo như nhập Thiền Định. Phật và Thánh Chúng tay cầm đài vàng đến đón tiếp con. Trong khoảng một niệm sanh cõi Cực Lạc. Hoa nở thấy Phật, liền nghe Phật thừa, đốn khai Phật huệ, rộng độ chúng sanh, mãn Bồ Đề nguyện”.

Phát nguyện ấy xong, lễ bái hay chẳng lễ bái đều được, chỉ cần trọn một đời này chẳng hề tạm bỏ ngày nào. Chỉ chẳng hề phé bỏ, tự dốc lòng vào đó ắt sẽ sanh về cõi kia.

Nhận định:

Đây là vì hàng vua, quan bận rộn việc nước, không rảnh rỗi để tu trì mà lập ra pháp này. Do chúng sanh tâm tán loạn, lại không rảnh rỗi để chuyên niệm nên mượn hơi thở để nhiếp tâm như thế khiến tâm tự chẳng tán loạn. Nhưng cần phải thuận theo hơi thở dài hay ngắn, chẳng nên miễn cưỡng niệm cho nhiều, miễn cưỡng sẽ bị thương khí.

Cũng chỉ được niệm mười niệm, chẳng nên niệm đến hai mươi, ba mươi niệm, niệm nhiều cũng bị tổn khí. Nếu như thêm Thập Niệm vào buổi tối hoặc ba lượt: sáng, trưa, tối cũng được. Vì tán tâm niệm Phật thì khó được vắng sanh cho nên lập ra pháp này cốt để tâm quy về một chỗ, nhất tâm niệm Phật, quyết định vắng sanh.

Số lần niệm tuy ít, nhưng công đức rất sâu. Vì thế sau này chư Tổ đều coi cách này là phương tiện tối thắng để nhiếp thọ các căn cơ, càng thâm nhập càng thấy sâu xa. Giống như có được món ăn ngon lành, đã biết đến mùi vị của nó thì trong mọi hành vi, lời lẽ hằng ngày đều chăm chăm tưởng mộ, chỉ còn nghĩ đến Phật, chứ nào còn phải hạn định trong một lúc uống trà mới nhắc nhở đến mà thôi! Nếu trong nhà có căn phòng thanh tịnh hoặc có điện thờ Phật thì nên đối trước tượng Phật thắp hương, lễ bái, đứng niệm hay quỳ niệm đều được cả!

1.4. Thông hành tảo vãn công khóa nghi thức

(Nghi thức tụng niệm sớm tối thông dụng)

a. Cúng dường:

Trong điện Phật chỉ thờ Tây Phương Tam Thánh, trước tượng Phật cúng hoa, hương, đèn, quả, nước v.v... Nếu chẳng đủ sức thì cúng một chén nước trong, thắp ba cây hương, đèn, hoa tùy lòng. Lúc thắp hương nên thâm niệm hoặc đọc rõ tiếng bài tán hương:

*Nguyện thử hương hoa vân
Biển mãn thập phương giới
Cúng dường nhất thiết Phật
Thế gian nan tín pháp
Cập chư thượng thiện nhân
Phổ huân chư chúng sanh
Giai phát Bồ Đề tâm
Đồng sanh Cực Lạc quốc*

(Tạm dịch:
Nguyện mây hương hoa này
Đầy ấp mùi phương cõi
Cúng dường tất cả Phật
Pháp trong đời khó tin
Và những bậc thượng thiện
Xin hương này xông tỏa
Tất cả mọi chúng sanh
Đều phát Bồ Đề tâm
Cùng nhau sanh Cực Lạc)

b. Lễ bái:

Lúc lễ bái trước hết nên chấp tay, đứng hay quỳ, thành
khẩn niệm:

*Nhất tâm đảnh lễ Sa Bà thế giới đại từ đại bi nhân
thiên giáo chủ Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.*

*Đệ tử tên là... khắp vì bốn ân, ba cõi, pháp giới chúng
sanh chí thành sám hối. Con cùng chúng sanh:*

*Vãng tích sở tạo chư ác nghiệp
Giai do vô thí tham, sân, si
Tùng thân, ngữ, ý chi sở sanh
Nhất thiết ngã kim giai sám hối
Tội tùng tâm khởi tương tâm sám
Tâm nhược không thời tội diệt vong
Tâm vong, tội diệt, lưỡng câu không
Thị tắc danh vi chơn sám hối (một lễ)
(Xưa kia đã tạo các ác nghiệp
Đều do vô thí tham, sân, si
Từ thân, miệng, ý phát sanh ra,
Hết thấy con nay xin sám hối.
Tội từ tâm khởi đem tâm sám
Tâm đã không rồi, tội cũng tiêu
Tâm không, tội diệt thấy đều không
Thế mới gọi là chơn sám hối)*

Nhất tâm đánh lễ Tây Phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật.

Đệ tử tên là... khắp vì bốn ân, ba cõi, pháp giới chúng sanh chí thành phát bốn hồng thệ nguyện:

Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành. (một lễ)

Nhất tâm đánh lễ Tây phương An Lạc thế giới đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn quảng đại linh cảm ứng Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát.

Đệ tử tên là... khắp vì bốn ân, ba cõi, pháp giới chúng sanh chí thành phát đại nguyện, nguyện con và chúng sanh:

Túc thế thân sanh chư phụ mẫu

Lịch kiếp tổ tông cập oán thân

Đồng trọng Như Lai từ bi lực

Tiếp dẫn vãng sanh An Lạc quốc (1 lay)

(Tạm dịch:

Cha mẹ đời này hay đời trước

Tổ tông, oán, thân suốt bao kiếp

Cùng nương Như Lai từ bi lực.

Tiếp dẫn vãng sanh cõi An Lạc)

Nhất tâm đánh lễ Tây phương An Lạc thế giới đại từ đại bi Đại Thế Chí Bồ Tát Ma Ha Tát.

Đệ tử tên là... khắp vì bốn ân, ba cõi, pháp giới chúng sanh chí thành phát đại nguyện, trong bao kiếp:

Sở sát y thực chư oan mạng

Thập phương bị sát chư chúng sanh

Tất hoạch độ thoát sanh Tịnh Độ

Nguyện Phật từ bi phổ nhiếp thọ (1 lay)

(Tạm dịch:

Vì cơm áo giết oan các mạng

Bao kẻ tôi giết khắp mười phương

Thầy đều siêu thoát sanh Tịnh Độ

Nguyện Phật từ bi nhiếp thọ hết)

*Nhất tâm đảnh lễ Tây phương An Lạc thế giới đại từ
đại bi Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát Ma Ha Tát.*

*Đệ tử tên là... khắp vì bốn ân, ba cõi, pháp giới chúng
sanh chí thành phát đại nguyện, nguyện con và chúng
sanh:*

Cộng dĩ Phổ Hiền thù thắng hạnh

Vô biên thắng phước giai hồi hướng

Phổ nguyện trăm nịch chư chúng sanh

Tốc vãng Vô Lượng Quang Phật sát. (1 lay)

(Tạm dịch:

Cùng theo hạnh Phổ Hiền thù thắng

Vô biên phước quý đều hồi hướng

Nguyện khắp chúng sanh đang chìm đắm

Mau sanh về cõi Vô Lượng Quang)

*Nhất tâm đảnh lễ tận hư không biến pháp giới thập
phương thường trụ đại từ đại bi nhất thiết chư Phật, nhất
thiết Tôn Pháp, nhất thiết Bồ Tát Hiền Thánh Tăng.*

*Đệ tử tên là... khắp vì bốn ân, ba cõi, pháp giới chúng
sanh chí thành phát đại nguyện, nguyện con và chúng
sanh:*

Cộng tiêu tam chướng, chư phiền não

Cộng tăng phước huệ dĩ thọ khảo

Phổ nguyện tai, bệnh tất tiêu trừ

Vãng sanh viên thành Bồ Tát đạo (1 lay)

(Tạm dịch:

Cùng tiêu ba chướng, các phiền não

Cùng tăng phước huệ và tuổi thọ

Phổ nguyện tai, bệnh tất tiêu trừ

Vãng sanh viên thành Bồ Tát đạo)

c. Niệm tụng:

Chấp tay ngồi niệm:

Nam mô Liên Trì Hải Hội Phật Bồ Tát (3 lượt)
Phật thuyết A Di Đà kinh (1 biến)
Bạt Nhất Thiết Nghiệp Chương Căn Bản Đắc Sanh
Tịnh Độ Đà Ra Ni (tức chú Vãng Sanh, niệm ba biến, rồi
đọc tiếp kệ tán Phật)

*A Di Đà Phật thân kim sắc
Tướng hảo quang minh vô đẳng luân
Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di
Cám mục trừng thanh tứ đại hải
Quang trung hóa Phật vô số ức
Hóa Bồ Tát chúng diệc vô biên
Tứ thập bát nguyện độ chúng sanh
Cửu phẩm liên hoa đặng bỉ ngạn*
(Tạm dịch:

Phật A Di Đà thân kim sắc
Tướng hảo quang minh khó sánh bằng
Năm Tu Di uyển chuyển bạch hào
Bốn biển lớn trong ngàn mắt biếc
Trong hào quang hóa vô số Phật
Hóa các Bồ Tát cũng vô biên
Bốn mươi tám nguyện độ chúng sanh
Chín phẩm sen vàng lên bốn giác)

Nam mô Tây Phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi A
Di Đà Phật (1 lần)

Nam mô A Di Đà Phật.

(niệm mấy trăm câu hoặc vài ngàn câu, lúc đầu định số lần niệm ít, dần dần tăng lên nhiều, nhưng phải giữ sao cho nhất định, chẳng nên lúc tăng, lúc giảm, khi ít, khi nhiều. Để nhớ số thì dùng khâu chuỗi, hoặc dùng hương, hoặc dùng đồng hồ để hạn định thời gian cũng được. Chẳng cần biết là niệm lớn tiếng, niệm nhỏ tiếng hay niệm thầm, cốt sao miệng niệm, tai nghe, từng chữ rành rẽ, ký nhất là niệm như trả bài, tâm mong cho chóng xong thì khó lòng được lợi ích. Ngồi niệm hoặc vừa niệm vừa đi nhiều đều được. Nếu đi nhiều thì phải đi từ Đông qua Nam, từ Tây sang Bắc. Nhiều theo chiều thuận có công đức, chẳng được đi nhiều ngược chiều mắc phải tội vạ. Niệm xong lại niệm):

A Di Đà Phật

(ngồi niệm hoặc lặng im niệm thầm trăm tiếng hoặc mấy ngàn tiếng)

Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát

(từ đây trở xuống, quỳ niệm ba lượt hoặc mười lượt, hoặc đứng chấp tay niệm, niệm xong lễ một lạy)

Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát

(ba lượt hoặc mười lượt, lễ một lạy)

Nam mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát

(3 lượt hoặc mười lượt, lễ một lạy)

d. Hồi hướng:

Quỳ niệm kệ hồi hướng

(hoặc đọc bài Tây Phương Phát Nguyện Văn của Tổ Liên Trì trong phần Phụ Lục, hoặc đọc bài Phát Nguyện Hồi Hướng của ngài Từ Vân Sám Chủ ở phần trước, nhưng lược đi bốn chữ “trong khoảng mười niệm”. Tùy người bận rộn hay rảnh rỗi mà chọn lấy một bài để niệm. Cần phải khẩn thiết, chí thành, nương theo kinh văn phát tâm, câu nào cũng xuất phát từ tự tâm thì mới phù hợp với ý chỉ phát nguyện)

Nguyện ngã lâm chung vô chương ngại

A Di Đà Phật viễn tương nghênh

Quán Âm cam lộ sái ngô đầu

Thế Chí kim đài an ngã túc

Nhất sát na trung ly ngũ trược

Khuất thân tỷ khoảnh đảo Liên Trì

Liên hoa khai hậu kiến Từ Tôn

Thân thính pháp âm khả liễu liễu

Văn dĩ tức ngộ vô sanh nhân

Bất vi An Dưỡng, nhập Sa Bà

Thiện tri phương tiện độ chúng sanh

Xảo bả trần lao vi Phật sự

Ngã nguyện như tư Phật tự tri

Tát cánh đương lai đắc thành tựu.

(Tạm dịch:

Nguyện con lâm chung không chướng ngại
A Di Đà Phật đến tiếp nghênh
Đầu con: Quán Âm rưới cam lộ
Chân con: Thế Chí lót đài vàng
Trong một sát na lìa ngũ trược
Duỗi tay khoanh khắc đến Liên Trì
Hoa sen bùng nở, gặp Từ Tôn
Lắng nghe pháp âm hiểu thông suốt.
Nghe xong liền ngộ Vô Sanh Nhẫn
Chẳng rời An Dưỡng, nhập Sa Bà
Khéo hiểu phương tiện độ muôn chúng
Khéo dùng trần lao làm Phật sự
Con nguyện thế đó, Phật tự hay
Mai sau rốt ráo được thành tựu.)

(Xưa nay, bài văn này có sự linh nghiệm lớn. Có người trong lúc phát nguyện thấy điềm lành, hoặc có người trong mộng thấy Phật phóng đại quang minh. Sự cảm ứng rất nhiều chẳng thể thuật đủ, chỉ nên dốc sức mà hành thì mới tin là chẳng hư huyền vậy).

e. Tam quy y:

Đôi Phật chấp tay niệm:

Tự quy y Phật, xin nguyện chúng sanh thấu hiểu đạo cả, phát tâm Vô Thượng (1 lạy).

Tự quy y Pháp, xin nguyện chúng sanh hiểu sâu kinh tạng, trí tuệ như biển (1 lạy).

Tự quy y Tăng, xin nguyện chúng sanh dắt dìu đại chúng, hết thảy không ngại (1 lạy).

Phụ Lục:
Liên Trì Đại Sư Tân Định Tây
Phương Phát Nguyện Văn

(Bài văn Phát Nguyện Vănng Sanh Tây Phương do Liên Trì Đại Sư mới đặt ra)

Khê thủ Tây Phương An Lạc Quốc
Tiếp dẫn chúng sanh đại đạo sư
Ngã kim phát nguyện, nguyện vãng sanh
Duy nguyện từ bi ai nhiếp thọ.

Đệ tử mỗi gặp (đọc tên mình thay vào chữ “mỗ giáp”) phổ vị tứ ân, tam hữu, pháp giới chúng sanh, cầu ư chư Phật nhất thừa vô thượng Bồ Đề đạo cố, chuyên tâm trì niệm A Di Đà Phật vạn đức hồng danh, kỳ sanh Tịnh Độ.

Hựu dĩ nghiệp trọng phước khinh, chướng thâm huê thiên, nhiễm tâm dị xí, tịnh đức nan thành. Kim ư Phật tiền, kiêu cần ngũ thể, phi lịch nhất tâm đầu thành sám hối. Ngã cập chúng sanh, khoáng kiếp chí kim, mê bồn tịnh tâm, túng tham sân si nhiễm ứ tam nghiệp. Vô lượng vô biên sở tác tội cấu, vô lượng vô biên sở kết oán nghiệp, nguyện tất tiêu diệt. Tùng ư kim nhật, lập thâm thệ nguyện, viễn ly ác pháp, thệ bất cánh tạo, cần tu Thánh đạo, thệ bất thôi đọa, thệ thành Chánh Giác, thệ độ chúng sanh.

A Di Đà Phật dĩ từ bi nguyện lực, đương chứng tri ngã, đương ai mãn ngã, đương gia bị ngã. Nguyện thiên quán chi trung, mộng寐 chi tế, đắc kiến A Di Đà Phật kim sắc chi thân, đắc lịch A Di Đà Phật bảo nghiêm chi độ, đắc mông A Di Đà Phật cam lộ quán đảnh, quang minh chiếu thân, thủ ma ngã đầu, y phú ngã thể, sử ngã túc chướng tự trừ, thiện căn tăng trưởng, tật không phiền não, đốn phá vô minh, viên giác diệu tâm khuếch nhiên khai ngộ. Tịch quang chơn cảnh thường đắc hiện tiền. Chí lâm dục mạng chung, dự tri thời chí, thân vô nhất thiết bệnh khổ ách nạn, tâm vô nhất thiết tham luyến mê hoặc, chư căn duyệt dự, chánh niệm phân minh, xả báo an tường như nhập Thiền Định.

A Di Đà Phật dĩ Quán Âm, Thế Chí, chư thánh hiền chúng phóng quang tiếp dẫn, thù thủ đề huê. Lâu, các, tràng phan, dị hương, thiên nhạc, Tây phương thánh cảnh

chiếu thị mục tiền, linh chư chúng sanh kiến giả, văn giả, hoan hỷ cảm thán, phát Bồ Đề tâm. Ngã ư nhĩ thời, thừa kim cang đài, tùy tùng Phật hậu, như đàn chỉ khoảnh, sanh Cực Lạc quốc, thất bảo trì nội, thắng liên hoa trung. Hoa khai kiến Phật, kiến chư Bồ Tát, văn diệu pháp âm, hoạch Vô Sanh Nhẫn. Ư tu du gian, thừa sự chư Phật, thân mông thọ ký. Đắc thọ ký dĩ, tam thân, tứ trí, ngũ nhãn, lục thông, vô lượng bách thiên đà ra ni môn, nhất thiết công đức giai tất thành tựu. Nhiên hậu, bất vi An Dưỡng, hồi nhập Sa Bà, phân thân vô số biến thập phương sát, dĩ bất khả tư nghị tự tại thân lực, chủng chủng phương tiện độ thoát chúng sanh, hàm linh ly nhiễm, hoàn đắc tịnh tâm, đồng sanh Tây phương, nhập bất thối địa.

Như thị đại nguyện, thế giới vô tận, chúng sanh vô tận, nghiệp cập phiên não, nhất thiết vô tận, nguyện ngã vô tận. Nguyện kim lễ Phật, phát nguyện tu trì công đức hồi thí hữu tình. Tứ ân tổng báo, tam hữu tề tu, pháp giới chúng sanh đồng viên chủng trí.

(Đại Sư Ấn Quang bảo bài phát nguyện này văn tự, nghĩa lý hoàn bị, là bài phát nguyện bậc nhất xưa nay. Cư sĩ Lý Viên Tịnh đã viết lời giải thích cho bài phát nguyện này, in kèm vào sau cuốn A Di Đà Bạch Thoại Giải Thích của Nam Đình Hòa Thượng – xin xem bản dịch phần chú giải của Lý Cư Sĩ trong phần Phụ Lục E của Niệm Phật Pháp Yếu, cuốn 1)

Nhận định:

Đối với người mới học Phật thì công khóa đơn giản hay phức tạp nên tùy theo rảnh rỗi hay bận rộn mà châm chước. Trên đây chỉ tạm nêu một cách thức, chứ không bắt buộc. Khi hoàn tất công khóa, có thể thêm vào câu *“thay cho cha mẹ, sư trưởng, kẻ oán, người thân bao kiếp lễ Phật ba lạy, cầu sanh Tịnh Độ”* và niệm thêm chú Đại Bi từ một đến bảy biến, niệm thánh hiệu Quán Âm Bồ Tát

từ một trăm đến một ngàn lần, cầu nguyện: “*Chiến tranh vĩnh viễn chấm dứt, vận nước tốt lành, chúng sanh an vui, thế giới hòa bình, biến Sa Bà thành thế giới Cực Lạc*” thì càng hay. Là vì trước con đại kiếp, nguy nạn khó lường, thường nên chí thành niệm Quán Thế Âm Bồ Tát ắt ngài sẽ tâm thanh cứu khổ, chuyên nguy thành an. Ví dụ định nghiệp khó chuyển, vẫn có thể nhờ vào Bồ Tát lực và Phật lực để vãng sanh Tây Phương, thoát khỏi biển khổ. Nếu có cầu nguyện điều gì, cứ tùy ý mà cầu. Cốt sao thành tâm thì có cầu ắt ứng.

1.6. Phép quán trước khi ngủ của Thiện Đạo đại sư

Người tu Tịnh Độ phàm muốn nhập Quán, hay lúc sắp ngủ nên nhất tâm chấp tay, hướng thẳng mặt về Tây, đứng hay ngồi, hay quỳ, niệm A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng mười tiếng xong, phát nguyện như sau:

“Đệ tử tên là... hiện là phàm phu sanh tử, tội chướng sâu nặng, luân hồi sáu nẻo, khổ không tả nổi. Nay gặp tri thức, được nghe danh hiệu A Di Đà, bốn nguyện công đức, nhất tâm xưng niệm, cầu nguyện vãng sanh. Nguyện Phật từ bi chẳng bỏ, xót thương nhiếp thọ. Đệ tử tên là... chẳng biết tướng hảo, quang minh nơi thân đức Phật, xin Phật hiện bày cho con được thấy và thấy Quán Âm, Thế Chí, các vị Bồ Tát, các sự thanh tịnh, trang nghiêm, quang minh, diệu tướng... trong thế giới kia, khiến con được thấy một cách rành rẽ”.

Phát nguyện xong, chánh niệm nhập quán, hoặc lúc sắp ngủ chánh niệm mà ngủ, chớ nên nói tạp nhạp, đừng mơ tưởng lung tung thì ngay trong lúc phát nguyện sẽ được thấy [những diệu tướng đó] hoặc trong mộng寐 được thấy. Cốt sao chuyên chí sẽ được thỏa nguyện.

Nhận định:

Liên Trì đại sư bảo: *“Từ xưa, đại sư Thiện Đạo được xưng tụng là hóa thân của Phật A Di Đà. Nay người tu Tịnh Độ phải nên tin tưởng sâu xa vào bài văn phát nguyện này, chớ vì chẳng thấy linh nghiệm liền bèn buông bỏ ngay. Điều quan trọng là hành trì lâu ngày ắt sẽ sanh về Tịnh Độ, công chẳng uổng phí vậy!”* Sau khóa tụng buổi tối mỗi ngày hoặc lúc sắp ngủ xin hãy thực hành cách này.

1.7. Pháp nhiếp tâm trong khi ngủ của cư sĩ Hà Hiến Từ

Nằm ngủ niệm Phật dĩ nhiên là chẳng cung kính, hãy nên kê tay phải dưới đầu, tay trái đặt trên đùi trái, đây gọi là thế nằm Cát Tường. Quán tưởng thân mình quỳ trước đức Phật, hai tay chắp lại, cung kính thâm niệm, chẳng nên niệm ra tiếng. Nếu đầu giường có để đồng hồ để giúp mình niệm thì càng hay. Niệm mãi đến khi ngủ thiếp đi mới thôi. Tỉnh giấc trong đêm cũng làm thế. Trong cả đời người, chuyện ngủ nghề hao hót quang âm quá nửa. Nhiếp tâm niệm Phật như thế chính là lợi dụng thời gian bị bỏ phé, công hiệu rất lớn. Nếu như vận dụng tinh thần niệm lâu bị mất giấc ngủ thì có thể lẳng lòng tu pháp Ngọa Thiên.

Ngọa Thiên là buông bỏ thân tâm, một niệm chẳng sanh, hệt như ngồi Thiên. Tu tập pháp Định này lâu ngày thì dù có ngủ mê vẫn chẳng điên đảo. Kể tại gia bộn bề công việc, ngay lúc ấy là tự do hãy gắng sức tu cách này thì công phu vô thượng đạt được ngay trong khi ngủ nghỉ.

Nhận định:

Ông Tô Đông Pha nói: “*Chỉ trong năm canh mới vứt bỏ được việc nhà*”. Vô luận là tại gia hay xuất gia đều hãy nên tận lực tu tập pháp này. Lâu ngày trong khi ngủ nghỉ vẫn có thể niệm Phật chẳng ngắt. Nhưng chẳng nên căng thẳng tinh thần quá mức, chỉ cốt sao tâm niệm, tâm nghe thì dễ ngủ, chẳng đến nỗi niệm lâu ngày bị mất ngủ.

2. Định kỳ tinh tấn:

Được vãng sanh hay không toàn là do có tín nguyện hay không, phẩm vị cao hay thấp toàn là do trì danh sâu hay cạn. Phật dạy từ một ngày đến bảy ngày trì danh nhất tâm bất loạn, cho nên phải định kỳ [niệm Phật] cầu chứng. Chúng sanh đời mạt pháp tu các công đức, tín nguyện chẳng chắc chắn, phé bỏ công phu càng dễ, cho nên càng phải nên hạn kỳ tu tập thì mới phát được tâm thù thắng, tạo thành hạnh thù thắng. Ở đây, tôi trích lấy những pháp yếu tinh tấn của cổ đức và khuôn mẫu Phật thất để đại chúng tuân hành theo, cầu được chứng đắc ngay trong hiện đời.

2.1. Lược trích “Cách truy danh niệm Phật” của Tam Phong đại sư

Niệm Phật cầu nhất tâm bất loạn, chỉ lấy một câu Phật hiệu cực lực truy danh, đã mạnh mẽ lại càng mạnh mẽ hơn, tinh thành một phiến thì chẳng suy lường đến chuyện quá khứ, chẳng đoái hoài đến chuyện vị lai, chẳng nắm giữ tâm thức hiện tại. Ba tâm đoạn sạch tức là đoạn cả tiền tế lẫn hậu tế. Đây là do xét đến cùng, niệm đến cực, thấy, nghe, chạm cảnh, gặp duyên, cắt đứt nẻo tâm, đạt đến mức cõi hư không nát như bột, đại địa chìm lìm, vật lẫn ta cùng tiêu, một pháp chẳng lập, [sự việc] trước mắt như sấm la vạn tượng hiện bóng trong tám gương tròn

lớn, trọn không có lấy một điểm để diễn bày, phân biệt. Thân tâm rỗng rang như mây bông bèo. Tình cảnh này gọi là “nhất tâm bất loạn”. Đến mức này thì chẳng còn có tâm gì để mà loạn cả!

Nếu chưa đạt đến cảnh giới này thì dù có tạm thời thanh tịnh cũng chỉ là tạm ngưng lặng mà thôi: lúc thanh tịnh thì có, lúc động loạn bèn mất; huống hồ là lúc lâm chung cực thống khổ, mê man ư? Đủ thấy tịnh cảnh còn con lúc bình thường chỉ là chuyện bên lề của tâm ý thức; đến lúc mê man thì ý thức thông minh chủ tể trọn chẳng dùng làm gì được! Kinh dạy: “Nhất tâm bất loạn” là đức Phật chỉ ngay vào công phu cùng tột, bất quá là chấp trì bốn chữ Phật danh, câu này gói lên câu kia, tiếng nọ đuổi theo tiếng kia như mãnh tướng vung gươm đuổi giặc, nỗ lực thẳng tiến, không chút nào thông dong. Hành trì như vậy nhất định sẽ bắt nạ, bắt vua.

Công phu như vậy nào phải đâu là cứ thông dong năm chòng thàng chát rồi sẽ đạt được, cũng chẳng phải là đến lúc già nua, sắp chết bèn gấp gấp hành trì mà có thể thành tựu nổi. Chỉ là lúc mạnh khỏe, mỗi ngày mỗi hành trì sao cho đoạn được tâm thức, buông bỏ, ngưng nghỉ được quang cảnh trước mắt thì đến lúc mê man đau đớn cùng cực, [tâm niệm] mới giống hết lúc đoạn được cả tiền tế lẫn hậu tế khi trước. Trở về cõi, hợp vào thể như nước trở về với nước, tựa hư không hòa lẫn vào hư không, chẳng phải là tự tại hay sao?

Hãy tự biết rằng công phu này chẳng phải do bám vào công đức của Phật hiệu mà được thành tựu, mà là do cực lực truy đánh bốn chữ Phật hiệu mà được thành công vậy! Khuyến thiện hữu đồng môn hãy theo đúng pháp mà niệm một ngày. Nếu một ngày chưa thành thì nghỉ một ngày rồi lại niệm, hoặc niệm liên tiếp hai ngày, hoặc niệm liên tiếp ba ngày, bốn ngày cho đến bảy ngày, hoặc trong một tháng dưng mãnh niệm một ngày. Bảy ngày là thời hạn do

đức Phật ước chừng một cách rộng rãi vậy. Nếu niệm chẳng khản thiết, đến hết bảy ngày chẳng thành tựu thì nên điều dưỡng tinh thần, sau bảy ngày lại niệm bảy ngày nữa, lấy việc đạt nhất tâm bất loạn làm hạn.

Để thực hành công phu truy đánh niệm Phật thì chẳng luận là tăng, ni, đạo, tục, ai nấy đều có thể dũng mãnh tu tập được, nhưng phải phân chia đàn tràng nam nữ riêng, chẳng được xen tạp. Ngay từ đêm hôm trước ngày bắt đầu hạn kỳ [truy đánh niệm Phật] thì vợ chồng ngủ riêng, ngủ thanh tịnh trên giường nhỏ. Canh năm tắm gội vào đàn, rỗng không tâm thức, ngăn chặn ngoại duyên, đóng cửa tuyệt sự. Lễ ba lạy xong, chẳng cần lễ nhiều. Suy cử một kẻ có trí làm thủ lãnh để dẫn dắt đại chúng, đề khởi bốn chữ A Di Đà Phật, niệm nghiêm nhặt câu nọ tiếp đuôi theo câu kia.

Chớ nên niệm to tiếng tổn khí, chẳng nên miễn cưỡng niệm quá cấp bách trong một hơi thở khiến tâm bức rức, chẳng nên thâm niệm quá sức khiến bị tổn huyết, chẳng được niệm một cách thông dong, dưỡng thần, chẳng được trầm tĩnh, hôn trầm. Mỗi lần niệm đứng, ngồi, hay đi đều phải trong khoảng thời gian [cháy hết] nửa cây hương nhỏ, niệm xong lại quay lại từ đầu, nối tiếp chẳng ngắt. Ăn uống, vào nhà xí, thay áo v.v... đều nhất luật niệm Phật, chẳng được nói chuyện.

Bữa cháo sớm, bữa lót dạ, bữa ngộ và bữa cháo tối, tùy thời dùng các thứ thức ăn thô dỏ, chẳng được sanh tâm bày vẽ, tốn kém. Chỉ giữ cho bốn chữ Phật hiệu như nước từ núi cao đổ xuống, sức mạnh ngàn ngạt, chẳng ngăn trở được, buông bỏ chẳng được, từ trong tâm tưởng tự nhiên tuôn ra, tâm thức chẳng nương đậu vào đâu. Niệm đến hai canh giờ, nếu mệt mỏi, cứ đi ngủ một chút cũng chẳng ngại gì. Thức dậy lại niệm như cũ.

Niệm suốt một hai ngày, nếu thân lẫn tâm đều mỏi mệt thì nghỉ suốt một ngày một đêm cũng chẳng ngại gì,

ngủ sâu cho đến khi tỉnh. Nếu thức dậy thấy tinh thần phần chần lại bắt đầu kỳ niệm mới, niệm một hai ngày nữa. Hành dần dần, niệm niệm tiếp nối, tâm tâm chẳng dờ. Nếu như niệm suốt cả bảy ngày hoặc thấy mệt mỏi thì ngưng niệm cũng chẳng hại gì, chờ đến lúc khỏe khoản lại niệm tiếp.

Tu tập công phu này thì chẳng nên để hôn trầm, tán loạn, lao chao nhiều động mình. Nếu vì sợ hôn trầm, tán loạn, lao chao bèn cố sức bài trừ, đối đầu trực tiếp với hôn trầm, tán loạn, lao chao thì càng đương cự càng lại bị nhiều. Chẳng bằng buông mình ngủ một giấc thì hôn trầm, tán loạn, lao chao sẽ tự diệt, tinh thần tươi tỉnh bội phần, đề khởi hồng danh mười phần sáng suốt, chuyện trước mắt sạch lầu như tuyết, một sắc, một hương chính là chỗ cắt đứt tâm thức, màu nhiệm khôn bàn; nhưng chẳng được tham ngủ!

Phải biết rằng: Thực hành công phu này đến chỗ cùng cực, nếu chẳng buông nghỉ, bị ám ma sanh khởi hoặc đổ bệnh thì đều là do thực hành quá mức, không hiểu cách điều nhiếp. Người chủ trì công phu tu tập này phải nên lưu ý.

Nhận định:

Niệm Phật quý tại bình thời dụng công. Nếu trước đã có điều thành tựu thì sẽ được làm người khoái hoạt cả đời, lúc lâm chung quyết định vãng sanh. Pháp này tối diệu, tối ổn, xin hãy nhân lúc mạnh khỏe dưỡng mãnh thực hành hầu lúc lâm chung khởi lâm cảnh chân tay luống cuống! Tuy tuổi già thân suy, khí lực chẳng đủ thì cũng nên khéo điều nhiếp để thực hành thử!

2.2. Trích dẫn quy chế “Mười Hai Thời Niệm Phật” của đại sư Hám Sơn

Phàm tổ chức pháp hội niệm Phật thì phải tùy số người, tùy ý nguyện mà tổ chức lớn nhỏ bất nhất. Nếu có sức thì lập nhiều chỗ, nếu sức kém hơn thì lập một chỗ. Về số người [tham dự] cũng [châm chước] như thế. Nhưng dù là người tham dự nhiều hay ít, đều nên chia thành sáu ban. Mỗi ban ngày đêm hai thời, căn cứ theo thời gian cháy hết hương mà luân lưu theo ban lễ niệm. Những thời khác cứ tùy ý tịnh tọa lắng nghe niệm thâm theo. Đây là tịnh nhiều, động ít, chẳng phiền, chẳng loạn nhưng Phật thanh chẳng dứt, vọng tưởng chẳng sanh. Giống như vừa hô liền đáp, chẳng hôn trầm, chẳng tán loạn, động tịnh hết như nhau, tự - tha chẳng khác, ngũ thức giống hết nhau. Đó là diệu hạnh như ý bậc nhất. Ăn uống cũng điều hòa theo đúng pháp, cốt sao trong ngoài như một, ta lẫn người cùng mật, thị phi cùng tiêu khiến cho đạo tràng tịch tĩnh, an điềm, không chi quý hơn nữa!

Nhận định:

Đây là diệu pháp ngày đêm niệm Phật bất đoạn tinh tấn bậc nhất. Nếu ít người chẳng đủ chia thành sáu ban, hoặc là người tại gia tinh tấn một mình, mỗi một ngày đêm niệm hai thời. Những lúc khác có thể dùng băng niệm Phật hoặc máy niệm Phật niệm thay, lắng nghe niệm thâm theo còn tịch tịch hơn cả pháp hội niệm Phật nữa!

2.3. Trích dẫn cách Kết Kỳ Trì Danh của đại sư Diệu Không

“Kết kỳ” là kết bảy ngày làm hạn. Nếu chỉ mỗi một mình ta kết kỳ thì có thể lấy bốn thứ: lương khô, trái cây có nước, gừng tươi, dầu mè làm thức ăn; dùng tám thứ: lò hương, dầu thắp đèn, bô đoàn, ghé ngồi, áo vải, khăn trùm

che gió, thùng vệ sinh, giấy bồi làm vật dụng. Ngoài ra đều chẳng giữ lại vật gì. Trong bảy ngày lại chẳng cùng người lai vãng, nghiêm nhiên niệm Phật.

Phải biết rằng cảnh niệm Phật cô tịch là tốt nhất. Niệm lớn tiếng, nhỏ tiếng tùy nghi, mau chậm tùy phần, đánh thành một phiến chính là lúc này. Nếu năm, bảy người ngẫu nhiên tụ lại cùng nhau lập hội niệm Phật, điều đầu tiên là phải ước thúc để sau đó, mở miệng ra chỉ niệm bốn chữ. Mỗi chữ là một tiếng mõ, dùng cái dẫn khánh nhỏ chỉ gõ ngay khi đọc đến chữ Đà, chẳng được gõ loạn xạ đến nỗi bị phân tâm.

Nhận định:

“Đả thất” một cách chân chánh là nhân duyên rất khó gặp. Tự riêng mình kết kỳ hoặc mời năm, ba tịnh hữu kết kỳ tinh tấn là chuyện tùy thời, tùy chốn tự do phát tâm. Nếu là kẻ quân nhân, công chức bận rộn thì cũng có thể lợi dụng lúc rảnh rỗi, nghỉ một để thực hành.

2.4. Trích lục Quy Thức Nhất Tâm Tinh Tấn Niệm Phật Thất của đại sư Triệt Lưu

Chọn lấy chỗ thanh tịnh, rộng rãi làm Phật đường niệm Phật. Trong đó, thờ thánh tượng Di Đà, treo các hoa phan, thắp đèn, đốt hương suốt bảy ngày chẳng ngắt. Chỉ dùng hương, hoa cúng dường, chẳng dùng đến thức ăn, trái cây, ca vịnh, nhạc khí v.v... Mỗi phía tượng Phật bày một cái bàn dài, cũng dùng lư hương, đồ thờ bày biện trang nghiêm. Phía trước mỗi bàn đặt bốn cái tọa ý²⁸. Ngay chính giữa trước mặt tượng Phật đặt một cái bàn dài xếp ngang với hai bàn hai bên. Mỗi bàn cách nhau chừng

²⁸ Tọa ý: một loại ghế rất thấp, mặt hơi nghiêng, phủ một lớp đệm mỏng dùng để quỳ lễ và ngồi trong khi tụng niệm.

hai thước (thước Tàu). Trên bàn bày một đạo số văn, một lư hương lớn, hoa, đèn, đồ thờ sao cho tương xứng. Phía trước bàn đặt bốn cái bồ đoàn. Hai bên, chỗ gần vách tường, nếu không có thiên sàng thì bày nhiều tòa ngòai để những người tham dự theo ban của mình lui ra ngòai đó.

Những bạn đồng tu thanh tịnh hạn định mười hai người, chia làm ba ban, mỗi ban gồm bốn người. Một người dẫn đầu cầm dẫn khánh chịu trách nhiệm nhớ số niệm Phật hiệu được trì, lấy ngàn câu niệm làm mức. Người kế đó giữ mõ nhỏ, hai người còn lại chịu trách nhiệm tuần sát, thấy người nào trong ban đang niệm tụng mà hôn trầm thì cảnh tỉnh. Ban ở chính giữa hướng thẳng về đức Phật là ban thứ nhất. Người thứ nhất ngòai gần phía Tây là trưởng ban, chính là Thất Chủ. Ban bên phải ngòai hướng mặt về phía Đông là ban thứ hai, người ngòai gần phía trên nhất là trưởng ban. Ban bên trái ngòai hướng về Tây là ban thứ ba, người ngòai gần phía dưới nhất là trưởng ban. Trên hai cái bàn dài thượng, hạ đặt trước đức Phật, mỗi bàn đều đặt một bộ dẫn khánh và mõ nhỏ, dùng xong lại đặt trên bàn.

Việc sắp đặt điện đường dành cho Phật thất nên chuẩn bị chu đáo ngay từ ngày hôm trước ngày khai thất. Tăng, tục tham dự Phật thất cũng nên tụ tập đến từ ngày hôm trước. Tắm gội xong nên thỉnh Chủ Thất Sư phân ban, quy định chỗ ngòai, chỉ dạy diễn tập: mỗi ban nhiều Phật niệm trăm câu, lại trở về chỗ đổi ban. Trong khi đang đi nhiều, đột nhiên đánh sáu tiếng mõ lớn để thay cho tiếng bang²⁹ báo giờ ăn. Ba ban đứng pháp ra khỏi Phật đường, đến trai đường nhiều niệm, ngưng mõ, đánh tiếp mộc bản. Đánh mộc bản xong liền niệm Phật, trở về Phật đường đi

²⁹ Bang: một loại mõ dài, thường khắc thành hình con cá lớn, treo trên cao để làm hiệu lệnh trong trai đường nhằm báo giờ thọ trai. Đôi khi thay bằng một tấm bản bằng gỗ lớn, khắc hình mây gọi là vân bản.

xoay vòng trở về chỗ mình ngồi. Chỉ dạy mình bạch mỗi việc cho đại chúng hiểu rành rẽ vì trong khi kết thất cảm nói, lại chẳng chỉ vẽ nên cần phải diễn tập trước. Tập xong, ai nấy tự chí thành lễ Phật, cầu Phật gia bị khiến cho mọi việc trong bảy ngày bảy đêm đều được hoàn thành, chẳng bị nội ma ngoại chướng khởi lên. Xong xuôi nên đi nghỉ sớm để khỏi đến nổi bị mệt nhọc.

Ngày thứ nhất, canh năm, gióng chuông báo thức, đại chúng thức dậy rửa ráy, súc miệng xong xuôi, dùng cháo lót dạ, lên Phật đường. Chủ Thất Sư gõ dẫn khánh, lễ Phật ba lạy, mọi người đứng yên vào chỗ mình, cử bài Hương Tán, tụng kinh A Di Đà, tiếng tụng kinh nên hòa hoãn. Tụng chú Vãng Sanh ba biến, xướng bài kệ Tán Phật rồi xưng danh hiệu Phật. Ban ngồi chính giữa đánh hai tiếng khánh, xá rồi nhiễu Phật. Hai ban tả hữu ngồi ngay ngắn niệm thầm theo. Kẻ hôn trầm tán loạn nặng nề thì khẽ động môi răng để khỏi bị quên lãng, gián đoạn, hay bị lạc vào tánh hôn trầm vô ký. Người tinh thần sáng sủa thì nên nhắm mắt tịnh lự, nhất tâm duyên theo Phật khiến cho Phật hiệu trong tâm rõ ràng như được xâu thành chuỗi, chẳng gián đoạn, chẳng tạp.

Ban đầu tiên nhiễu Phật xong, đứng xuống phía dưới³⁰, niệm đến chữ Đà đánh một tiếng khánh. Ban thứ hai liền từ chỗ ngồi đứng dậy, thông thả ra khỏi vị trí, đứng thành một hàng bên bàn Phật. Ban đầu tiên lại gõ một tiếng khánh; sau bốn năm câu niệm Phật, lại gõ liền hai tiếng khánh ở chữ Đà và chữ Phật, ngừng niệm, hướng về Phật bái xá, rồi ngồi vào các tòa trống ở bên phải.

Ban thứ hai liền niệm Phật tiếp theo, bái xá, đi nhiễu giống như trên. Niệm Phật xong lại đứng ở phía trên, gõ

³⁰ Phía trên, phía dưới ở đây là so sánh với tượng Phật mà nói. Phía ngay trước Phật gọi là phía trên, phía tường hay cửa đối diện ở cách xa bàn Phật gọi là phía dưới.

ba tiếng khánh. Ban cuối cùng liền đứng dậy, ra khỏi chỗ ngồi, đứng vào phía dưới niệm Phật tiếp, đi nhiều giống hết như cách thức của ban trước. Ban thứ hai liền lui về ngồi nơi các tòa trống ở bên trái, im lặng duyên theo Phật hiệu.

Ba ban niệm Phật như thế, hết lượt lại trở lại từ đầu; từ sáng đến tối tiếng niệm Phật chẳng dứt. Mỗi phen xung niệm một ngàn câu xong lại mặc niệm hai ngàn câu, đi kinh hành niệm Phật ngàn câu, an tọa niệm Phật một ngàn câu để thân, miệng chẳng mệt mỏi, sự gắng sức và nhàn nhã được quân bình. Hết nhiều Phật xong, thấy không có mỡ nhỏ đặt ở cạnh bàn mới được trở về chỗ ngồi để thứ lớp hoàn toàn không bị lầm lạc. Ngoài mười hai người ra, chẳng cần biết là tăng, tục nhiều ít cũng chia thành ba ban, đi thì cùng đi, ngồi thì cùng ngồi.

Trai đường bày biện theo vòng tròn, ba mặt kê bàn nối nhau, chỉ trừ phương dưới và chính giữa là để trống đôi chút để đi lại. Bốn phía chỗ gần tường đều kê sao cho đi nhiều được. Ngoài ba bữa cháo ra, trước Ngọ ăn thêm một bữa; chỉ có hai bát thức ăn, hai người ăn chung. Mỗi bữa dùng cơm xong, đánh sáu tiếng bang (biểu thị Nam Mô A Di Đà Phật).

Trong Phật đường khi nghe tiếng bang thì bất luận ban nào [đang xung niệm] cũng [tiếp tục] nhiều niệm như thường. Đến bàn đặt sớ, trưởng ban đặt râu chuỗi lên bàn, đánh dẫn khánh hai tiếng, bái xá. Hai ban tả hữu đứng dậy, đồng thanh xung niệm. Trưởng ban đánh dẫn khánh, theo lối đi chính giữa hướng về Phật đi nhiều, theo đường giữa ra khỏi Phật đường. Đợi cho tất cả tăng, tục thuộc ban ấy đi hết, hai ban còn lại mới đi theo, chẳng được đi loạn lên.

Đến trai đường, hữu nhiều một vòng đợi cho ban cuối cùng đến trai đường xong, trưởng ban liền đánh một tiếng khánh, dứt mõ, ngưng niệm Phật, ai nấy tùy chỗ mình đã

đi đến đâu mà ngồi vào đó, chẳng được đùn đẩy kẻ trước người sau, hoặc tách ra khỏi vị trí. Ngồi đâu ăn ở đó, chẳng dùng đến các pháp tắc bái xá, niệm tụng, Xuất Sanh v.v... Cạnh đó, treo một tấm bản và dùi, sai một Sa Di đứng sẵn cạnh đó, chờ khi tiếng mõ nhỏ vừa dứt, liền đánh bản niệm Phật, mỗi tiếng đánh hai tiếng bản. Đại chúng trong lúc ăn nhất tâm duyên theo Phật hiệu, chẳng được phóng dật trong khoảnh khắc.

Ăn xong, trưởng ban đánh một tiếng khánh ngay chữ Nam, Sa Di liền đánh liền hai tiếng bản ngay chữ Đà Phật để kết thúc. Đại chúng ra khỏi chỗ cũng chẳng bái xá, liền cất tiếng niệm Phật hữu nhiều trở về Phật đường, nhất loạt theo như thứ tự trước. Trưởng ban đến đứng tại chỗ của mình, đánh hai tiếng khánh, bái xá, đặt khánh lên bàn, cầm lấy xâu chuỗi nhiều Phật, các ban khác trở về ngồi chỗ cũ. Những người thuộc tả ban ngoảnh mặt về Tây nên đi thuận chiều đến bên bàn, từ vị trí cuối mà tiến lên, đừng đi xộc thẳng vào, đừng đi ngược chiều. Phàm khi trở về chỗ hay lúc xuất ban và người có việc phải ra vào đều nên đi an tường thông thả, chẳng được hấp tấp rảo bước.

Đến đêm, trời vừa hoàng hôn, trên bàn đặt số cũng thấp đước lớn. Từ đây trở đi, mỗi ban hai lượt niệm Phật sáu ngàn tiếng; đợi đến lúc ban cuối đi nhiều niệm Phật, Thát Chủ ra khỏi chỗ mình, đánh một tiếng khánh. Đại chúng cùng đứng dậy đồng thanh nhiều niệm. Ước chừng mười vòng xong, Thát Chủ đứng ngay chính giữa ở phương dưới, hướng về Phật, đánh ba tiếng khánh, gõ dòn mõ nhỏ một hồi, ngưng niệm Phật. Đại chúng cùng hướng về Phật, đánh dẫn khánh, cùng niệm bài phát nguyện như sau:

*Đệ tử chúng con chí tâm phát nguyện:
Nguyện lúc lâm chung tâm chẳng loạn
Chánh niệm sanh thẳng về An Dưỡng
Gặp gỡ Di Đà cùng thánh chúng*

Tu hành Thập Địa vui thường hằng

Ba chữ cuối đánh thông thả ba tiếng khánh, lễ Phật ba lay, trở về “đơn” để ngủ. Nên gìn giữ ba nghiệp, ngủ trong chánh niệm, chẳng được làm chuyện khác, nói gì khác, khởi lên tạp tưởng khác. Cũng chẳng được lễ vị Phật nào khác, tụng kinh, chú khác, dù có hằng khóa trọn đời chẳng khuyết cũng đều đình chỉ, sau bảy ngày sẽ hành trì bù lại. Vì nếu để gián đoạn, xen tạp thì còn đáng được gọi là bảy ngày trì danh nhất tâm bất loạn nữa ư?

Sau khi đại chúng đã ngủ, lúc hai cây quan hương sắp tàn, vị Hương Đăng Sư (người trông coi nhang đèn) nên bảo nhà bếp sắp sẵn nước rửa mặt, cháo lót dạ, rồi đánh chuông báo thức. Từ đây, trong sáu ngày sau, vào Phật đường lễ Phật xong, liền đọc ngay bài Tán Phật, chẳng tụng kinh chú, những điều khác đều giống như ngày đầu tiên.

Trong kỳ kết thất, nên thỉnh hai người làm Hộ Thất Sư để khuyên tăng, tục tùy hỷ chớ vào Phật đường, ngoại trừ người chuyên vì niệm Phật mà đến bèn dẫn vào lễ Phật ba lay, ghép vào ban đang nhiều niệm, hoặc ghép vào hai ban tả hữu đợi đến phiên, chẳng được xúm xít trò chuyện. Nếu kỳ hạn chưa mãn mà đã muốn đi thì lễ Phật đi ra, chẳng cần phải từ biệt đại chúng. Tăng, tục đã đến trước lúc kết thất, phát nguyện dự trọn đủ bảy ngày thì phải dự hết một kỳ, chẳng theo lệ như người tùy hỷ.

Nếu như người tuổi tác có bệnh, sức khó gắng gượng nổi thì có thể ngầm báo với Hộ Thất Sư, xin viết thiệp chuyển đạt cho Thất Chủ, hoặc lúc đi kinh hành thì ngồi một chốc, hoặc đêm xuống đi ngủ sớm, đó là phương tiện phá cách vậy. Kế đó, cắt đặt một người làm hương đăng, trông nom hương, lửa, đèn đuốc, nến lụn thì cắt bác, hương hết thì thắp hương mới; khi đại chúng phó trai thì giữ Phật đường chẳng ra, khi đại chúng ngủ nghỉ thì trông hương định giờ ngủ. Cần phải sắp đặt bậc lão thành vào

vai trò này. Nếu mệt mỏi thì có thể cùng Hộ Thất Sư chia phiên ngủ nghỉ, chẳng được để lỡ việc khiến đại chúng bị lằm lạc.

Hai người hành giả lo liệu trà nước, tắm rửa v.v... Trước giờ ngộ dọn trà hai lần, sau giờ ngộ chẳng kể mấy lần, đêm xuống lại dọn trà một lần. Mỗi khi dọn trà xong, liền thu lấy chén tách rửa sạch, đợi đến khi ban nhiều niệm ngồi yên lại châm thêm. Phàm là chậu, nước, giặt rửa, nếu đại chúng cần đến đều nên tận tâm sắp đặt. Hộ Thất Sư cũng tùy thời xem xét, đừng để thiếu sót.

Ngày măn thất, đêm xuống, niệm Phật sáu ngàn câu xong, đợi sau khi ban cuối cùng đã niệm Phật tiếp theo, Chủ Thất Sư như thường lệ gõ khánh; ba ban cùng đứng dậy, nhiều niệm năm trăm câu Phật hiệu. Chủ Thất Sư đứng ở đầu phía Đông bàn Phật, hướng về phía Phật, gõ một tiếng chuông gia trì³¹, đại chúng cùng hướng về Phật.

Đánh đến tiếng chuông thứ ba thì chuông trống cùng trỗi, đánh mõ lớn, quỳ niệm Quán Âm, Thế Chí, Đại Hải

³¹ Chuông gia trì: tức là chuông lớn thường gõ trong khi tụng kinh, Tàu gọi là “đại khánh” (người Tàu chỉ gọi những thứ có hình dáng quả chuông treo là “chung” (chuông); kỳ dư, tất cả những thứ bằng đồng để đánh làm hiệu đều gọi là Khánh; ngoại trừ các thứ như thanh la thì gọi là La, chuông thì gọi là Đang; chập chĩa gọi là Ha). Khi nói “chuông trống cùng trỗi” trong đoạn dưới có nghĩa là người chấp sự sẽ đánh trống và nhịp cái chuông nhỏ treo phía trên cái trống cùng một lúc. Cái chuông này gọi là “điều chung” (chuông treo) để phân biệt với “địa chung” tức là một thứ pháp khí thường dùng trong đạo tràng Tịnh Độ gồm một cái mõ nhỏ và một cái chuông nhỏ. Cả hai thứ này cùng gắn trên một phiến gỗ; đặt thẳng trên mặt đất (vì thế gọi là “địa chung”). Khi niệm Phật, người chấp sự sẽ đánh địa chung theo cách thức sau đây: một chữ là một tiếng mõ, khi niệm đến chữ A và chữ Đà thì đánh một tiếng chuông. Đại khánh chỉ đánh trong khi tụng kinh hoặc xướng lễ. Mỗi bản tán Phật để bắt đầu niệm Phật thường chỉ dùng chuông trống, mõ; còn khi tán hương, xưng tán Tam Bảo mới dùng đến các pháp khí khác như Ha, Đang, La v.v...

Chúng, mỗi danh hiệu mười lần như khóa tụng kinh tối thường lệ, tụng bài Tiểu Tịnh Độ Hồi Hương Văn, lễ Phật mười hai lạy, Bồ Tát ba lạy, tam tự quy xong, liền đánh một tiếng chuông gia trì, đại chúng quay mặt hướng về lối đi chính giữa. Thất Chủ Sư đến chính giữa phương dưới, triển cụ³², lễ Phật, trường quỳ³³. Đại chúng niệm: “Nam Mô Đại Thừa Thường Trụ Tam Bảo”. Vị Hộ Thất Sư tuyên sớ xong bèn đánh mõ nhỏ tụng chú Vãng Sanh để hóa sớ, chẳng nệ là bao nhiêu biến.

Tụng chú xong, niệm kệ phát nguyện, bái xá, trở về trước Phật, đại chúng cùng triển cụ, lễ ba lễ, xếp ngọa cụ lại, bái xá. Khánh đánh lên, đại chúng ra khỏi Phật đường, đến thất của vị Chủ Thất Sư lễ tạ. Chủ Thất Sư cùng đại chúng đến chỗ Hộ Thất Sư và chỗ các vị Chấp Sự Sư, đi vòng quanh liêu tạ từ xong, rồi trở lại Phật đường nhiều lễ. Đây là xong một kỳ kết thất.

Nhận định:

Những điều nói ở đây thuộc về phép tắc kết thất. Phạm người tham gia đả thất trước đã có công phu thuần phục, gia công trong bảy ngày để hạn kỳ cầu chúng nên chẳng cần khai thị. Giảng dạy, khai thị làm cho phân tâm. Đạo tràng cộng tu quy củ nên tùy hỷ; hướng hồ là để tu tập dần thì chẳng thể trách phạt nghiêm khắc, vì sợ nghiêm phạt sẽ khiến đồ chúng phiền nhiều. Nếu được

³² Triển cụ: Tức là mở ngọa cụ ra, đặt xuống đất, quỳ lên đó. Ngọa cụ là một tấm vải hình chữ nhật thường may hai lớp, kích thước đúng theo quy định trong Luật Tạng. Lễ xong, sẽ xếp đôi lại vắt lên cánh tay trái. Hiện tại, trong các Niệm Phật Thất, ngoại trừ trường hợp vị Hộ Thất cũng là Tăng thì mới áp dụng cách triển cụ này; kỳ dư, việc tuyên sớ thường do một vị Tăng hoặc cư sĩ làm Duy Na đảm nhiệm, không triển cụ, đại chúng cũng không triển cụ.

³³ Trường quỳ: Quỳ xống lưng, bấp chân đặt sát đất, đùi thẳng góc với mặt sàn.

thắng duyên khó gặp thì phải nên nghiêm phạt mới hòng chế ngự được phóng dật, giúp cho thắng hạnh thành tựu. Đã có quy thức nghiêm ngặt xin hãy theo đó chăm chước mà làm.

2.5. Trích lục Cách Hạn Kỳ Cầu Chứng Bé Quan Chuyên Niệm của cư sĩ Vương Canh Tâm

Pháp chuyên niệm có năm điều trọng yếu, năm điều răn dè. Năm điều trọng yếu là:

a. Một là chọn cuộc đất: Nên chọn chỗ từng lâm, cỏ sát hoặc chọn lấy chỗ vườn rừng vắng vẻ là tốt nhất. Chỗ ấy phải xa cách chốn thị thành ồn náo. Tịnh thất để tu tập nên chọn lấy căn nhà biệt lập rộng hai gian làm chuẩn. Gian phía Tây để thờ Phật, nên treo hình Tây Phương Tam Thánh hướng mặt về phía Đông hoặc thờ kim tượng A Di Đà Phật. Chỉ bày hương án, lư hương, bô đoàn mỗi thứ một cái. Bày chỗ ngồi phải quay lưng về phía Đông, hướng mặt về Tây. Trọn không bày thứ nào khác cốt là để tịnh tâm mục, dứt sạch ngoại duyên. Gian phía Đông làm phòng ngủ, chỉ để giường, mền, gối, y phục cần dùng, bút, mực, giấy, nghiên, bộ đồ trà, những vật dụng vệ sinh, những thứ khác đều dẹp hết.

b. Hai là chọn người: Người phục dịch hộ quan ắt phải chọn lấy người chân thật, cần cù để khỏi phải lo quên sót. Nên dặn dò người đó tạ tuyệt hết thầy người ngoài chẳng cho tự tiện vào thất và cấm tuyệt sự huyền náo gần thất. Đến giờ, người đó sẽ chuyển com nước, y phục, thay bô tiêu, quét tước, dọn dẹp v.v... Nếu có sự gì ngoài ý muốn thì nên viết vào giấy dặn dò. Người ấy trọn ngày chẳng được rời khỏi, chẳng được lúc siêng, lúc lười.

c. Ba là ước định sẵn: Trước khi bé quan, phải dặn trước người nhà và người hộ quan, nếu như cha, mẹ, sư trưởng hoặc tự mình nhiễm bệnh nguy ngập và những chuyện ngoài ý muốn cần phải xuất quan thì mới được gửi thư thỉnh cầu hành nhân xuất quan, còn những việc khác chẳng được vọng thỉnh. Phải đợi đến ngày hôm sau của ngày mãn hạn kỳ bé quan, mới viết giấy thỉnh xuất quan, ngõ hầu [hành giả] nhất tâm niệm Phật, không bận tâm tính đếm ngày tháng.

d. Bốn là khắc định kỳ hạn: Kẻ sơ học e có sai lạc, trước tiên hãy chọn thời hạn ngắn (tiểu kỳ) để tập, ít là mười ngày, nhiều là hai mươi, ba mươi ngày chẳng hạn. Tu tập thuần thực thì mới chọn đại kỳ, nên lấy 120 ngày làm định kỳ. Mùa Xuân, mùa Hạ lấy tháng Giêng, Hai, Ba, Tư hoặc Hai, Ba, Tư, Năm làm hạn; Thu, Đông thì lấy tháng Bảy, Tám, Chín hoặc Tám, Chín Mười, Mười Một làm hạn để tránh bị lạnh quá, nóng quá, khỏi phải phiền đến áo xống, lò ấp... Đây là vì hạng trung hạ mà nói, còn bậc thượng căn cầu đạo, chẳng đoái thân mạng, thầy kệ nóng lạnh, dững mãnh tấn tu, quyết không thối đạo, lấy chứng ngộ ngay trong hiện đời làm hạn thì chẳng bị những điều trên hạn chế.

e. Năm là nghi quỹ:

e.1. Một là hồi hướng phát nguyện:

Ngày đầu tiên nhập quan, nên dùng giấy vàng trang trọng chép nguyện văn, đốt hương, lễ Phật như nghi thức thường ngày xong, tụng nguyện văn một biến, rồi đốt trước đức Phật, lui xuống ngồi niệm Phật. Từ đấy, trong vòng 120 ngày, chỉ chuyên niệm bốn chữ danh hiệu A Di Đà Phật, chẳng phải mất công nghĩ đến sự gì khác, niệm mãi cho đến ngày xuất quan mới thôi.

Nguyện văn thì có bài Tây Phương Phát Nguyện Văn của đại sư Vân Khê, chỉ lược bỏ chín chữ “*nguyện thiền*

quán chi trung, mộng寐 chi tế”, thêm vào: “*Nguyện bách nhị thập quan kỳ chi nội, kính hoạch nhất tâm, toại chứng tam muội*” (Nguyện trong kỳ hạn bế quan 120 ngày, mau đạt nhất tâm, liền chứng tam muội). Nếu là người chẳng thông văn nghĩa thì chỉ lễ Phật thầm nguyện, chỉ cầu nhất tâm bất loạn và tận mặt thấy Phật, bất tất phải chấp nhật vào nguyện văn.

e.2. Hai là chấp trì chẳng mất:

Miệng chỉ niệm tụng, tụng chẳng ngớt. Tâm chỉ nhớ Phật, nhớ chẳng ngơi. Tai chỉ nghe tiếng Phật hiệu, nghe chẳng ngớt. Lúc uống ăn, đi vệ sinh tuy miệng chẳng niệm Phật được nhưng tâm nên nhớ Phật. Lúc nằm cũng thế, khi ngủ cũng vậy, tỉnh dậy lại tiếp tục. Đây là pháp nhất định để chuyên niệm. Miệng chẳng niệm Phật là ngoại đoạn, tâm chẳng nhớ Phật là nội đoạn. Ngoại đoạn còn có lúc bắt đắc dĩ, chứ như nội đoạn thì là tâm đã chẳng đặt nơi Phật, còn làm sao chuyên niệm được?

Trong Phật thất chỉ có mình hành nhân được vào, ngồi xếp bằng hay ngồi bình thường đều được, chẳng được nghiêng ngả, thiếu cung kính. Hễ mệt liền đứng lên đi kinh hành, nên bước đi thông thả an tường. Chẳng được mặc áo ngắn. Đêm nằm có thể cởi áo dài, nhưng chẳng được cởi bỏ áo trong. Dậy sớm thì thức lúc canh năm, ngủ trễ thì thức lúc rạng sáng. Người ngủ nhiều có thể đi ngủ sớm chẳng ngại gì. Chẳng được dậy trễ, ngủ đến sáng bạch.

Trước lúc nhập quan nên tắm rửa, thay áo. Nhập quan rồi chẳng được tắm nữa, khiến việc tu tập bị bỏ phế; chẳng được đọc sách, viết lách, hoặc lần lữa nơi phòng ngủ ở phía ngoài. Sáng dậy, lúc vào Phật đường, lễ Phật một lượt; những lúc khác lễ Phật tuy không hạn định, nhưng đều chẳng đốt hương, cũng chẳng cầm chuỗi để nhớ số, chỉ đến khi mãn kỳ kết thất mới đốt hương lễ Phật mà lui ra.

* Năm điều răn dè là:

Sau khi nhập quan, một là chẳng được nói; miệng này ngoài chuyện niệm Phật chẳng được nói chuyện gì khác.

Hai là bỏ các sự; thân này ngoài việc niệm Phật, chẳng được lo liệu các việc khác.

Ba là trì trai; ăn thuần đồ chay, chẳng được xen tạp tí xíu đồ mặn, rượu chè nào.

Bốn là tạ khách; ngoài người hầu, chẳng được gặp một người khách nào.

Năm là phòng ngừa thối đọa: ngoại trừ khi cha, mẹ, sư trưởng và tự thân mắc bệnh nguy ngập, hoặc gặp chuyện ngoài ý muốn, chẳng được vô cớ xuất quan.

Năm điều trọng yếu, năm điều răn dè trên đây gộp thành mười pháp chuyên niệm, là bí quyết chân chánh của chân tu thực chứng Niệm Phật Tam Muội. Một kỳ chưa chứng thì có thể tu tiếp kỳ khác. Nếu thật sự có thể trọn đời chẳng lười nhác ắt sẽ có ngày được chứng ngay trong hiện tại.

Nhận định:

Nếu chiếu theo pháp tu Phật thất nói ở phần trên tu bảy ngày xong lại tu tiếp bảy ngày nữa vẫn chưa chứng nhất tâm bất loạn thì chỉ có cách bẻ quan chuyên niệm. Một kỳ chưa chứng thì tiếp tục tu một, hai, ba, hay bốn kỳ sao cho chứng được trong hiện đời mới thôi.

Đại Sư Hoàng Nhất nói: “*Bé quan nên chuyên niệm Phật, mỗi ngày nên lễ Phật chừng một ngàn lạy; vừa có công đức lại còn vận động thân thể. Lúc niệm Phật cũng nên kinh hành nhiều lượt; là vì trong quan vận động rất ít, thức ăn chẳng dễ tiêu hóa, cho nên phải lễ bái, kinh hành. Buổi tối có thể chẳng thắp đèn, chỉ thắp đèn lưu ly trước Phật là đủ. Lúc bé quan, chẳng trò chuyện, chẳng*

tiếp khách, chẳng trao đổi tin tức. Nếu có chuyện rất quan trọng thì nên viết vào giấy giao cho người hộ quan. Hết thấy mọi sự đều đợi đến lúc xuất quan rồi mới lo toan đến". Cũng nên tham khảo lời dạy này!

3. Trợ niệm lúc lâm chung

Phàm người lúc lâm chung tứ đại chia lìa, mọi nỗi khổ dồn dập, nếu chẳng phải là người đã chứng tam muội từ lâu ắt chẳng dễ gì tự chủ. Huống hồ quyền thuộc chẳng hiểu lợi hại, thường dùng tình cảm thế gian phá hoại chánh niệm, sắp thành công lại bị thất bại. Khổ thay! Đau thay! Nếu trong khi ấy, được người khác khai thị, hướng dẫn trợ niệm, dầu là người bình sinh chưa từng niệm Phật cũng dễ sanh lòng tin. Tai nghe Phật hiệu, tâm duyên Phật cảnh, nhất tâm chánh niệm liền có thể cảm được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Phải đặc biệt chú ý lúc quan trọng tới khẩn yếu này! Ở đây, tôi trích lục các pháp yếu lo liệu việc lâm chung của các cổ đức và nghi thức trợ niệm, khuyên mọi người hãy tuân theo ngõ hầu được vãng sanh.

3.1. Trích lục bài Lâm Chung Chánh Niệm Vãng Sanh của đại sư Thiện Đạo

Phàm người lâm chung muốn vãng sanh Tịnh Độ thì chẳng được sợ chết, thường nghĩ thân này lắm khổ, ác nghiệp bất tịnh bao thứ vắn vường. Nếu thoát được thân dơ bẩn này, siêu sanh Tịnh Độ, hưởng vô lượng vui, thoát khổ sanh tử thì thật là điều vừa ý, như cởi cái áo rách đòi lấy y phục quý báu. Hãy nên buông thân tâm xuống, đừng sanh lòng luyến tiếc!

Hễ khi nào bị bệnh liền nghĩ đến vô thường, một lòng đợi chết, lại dặn dò người nhà và người chăm sóc mình:

Bất cứ khi nào đến trước mình đều vì mình niệm Phật, chẳng được nói những chuyện tạp nhạp trước mắt hay chuyện lớn nhỏ trong nhà, cũng đừng dùng lời nhỏ nhẹ an ủi, cầu chúc an lạc. Đó đều là những lời hoa hòe vô ích!

Nếu bệnh nặng sắp chết, thân thuộc chẳng được nhỏ lệ khóc lóc và phát ra tiếng than thở, áo não, hoặc loạn tâm thần khiến người bệnh bị mất chánh niệm. Chỉ nên đồng thanh niệm Phật để giúp người ấy vãng sanh. Đợi đến lúc người ấy tắt thở lâu rồi mới nên buồn khóc. Hễ có chút may may tâm luyện tiếc thế gian sẽ thành trở ngại, chẳng được giải thoát. Nếu có người hiểu rõ pháp môn Tịnh Độ lui tới khuyến khích thì thật là may mắn lắm! Nếu làm đúng như lời dạy này sẽ quyết định siêu sanh.

Lúc đầu, dùng thuốc men chẳng trở ngại gì, nhưng nếu sát hại sanh mạng loài vật làm thuốc để chữa lành bệnh hay cúng tế quỷ thần cầu phước thì chỉ tăng tội nghiệp, ngược lại bị tổn mạng nữa! Tăng, tục, nam, nữ, người chưa niệm Phật dùng đến pháp này đều được vãng sanh. Chuyện lớn sống chết, cả nhà phải dốc sức mới được. Một niệm lầm lạc muôn kiếp thọ khổ, ai chịu thế cho? Hãy suy xét lấy!

Nhận định:

Bài văn này trích từ phần cuối cuốn Niệm Phật Kính (Gương Niệm Phật) của đại sư Thiện Đạo. Đầu bài văn ghi rõ “Tri Quy Tử hỏi Thiện Đạo Hòa Thượng”, nhưng tác giả không phải là ngài Thiện Đạo. Tìm trong khắp bộ Thiện Đạo Hòa Thượng Toàn Tập không thấy bài văn này. Thế gian lưu truyền bài này do ngài Thiện Đạo viết là lầm. Xin hãy tinh tấn thọ trì pháp này và treo bài văn này ngay trước mắt để luôn luôn trông thấy hầu lúc lâm chung khỏi bị lầm lỡ.

3.2 Trích lục Lâm Chung Tam Nghi Tứ Quan của ngài Từ Chiếu Tông Chủ

“Tam nghi” là:

a. Một là nghi mình lúc sống nghiệp nặng, thời gian tu hành ít ỏi, sợ chẳng được vãng sanh.

b. Hai là nghi tâm nguyện chưa trọn, tham - sân - si chưa dứt, e chẳng được vãng sanh.

c. Ba là nghi mình tuy niệm Phật, lúc lâm chung Phật chẳng đến đón tiếp.

Có ba điều nghi này thì nhân nghi thành chướng, đánh mất chánh niệm, chẳng được vãng sanh. Vì vậy, người niệm Phật cần phải tin chắc chắn, hiểu rõ ý chỉ kinh Phật, đừng sanh lòng ngờ. Kinh dạy: *“Niệm A Di Đà Phật một tiếng diệt được trọng tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử”*. Thượng thì nhất tâm bất loạn, hạ thì mười niệm thành công, nổi bước lên chín phẩm sen, già từ ngũ trước. Nếu có thể tâm tâm bất muội, niệm niệm vô sai thì nghi tình vĩnh viễn đoạn tuyệt, quyết định vãng sanh vậy! Nay dùng ba thuyết để phá tan tam nghi:

a. Một là nghiệp vốn hư vọng; tâm tịnh nghiệp liền thành không,

b. Hai là tình như mộng huyễn, tình dậy nào có nữa, tự chịu ngưng khởi động tình tưởng thì tham sân si vĩnh viễn đoạn mất.

c. Ba là công chuyên niệm thiết thì tự tâm Phật hiện, đều chẳng phải nghi nữa!

“Tứ quan” (bốn ải) là:

Phàm phu tuy có tín tâm niệm Phật nhưng hoặc là do túc nghiệp chướng trọng, lẽ ra phải đọa địa ngục, nhưng nhờ Phật lực nên đổi nặng thành nhẹ. Nếu nhân lúc bệnh khổ, thân tâm hồi hận, chân thành quy hướng nơi Phật thì sẽ sanh Tịnh Độ. Kẻ vô trí chẳng hiểu điều này cứ bảo: “Do tôi nay niệm Phật nên bị bệnh khổ”, trở lại phỉ báng

Di Đà. Do một niệm ác tâm ấy vào ngay địa ngục. Đó là một ả.

Tuy trì giới niệm Phật nhưng miệng bàn Tịnh Độ, tâm lại luyện tiếc Sa Bà, chẳng trọng thiện căn xuất thế, chỉ cầu lợi ích tục duyên, đến khi lâm chung mắc bệnh, sợ chết tham sống, tin quàng đồng cốt, giết chóc sanh mạng, van vái quỷ thần. Bởi tâm tà ấy, không Phật nào dắt dìu, trôi lạc tam đồ. Đây là hai ả.

Hoặc do uống thuốc, hoặc do bị khuyên lon, cưỡng bức bèn phá giới ăn mặn, vùi lấp thiện căn. Lâm chung tự đến trước Diêm Vương, bị Vương phán tội. Ấy là ba ả.

Lâm chung khư khư nghĩ đến gia tài, mền tiếc quyền thuộc, tâm không bỏ được, mất cả chánh niệm, đến nỗi đọa vào đường quý, hoặc làm rắn, chó để giữ cửa cho gia đình giống hệt như lúc còn sống. Ấy là bốn ả.

Vì thế, quan Đề Hình họ Dương nói: “Ái chẳng nặng, chẳng sanh Sa Bà; niệm bất nhất, bất sanh Tịnh Độ”. Người tu Tịnh Nghiệp nên chọn thật, bỏ hư, nghĩ chuyên, tưởng lặng, niệm niệm Di Đà, buông bỏ toàn thân, chỉ giữ chắc một niệm này thì mới có thể phá nát bốn ả, thì đài sen Tịnh Độ mới chẳng xa vời vợi vậy!

Nhận định:

Tam nghi tứ quan đích xác là chướng ngại vãng sanh. Chỉ nên tin sâu, nguyện thiết, nhất tâm niệm Phật thì tam nghi sẽ đoạn mà tứ nghi cũng bị phá luôn!

3.3. Trích lục Lâm Chung Cảnh Sách của đại sư Ưu Đàm

Phàm người niệm Phật muốn sanh Tịnh Độ thì nên thường nghĩ thế gian hết thảy vô thường, đã thành ắt phải hoại, có sanh ắt có tử. Nếu chẳng được nghe Phật pháp thì

xả thân, thọ thân, luân hồi ba cõi, tứ sanh, lục đạo, không ngày giải thoát. Nay ta hữu duyên được nghe chánh pháp, được tu Tịnh nghiệp, chỉ nghĩ đến Phật, bỏ báo thân này sẽ sanh Tịnh Độ, vào trong thai sen hưởng các khoái lạc, vĩnh viễn thoát sanh tử, Bồ Đề bất thối. Đây chính là việc làm bình sinh của bậc đại trượng phu.

Vừa mới nhuốm bệnh cứ vẫn tinh tấn, lặng trong thân tâm, chớ sanh lo ngại. Phải nên ngồi ngay ngắn hướng về Tây, chuyên tưởng A Di Đà Phật và Quán Thế Âm, Đại Thế Chí Bồ Tát và vô số hóa Phật hiện ra trước mặt, nhất tâm niệm Phật, tiếng tiếng chẳng dứt. Đối với hết thảy sự việc thế gian chẳng được nghĩ nhớ tham luyến. Nếu như tâm niệm khởi lên, hãy gấp niệm Phật hiệu. Trong mỗi niệm trừ diệt tội chướng.

Nếu bệnh nhân hôn mê chẳng thể tự niệm thì người trông bệnh hãy nên phương tiện nhắc nhở, khuyến dụ. Dụng tâm như thế giúp cho người ấy đến hết mạng vẫn chỉ có một niệm này, quyết định vãng sanh Tịnh Độ. Nếu mạng chưa hết thì liền được an ninh; chớ vọng khởi tâm lưu luyến. Hễ còn sống sẽ tự sống; còn phải chết sẽ chết, chỉ lo việc vãng sanh, cần chi lo ngại?

Nhận định:

Sanh tử hữu mạng, trong lúc bệnh tật nên nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, chớ nên lưu luyến, ngại lo đến nỗi mất chánh niệm phải đọa luân hồi!

3.4. Trích lục Lâm Chung Tam Đại Yếu Quyết của đại sư Ấn Quang

Điều bi thảm nhất trong thế gian thật không chi bằng cái chết, nhưng khắp cả người đời có ai may mắn thoát được nỗi? Vì vậy, người hữu tâm muốn lợi mình lợi

người thì chẳng thể không sớm lo liệu... Kẻ chẳng biết Phật pháp chỉ dành mặc cho nghiệp xoay chuyển, không làm thế nào được. Nay đã được nghe pháp môn Tịnh Độ phổ độ chúng sanh của đức Như Lai thì phải nên tín, nguyện niệm Phật, sắp sẵn tư lương vãng sanh, hầu mong thoát được huyễn khổ luân hồi sanh tử, chứng sự vui chơn thật Niết Bàn thường trụ.

Nếu ai có cha, mẹ, anh, em và các quyến thuộc mắc phải trọng bệnh, bệnh tình khó bề thuyên giảm thì nên phát tâm hiếu thuận, từ bi, khuyên họ niệm Phật cầu sanh Tây phương và trợ niệm cho họ ngõ hầu người bị bệnh nhờ đó sau khi chết liền được sanh về Tịnh Độ. Sự lợi ích như thế kể sao cho xiết?

Nay tôi nêu lên ba điều trọng yếu để làm căn cứ hòng thành tựu sự vãng sanh cho người lâm chung; ý vốn lấy từ kinh Phật. Nguyện người thấy nghe, gặp được nhân duyên này đều cùng làm theo ba pháp này, quyết sẽ được tiêu trừ túc nghiệp, tăng trưởng Tịnh nhân, được Phật tiếp dẫn, vãng sanh Tây Phương, dần dần đạt đến viên thành Phật quả mới thôi. Đây toàn là nhờ vào sức trợ niệm của quyến thuộc. [Có làm được như thế] mới là chơn thật hiếu, đễ, từ, huệ; dùng những điều ấy để vun bồi thêm cái nhân Tịnh Độ của mình. Xin thưa với những người cùng tin tưởng là cứ lâu ngày chày tháng sẽ nào có khó gì mà chẳng tập thành lễ thói được. Nay tôi sẽ trình bày từng điều một để lúc lâm chung khỏi bị bồi rối vậy.

a. Điều thứ nhất là khéo chỉ bày, an ủi, khiến sanh chánh tín:

Thiết tha khuyên người bệnh buông xuống hết thấy, nhất tâm niệm Phật. Nếu như cần phải giao phó việc gì thì phải mau giao phó. Giao phó xong chẳng đếm xỉa đến nữa, chỉ nghĩ ta nay theo Phật vãng sanh cõi Phật; tất cả

sự giàu vui, quyến thuộc thế gian, các thứ trần cảnh đều là chướng ngại, thậm chí khiến mình mắc hại, chẳng nên sanh tâm niệm quyến luyến. Phải biết là một niệm chơn tánh của chính mình vốn chẳng có chết. Cái chết vừa nói đó chỉ là giả danh, chỉ là báo thân do túc nghiệp đời trước cảm thành đã đến lúc tận. Vì thế, xả thân này để lại thọ thân khác mà thôi. Nếu chẳng niệm Phật thì sẽ phải thuận theo nghiệp lực thiện, ác để lại thọ sanh trong nẻo lành, dữ.

Nếu như trong lúc lâm chung, nhất tâm niệm Nam Mô A Di Đà Phật thì do tâm niệm Phật chí thành ắt sẽ quyết định cảm được Phật phát đại từ bi, đích thân tiếp dẫn khiến mình được vãng sanh. Đừng nghĩ rằng: mình là nghiệp lực phàm phu, chỉ do niệm Phật trong một thời gian ngắn sao lại có thể thoát khỏi sanh tử, vãng sanh Tây phương? Nên biết rằng: vì đức Phật đại từ bi nên kẻ tội nhân thập ác, ngũ nghịch rất nặng lúc lâm chung, tướng địa ngục hiện ra mà nếu có thiện tri thức dạy cho niệm Phật bèn hoặc niệm mười tiếng hoặc chỉ một tiếng thì cũng được Phật tiếp dẫn, vãng sanh Tây phương. Hạng người ấy chỉ niệm mấy câu còn được vãng sanh, sao lại ngại mình nghiệp lực nặng, niệm Phật ít ỏi mà sanh lòng nghi nữa ư?

Phải biết là chúng ta vốn có chơn tánh, chơn tánh của ta và chơn tánh của Phật chẳng hai; chỉ vì ta hoặc nghiệp còn sâu nặng nên chẳng thọ dụng được! Nay đã quy mạng nơi Phật như con nương về cha chính là trở về với cái ta vốn sẵn có, chứ nào có phải là điều gì bên ngoài đâu! Xưa kia, đức Phật đã phát nguyện: *“Nếu có chúng sanh nghe danh hiệu của ta mà chí tâm tin ưa, dầu chỉ mười niệm mà nếu chẳng được vãng sanh thì chẳng lấy ngôi Chánh Giác”*. Vì thế, hết thấy chúng sanh lúc lâm chung phát tâm chí thành niệm Phật cầu sanh về Tây phương thì không một ai là chẳng được ngài rủ lòng từ tiếp dẫn.

Ngàn vạn phần chẳng được hoài nghi nữa! Hoài nghi chính là tự mình làm lạc, họa ấy chẳng nhỏ.

Vả lại, lia cõi khổ não này sanh về thế giới vui về ấy là điều hết sức khoái ý cho nên phải sanh tâm hoan hỷ, ngàn vạn phần chẳng được sợ chết. Dầu sợ chết cũng chẳng tránh khỏi cái chết, lại còn mất phần vãng sanh Tây phương nữa vì tâm mình trái với tâm Phật vậy. Dầu Phật sẵn lòng đại từ bi cũng vô phương cứu tế chúng sanh chẳng nương theo lời dạy của Phật! Vạn đức hồng danh của Phật A Di Đà giống như lò luyện lớn lao; tội nghiệp trong nhiều kiếp của chúng ta như một mảnh tuyết trong hư không. Nghiệp lực phàm phu do bởi niệm Phật nên nghiệp liên tiêu diệt, giống như mảnh tuyết bám vào bên lò lửa lớn liền bị tiêu hết chẳng còn gì nữa. Nghiệp lực đã tiêu thì bao nhiêu thiện căn tự nhiên tăng trưởng thù thắng; sao lại còn ngờ chẳng được vãng sanh, Phật chẳng đến tiếp dẫn nữa ư?

Chỉ dạy, an ủi ngọn ngành, uyển chuyển như thế khiến cho bệnh nhân tự mình sanh tâm chánh tín. Trọn chẳng nên thuận theo thói tục cầu thần, tìm thuốc. Mạng lớn đã sắp hết thì làm sao quý thần, thuốc men giữ cho khỏi chết được! Đã nhọc lòng vì những sự vô ích như thế thì đối với sự niệm Phật sẽ bớt thành khẩn, làm sao cảm thông đức Phật được!

b. Thứ hai là cả nhà thay phiên niệm Phật để giúp tịnh niệm.

Trước đó, đã giáo hóa bệnh nhân khiến họ sanh chánh tín; nhưng vì tâm lực người bệnh ấy yếu ớt, chưa kể đến hạng người lúc còn khỏe mạnh chưa bao giờ niệm Phật, chẳng dễ niệm liên tục lâu được. [Cho đến lúc này] lấy niệm Phật làm việc chánh thì cũng hoàn toàn nhờ vào người khác trợ niệm mới có thể có sức. Quyển thuộc

trong nhà nên cùng phát tâm hiếu thuận, từ bi vì người ấy trợ niệm Phật hiệu.

Nếu bệnh tình còn chưa đến nỗi sắp chết vào bất cứ lúc nào thì nên chia ban niệm Phật. Mỗi ban hạn định mấy người. Ban đầu tiên niệm Phật ra tiếng, ban thứ hai và thứ ba niệm thầm. Nếu có việc gì cần làm thì nên lo liệu trong lúc niệm thầm; trong lúc trực ban trọn chẳng nên bỏ đi. Ban thứ hai niệm xong, ban thứ ba niệm tiếp; xong rồi lại trở lại từ đầu. Niệm một tiếng, nghỉ hai tiếng; [như vậy thì niệm] suốt cả ngày đêm thì cũng không mệt nhọc lắm.

Phải biết là mình chịu giúp người đạt được Tịnh niệm vãng sanh thì mình cũng sẽ được hưởng báo có người trợ niệm. Chớ có nói là chỉ vì cha mẹ nên mới phải tận hiếu như vậy, đối với người dung cũng phải nên vun bồi ruộng phước của mình, trưởng dưỡng thiện căn của mình thì mới đúng là cái đạo tự lợi, chẳng uổng làm người. Thành tựu một người được vãng sanh Tịnh Độ chính là thành tựu một chúng sanh làm Phật. Công đức thế ấy há nghĩ lường nổi ư!

Ba ban liên tục, tiếng niệm Phật chẳng ngắt. Nếu sức bệnh nhân niệm nổi thì nương vào đó mà niệm nhỏ theo. Chẳng niệm nổi thì lắng tai nghe kỹ, tâm không có niệm gì khác thì tự có thể tương ứng với Phật vậy. Tiếng niệm Phật chẳng nên quá to; to thời tổn hơi, khó niệm lâu được; cũng chẳng thể quá nhỏ khiến bệnh nhân chẳng nghe được rõ. Chẳng nên niệm quá mau, cũng chẳng nên quá chậm. Từng chữ phân minh, từng câu rành mạch khiến từng chữ, từng câu lọt tai thấu dạ bệnh nhân; nhờ vậy mà họ được lợi.

Pháp khí dùng để niệm Phật chỉ nên dùng dẫn khánh, còn các thứ khác đều chẳng nên dùng. Tiếng dẫn khánh trong trẻo khiến tâm lòng người nghe thanh tịnh. Tiếng mõ trầm đục chẳng thích hợp cho việc trợ niệm khi lâm chung. Lúc bắt đầu thì niệm vài câu sáu chữ; rồi sau đó

chỉ niệm bốn chữ A Di Đà Phật. Do ít chữ dễ niệm nên bệnh nhân sẽ dễ tâm niệm theo hoặc nhiếp tâm lắng nghe, đều tốn ít tâm lực. Quyển thuộc trong nhà niệm như vậy mà thỉnh thiện hữu ở ngoài đến cũng niệm như vậy. Nhiều người hay ít người đều phải niệm như thế, chẳng nên niệm một chốc, lại nghỉ một chốc rồi mới lại niệm tiếp khiến bệnh nhân niệm Phật gián đoạn. Nếu cần ăn cơm thì nên ăn vào lúc thay phiên, đừng để tiếng niệm Phật gián đoạn. Như lúc bệnh nhân sắp tắt hơi thì cả ba ban cùng niệm cho đến tận sau khi đã tắt hơi hẳn rồi mới lại chia ba ban niệm suốt ba tiếng đồng hồ nữa (niệm càng nhiều càng tốt). Sau đấy, mới lo liệu, sắp đặt mọi việc.

Trong lúc niệm Phật, chẳng để cho bè bạn đến trước bệnh nhân thăm hỏi, vô về. Đã có lòng đến thăm thì hãy cùng đại chúng niệm Phật mấy thời. Ấy mới là tấm tình yêu mến chơn thật, có ích cho bệnh nhân. Còn nếu cứ theo thói tục thường tình thì chính là đã xô người xuống biển. Tình ấy tuy đáng cảm, nhưng [để xảy ra] sự ấy mới thật là đau đớn. Toàn là cậy vào người chủ chốt hiểu rõ đạo lý, bảo trước với người đến thăm để khỏi tổn thương tình cảm, tránh làm hại bệnh nhân phân tâm.

c. Thứ ba là kiêng dè xáo động, khóc lóc để khỏi làm hỏng đại sự

Lúc người sắp chết chính là lúc phân biệt giữa thánh phàm, người, quỷ, [tình trạng khác nào] ngàn cân [treo] đầu sợi tóc; khẩn yếu cùng cực. Chỉ nên dùng Phật hiệu khai thị, dẫn dắt thần thức người ấy; trọn chẳng nên tắm rửa, thay áo, hoặc dời chỗ nằm. Người ấy nằm như thế nào, cứ để yên người đó nằm trong tư thế ấy, chẳng nên có chút dời động. Cũng chẳng nên đối với việc ấy mà sanh bi cảm hoặc đến nỗi khóc lóc.

Ấy là do khi đó [người chết] thân chẳng tự chủ được; mỗi lay động là toàn thân lẫn chân tay đều bị đau đớn như bị cắt chặt, giằng xé. Hễ đau đớn thì sanh tâm sân hận nên tâm niệm Phật bị ngưng dứt, phần nhiều bị đọa vào độc loại, đáng sợ hãi thay. Nếu [người chết] thấy [thân quyến] buồn đau, khóc lóc thì tâm mến luyện phát sanh nên tâm niệm Phật cũng bị ngừng nghỉ. Vì mang tâm ái luyện mà ra đi nên đến nỗi đời đời, kiếp kiếp chẳng được giải thoát.

Lúc ấy, điều có lợi nhất không chi bằng nhất tâm niệm Phật; điều tai hại nhất không chi bằng vọng động, khóc than đến nỗi [người chết] sanh lòng sân hận cùng mến luyện thì có muốn sanh Tây phương, cả vạn trường hợp cũng chẳng được một! Thêm nữa, người sắp chết hơi nóng rút dần từ dưới lên trên là tướng siêu sanh, còn hơi nóng từ trên rút xuống dưới là tướng đọa lạc. Vì vậy, có thuyết:

Đánh thánh, nhãn thiên sanh

Nhân tâm, ngọc quý phúc

Súc sanh tất cái ly,

Địa ngục cước phản xuất

Nhưng nếu cả nhà chí thành trợ niệm thì người chết ắt tự có thể sanh thẳng về Tây phương; chẳng nên rờ rẫm, thăm dò khiến cho khi thần thức người chết chưa rời khỏi xác, nhân đầy bị đau đớn, tâm sanh phiền đau đến nỗi chẳng được vắng sanh. Lỗi họa ấy thật là vô lượng vô biên. Nguyện ai nấy khẩn thiết niệm Phật, chẳng cần dò xem nóng lạnh ở chỗ nào. Làm con nên lưu tâm điều này mới là thật hiếu. Nếu cứ thuận theo các thói tục thế gian thì hóa ra là xô người thân xuống bể khổ, để mong một lũ vô tri vô thức xúm lại khen mình tận hiếu ư?

Nhận định:

Lâm Chung Tam Yếu đúng là pháp y cứ để thành tựu vãng sanh. Những câu như “Đánh thánh, nhãn thiên sanh...” là khi hơi thở đã đoạn, người sanh vào đường lành thì nhiệt khí từ dưới bốc lên trên. Kẻ sanh trong ác đạo, hơi nóng tỏa từ trên xuống dưới. Như toàn thân lạnh ngắt, chỉ mỗi đầu còn ấm là siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Nếu chỉ mỗi mắt còn ấm là sanh vào thiên đạo. Riêng chỗ tim còn ấm thì sanh vào loài người. Chỉ ở bụng còn ấm là đọa vào ngã quỷ đạo. Chỉ đầu gối còn ấm là đọa làm súc sanh. Riêng bàn chân còn ấm là sanh trong đường địa ngục. Đó là do người ta lúc sống đã tạo nghiệp thiện ác nên đến lúc đó cảm hiện như thế, không cách gì giả trá được. Nếu bệnh nhân có thể chí thành niệm Phật, lại thêm sức trợ niệm của quyến thuộc thì sẽ đối nghiệp vãng sanh, chẳng cần phải tìm tòi khám nghiệm đến nỗi làm lỡ chuyện quan trọng.

3.5 Trích lục bài Nhân Sanh Chi Tối Hậu của đại sư Hoằng Nhất

Bệnh chưa đến lúc trầm trọng thì có thể dùng thuốc, nhưng phải tinh tấn niệm Phật, đừng mơ tưởng uống thuốc sẽ lành bệnh. Đến lúc bệnh nặng, có thể chẳng uống thuốc nữa. Ngay khi đó, hết thấy việc nhà và tự thân đều buông bỏ hết, dốc lòng niệm Phật, nhất tâm cầu sanh Tây Phương. Nếu làm được như vậy thì nếu như thọ mạng đã hết sẽ quyết định vãng sanh; còn như thọ mạng chưa tận, bệnh sẽ đổi thành chóng lành vì tâm chuyên thành diệt trừ được ác nghiệp tức thế.

Nếu bị đau đớn quá đỗi chớ nên kinh hoàng vì sự bệnh khổ ấy chính là do nghiệp chướng tức thế hoặc là nỗi khổ tam đồ ác đạo trong mai sau sẽ chóng được trả hết vì nay ta đã chịu nỗi khổ nhẹ. Nếu thần thức vẫn còn tỉnh táo, hãy nên tỉnh thiện tri thức vì người đó thuyết pháp,

tận lực an ủi, nêu lên những điều lành người bệnh đã làm trong đời này, mỗi mỗi điều đều khen ngợi tường tận khiến kẻ ấy tâm sanh hoan hỷ, không còn lo ngại, tự biết mình sau khi mạng chung sẽ nương vào thiện nghiệp ấy quyết định sanh về Tây.

Lúc khỏe mạnh nên viết sẵn di chúc, giao cho người khác giữ kỹ. Lúc lâm chung chớ có vắn hỏi di chúc, cũng đừng nói chuyện lung tung, e tình cảm bị chao động, tham luyến thế gian, trở ngại việc vãng sanh! Dù nằm hay ngồi đều cứ tùy ý. Nếu biết người bệnh khí lực suy nhược cứ để nằm. Lẽ ra nên để nằm bên hông phải, mặt hướng về Tây, nhưng nếu người bệnh đau khổ quá, cứ để mặc họ tự nhiên, đừng có miễn cưỡng. Nếu người bệnh đòi tắm rửa, thay áo thì mới thuận theo ý nguyện mà thi hành; nếu không thì đừng cưỡng làm để người ấy khỏi bị đau đớn quá đỗi, phá hoại chánh niệm, chẳng thể vãng sanh. Lúc đại chúng trợ niệm nên thỉnh tượng “A Di Đà Phật tiếp dẫn” thờ trong phòng ngủ của bệnh nhân để người ấy nhìn ngắm.

Theo kinh nghiệm của tôi, người bệnh thần kinh suy nhược, lúc bệnh rất sợ nghe tiếng khánh và tiếng mõ nhỏ vì tiếng của chúng sắc nhọn gây căng thẳng thần kinh khiến tâm thần đăm ra chẳng ổn, chỉ có cách vận dụng âm thanh trợ niệm là ổn thỏa nhất. Hoặc là đổi sang dùng chuông khánh lớn, mõ lớn vì tiếng của chúng vang xa, trang nghiêm, dễ khởi lên ý niệm cung kính. Niệm sáu chữ hoặc bốn chữ, niệm gấp hoặc thông thả đều nên hỏi trước người bệnh, thuận theo người bệnh lúc thường quen tu và ưa thích như thế nào mà thử làm coi. Nếu chưa thích hợp sẽ tùy thời cải biến, muôn phần đừng cố chấp!

Trước và sau lúc lâm chung, người trong nhà vạn phần chẳng được khóc lóc, nên tận lực trợ niệm thì kẻ mất mới được ích lợi. Nếu muốn khóc thì nên chờ đến sau khi người chết đã mất tám tiếng rồi mới khóc. Mạng chung,

niệm Phật xong nên khóa cửa phòng lại để ngừa người khác không biết, cứ đưng chạm người chết. Sau tám tiếng đồng hồ mới nên tắm rửa, thay áo. Nếu khớp chân tay đã cứng chẳng thể chuyển động được thì nên dùng nước nóng thấm đắp, dùng vải nhúng nước nóng bao quanh khuỷu tay, khớp chân, chẳng lâu sau chúng sẽ hoạt động được như khi còn sống. Áo liệm nên dùng đồ cũ, áo mới đem thí cho người khác để người chết được phước. Chẳng nên dùng quan tài gỗ tốt, đắp mộ to, làm vậy bất lợi cho người chết.

Trong bốn mươi chín ngày thỉnh Tăng siêu tiến vong linh, lấy niệm Phật làm chính. Còn như các pháp sự như tụng kinh, bái sám, Diệm Khẩu, Thủy Lục v.v... tuy có công đức chẳng thể nghĩ bàn, nhưng hiện nay Tăng chúng mắt lướt nhìn kinh văn, tụng niệm hời hợt cho xong, hiếm khi có lợi ích thật sự. Trong bộ Văn Sao của Ấn Quang đại sư, ngài đã nhiều lượt răn cấm! Nếu chuyên niệm Phật thì ai cũng niệm được cả, rất là thiết thực, đạt được đại lợi. Gia tộc cũng nên niệm theo, nhưng đàn bà nên ở trong phòng mình hoặc ở khuất sau bức màn để khỏi bị đàm tiếu. Đãi cơm người đến viếng nên dùng đồ chay, vụn phân chẳng được dùng đồ mặn đến nỗi phải sát sanh hại mạng, bất lợi cho vong nhân. Lúc đưa đám chớ có phô trương khiến vong giả mất phước. Sau bốn mươi chín ngày cũng thường nên truy tiến³⁴ để tận dạ hiếu kính.

Lúc lâm chung là lúc tối hậu của đời người, nếu chưa sắp sẵn tư lương vãng sanh cho ổn thỏa ắt sẽ chân tay hoảng loạn, ác nghiệp nhiều đời cùng lúc hiện tiền, giải thoát sao được? Tuy cậy vào người khác trợ niệm, các việc đúng như pháp, cũng cần phải tự mình thường ngày tu trì thì lúc lâm chung mới được tự tại. Hãy sớm tu trì sẵn mới tốt!

³⁴ Truy tiến: Làm những việc công đức để hồi hướng cho người đã khuất được vãng sanh.

Nhận định:

Tu trì tuy tại lúc bình thời, nhưng quan yếu là lúc tối hậu; ở đây, Đại Sư trích lục lời hay cổ kim và kinh nghiệm mà bàn, hãy nên dẫn dò người nhà thiết thực tuân hành và xin hãy chuẩn bị sẵn tư lương!

3.6 Trích lục nghi tiết dành cho việc Trợ Niệm Lúc Lâm Chung

Tượng Phật tiếp dẫn hướng mặt về phía Đông, toàn thể đại chúng ngồi hai bên bàn Phật, một người trong gia thuộc thay mặt hành nhân thắp hương lễ bái. Hành nhân mặt hướng về Tây, nằm hay ngồi đều được, chấp tay nghe niệm theo, niệm ra tiếng hay niệm thầm đều được.

Thứ nhất là tổng niệm: chiếu theo những chương trước bàn về nghi thức công khóa sớm tối để niệm tụng đôi ba lượt.

Hai là phân ban niệm: Ban đầu tiên niệm từ kệ tán Phật, nhưng sau khi đổi ban, chỉ niệm một câu Phật hiệu.

Ba là lúc ngưng niệm cuối cùng, tức là lúc hành nhân đã không còn hơi nóng, toàn thể đại chúng cùng niệm Phật hiệu, ba danh hiệu Bồ Tát và Kệ Hồi Hướng xong, niệm thêm:

*Công đức trợ niệm hạnh thù thắng
Vô biên phước quý đều hồi hướng
Nguyện khắp chúng sanh đang chìm đắm
Mau sanh cõi Phật Vô Lượng Quang.*

*Thập phương tam thế hết thầy Phật, hết thầy Bồ Tát
Ma Ha Tát, Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật.*

Nhận định:

Ấn Quang đại sư nói: “*Đây là nghi thức dành cho lúc chưa lâm chung, nếu là lúc lâm chung thì chỉ khởi kệ tán Phật, rồi niệm tiếp Phật hiệu*”. Nhưng hành nhân niệm Phật công phu sâu cạn chẳng đồng, khó lòng biết trước lúc nào sẽ đi. Nếu bị bệnh nặng trong một thời gian dài, thỉnh người trợ niệm thì khó lòng duy trì được lâu. Còn đợi lúc lâm chung mới thỉnh người trợ niệm thì sợ đã mê man. Và lại nhà nhỏ hoặc nằm trong bệnh viện chẳng tiện trợ niệm, hoặc sống ở làng quê, ít người niệm Phật, gia thuộc trợ niệm hoặc ít có hoặc chẳng có ai, nhân duyên trợ niệm khó bề gặp gỡ. Nếu dùng máy niệm Phật hoặc băng niệm Phật xem ra tiện hơn, vì có thể niệm suốt ngày đêm, chẳng lo bị gián đoạn, đã giữ được lâu, lại ít tốn sức. Nếu lúc chẳng có bạn lành trợ niệm thì băng niệm Phật chính là bạn lành trợ niệm chẳng khác gì tăng, tục trợ niệm vậy.

Nếu gặp khi bệnh nặng thì nên thường diễn tập cách trợ niệm vãng sanh trước giường để khi lâm chung khỏi bị hoảng loạn. Xin hãy đề xướng rộng rãi, thực hành phổ biến thì thật là phương tiện tối thắng trong các phương tiện thành tựu sự vãng sanh cho hành nhân. Như lần lượt đề xướng, dạy bảo lẫn nhau khiến khắp thiên hạ đều biết được lợi ích này, ai nấy làm theo thì tất cả hành nhân đều được thần siêu cõi Tịnh, vĩnh viễn thoát khỏi biển khổ. Ấy là công đức chí Phật biết nổi!

Niệm Phật Pháp Yếu

Quyển thứ tư hết

Trọn Bộ

(Phật Lịch 2547, Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa kính dịch
xong ngày 05 tháng Ba năm 2003)

